BỘ 2 • SỐ 10 • THÁNG 2, 1990

THẾ KỶ 21

CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Sức mạnh của ngôn ngữ
Vaclav Havel

Thơ và văn
Nguyễn Hưng Quốc

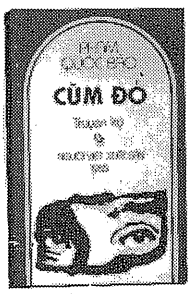

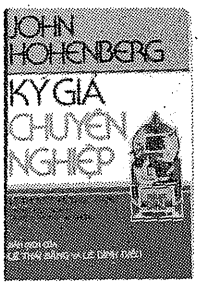

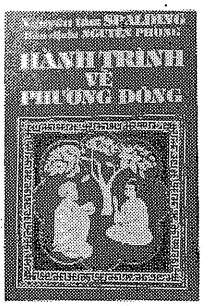

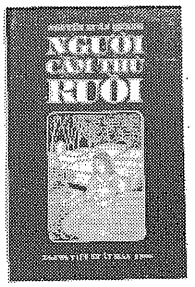

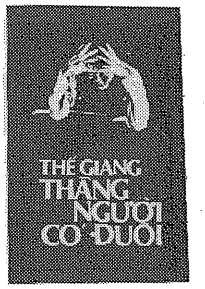

Nhà Xuất Bản
NGƯỜI VIỆT

14841 Moran Street,
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 892-9414 & 892-9316
Fax: (714) 894-1381

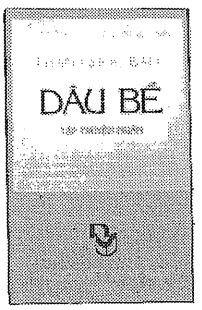

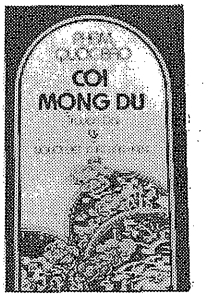

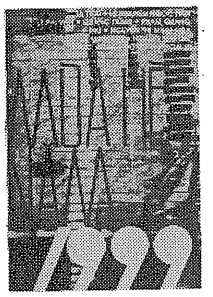

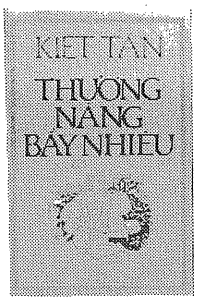

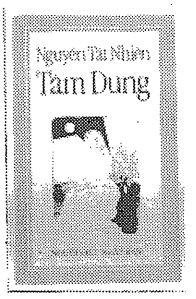

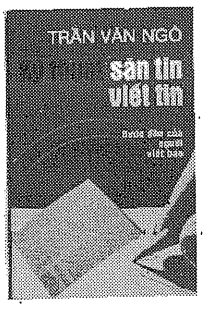

QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ KHẮP THẾ GIỚI CÓ THỂ MUA TẠP CHÍ THẾ KỶ 21 TẠI CÁC TIỆM SÁCH DƯỚI ĐÂY:

Tại PHÁP:
* Le Tai Dien
21 Jean Racine
95400 Villiers-Le-Bel
Paris-France

* Nam Á
44, Ave. D'Ivry
Paris
75013 France

Tại TÂY ĐỨC:
* Lê Vũ
Flattichstr. 55
7140 Ludwigsburg
Hoheneck W. Germany

Tại CANADA:
* Nhà sách Trung Việt
6520 Darlington - Montreal
Qué H3S2J3
Canada
Tel. (514) 341-1740

* Vietnam Bookstore
415 Spadina Ave.
Toronto - Ont - M5T2G6
Canada
Tel. (416) 595-5199

* Kim Sơn
265 E. Hasting
Vancouver B.C.
V6R1P2 Canada
(604) 689-5188

* Quê Hương Publishing
15 Rochdale Ave.
Toronto
M6E1W9 Canada

Tại Úc:
* Tòa soạn báo Việt Luận
PO Box 592
Bankstown, NSW 2200
Australia

* Văn Lang Publishing
1st Floor. 34 Old Town
Plaza Bankstown
NSW 2200 Australia

* Vietnamese Lang & Cult. Pub.
PO Box. 133
Pascoe Vale South
Vic. 3044 - Australia

Tại NHẬT BẢN
* Mekong Center
F140 Tokyo - To, Shinagawaku
Yashio, 5-12-69-115
Japan

* Thằng Bờm
1 Shinowada 262 Ichodanchi
72-918
Yamatoshi Kanagawaken
Japan

Tại HOA KỲ:

Minnesota:
* Saigon Bookstore
1721 E. Lake St.
Minneapolis, MN 55407
Tel. (612) 722-4360

Washington State:
* Tòa soạn tuần báo
Người Việt Tây Bắc
3111 M.L King Jr. Way
Seatle, WA 98144
Tel. (206) 722-6984

Virginia:
* Nhà sách Alpha
6771 Wilson Blvd.,
Falls Church, VA 92201
Tel. (703) 524-2011

* Nhà sách Thế Hệ
6763 Wilson Blvd. #9
Falls Church, VA 22044
Tel. (703) 532-7890

Florida:
* Tiến Hưng
1108-1112 E Colonial Dr.
Orlando. FL. 32803
(305) 841-5677

* Đông Phương
3638 Hendenson Blvd.
Tampa. FL 33609
(813) 874-0526

New York
* Tú Quỳnh
85 Boweris St. #8B
New York, NY-10002
(212) 925-1513

Massachusetts
* Thăng Long
201 Adams St.
Dorchester, MA. 02122

Colorado
* Đức Hòa
333 S. Federal Blvd. #128
Denver, CO. 80219

Louisiana
* Về Nguồn
1717 Caal St. Suite 12
New Orleans, LA 70112

* Tiền Nha Trang
3709 G. West Bank
Expressharvey
LA 70058
(504) 340-4626

Missouri
* Saigon Center
424 Locus
Kansas, MO. 64106
(816) 421-6838

New Mexico
* Kim's Cafe
1800 Central Ave.
Albuquerque, NM. 87106

Texas
* Tinh Hoa Bookstore
2800 Travis #5
Houston, TX 77006

* Duyên Hải
2200 Jefferson St. #5
Houston, TX 77003

* Văn Hóa Publishing
2606 Main St. #114
Houston, TX 77002

* Văn Hóa
2117 K Chenevert
Houston, TX 77003
(713) 650-1770

* Liên Hương
8610 Lamar Blvd.
Austin, TX 78753

* Pacific Oriental Market
6617 Airport Blvd.
Austin, TX 78753

California:
* Toà soạn nhật báo
Người Việt Bắc Cali
71 E. William St.
San Jose, CA 95112
Tel. (408) 297-3988

* Mây Hồng
115 N. Fourth St. #105
San Jose, CA 95112
Te. (408) 971-9808

* Tây Đô
2855 F Senter Rd.
San Jose, CA 95111
Te. (408) 224-4130

* Nhà sách Toàn Thư
79 S. 3rd #12
San Jose, CA 95133

* Thanh Thúy Bookstore
535 Eddy St.
San Francisco, CA 94109
Tel. (415) 775-6568

* Cửu Long
528 W. Alpine
Los Angeles, CA 90012
Tel. (213) 620-9650

* Tự Do
818 Tully Rd. #158 A
San José, CA 95100

* Tự Lực
14138 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel. (714) 531-5290

* Tú Quỳnh
9581 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
Tel. (714 531-4284

* Quê Mẹ
2339 W. First St.
Santa Ana, CA 92703
Tel. (714) 543-3069

* Văn Khoa
9200 Bolsa Ave., Ste 123
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 892-0801

Các nhà sách muốn nhận bán Tạp chí Thế Kỷ 21 xin vui lòng liên lạc với chúng tôi. Hoa hồng cao.

Nhà xuất bản NGƯỜI VIỆT
14841 Moran St.,
Westminster, CA 92683
USA

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

14841 Moran St.
Westminster, CA 92683
USA
ĐT: (714) 892-9414
Fax: (714) 894-1381

Chủ nhiệm:
ĐỖ NGỌC YẾN

Chủ bút:
VƯƠNG HỮU BỘT

Chủ biên văn học:
NGUYỄN XUÂN HOÀNG

Chủ biên biên khảo:
LÊ ĐÌNH ĐIỂU

Giám đốc mỹ thuật:
NGUYỄN ĐỒNG

Giám đốc trị sự:
TÂM QUYÊN

Trong số này

THẾ KỶ 21
Dân tộc và tôn giáo/2
LÊ THỤY
Thời sự tháng qua/ 6
VƯƠNG HỮU BỘT
Mùa Xuân Chính Trị qua, mùa Xuân Kinh Tế bắt đầu/ 8
NGUYỄN HỮU CHUNG
Ăn khoai/ 10
GÚC
Hí họa/ 12
TIMOTHY GARTON ASH
TRỊNH Y THƯ lược dịch
Cuộc cách mạng cây đèn thần/ 13
VACLAV HAEL
VANN PHAN dịch
Sức mạnh của ngôn ngữ/ 20
NGUYỄN HƯNG QUỐC
Thơ và Văn/ 27
NGUYỄN THỊ THANH BÌNH
Âm thanh/ 31
ĐỖ QUÝ TOÀN
Chân Phương
Thơ đen trong cùm đỏ/ 32
VŨ HUY QUANG
Trước khi bắt được Noriega/ 34
TRẦN THỊ KIM LAN
Nụ cười nghiêng/ 36
ĐỖ KH.
Cô gái sơn cước/ 45
NGUYỄN BÁ TRẠC
Giò hoa lan tím/ 48
NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG
Tô phở/ 52
HỒ TRƯỜNG AN
Tình yêu Yvon/ 67
HUỲNH LIÊU NGẠN
Huế trong trí tưởng của một người ra đi/ 68
TRỊNH Y THƯ
Hi vọng xanh/ 69
NGUYÊN VIỆT
Trở về/ 70
THẾ KỶ 21
Vụ đạo văn lớn nhất của thập niên 80 đã kết thúc
Một lá thư cho thế kỷ 21/ 73
VƯƠNG TIỂU MUỘI
Một giờ với Mai Thảo/ 74
ĐÀO TRUNG ĐẠO
Những ghi chú rời về Samuel Beckett/ 76
VÕ PHIẾN
Giới thiệu Gió Đêm của Trần thị Kim Lan/ 81
LÊ TAM CA
Đi xem triển lãm tranh của năm người họ Nguyễn/ 84
NGUYỄN NAM ANH
Sách báo trong tháng/ 86
TÒA SOẠN
Thư qua tin lại/ 88
THẾ KỶ 21
Mục lục chỉ dẫn
Từ số 7 đến số 9/90

Đọc, viết và góp ý!
Mua báo và
giới thiệu với thân hữu!
Để Thế Kỷ 21
trở thành
tờ báo của chúng ta

• *Giá báo dài hạn:* Bulk Rate trong nước Mỹ: 6 số US$12; 12 số US$24; 24 số US$48; 36 số US$72 . First class trong nước Mỹ: 6 số US$18; 12 số US$36; 24 số US$72; 36 số US$108. Canada: 6 số US$20; 12 số US$40; 24 số US$80; 36 số US$120. Các nơi khác: 6 số US$21; 12 số US$42; 24 số US$84; 36 số US$126. Gửi phiếu hoặc thư đặt mua báo về 14841 Moran St., Westminster, CA 92683. ĐT: (714) 892-9414 FAX (714) 894-1381.
• *Quảng cáo:* Liên lạc địa chỉ nêu trên. THẾ KỶ 21: Xuất bản và phát hành bởi Công ty Người Việt (Nguoi Viet, Inc.) 14841 Moran St., Westminster CA 92683. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng, Los Angeles, California. Bài gửi cho THẾ KỶ 21 xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh / địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tiền nhuận bút tùy theo thỏa thuận giữa tòa báo và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên THẾ KỶ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của người xuất bản. Trích đăng bài của THẾ KỶ 21 phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

VACLAV HAVEL/13-26.

Một trong những khuôn mặt chính trị nổi bật ở Đông Âu trong những ngày cuối thập niên 80 là kịch tác gia Tiệp Khắc Vaclav Havel. Thế Kỷ 21 kỳ này dành một số trang đáng kể cho nhà văn-học-làm-chánh-trị này. Một bài diễn văn của Vaclav Havel đọc trong dịp nhận giải Hòa Bình Của Hiệp Hội Phát Hành Sách Đức Quốc hôm 15 tháng Mười, 1989. Bài do Vann Phan dịch. Đây là một bài diễn văn đầy tính chất Triết học. Sức mạnh của ngôn từ theo Havel "không phải mơ hồ mà cũng không phải rõ rệt. Nó không chỉ là cái lực giải phóng trong ngôn từ của Sakharov. Nó cũng không đơn giản là cái lực trong quyển sách của Rushdie -- mà đã rõ ràng bị người ta giải thích sai lạc..." Sức mạnh của ngôn từ đó là nội dung của bài diễn văn của Vaclav Havel.

Cũng vẫn là Havel, mời bạn đọc Thế Kỷ 21 theo dõi bài của Timothy Garton Ash (qua bản lược dịch của nhà thơ Trịnh Y Thư) viết về linh hồn của cuộc cách mạng không đổ máu tại Tiệp Khắc. Cuộc cách mạng Tiệp Khắc là cuộc cách mạng của trí thức và văn nghệ sĩ. Giới làm văn học nghệ thuật đang ngóng nhìn thành quả của Vaclav Havel với một niềm hãnh diện. Người ta đang chờ đợi những ngày sắp tới của Tiệp Khắc.

TRẦN THỊ KIM LAN, Nụ cười nghiêng/36

Một trong những nhà văn nổi bật trong năm 1989 là nhà văn nữ Trần Thị Kim Lan. Tập truyện Gió Đêm của cô do nhà xuất bản Văn Nghệ ấn hành với lời đề tựa của nhà văn Võ Phiến khiến người đọc hải ngoại có thể tin tưởng vào tiềm năng của giới cầm bút lưu vong ngày càng phong phú. Võ Phiến viết: Bây giờ giả sử có ai soạn Những Truyện Ngắn Hay Nhất Ngoài Quê Hương Chúng Ta thì khi duyệt qua thành tích sáng tác mười lăm năm của văn học hải ngoại liệu ban tuyển trạch có cầm lòng được trước sức cám dỗ của một thiên truyện ngắn như Hành Trình Vào Đời chăng? Hành Trình Vào Đời là một sáng tác của Trần Thị Kim Lan in trong tập Gió Đêm. Truyện Nụ Cười Nghiêng trong số báo này là sáng tác mới nhất của chị.

NGUYỄN BÁ TRẠC/48

Một bài thơ dài do một ngòi bút phiêu lưu giang hồ nhất trong giới văn chương chữ nghĩa hải ngoại sáng tác. Nguyễn Bá Trạc luôn luôn mới mẻ và sống động.

ĐỖ KH. VŨ HUY QUANG. NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG. HỒ TRƯỜNG AN. TRẦN MỘNG TÚ. HUỲNH LIỄU NGẠN. TRỊNH Y THƯ. VƯƠNG TIỂU MUỘI. LÊ TAM CA. NGUYỄN NAM ANH. NGUYỄN VIỆT. NGỌC DŨNG. NGUYỄN THỊ HỢP. RUTH TALOVICH. KHÁNH TRƯỜNG đóng góp phần văn học nghệ thuật của số báo này.

Tranh bìa
Ngọc Dũng
Trình bày bìa
Nguyễn Thị Hợp,
Minh họa
Nguyễn Thị Hợp
Ruth Talovich
Khánh Trường

DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Biến cố quan trọng nhất của thập niên 1980-1989 là chuyện gì?

Có nhà bình luận cho rằng biến cố quan trọng nhất thực sự xảy ra, vào tháng Sáu năm 1979. Đó là chuyến viếng thăm của Đức Giáo Hoàng John Paul II, khi ngài trở về quê hương Ba Lan của mình. Vị tu sĩ giản dị và khiêm cung, con người gốc công nhân, nhà thơ, nhà soạn kịch đó, đã trở về giữa lòng dân tộc mình. Sự có mặt của Ngài đã đánh thức dậy hai thứ tình tự, biến thành hai sức mạnh vô địch: tình tự dân tộc và tín ngưỡng tâm linh.

Sau đó mới có phong trào Công đoàn Đoàn Kết, với sự hợp tác của các nhà trí thức và linh mục Công giáo, với sự yểm trợ thầm lặng của giáo hội Công giáo Ba Lan. Cuộc nổi dậy ở Đông Đức cũng bắt đầu với các cuộc hội họp dưới mái nhà thờ Tin lành ở Leipzig. Cuộc nổi dậy ở Rumani bắt đầu khi các tín hữu của một vị mục sư kéo đến vây quanh ngôi nhà ông ở, bảo vệ cho ông khỏi bị chánh quyền Cộng Sản trục xuất.

Không ai có thể phủ nhận được vai trò của tôn giáo trong các cuộc vận động lịch sử ở Đông Âu trong mấy tháng cuối cùng của năm 1989.

Yếu tố lớn thứ hai là tình tự dân tộc. Tại các nước Đông Âu, chủ nghĩa Cộng Sản được thiết lập cùng lúc với cuộc chiếm đóng của hồng quân Nga, sau đại chiến thứ hai. Ở đó các dân tộc cũng có một truyền thống thù nghịch đối với người Nga từ nhiều thế kỷ. Chế độ Cộng Sản trở thành bọn lính đánh thuê, làm tay sai cho đế quốc Xô Viết. Các cuộc nổi dậy bùng lên mau lẹ lan tràn như nước lũ, vì tình tự dân tộc thúc đẩy. Các yếu tố kinh tế, chánh trị tất nhiên không thiếu. Người dân Ba Lan, Rumani đói, rét đã nhiều năm và không thấy hy vọng ở tương lai. Người dân Đông Đức, Tiệp Khắc đòi được nói tự do, hội họp tự do, du lịch tự do. Nhưng chính nhờ các yếu tố tôn giáo, dân tộc mà các cuộc nổi dậy được châm ngòi, bùng lan nhanh chóng.

Ở Việt Nam hiện nay các yếu tố kinh tế, chánh trị đã hội đủ, và tích lũy càng ngày càng mạnh. Hai yếu tố khác là tình tự, dân tộc và tín ngưỡng tâm linh cũng đang kết tụ để thành các động lực cụ thể.

Trong tinh thần yêu nước của người Việt Nam có lòng tự hào về dân tộc mình, tự hào là con rồng Cháu Tiên, tự cho là mình thông minh, dũng cảm, với một nền văn hiến đạo lý từ lâu đời. Đảng Cộng Sản Việt Nam suốt nửa thế kỷ

vừa qua đã lợi dụng lòng tự ái dân tộc để huy động dân vào các cuộc chiến tranh, tự đeo cho họ cái nhãn hiệu cứu nước! Cái mặt nạ đó bây giờ đã rớt xuống. Hiện nguyên hình là một chế độ bất lực, thối nát, ngu dốt và cố chấp, họ đưa dân tộc đến cảnh suy đồi, thua kém, lạc hậu nhất thế giới.

Tình tự dân tộc đang nổi lên vì người dân không thể nào chấp nhận nước Việt Nam đứng hàng sau chót trên bảng xếp hạng các nước. Nước Việt Nam thua Đại Hàn, thua Thái Lan, thua Mã Lai. Nước Việt Nam thua cả Côte d'Ivoire, thua cả Cameroun, thua về tất cả các lãnh vực từ kinh tế đến giáo dục. Liệu dân Việt nam chịu được nỗi nhục đó chăng? Trong phim "*Chuyện Tử Tế*," nhà bình luận nói: "Cái nhục của sự nghèo đói còn lớn hơn cái nhục mất nước!" Đó là người dân đã lên tiếng ngay trong nước!

Tình tự dân tộc còn nổi dậy vì trông thấy cả một nền văn hiến bị suy đồi. Truyền thống đạo đức không còn, kỷ cương trong gia đình ngoài xã hội đổ vỡ hết. Nói dối, gian trá trở thành quy luật sống. Lớn nói dối lớn, nhỏ gian trá kiểu nhỏ. Con khinh cha mẹ, chồng vợ khinh nhau. Liệu lương tâm dân tộc ta có thể chấp nhận cảnh đó mãi không? Trước kia họ còn có thể đổ tại chiến tranh làm băng hoại xã hội. Năm 1975 người miền Bắc vào Nam đã thấy không phải vậy. So sánh miền Nam, họ đã ý thức được ở cả miền Bắc đạo lý suy sụp vì một chính thể dựa trên gian trá và áp bức tạo ra. Mười lăm năm sau chiến tranh họ càng thấy rõ hễ chế độ Cộng Sản đặt ách đô hộ lên nơi nào thì đạo lý, văn hiến, kỷ cương ở đó bị suy sụp. Lật đổ chế độ đó mới có thể cứu dân tộc ra khỏi cảnh đồi trụy về văn hóa, đạo lý.

Nhưng khi muốn xây dựng lại nền văn hiến, đạo đức của dân tộc thì chúng ta sẽ phải dựa vào đâu? Liệu một chánh phủ mới có thể dùng những đạo luật, các chương trình giáo dục mới để xây dựng lại thể thống đạo lý cho toàn dân chăng? Theo chúng tôi thiết tưởng, chỉ có cái gia đình, với đời sống tôn giáo sâu xa mới có thể cứu vãn truyền thống đạo lý của dân ta. Chúng ta cần phải hỗ trợ cho các tôn giáo ở Việt Nam ngay bây giờ.

Việc đầu tiên là các tín hữu Thiên chúa giáo, Cao đài giáo, cũng như đồng bào Phật tử, Hoà Hảo phải củng cố đời sống tâm linh vào chiều sâu, chú trọng đến sự tu học tinh tấn của mỗi người, mỗi gia đình. Các hoạt động nổi và lớn rộng cần nhắm hỗ trợ cho sự tu tập, thực hiện đạo lý, sống đạo bằng bản thân mỗi người. Kinh sách, báo chí, sáng tác văn học của các tập thể tôn giáo phải nhắm vào việc phục hưng truyền thống của mỗi tôn giáo ở trong nước, để khi cần có thể gởi ngay cả trăm ngàn sách báo về nước. Các cuộc tranh cãi nội bộ của mỗi tôn giáo, nếu có hoặc giữa các nhóm tôn giáo khác nhau nên chấm dứt, vì không ích lợi gì cho việc phục hưng đất nước. Trong việc dựng lại đất nước các tôn giáo phải nêu gương sáng về đạo lý, về tinh thần bao dung, làm keo sơn nối kết dân tộc thay vì chia dân tộc ra làm nhiều khối độc lập. Các tín hữu của các tôn giáo ở hải ngoại chính là rường cột cho việc phục hưng đạo lý và văn hóa dân tộc khi chúng ta trở về.

Trong các cuộc vận động cách mạng ở Đông Âu giới trẻ là lực lượng tiền phong. Ở Tiệp Khắc, ở Đông Đức, Rumani, thanh niên phất cờ khởi nghĩa. Đòi tự do, đòi cải thiện đời sống vật chất, đòi quyền được tự hào làm người dân Việt, đòi xây dựng lại nền văn hiến, đạo lý của dân tộc, đó là những tiếng kèn thúc quân của cuộc cách mạng sắp tới ở Việt Nam. Thanh niên Việt Nam đang lên đường.

THẾ KỶ 21

Thời sự tháng qua

LÊ THỤY

Những đợt cựu tù chính trị đầu tiên đã đến Hoa Kỳ trong tuần lễ thứ nhì của tháng Giêng vừa qua, theo đúng tinh thần bản thỏa hiệp về vấn đề cựu tù chính trị được sang định cư tại Hoa Kỳ, đã được thứ trưởng ngoại giao Hoa Kỳ R. Funseth ký kết với nhà cầm quyền Cộng sản Việt Nam từ hồi cuối tháng Bẩy năm ngoái (1989), tại Hà Nội.

Theo bản thỏa hiệp, các cựu tù chính trị và gia đình đáng lẽ phải được lên đường từ hồi tháng Mười 1989, tuy nhiên vì sự "trắc trở" từ cả hai phía, nên phải ba tháng sau những người này mới được lên đường.

Những người đầu tiên đặt chân lên đất Hoa Kỳ, là hai cựu tù chính trị đang là Mục sư Tin Lành Nguyễn Hữu Cương và Hồ Hiếu Hạ, đã đến phi trường Quốc tế Los Angeles vào ngày 12 tháng Giêng 1990, và được đón tiếp nồng nhiệt. Trong những ngày kế tiếp, đã có thêm nhiều cựu tù chính trị và gia đình lần lượt đến Hoa Kỳ để đoàn tụ với các thân nhân, gia đình đã sinh sống trước đây, tại các tiểu bang khác nhau nhưng phần lớn ở California.

Trong số các cựu tù chính trị này, người mang cấp bậc cao nhất là cựu Trung tá Lê Phúc Hy, Phòng Hành Chánh Quản Trị, Bộ Quốc Phòng, và thấp nhất là (cựu) thượng sĩ Lê Sơn của Tổng Y Viện Cộng Hòa.

Trong số này cũng có ông Lê Tích Thơ, (cựu) công chức Tòa án tỉnh Bình Long, (cựu) nữ Thiếu tá Cảnh sát Nguyễn Thị Mây, (cựu) đại úy Cảnh sát Lê Thanh Thảo...

Những cựu tù chính trị nổi tiếng như nhà văn Đại úy Phan Nhật Nam tướng Huỳnh Văn Cao, Tướng Lý Tòng Bá... mặc dù được đón chờ từ lâu, nhưng chưa thấy sang.

Theo dự trù, trung bình Hoa Kỳ sẽ nhận 700 cựu tù chính trị (kể cả chính trị lẫn quân sự và gia đình) trong một tháng.

Dân biểu Dornan cho biết có ít nhất 7,000 cựu tù chính trị và gia đình của họ, sẽ được sang Hoa Kỳ định cư từ nay cho đến ngày 30 tháng Chín 1990.

Hong Kong: Tạm ngưng cưỡng bách hồi hương

Các tin tức hôm 15 tháng Giêng cho biết Anh Quốc và Hong Kong đã kín đáo tạm ngưng chương trình cưỡng bách hồi hương các thuyền nhân Việt Nam, sau khi bị dư luận quốc tế lên án dữ dội đợt cưỡng bách hồi hương đầu tiên hôm 12 tháng Chạp, gồm 51 thuyền nhân trong đó có 8 đàn ông, 17 phụ nữ và 26 trẻ em, về Việt Nam.

Thay vì áp dụng chính sách trên, giờ đây Anh Quốc đã chấp nhận để Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc (UNHCR) xúc tiến chính sách "tự nguyện hồi hương" và hôm 16-1, có 120 người, vì không hy vọng được đi tái định cư ở bất cứ nước nào khác, đã chấp nhận lên đường về nước.

Một viên chức UNHCR cho biết rằng hiện nay có vào khoảng 1,300 thuyền nhân Việt Nam -- đều gốc ở miền Bắc Việt Nam -- sau nhiều năm sống trong các trại tị nạn ở Hong Kong, và không được nước nào chấp nhận cho đi định cư, đã nộp đơn xin hồi hương.

Cựu Trung úy Chu Tất Tiến, 45 tuổi, được mẹ, Cụ Nguyễn Thị Biên, đón tại phi trường Orange County

Trong các trại tị nạn và trại giam ở Hong Kong, đang có đến 56,000 thuyền nhân Việt Nam sống một cách chật chội và thiếu mọi điều kiện vệ sinh.

Hội Phụ nữ Quốc tế trong đó có bà Pateiga Derian, cựu thứ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ mới đến thăm một trong các trại tị nạn tại Hong Kong, đã phải báo động với thế giới rằng "các trại tị nạn này không khác nào là các trại tập trung, mà các thuyền nhân -- gồm đa số là phụ nữ và trẻ em -- đã bị nhà cầm quyền Hong Kong đối xử một cách vô nhân đạo, không khác gì súc vật."

Để giải quyết một cách tốt đẹp hơn vấn đề này -- mà cộng chung lại cũng lên đến hơn 100,000 người -- ở khắp các trại tị nạn trong vùng Đông Nam Á

Châu, từ Thái Lan sang đến Phi Luật Tân, Nam Dương, Tân Gia Ba, Mã Lai Á... Văn phòng UNHCR cho biết một Hội nghị quốc tế mới về tị nạn Việt Nam được tổ chức tại Geneva, Thụy Sĩ, vào ngày 23 tháng Giêng 1990.

Trong khi đó, tin từ Thái Lan cho biết, số thuyền nhân Việt Nam đến Thái Lan tiếp tục gia tăng, sau khi mùa bão đã dứt, và Mã Lai Á có chính sách đẩy các thuyền nhân Việt Nam ra khơi trở lại, chứ không còn cho lên bờ tị nạn như trước đây.

Ông Sawasdi Daranon, giám đốc đặc trách các vấn đề đặc biệt của Hội Đồng An Ninh Quốc gia Thái Lan, hôm 17 tháng Giêng 1990 cho biết trong tháng Mười 1989 mới chỉ có 170 thuyền nhân Việt Nam dặt chân lên đất Thái, nhưng sang tháng Mười Một, con số này đã tăng lên đến 695 người, và tháng Chạp, Thái Lan đã phải đón nhận đến 1,110 thuyền nhân Việt Nam tất cả.

Cũng trong những ngày này, người ta đã tìm được 14 xác lõa lồ của thiếu nữ Việt Nam tấp vào bờ biển miền Nam Thái Lan trong các ngày 14, 15 và 16 tháng Giêng, 1990, sau khi bị bọn hải tặc hãm hiếp, buộc giây ni lông vào cổ và bị kéo đằng sau đuôi tàu cho đến chết, trước khi bọn chúng cắt giây cho từng xác trôi dạt trên biển cả!

Trước đó, cũng đã có 23 xác thuyền nhân Việt Nam, tấp vào bờ biển Mã Lai Á.

Kháng chiến V Nam bị nạn tại Lào

Toà án tối cao Cộng Sản Lào, họp hôm 11 tháng Giêng đã kết án tù 38 kháng chiến quân Việt Nam, vì đã "xâm nhập biên giới" -- thuộc vùng Saravane, ở Nam Lào -- trên đường trở lại Việt Nam, để giải phóng quê hương.

Các toán kháng chiến quân Việt Nam này đông vào khoảng 68 người -- đã di qua Lào hồi tháng Tám 1989, trên đường từ tỉnh biên giới Thái Lan Patechathani, vừa vượt qua sông Cửu Long vào đất Lào, thì bị chặn đánha.

Hãng thông tấn Cộng Sản Lào KPL cho biết các kháng chiến quân này, đều từ tuổi 25 đến 40, đặt dưới sự chỉ huy của Đại Úy quân lực VNCH Trần Quang Độ, 39 tuổi, và phó trưởng toán Lê Văn Tiên.

Cả hai vị chỉ huy này, đều đã bị tuyên án nặng nhất, là 15 năm tù ở.

Số còn lại, bị tuyên án tù từ 6 cho đến 12 năm.

Theo KPL thì "38 người này đã đầu hàng (?) quân dân Lào, trong khi số còn lại đương đầu lại, nên đều đã thiệt mạng trong các cuộc giao tranh."

Trước đây cũng đã có nhiều nhóm kháng chiến quân Việt Nam trở lại quê hương chiến đấu, như các nhóm của ông Võ Đại Tôn, Đề đốc Hoàng Cơ Minh... và cũng đã bị các toán quân Lào Cộng và Việt Cộng chặn đánh và bị bắt đưa ra toà xét xử. (LT)

Nga rút khỏi Á châu

Nga Sô kín đáo xúc tiến các kế hoạch rút quân ra khỏi căn cứ quân sự Cam Ranh, miền Trung Việt Nam, hồi giữa tháng Giêng 1990, trong chương trình rút quân toàn diện của họ ra khỏi vùng Á Châu, không thuộc phần đất Nga Sô.

Từ những năm cuối thập niên 1970, Nga Sô đã đưa những đơn vị không-hải quân của họ đến đồn trú tại Cam Ranh, nguyên là một căn cứ quân sự được Hoa Kỳ xây dựng trong cuộc chiến tranh Việt Nam trước đây.

Kể từ lúc đó, Nga Sô luôn duy trì khoảng 2,500 quân thuộc các đơn vị không quân và hải quân tại Cam Ranh, bao gồm các phản lực chiến đấu cơ, tiềm thủy dỉnh tấn công... được coi là căn cứ quân sự quan trọng nhất của Nga Sô trong vùng Đông Nam Á.

Trước tình hình biến chuyển theo hướng cởi mở của thế giới trong vài năm gần đây, Nga Sô cũng vẫn không chịu rút khỏi căn cứ này, "nếu Hoa Kỳ không chịu từ bỏ các căn cứ của mình trong vùng Á Châu."

Chính Chủ tịch Nga Sô Mikhail Gorbachev đưa ra đề nghị hồi năm 1988 là Nga Sô sẽ chỉ sẵn sàng rút ra khỏi Cam Ranh, nếu Hoa Kỳ cũng đồng ý rút khỏi hai căn cứ quan trọng của họ tại Phi Luật Tân, là căn cứ Không quân Clark và căn cứ hải quân Subic.

Các viên chức Hoa Kỳ đã bác bỏ đề nghị này, cho rằng các căn cứ Hoa Kỳ có tầm quan trọng hơn căn cứ Cam Ranh nhiều, và sự hiện diện của Hoa Kỳ được coi là cần thiết để bảo đảm sự ổn định trong vùng này.

Hôm 17 tháng Giêng, các tin tức tình báo cho biết rằng Nga Sô đã rút 14 phản lực chiến đấu cơ Mig ra khỏi Cam Ranh, cùng lúc với một số oanh tạc cơ "TU-16."

Sau đó lại có tin là một số chiến hạm lớn cũng lần lượt rút khỏi Cam Ranh và chỉ còn lại một số phi cơ quan sát có tầm hoạt động xa "TU-95" mà thôi...

Hôm 18 tháng Giêng chính ngoại trưởng Nga Sô Eduard Shevardnadze đã xác nhận với một phái đoàn nghị sĩ Hoa Kỳ (gồm có các nghị sĩ Timothy E. Wirth, ALbert Gore, Clairborne Pell, Lloyd Bentsen) sang thăm Moscow, là Nga Sô quyết định "rút hết quân không những khỏi Việt Nam mà còn cả ở một nước Á Châu khác, như Mông Cổ chẳng hạn (hiện Nga Sô có 50,000 quân tại đây)... và mong Hoa Kỳ cũng có các hành động đáp ứng!"

L.T.

MÙA XUÂN CHÍNH TRỊ QUA, MÙA ĐÔNG KINH TẾ BẮT ĐẦU

VƯƠNG HỮU BỘT

Những cuộc cách mạng ở Ba Lan, Đông Đức, Tiệp Khắc... làm ai nấy hồ hởi, ngất ngây. Và mọi người dễ quên đi trong chốc lát sự thật phũ phàng là nền kinh tế các nước Ba Lan, Tiệp Khắc, Đông Đức... vẫn chưa thay đổi. Và nếu cải tổ kinh tế không tiến hành sớm và đầy đủ, thì mùa đông năm nay sẽ tiêu hủy tất cả mọi hào hứng, ngây ngất của cách mạng chánh trị. Mùa Đông 1990 sẽ là mùa thử thách của Đông Âu.

Ba Lan đã bắt đầu cuộc cải tổ kinh tế. Chánh phủ Liên Hiệp Ba Lan gọi các biện pháp mới là "Liều Thuốc Đắng" (shock treatment). Bộ trưởng tài chánh Balcerowicz nói rằng: Ba Lan phải từ bỏ một hệ thống kinh tế "dựa trên các lý thuyết kinh tế hồi thế kỷ 19 của Karl Marx."

Do đó chánh phủ Ba Lan đã đưa ra 11 đạo luật về kinh tế, hiệu lực từ ngày 1 tháng Giêng năm 1990. Những biện pháp mới gồm có:

Cải tổ cho giá cả tự do. Những trợ cấp cho thực phẩm sẽ bị bãi bỏ dù biết trước vì thế giá thực phẩm sẽ lên cao, đúng là một liều thuốc đắng mà dân Ba Lan phải nuốt. Ba Lan sẽ hạn chế việc tăng lương bổng, do đó lương bổng thực sự sẽ giảm bớt khoảng 20 phần trăm.

Xí nghiệp quốc doanh sẽ được dần dần tư hữu hóa. Quyền sở hữu các xí nghiệp sẽ được bán cho dân, dưới hình thức cổ phần. Công nhân các xí nghiệp này được quyền ưu tiên mua cổ phần.

Tình trạng bao cấp các xí nghiệp sẽ được giảm bớt, từ 31 phần trăm ngân sách quốc gia xuống còn 14 phần trăm. Những ngành còn được bao cấp gồm có chuyên chở công cộng, gia cư, sản xuất than, bánh mì, sữa và pho mai.

Song song với các đạo luật cải tổ kinh tế, quốc hội Ba Lan cũng biểu quyết đổi tên Cộng Hòa Nhân Dân Ba Lan thành Cộng Hòa Ba Lan. Điều khoản hiến pháp cho đảng Cộng Sản độc quyền lãnh đạo quốc gia bị hủy bỏ. Một điều khoản khác bị bãi bỏ là điều quy định nền kinh tế Ba Lan là một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Quốc hội Ba Lan cũng làm cho việc sa thải công nhân dễ dàng hơn, dù bắt xí nghiệp trả tiền trợ cấp thôi việc cao hơn. Các xí nghiệp thua lỗ có thể bị phá sản. Một đạo luật khác cải tổ ngân hàng. Từ nay ngân hàng (quốc doanh) không được phép cho vay dựa trên cảm tình, chánh trị, mà phải dựa trên căn bản khả năng sinh lợi của xí nghiệp.

Song song với các cuộc cải tổ cơ cấu kinh tế, các biện pháp kinh tế tổng thể cũng được ban hành để ổn định nền kinh tế quốc gia. Một biện pháp là giảm bớt khối tiền tệ lưu hành (nhờ giảm bao cấp và hạn chế lương bổng). Đạo luật về thuế vụ mới được ban hành. Ba Lan cũng đang sửa sang bộ luật thương mại, đã áp dụng vào thập niên 1930, trước khi Cộng Sản chiếm chính quyền.

Hối đoái cũng được thả tự do, do đó đồng tiền (Zloty) sẽ xuống giá. Để ổn định các xáo trộn do sự phá giá đồng bạc, Ba Lan đã nhận được một tỷ Mỹ kim do các nước Tây Phương cho vay. Quỹ tiền tệ quốc tế cũng hứa hẹn cho vay 700 triệu MK, và các nước Tây Phương hứa sẽ cho vay thêm 3 tỷ khác, nếu các chương trình cải tổ được thi hành. Hiện nay Ba Lan nợ 38 tỷ MK, tích lũy từ thời các chánh phủ Cộng Sản trước, và đều đã bị dùng phí phạm.

Khi quốc hội Ba Lan thảo luận các đạo luật trên, một thiểu số dân biểu Cộng Sản và cả dân biểu thuộc Công đoàn Đoàn Kết đã bỏ phiếu chống.

Trong khi Ba Lan ban hành các biện pháp cải tổ, mà Hungary đã bắt đầu một phần từ các năm trước, thì Tiệp Khắc và Đông Đức vẫn chưa bắt đầu thay đổi nền kinh tế. Vì vậy trong buổi họp khối Comecon ở Sofia vào tháng giêng các nước Cộng Sản đã không thể thỏa thuận về tương lai chung. Từ trước đến nay việc trao đổi kinh tế xứ này không dựa trên tiền tệ, mà dựa trên trao đổi sản phẩm. Thí dụ Liên Xô bán nguyên liệu cho Hung, rồi mua sản phẩm của Hung. Nhưng số tiền rúp mà Hung nhận được không thể dùng để mua máy móc của Tiệp. Giờ đây các nước Hung, Tiệp, Ba Lan đề nghị việc trao đổi phải dùng ngoại tệ "cứng" như Mỹ kim, Mark của Đức v.v. Họ chủ trương mậu dịch tự do trong và ngoài khối Comecon. Ngược lại, các nước Liên Xô, Đông Đức, Bulgary và Rumani chủ trương thay đổi từ từ, tiến đến mậu dịch tự do từng bước một. Các nước khác như Cuba, Việt Nam và Mông

Ai mộng làm Ceaucescu?

TRẦN SA

da xám ngoét và máu thẩm khô
họ đã bị xử chết rồi đó
đất trần trụi đôi chiếc cỏ khô
trời lạnh léo không chút thương xót

tay co quắp hai mắt mở trừng
còn tiếc luyến biệt điện lộng lẫy
tường dát vàng hài nạm kim cương
người rạp xuống dưới bàn tay vấy

đạn khạc ra dưới bàn tay ấy
xe tăng cán thân người nát bấy
Timisoara xương chất máu lầy
Bucharest dậy trời lửa cháy

mười bốn tuổi theo chân cộng sản
một phần tư thế kỷ gian ác
cuối đời vẫn hung tàn háo sát
súng kề đầu vẫn không ân hận
(một hạt sỏi cũng phải bất bình
cả cỏ cây đến phải kinh ngạc)

nước mắt khóc bao nhiêu người chết
Romania hoa nến phủ mồ
không đóa hoa nào cho Ceaucescu
cái tên làm người ta khạc nhổ

cả thế giới hò reo Tự Do
bạo chúa nằm phơi xác đơn độc
hỡi ai mộng làm Ceaucescu
cũng sẽ chết không người vuốt mắt

TRẦN SA
1.90

Cổ không có ý kiến!

Cũng trong tháng Giêng, Đông Đức bắt đầu lập 11 Ủy ban nghiên cứu cải tổ kinh tế, đề nghị bãi bỏ tình trạng bao cấp, tư hữu hóa ngân hàng, bảo hiểm, điện khí, chuyên chở công cộng và viễn thông. Phó thủ tướng đặc trách kinh tế Christa Luft tuyên bố sẽ phải biến đổi thành kinh tế thị trường thì mới phục hưng được xã hội.

Tiệp Khắc: cải tổ chánh trị gấp rút

Tình hình nội bộ Liên Bang Xô Viết xáo động khiến Tiệp Khắc lo ngại. Nếu phe bảo thủ ở Liên Xô lật đổ Gorbachev vì các vụ Lithuania và Azerbaijan thì sao? Liệu Nga có dám lật ngược trào lưu ở Đông Âu không?

Tổng thống Tiệp Khắc, nhà soạn kịch Havel không muốn lãnh rủi ro đó, ông thúc đẩy việc thay đổi cấp tốc guồng máy chánh trị ở Tiệp Khắc.

Biện pháp đầu tiên là thay đổi thành phần quốc hội Tiệp Khắc trước khi có cuộc bầu cử tự do, được dự trù vào 8 tháng Sáu, 1990. Trước đây quốc hội này hoàn toàn do đảng Cộng Sản kiểm soát. Cuối tháng Mười Hai năm 1989 họ đã đồng ý thay thế 28 dân biểu bằng những người đối lập, trong đó có Alexander Dubcek, anh hùng mùa xuân ở Prague năm 1968, đã từng bị quân Nga lật đổ và lưu đầy. Sau khi vào quốc hội, Dubcek đã lập tức được bầu làm chủ tịch để giới thiệu lãnh tụ Diễn Đàn Dân Chủ Havel làm tổng thống.

Bây giờ đảng Cộng Sản lại nhượng bộ tiếp. Họ sẽ rút hàng trăm dân biểu khác trong quốc hội để số dân biểu Cộng Sản chỉ còn dưới một nửa. Nhờ thế, dân chúng có thể tin tưởng rằng từ nay đến tháng Sáu đảng Cộng Sản không dùng quốc hội để đưa ra các đạo luật phản dân chủ.

Trong thực tế chánh phủ Tiệp Khắc hiện nay không còn chịu ảnh hưởng của Cộng Sản, khác với trường hợp Ba Lan, Hung và Đông Đức.

Trong năm 1990 các cuộc bầu cử tự do được dự trù là: 25 tháng Ba ở Hungary, tháng Tư ở Rumani nếu không có gì biến đổi; 6 tháng Năm ở Đông Đức; 4 tháng Sáu ở Ba Lan; 8 tháng Sáu ở Tiệp Khắc; và một ngày chưa định vào tháng Sáu ở Bulgary.

Còn Việt Nam đến bao giờ?

VƯƠNG HỮU BỘT

ĂN KHOAI

NGUYỄN HỮU CHUNG

Một gia đình nọ có ba đứa con. Người cha rượu chè be bét. Người mẹ đi quét dọn nhà người ta để nuôi con. Cũng đủ. Ngày hai bữa, mỗi bữa một củ khoai, tổng cộng là tám củ khoai cho bốn mẹ con. Mỗi tuần lãnh lương, người mẹ mua năm mươi sáu củ khoai, đủ ăn một tuần, không thể mua nhiều hơn vì không có tiền. Được thế là đã may. Đám con nít ăn khoai ngày hai củ, đã mấy năm, vừa đói, vừa ngán, nhưng chẳng dám hé môi vì biết nhà nghèo, cha lại hay nổi nóng, hé môi là ổng đập cho. Người cha thường say, chưởi bới đánh đập, nhưng khi tỉnh thì cũng thấy nổi khổ của các con mà tội nghiệp.

Một hôm ông nầy bảo với bà vợ là cần cải tiến kinh tế cho các con. Ông có vẻ nghiêm trọng, thảo một kế hoạch đem ra bàn với bà vợ, trong đó có mục hỏi ý các con. Bà vợ gạt ngang, bảo "*nhảm, chẳng có kế hoạch gì cả, ông chỉ cần bỏ rượu, đi làm là các con có thịt cá mà ăn.*" Không, ông bảo không. Rượu thì ông không bỏ được, còn việc làm thì ông sẽ tìm, gặp việc nào thích ông sẽ làm. Trong khi chờ đợi, vẫn có thể làm một cái gì, có thể cải tiến. Chẳng hạn như bà có thể hỏi các con xem chúng có thích ăn khoai nướng hay không, thay vì cứ khoai luộc. Bà vợ suy nghĩ thấy ông chồng mình có lý, ông coi vậy chớ cũng có tài, có nhiều sáng kiến. Sau cuộc hội ý của cả nhà, kinh tế đã được cải tiến, mấy đứa nhỏ nay ăn khoai luộc, mai ăn khoai nướng, cuối tuần thì được món súp khoai, nghĩa là khoai mài nhỏ ra, nấu như cháo, nêm mắm tôm vào. Mấy đứa nhỏ dường như được thêm hạnh phúc, bảo "dường như" vì chẳng ai thấy chúng khóc hay cười, chúng vẫn cứ làm thinh.

Tôi nhớ tới câu chuyện nầy khi tôi đọc bản tin trên báo "Far East Economic Review" do ký giả Murray Hiebert viết từ Hà Nội, rằng trong tháng rồi đảng Cộng Sản Việt Nam phát những câu hỏi đến dân chúng Hà Nội để yêu cầu họ phê bình thành tích của chánh phủ và đưa ra những đề nghị cải tiến. Đây có thể là tin vui vì hy vọng rồi nhân dân ta lại có được món khoai nướng và súp khoai. Nhưng đối với những kẻ bi quan thì một củ khoai vẫn là một củ khoai, cũng vậy thôi, khi nào có miếng thịt nằm đó thì mới có thể nói là cải tiến.

Chỉ có thể có miếng thịt cho mấy đứa nhỏ khi ông già không còn say rượu nữa và chịu đi làm. Chỉ có thể có miếng thịt cho nhân dân Việt Nam khi đảng bỏ rượu, tỉnh cơn say Mác Lê, đảng không còn... là đảng nữa. Với sự quản lý của đảng thì bây giờ hay 15 năm sau thì cũng mấy củ khoai,

Nhưng dường như đảng không có cái khổ tâm của những người đứng ngoài nhìn. Đảng thấy rằng đổi từ khoai trắng sang khoai đỏ, từ khoai lang sang khoai mì, từ khoai luộc thành khoai nướng, đã là những cải tiến lớn lao đủ làm hân hoan người dân. Mấy đứa trẻ con vợ chồng nhà kia có hé môi đâu. Hai chục triệu dân ở lưu vực sông Hồng Hà có nói gì đâu. Họ chấp nhận, chịu đựng, coi cái nghèo đói như một định mệnh, coi áp bức như tai họa từ trên trời. Họ đã đói và họ chết đói, họ chẳng nói gì cả. Cũng như người dân Lỗ Mã Ni trong các trại tù, trong những khu tập trung kinh tế mới, đói và lạnh, màn trời chiếu đất, trong những hình ảnh mà thế giới mới được thấy.

Thế sao đảng lại thăm dò dư luận, lại họp hành, thảo luận này nọ? Tháng mười một vừa qua, chính trị bộ họp mật. Trung ương đảng lại họp đại hội vào cuối tháng nầy. Nghe nói là để bàn chuyện cởi mở kinh tế, bàn chuyện Đông Âu. Như vậy là đảng cũng lo. Không phải lo cho dân, mà là lo cho đảng. Chuyện vợ chồng Ceaucescu bị bắn chết cũng làm vài lãnh tụ CSVN sợ. Rồi còn chuyện những người viện trợ dồi dào từ năm xứ anh em xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu nay đã qua đời. Cả tỷ đô la từ Liên Xô sẽ bị cắt giảm? Xưa nay đứng bên kia, là tư bản, là địch, bên nầy là bạn, là *Khối* xã hội chủ nghĩa anh em. Bây giờ, bên kia hàng ngũ đông hơn, bên nầy anh em ta chỉ còn có ta, với Trung quốc thù nghịch, với Liên sô thì lơ là, với Cuba thì xa xôi nghèo khổ. Không lo sao được. Rồi còn nhóm nầy, nhóm nọ, nhân các vụ Đông Âu sẽ bàn tán, rỉ tai, xách động, đòi hỏi. Cái nhóm văn sĩ, sinh viên, phải tìm lời mà nói với bọn chúng trước khi chúng dở hơi. Cái bọn cựu kháng chiến,

Gary Markstein/Mesa Tribune

bọn miền Nam, bọn ương ngạnh nầy có thể gây rắc rối, phải tùy cơ mà mở, mà khép! Còn quân đội, ai biết đâu sẽ có một thằng tướng nổi khùng.

Lo thì phải bàn. Nhưng bàn cái gì? Bàn tới bàn lui cũng chỉ mấy củ khoai. Cởi mở kinh tế không cởi mở chánh trị? Không khá! Cởi mở hai cái cùng một lúc như bên Nga? Nguy, vì kinh tế chưa mở đã thấy chánh trị nhảy lung tung. Chắc rồi phải mở rồi đóng, đóng rồi mở. Hay kiểu gì nữa đó. Đảng cộng sản Việt Nam làm gì rồi thì cũng như kiến bò trên chén, bò mấy vòng cũng vẫn nằm trên miệng chén. Không có lối thoát. Đảng không có khả năng tự hủy thể như những đảng cộng sản Hung Gia Lợi, Đông Đức, Tiệp Khắc. Đảng làm gì thì cũng không muốn rời khỏi cái ghế, và như vậy thì chỉ dùng xảo thuật để giữ cái ghế của mình. Nhưng thực tế mà nói, Việt Nam thiếu nhiều điều kiện đã đưa tới sự hủy thể của những đảng cộng sản Đông Âu, chủ quan và khách quan.

Đảng ta cần một cái đá để ngả xuống. Khi người ta đốn một cây chuối, chém ba dao thân chuối đã lìa gốc nhưng chẳng mấy khi cây chuối chịu ngả, phải xô một cái, đạp nó một đạp, nó mới ngả. Nhưng ai sẽ là người cho đảng cái đá đó. Chắc không phải một kẻ như tôi, kẻ suốt ngày ăn thịt bò bít tết. Chắc phải là một kẻ đang tay ăn khoai, tay cầm súng. Vấn đề là phải nói cho anh ta biết rằng phải vất củ khoai, đá đảng một cái thì mới có thịt mà ăn. Có người Việt Nam nào, có tổ chức nào ở hải ngoại có khả năng làm điều đó, nói cho một anh bộ đội biết mọi chuyện?

Trên một tờ báo Mỹ hội Chống Ung Thư (Cancer Society) có viết một câu: "có ý muốn là có phương cách" (where there's a will, there's a way). Tôi không rành tiếng Anh nhưng tôi đoán chữ *will* không phải là ước muốn mà là muốn làm, như muốn đi thì phải bước.

Los Angeles 12-01-1990
NGUYỄN HỮU CHUNG

Gúc '89 THẾ KỶ 21

"MALTA"

Gúc '89 THẾ KỶ 21 ST GEORGE CỦA THẾ KỶ 20

CUỘC CÁCH MẠNG CÂY ĐÈN THẦN

TIMOTHY GARTON ASH
TRỊNH Y THƯ lược dịch

The Associated Press

Tân Tổng thống Tiệp Khắc, Vaclav Havel, giữa, viếng thăm phần phía đông cổng Brandenburg

Lời người dịch: *Trong làn sóng dân chủ hóa đang tràn ngập Đông Âu ngày nay, có lẽ hoàn cảnh của Tiệp Khắc tương đối lý tưởng và êm thắm*

nhất, mặc dù vào lúc khởi đầu cũng có cảnh đàn áp đẫm máu. Cuộc cách mạng biến chuyển cực kỳ mau chóng và phe cầm quyền Cộng sản Tiệp đã phải đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ kia để sau cùng người lãnh đạo phong trào đối kháng, kịch tác gia Vaclav Havel, được tín nhiệm vào chức vụ Tổng thống của quốc gia Tiệp. (Ở trường hợp này chữ Tổng thống có vẻ thích hợp hơn chữ Chủ tịch nhà nước).

Có thể gọi cuộc cách mạng ở Tiệp là cuộc cách mạng của trí thức và văn nghệ sĩ. Ở đây, tuyệt nhiên không thấy bóng dáng của súng đạn và hờn căm. Chính trị được áp dụng ở dạng thể đơn thuần, giản dị nhất. Chỉ có lòng yêu nước dạt dào của chừng đó con người sẵn sàng ngồi xuống chia sẻ trách nhiệm và bổn phận để đưa quốc gia họ ra khỏi cơn bế tắc sau hơn 40 năm dưới chế độ Cộng sản. Trí thức và văn nghệ sĩ Tiệp xưa nay vẫn là thành phần nặng lòng với đất nước. Ngay từ thế kỷ 19, khi Tiệp còn là miền đất có tên Bô-hê-miên, những người như Smetana và Dvorak -- hai nhà soạn nhạc trứ danh của Tiệp lúc đó -- đã ngoảnh mặt không hướng về Vienna hay Paris mà tìm về với mảnh đất, dòng sông nơi sinh đẻ ra mình. Biết được như thế, sự việc một kịch tác gia lên làm Tổng thống như vừa xảy ra có lẽ cũng không phải là điều quá sức ngạc nhiên.

Linh hồn của cuộc cách mạng Tiệp Khắc chính là Havel. Trong bài viết dưới đây của Timothy Garton Ash, đăng trên tạp chí The New York Review of Books số ra ngày 18/1/90, chúng ta có dịp nhìn lại toàn bộ diễn tiến của cuộc cách mạng này, dưới sự lãnh đạo của Havel, qua cái nhìn đầy thiện cảm của tác giả. Và cũng như tất cả những cuộc cách mạng khác trong lịch sử, đây mới chỉ là bước đầu, ưu khuyết điểm đều có, và đúng ra, phải là một bài học đáng suy ngẫm.

Đóng góp khiêm nhường của tôi vào cuộc cách mạng là một câu nói ứng khẩu. Đặt chân xuống Prague vào Ngày Bảy (23 tháng Mười Một) khi cuộc cách mạng đã vùn vụt chuyển biến, tôi gặp Vaclav Havel trong căn phòng nằm sau hầm rượu nơi ông thường hay lui tới. Tôi nói: Ở Ba Lan phải mất đến mười năm, ở Hung mười tháng, Đông Đức mười tuần, và có lẽ ở Tiệp sẽ chỉ mất mười ngày mà thôi."

Sáng hôm sau, tôi nhận được một tấm thiệp mời. Tấm vé vào cửa nhà hát có tên là Cây Đèn Thần mà toàn thể sân khấu, hội trường, phòng thay y trang được biến thành tổng hành dinh của lực lượng đối lập chính yếu nhất của Tiệp ngày nay, Diễn đàn Quốc dân (DĐQD), và vì thế, đúng ra, là tổng hành dinh của lực lượng cách mạng.

Trong vòng vỏn vẹn hai tuần lễ, với tư cách một sử gia, tôi vô cùng may mắn có cơ hội chứng kiến lịch sử diễn ra ngay trong hí viện Cây Đèn Thần này. Bởi vì trong suốt thời gian đó, tôi là người ngoại quốc duy nhất có mặt trong những cuộc thảo luận sôi nổi giữa các thành viên của DĐQD. Nhưng trước khi đi vào chi tiết những gì tôi chứng kiến, chúng ta phải nhìn lại -- hay dựng lại -- buổi ban đầu của cuộc cách mạng.

1.

Chính sinh viên là thành phần khơi động phong trào cách mạng. Ít nhất là cả năm đội bê-rê đỏ rút dùi cui ra và thẳng tay đánh đập tàn nhẫn bất kể đàn ông, đàn bà hay trẻ em.

Đây chính là tia lửa châm mồi cho ngọn đèn Tiệp Khắc. Trong đêm thứ Sáu rạng ngày thứ Bảy -- với báo cáo một chết và chắc chắn nhiều bị thương -- một số sinh viên nhất quyết bãi khóa. Chiều thứ Bảy, diễn viên sân khấu nhập cuộc và thính đường biến thành phòng họp. Họ dự trù sẽ tổng đình công, bãi khóa vào thứ Hai, 27 tháng Mười Một, từ giữa trưa cho đến hai giờ chiều. Khán giả đồng loạt đứng dậy vỗ tay tán trời trước đây đã có nhiều nhóm sinh viên quy tụ lại sinh hoạt với nhau. Họ làm báo. Họ tổ chức thảo luận. Họ bù đầu giữa lằn ranh hai đời sống mặt ngoài và ẩn náu. Nhiều người liên lạc với các thành phần đối lập khác, và tất cả nghiền ngẫm văn chương đối kháng trong nước. Qua sự giúp đỡ của Tổ chức Thanh niên (SSM), một cơ quan được nhà nước đỡ đầu, họ được phép tổ chức một cuộc biểu tình tại thủ đô Prague vào ngày 17 tháng Mười Một để tưởng niệm Jan Opletal, một sinh viên anh hùng bị Đức Quốc Xã giết hại.

Số người tham dự cuộc biểu tình tăng dần và tiếng la hét cũng từ từ chuyển về chiều hướng chống đối các lãnh tụ độc tài đang chễm chệ ngồi trong tòa lâu đài quyền lực. Họ quyết định diễn hành đến quảng trường Wenceslas, sân khấu của tất cả những giây phút lịch sử trong lịch sử Tiệp Khắc dù là 1918 hay 1948 hay 1968. Tại đây, họ bị chặn lại bởi một toán công an trang bị đầy đủ dùi cui, nón sắt và một toán lực lượng đặc biệt đầu đội bê-rê đỏ chuyên dùng vào việc chống khủng bố.

Đám người biểu tình bị tách ra, và công an vây chung quanh họ. Họ vẫn la hét, hô to những khẩu hiệu chống đối, nhiều người đứng ở hàng đầu còn thân ái tặng hoa những người đang đàn áp họ. Nhưng vô ích, Công an, nhất là đám

thưởng nhiệt liệt.

Sáng Chủ nhật, sinh viên phim ảnh và kịch nghệ công bố bản tuyên ngôn nhan đề "Đừng Đợi Chờ Nữa -- Hãy Hành Động!" Bản tuyên ngôn ra kiến nghị yêu sách nhiều điểm, từ việc hợp thức hóa tờ tạp chí hằng tháng của nhóm đối kháng cho đến việc xóa bỏ hiến pháp, từ khước quyền lãnh đạo độc tôn của đảng Cộng sản. Bản tuyên ngôn vẫn lập lại lời kêu gọi đình công, bãi khóa.

Lúc đó là 10 giờ tối ngày Chủ nhật (tức Ngày Ba của cuộc cách mạng), sau khi sinh viên và kịch sĩ sân khấu đã nắm lấy vai trò chủ động trong cuộc tổng đình công, bãi khóa dự trù vào ngày thứ Hai thì một số các phe nhóm khác đứng dưới Hiến chương 77 được triệu tập đến họp tại một hí viện khác. Người triệu tập buổi họp này là Vaclav Havel. Buổi họp quy tụ nhiều phe nhóm khác nhau như Ủy ban Tranh đấu Cho Nạn nhân Bị cầm Tù, Phong trào Đấu tranh cho Tự do Quốc dân, Obroda (Hồi sinh, một nhóm gồm các thành phần Cộng sản bị khai trừ) và nhiều thành phần cá nhân khác.

Những người tham dự buổi họp đồng ý quyết định thành lập một tổ chức lấy tên là Obcanske Forum (Diễn đàn Quốc dân). Họ đưa ra bốn yêu sách: thứ nhất, các lãnh tụ Cộng sản có trách nhiệm về cuộc biến động mùa xuân 1968 và tình trạng suy sụp của quốc gia sau đó phải từ chức ngay tức khắc, từ Chủ tịch nhà nước Gustav Husak cho đến Chủ tịch đảng Milos Jakes; thứ hai, Tổng trưởng Nội vụ Frantisak Kincl và Bí thư Thành ủy Prague Miroslav Stepan, người ra lệnh đàn áp cuộc biểu tình, cũng phải từ chức ngay tức khắc; thứ ba, cử Ủy ban Đặc nhiệm để điều tra hành động đàn áp này của công an; thứ tư, phóng thích hết các tù nhân chính trị. Khởi đi từ thời điểm này, DĐQD nghiễm nhiên nắm vai trò lãnh đạo cuộc cách mạng ở Tiệp.

Trong mấy ngày cuối tuần, có cả chục ngàn người, hầu hết là giới trẻ, tụ tập chung quanh quảng trường Wenceslas phất cờ xí và la hét khẩu hiệu. Đến chiều thứ Hai thì quảng trường đông nghẹt người biểu tình và người ta không thấy mũ sắt trắng hay bê-rê đỏ đâu cả.

Cũng như bên Đông Đức, khi nhà cầm quyền Cộng sản thức tỉnh và thấu thị được chuyện gì xảy ra thì mọi việc đã trở nên quá trễ. Ở Đông Âu ngày nay, với Gorbachev ngồi trong điện Cẩm Linh, thứ bạo lực dùng vào việc đàn áp chừng đó con người không còn là một chọn lựa khả thi nữa.

Thứ Ba, tức Ngày Năm, 4 giờ chiều, sau giờ làm việc, đám đông gia tăng. Cơ quan xuất bản của đảng Xã hội cho mượn bao lơn tòa nhà làm nơi các lãnh tụ đối lập như Radim Palous (một linh mục đấu tranh), Vaclav Maly và Havel hiệu triệu đám đông. Havel lập lại bốn yêu sách của DĐQD. Sáng hôm sau tờ Rude Pravo, cơ quan ngôn luận của đảng Cộng Sản, đăng tin nói có 200 ngàn người tham dự cuộc biểu tình.

Sáng thứ Tư và thứ Năm, tức Ngày Sáu và Ngày Bảy, trong lúc đại biểu của DĐQD đàm phán với Thủ tướng Adamec bên trong thì bên ngoài dân chúng tham dự biểu tình càng lúc càng đông đảo. Cuộc cách mạng cứ thế tiến bước mạnh mẽ và quả thực nó đã đi được một bước dài lắm. Tổng hành dinh của lực lượng cách mạng là hí viện Cây Đèn Thần cách quảng trường Wenceslas chưa đầy trăm thước Anh.

2.

Thực khó tìm được một từ ngữ nào để diễn tả mô thức làm quyết định của Diễn đàn Quốc dân, chưa kể đến cơ cấu bên trong tổ chức. Tuy nhiên, vẫn có một nền móng căn bản nào đó hiện hữu. Thoạt nhìn, "đứa bé sơ sinh bốn ngày" (Havel gọi tổ chức của ông như thế) trông giống như một cái hội. Hội viên gia nhập qua sự giới thiệu từ những cá nhân khác. Hầu hết đã từng sinh hoạt trong các tổ chức đối kháng từ trước mà đông nhất là tổ chức có tên Hiến chương 77. Hai mươi năm về trước, họ là ký giả, giáo sư, chính trị gia, luật sư, nhưng giờ đây họ làm những nghề như xúc than, lau cửa kính, hoặc khá nhất, văn sĩ không được quyền xuất bản. Vài người vừa ở trong tù ra do áp lực của sự chống đối. Về mặt chính trị, họ bao gồm đủ mọi khuynh hướng, từ tân Trốt kít (Petr Uhl) cho đến Công giáo bảo thủ (Vaclav Benda).

Thêm vào đó, còn có đại diện của nhiều thành phần đáng kể khác như sinh viên, diễn viên sân khấu, công nhân, sắc dân Slovak, và một nhóm mà tôi đặt tên là Prognostics (họ là nhân viên viện Nghiên cứu và Tiên đoán Tương lai của Hàn lâm viện Khoa học Tiệp khắc). Nhóm Prognostics (Tiên đoán) này thực ra gồm toàn các kinh tế gia. Vẻ bí ẩn đặc biệt của họ phát xuất từ sự việc mọi người tin là họ biết cách xử lý nền kinh tế quốc gia -- một đề tài chiếm ngự đầu óc hầu hết những người đang đấu tranh ngoài đường phố, và cũng là điều hầu hết những triết gia, thi sĩ, diễn viên, sử gia đang tụ tập nơi đây có ít kinh nghiệm hơn một công nhân tầm thường ngoài bến xe điện Vysocanny.

Tất cả những khuynh hướng dị biệt này hiện diện cùng lúc trong những phiên họp của Diễn đàn Quốc dân. Sau đó, họ mới chỉ định hoặc đề cử ra những ủy ban chuyên biệt như Tổ chức, Kỹ thuật, Tư liệu, Cương lĩnh, Chương trình, Chiến lược, v.v... Ngoài ra còn có những ủy ban đặc nhiệm hay cá nhân chuyên lo việc lên

đài truyền hình đối đáp hoặc đàm phán với phe nhà cầm quyền.

Quan sát sinh hoạt của Diễn đàn là quan sát chính trị ở thể dạng nguyên thủy, ngẫu phát, gần như "thuần túy" nhất. Có người xưa nay chưa từng biết chính trị là gì, đột nhiên đứng dậy, chen lên sân khấu và tình nguyện xuất hiện trên truyền hình. Cũng có người hoạt động trong các phong trào chống đối từ lâu nhưng lại ngồi yên dưới ghế.

Còn về phần Havel? Nếu phải tìm cho ra một từ ngữ để miêu tả tính cách lãnh đạo của ông thì có lẽ chỉ có chữ "chrarismatic" là thích hợp hơn cả. Mọi thứ xoay quanh người đàn ông này. Ông là người quyết định sau cùng hầu hết những quyết định trọng đại của Diễn đàn. Ông là người thăng bằng quyết định trọng đại của Diễn đàn. Ông là người thăng bằng cán cân giữa tất cả những khuynh hướng dị biệt trong phong trào. Với ý nghĩa này, cũng như bên Công đoàn Đoàn Kết, rất nhiều quyết định đã không được thực hiện một cách dân chủ. Nhưng tuy vậy, người ta vẫn không thể tưởng tượng được Diễn đàn sẽ ra sao nếu không có người như Havel. Mọi người trong Diễn đàn đều có tiếng nói như nhau. Vấn đề trọng đại được quyết định bằng lá phiếu. Có lúc, đến cả hai trăm người cùng chúi đầu vào sửa chữa từng chữ một bản thông cáo chung của Diễn đàn. Tất cả những nhân tố đó đã tạo thành một thực thể chính trị rất đặc biệt, rất lạ lùng, có một không hai.

3.

Ngày Tám (thứ Sáu 24 tháng 11). Dubcek xuất hiện vào khoảng giữa trưa. Trông ông ta như vừa bước ra từ bức hình trắng đen của năm 1968. Khuôn mặt ông trông già nua hơn, dĩ nhiên, nhưng áo quần ông thì vẫn như cũ. Thời gian như ngưng đọng lại ở thời điểm 1969 và chỉ tiếp tục ở thời điểm 1989. Havel và Dubcek sánh vai nhau chen qua đám đông bước lên bao lơn tòa nhà cơ quan xuất bản của đảng Xã hội. Dân chúng bên dưới há hốc mồm nhìn lên. Họ không thể tin được những gì họ đang nhìn thấy trước mặt. Dubcek!

Khi Dubcek bước ra bao lơn nhìn xuống đám đông bên dưới, không gian như bị phá vỡ bởi tiếng hò reo vang dậy. Dubcek! Dubcek! Tiếng hò reo vang dội khắp phố phường, len lỏi vào từng ngõ hẹp. Nhiều người tỏ ý tiếc Dubcek đã không rõ rệt trong vai trò của mình sau khi Nga đem quân sang xâm chiếm đất Tiệp và không chịu dùng tên tuổi mình để hỗ trợ cho phong trào dân chủ. Thời gian qua nhưng Dubcek không thay đổi nhiều lắm. Ông vẫn tin tưởng vào Xã hội Chủ nghĩa -- tức là, cộng sản với bộ mặt nhân bản. Nhưng người lãnh đạo thực sự của phong trào cách mạng vào lúc này là Havel chứ không phải Dubcek. Tuy vậy, trong giây lát, không ai buồn để ý đến điều này.

7:30 tối. Tại cuộc họp báo, Dubcek và Havel đang trả lời báo chí thì có người đem tin đến báo là toàn bộ Bộ Chính Trị và Bí thư đoàn Ủy ban Trung ương đảng đã từ chức. Hí viện như vỡ ra vì tiếng reo hò. Havel đứng thẳng lên, giơ hai ngón tay làm thành chữ V tượng trưng cho dấu hiệu chiến thắng rồi quàng tay ôm lấy Ducek.

Trở lại cuộc họp báo với câu hỏi "Xã hội Chủ nghĩa là gì?" Havel nói từ ngữ "Xã hội Chủ nghĩa" đã mất hết mọi ý nghĩa trong ngôn ngữ Tiệp từ 15 năm qua. Nhưng ông cam đoan ông là người chủ trương công bằng xã hội và một nền kinh tế đa nguyên với nhiều dạng thể khác nhau của quyền tư hữu. Mô hình cho một chính sách xã hội hợp lý chỉ có thể tìm thấy từ những quốc gia dân chủ xã hội chứ không bao giờ từ những quốc gia cộng sản. Câu trả lời ngắn gọn và hay nhất xuất phát từ Vaclav Maly. Tôi cũng chủ trương phải công bằng xã hội, ông nói, nhưng đường lối khả thi duy nhất để bảo đảm nền công bằng đó là qua một thể chế dân chủ đại nghị.

Ngày Chín (thứ Bảy, 25 tháng Mười Một). Diễn đàn Quốc dân đưa ra hai bản tuyên cáo. Bản thứ nhất gọi cuộc tổng đình công là biểu tượng một cuộc "trưng cầu dân ý." Bản thứ hai nói lên sự thất vọng của Diễn đàn về thành phần nhân sự mới được bổ nhiệm vào Bộ Chính trị (chính thức là Chủ tịch đoàn) và Bí thư đoàn Ủy ban Trung ương. Cuộc đình công được mô tả là "một cuộc trưng cầu dân ý không chính thức, trải rộng khắp đất nước để biết họ (đảng Cộng sản) có quyền tiếp tục làm nhục dân chúng nữa hay không và có nên cứ để đất nước này tiếp tục bị tàn phá bởi những nhà lãnh đạo của một đảng phái hay không."

Tình cờ, sáng nay có buổi thánh lễ kỷ niệm ngày phong thánh cho công chúa Agnes của Bohemia, người từ bỏ cung điện để xuống chung sống với dân nghèo, được tổ chức tại thánh đường trên đồi cao. Giáo hội Tiệp không như giáo hội bên Ba-lan. Ở Tiệp, sự chia rẽ trầm trọng giữa Công giáo và Tín phản đã có từ lâu đời mặc dù cả hai đều bị đàn áp dữ dội trong thời kỳ Stalin cai trị bên Nga và cả năm 1969. Nhưng trí thức và giáo sĩ Công giáo như Vaclav Maly đóng vai trò vô cùng thiết yếu trong hàng ngũ những người đối kháng và Tổng Giám mục Frantsi Tomasek càng lúc càng tỏ ra can đảm. Năm ngoái, một bản thỉnh nguyện thư đòi hỏi quyền tự do tín ngưỡng có được trên nửa triệu chữ ký và là nhân tố chính phá vỡ tảng băng chính trị.

Hai giờ chiều, dưới màn tuyết giá lạnh, một cuộc biểu

tình vĩ đại chưa từng thấy với trên nửa triệu người tụ tập trong công viên trước cửa vận động trường Letha. Havel tái xác định lập trường không đồng ý của Diễn đàn với một số nhân vật mới trong chính phủ và nhất là sự tái xuất hiện của Bí thư Thành ủy Prague Miroslav Stepan. Nhưng Havel lên tiếng ủng hộ Thủ tướng Ladislau Adamec và coi ông này là nhân vật có thẩm quyền nhất đáp ứng nguyện vọng của dân chúng.

7:30 tối. Họp báo. Ngày mai sẽ có một phái đoàn vào gặp thủ tướng Adamec. Chương trình nghị sự bao gồm: hợp thức hóa các hội nhóm độc lập, phóng thích tù nhân chính trị, định ngày cho buổi họp kế tiếp, và chấm dứt vai trò độc tôn lãnh đạo của đảng. Jiri Dienstbier trả lời phóng viên ngoại quốc về vai trò của Sô viết: "Dĩ nhiên chúng tôi cảm thấy Sô-viết phải có trách nhiệm về cuộc xâm lăng năm 1968, nhưng chắc chắn giờ đây chúng tôi không yêu cầu một sự trợ giúp quốc tế nào cả."

Ngày Mười (Chủ nhật, 26 tháng Mười). Mười một giờ sáng. Một phái đoàn dẫn đầu bởi thủ tướng Adamec đại diện cho phe cầm quyền và Mặt trận Quốc gia (đảng Cộng sản và các đảng phái bù nhìn gom lại) đến gặp đại biểu của Diễn đàn Quốc dân dẫn đầu bởi Havel. "Chúng ta không biết nhau." Adamec nói. "Tôi là Havel." Havel trả lời. Đó là một buổi họp thực ngắn ngủi chỉ để làm quen nhưng hai phe đồng ý sẽ tái nhóm vào ngày thứ Ba. Adamec hứa hẹn sẽ thả tù nhân chính trị (vài hôm sau đã có vài ba người xuất hiện tại Cây Đèn Thần).

Hai giờ chiều vẫn tại vận động trường Letna. Adamec có mặt trên khán đài. Havel đọc một bài diễn văn ngắn gọi Diễn đàn Quốc dân là chiếc cầu nối từ độc tài toàn diện đến dân chủ đích thực và nói Diễn đàn phải có mặt cho đến khi có

Vaclav Havel

tuyển cử tự do. Adamec được cơ hội phát biểu nhưng ông ta đã làm tiêu tan cơ hội đó. Ông ta nói về sự cần thiết phải có kỷ luật, về kinh tế thay vì về những thay đổi chính trị, và kêu gọi dân chúng đừng đình công nữa. Dân chúng bên dưới la ó phản đối dữ dội.

Sáu giờ tối. Trong một buổi họp quan trọng tại hí viện Cây Đèn Thần, Havel đặt ra những vấn đề căn bản của Diễn đàn Quốc dân. Ông không muốn trở thành một "lãnh tụ" hay một chính trị gia chuyên nghiệp. Ông chỉ muốn làm một người viết văn mà thôi. Maly cũng tuyên bố tương tự.

Giữa buổi họp, đột nhiên Vaclav Klaus, một kinh tế gia, đứng lên đọc một bản văn kiện lạ lùng. Bản văn có nhan đề "Ý Muốn Của Chúng Ta -- Hệ thống những Nguyên tắc của Diễn đàn Quốc dân." Bản văn dự kiến một nước Tiệp Khắc trong tương lai với luật lệ bảo đảm nền tư pháp độc lập, tuyển cử tự do tại mỗi tầng lớp, một nền kinh tế dựa trên thị trường tự do, công bằng xã hội, bảo vệ sinh môi, và một đời sống văn hóa độc lập. Một quốc gia "bình thường" giữa Âu châu. Hiển nhiên, đây không phải là một "Xã hội Chủ nghĩa với bộ mặt nhân bản" mà là cái gì "bình thường." Cũng như bên Ba Lan, chính cái nhân tố "trở về bình thường" này đã càn quét khắp nơi tại Đông Âu ngày nay.

Ngày Mười Một (27 tháng Mười Một). Cuộc tổng đình công và bãi khóa thành công ngoài mức dự liệu. Bốn giờ chiều. Tại quảng trường Wenceslas, một nhân vật Cộng sản được mời lên diễn đàn. "Hỡi các bạn! Hỡi các đồng chí!" Ông ta bắt đầu nói nhưng đám đông la ó phản đối dữ dội. "Chúng tôi không phải là đồng chí của ông!" Tuyển cử tự do và chấm dứt vai trò độc tôn lãnh đạo của đảng Cộng sản là những gì dân chúng đang đòi hỏi. Sau đó Vaclav Klaus bước ra đọc bản tuyên cáo của DĐQD "... Mục tiêu căn bản của chúng tôi là mở rộng xã hội nhằm phát triển một nền chính trị đa nguyên và phải có tổng tuyển cử tự do." Phong trào mở rộng cho bất cứ ai từ khước hệ thống chính trị hiện tại và chấp nhận những nguyên tắc này.

Ngày Mười Hai (28 tháng Mười). Đàm phán với Adamec thất bại mặc dù ông ta hứa hẹn sẽ thực hiện nhiều cải cách như: sẽ có chính phủ liên hiệp nhiều thành phần, Liên bang Nghị hội sẽ cứu xét lại vai trò độc tôn lãnh đạo của đảng Cộng sản, và chủ nghĩa Mác-Lênin sẽ không còn là căn bản cho nền giáo dục quốc gia

nữa.

4 giờ chiều. DĐQD họp. Yêu sách: tất cả các tù nhân chính trị phải được tự do trước ngày 10 tháng Mười Hai, ngày Quốc tế Nhân quyền. Radim Palous đứng lên đọc dự thảo bản tuyên cáo mới gồm năm điểm mà trong đó quan trọng nhất là điểm DĐQD sẽ viết thư thẳng lên Chủ tịch nhà nước Husák, yêu cầu ông này từ chức trước ngày 10 tháng Mười Hai. Nội các mới của thủ tướng Adamec có từ giờ đến cuối năm để tạo điều kiện thuận lợi cho một cuộc tuyển cử tự do, ban hành luật pháp bảo vệ quyền tự do hội họp, quyền tự do lập hội, báo chí, ngôn luận, và tín ngưỡng. Phải giải tán ngay, lực lượng bán quân sự tức quân đội riêng của đảng, và tất cả mọi cơ cấu chính trị phải được tách ra khỏi các cơ quan làm việc. Nếu những yêu sách này không được thỏa đáp thì chính Adamec cũng phải từ chức.

Bàn cãi. Thảo luận. Và cũng như những lần trước, phải đợi đến lúc Petr Miller, đại diện cho giới công nhân Tiệp, một Lech Walesa Tiệp Khắc, xen vào can thiệp thì không khí mới lắng đọng xuống đôi chút. Lại họp báo. Bản thông cáo chung, sau khi được gần 200 người sửa chữa, được đọc lớn trước mặt phóng viên, ký giả.

Ngày Mười Ba (29 tháng Mười Một). Tân Tổng Bí thư đảng Ko[illegible]anek lên truyền hình hiệu triệu thành phần trung kiên của đảng với giọng điệu đanh thép, sắt đá. Chúng ta sẽ không bao giờ bán đứng đất nước cho tư bản ngoại quốc như bọn Ba Lan. Nhưng trong lúc đó Liên bang Nghị hội, quốc hội chính thức của Tiệp, biểu quyết thuận đề nghị của thủ tướng Adamec chấm dứt vai trò độc tôn lãnh đạo của đảng Cộng sản, từ bỏ chính sách dùng chủ nghĩa Mác-Lênin làm căn bản cho ngành giáo dục, đúng theo yêu sách của DĐQD đưa ra hôm trước. Không một đại biểu nghị hội nào bỏ phiếu chống.

4 giờ chiều. Lại họp trong hội trường hí viện. Havel và một đại biểu khác đã sớm rời khỏi nơi đây để đến nói chuyện với các thành phần Slovak ở Bratislava. Havel ý thức được một điểm rất trọng đại là phải tuyệt đối tranh thủ không để phe cầm quyền chia rẽ người Czech và người Slovak như họ thường làm trong quá khứ.

Ngày Mười Bốn (30 tháng Mười Một). Đề tài đầu tiên là cơ cấu hóa tổ chức Diễn đàn Quốc dân. Một trung tâm điều hợp cho DĐQD. Ngoài hành lang, nhóm khác đang bàn về vai trò mới của Liên bang Nghị hội. Trong lúc đó, một phái đoàn đại diện DĐQD đến gặp Vasil Mohorita, đại diện đảng Cộng sản, để ra thông cáo chung lên án hành động đàn áp đẫm máu dân chúng biểu tình hôm trước.

Trong tuyệt vọng, đảng Cộng sản bủa ra đi tìm những nhân vật Cộng sản cũ từng bị trục xuất ra khỏi đảng hay đang sống lưu vong ở nước ngoài như Zdenek Mlynar ngõ hầu cứu vãn tình thế ngày càng nguy ngập. Mlymar được triệu về từ Vienna, lên truyền hình trả lời trong cuộc phỏng vấn và trong đêm tối vào gặp Urbanek, Mlynar là nhân vật quan yếu bên cạnh Dubcek trong cuộc cải cách 1968. Trên truyền hình, ông ta nhấn mạnh đến những thời điểm lịch sử của Tiệp khắc, 1918, 1938, 1948, 1968. Nhưng không thấy ông ta đưa ra những biện pháp cụ thể để giải thể đảng Cộng sản. Sau cuộc phỏng vấn, người ta có cảm tưởng ông ta vẫn khăng khăng giữ quan niệm "Xã hội Chủ nghĩa với bộ mặt nhân bản như Dubcek, nghĩa là, một quan niệm quá lỗi thời.

Ngày Mười Lăm (1 tháng Mười Hai). 7 giờ tối. Havel mệt lả sau năm tiếng đồng hồ tranh biện với phe cầm quyền Cộng sản về thành phần tân chính phủ. Hai bên đồng ý cùng ký tên vào bản thông cáo chung sau gần một giờ đồng hồ cãi nhau chỉ vì không đồng ý trong cách dùng từ ngữ "từ chức."

Đêm còn sớm, Havel bước xuống hầm rượu. Một cô gái ngồi bàn bên cạnh nhận ra ông và kêu lên: "A, *pane* Havel!" và sai người bạn trai cô bước sang xin chữ ký ông. Havel là người Bô-hê-miên trong cả hai ý nghĩa của từ ngữ. Ông là một trí thức Tiệp sinh trưởng ở Bô-hê-miên và ông yêu thương nồng nàn miền đất đó của ông. Đồng thời ông cũng là một nghệ sĩ và đối với ông không nơi nào vui sướng hơn bằng trong quán rượu với ly bia trong tay và những người bạn xinh xắn, vui nhộn. Ông thấp người, mình dầy, tóc thưa, râu mép, hai bàn chân nhỏ thó, trông ông trẻ hơn con số 53 tuổi. Ngay cả những khi nhàn rỗi, ông cũng đầy sinh lực sống, hai tay vẫy lia lịa như cánh quạt phi cơ. Bước đi ông ngắn, trông như Chaplin, lưng hơi khòm xuống, nhanh nhẹn như chạy đua. Ông mặc quần *jean*, áo hở cổ, và thường thường một cái *jacket* bằng hàng *corduroy*. Ông chỉ thắt cà-vạt và mặc đồ lớn trong những dịp như đi nhận giải thưởng văn chương quốc tế. Thương lượng với chính quyền, ngược lại, không đủ tiêu chuẩn để thắt cà-vạt và mặc đồ lớn. Vóc dáng bên ngoài như thế, nhưng Havel là người có một sinh lực kinh khiếp. Ít ai có đủ sức mạnh hoàn tất một nửa những gì ông vừa làm lúc ban tối mà vẫn bước ra đàng hoàng như vậy. Thế mà đây, một giờ sáng, ông vẫn cười nói như thể cách mạng là chuyện ông làm hàng tuần.

Ngày Mười Sáu và Mười Bẩy (2-3 tháng Mười Hai. Adamec đưa ra danh sách tân nội các 21 ghế trong đó có đến 16 nhân vật thuộc đảng Cộng sản. Lại họp khẩn cấp. Người thì đề nghị DĐQD phải nghe theo tiếng nói của dân chúng: một chính phủ gồm những chuyên gia dẫn đầu Komarek. Người

thì phản đối cho Komarek không phải là nhân vật đáng tin cậy. Giáo sư Jicinsky thì lên tiếng báo nguy DĐQD đang ở trong tình thế nguy hiểm vì tự cô lập hóa trong góc tường hiến pháp. Buổi họp kết thúc trong hoang mang và mọi người chỉ đồng ý trên quan điểm tiếp tục đòi hỏi nhà cầm quyền đổi mới thêm nữa và hỗ trợ cho cuộc biểu tình chiều mai tại quảng trường Wenceslas. Havel cùng với Ptthart và Miller ngồi xuống thảo tuyên cáo để đọc trên vô tuyến truyền hình. Không có tiếng cười huyên náo, không thấy ai đề nghị khui sâm-banh.

Ngày Mười Tám (4 tháng Mười Hai). 3:45 chiều. Quảng trường Wenceslas. Dù tiết trời lạnh căm căm, đoàn người biểu tình vẫn tìm đến đứng đông nghẹt. Tên những lãnh tụ Cộng sản được hô lớn: Jakes, Fortij, Indra, Bilak. Hãy tống cổ bọn chúng đi! Hãy làm như người Đức! (Erich Honecker vừa bị trục xuất khỏi đảng và đang bị giam lỏng tại tư gia). Làm như người Đức? Nhưng đây là điều các lãnh tụ DĐQD hết sức tránh né. Họ chỉ muốn làm như người Tiệp, tức là, êm thấm, hòa hoãn và không có sự thù hận hay trả thù giữa người mới, người cũ.

Sau cùng là giọng nói sang sảng như tiếng chuông của linh mục Maly: DĐQD yêu cầu phải có tổng tuyển cử tự do vào tháng Sáu năm 1990 tới đây là hạn chót. DĐQD bảo đảm một sự chuyển hoán sang dân chủ dựa trên luật lệ và lẽ phải. "Hoan hô Diễn đàn Quốc dân!"

Về đến phòng khách sạn, bản tin trên truyền hình nói về sự thành công của hội nghị Malta. Bản tin nói tiếp đến vụ các lãnh tụ Cộng sản bên Đông Đức bị bắt giam và sau cùng một mẩu tin ngắn: năm quốc gia trong khối Minh ước Vác-xô-vy tham dự vào cuộc xâm lăng Tiệp khắc năm 1968 chính thức lên án cuộc xâm lăng và gọi đó là hành động xâm phạm vào nội bộ của Tiệp.

Bất cứ một học sinh nào cũng biết ngọn gió bên ngoài đang thổi về hướng nào. Phe cầm quyền không còn đường lối nào khác nữa. Họ bị kẹt cứng giữa chiếc búa của phong trào dân chúng nổi dậy và cái đe của một hoàn cảnh ngoại tại hoàn toàn chuyển biến. Thế giới: từ Yalta đến Malta. Tiệp khắc: từ Husak đến Havel!

4.

Đến đây DĐQD phải rời khỏi hí viện Cây Đèn Thần và tôi cũng phải giã từ Tiệp Khắc. Thứ Năm, Adamec từ chức và phụ tá của ông ta, Marian Calfa, một người Slovak, lên thế chỗ. Tiếp theo là "hội nghị bàn tròn" giữa DĐQD và đại diện tân chính quyền. Và nếu "hội nghị bàn tròn" bên Ba -lan phải mất đến hai tháng trời mới xong thì ở Tiệp chỉ mất có hai ngày. Đúng vào Chủ nhật 10 tháng Mười Hai, ngày Quốc tế Nhân quyền, Chủ tịch nhà nước Gustav Husak chủ tọa lễ tuyên thệ của hội đồng nội các mới và chính ông ta cũng từ chức ngay sau đó.

Tại quảng trường Wenceslas, Havel đọc tên từng người trong nội các mới cho đám đông bên dưới nghe. Hầu hết những "đề nghị" của DĐQD đều được thỏa đáp. Jan Carnogursky, một tù nhân chính trị vừa được phóng thích đêm hôm trước, đột nhiên thấy mình ở cương vị một phó thủ tướng đặc trách về an ninh, cơ quan từng hành hạ, bỏ tù ông nhiều lần trước đó. Komarek trong nhóm Prognistic được bổ nhiệm vào chức vụ trông coi nền kinh tế quốc gia. Klaus, tổng trưởng tài chính. Dienstbier từ người xúc than lên làm tổng trưởng ngoại giao. Kusy, một triết gia có ký tên trong Hiến chương 77, trông coi nha thông tin và báo chí. Miller, tổng trưởng lao động và xã hội. Đảng Cộng sản chỉ chiếm được 8 ghế trên tổng số 21 ghế trong tân nội các. Nhưng trong 8 người đó thì Komarek và Dlouhy thân cận với DĐQD hơn là với đảng.

24 ngày. Không thể tin được. Tiếng còi hụ, tiếng chuông nhà thờ đổ vang báo tin chiến thắng. Tiệp Khắc đang đi vào kỷ nguyên mới. Sinh viên tổ chức một cuộc biểu tình diễn hành đi đúng con đường họ đi vào Ngày Một. Lần này, không hề thấy công an đội nón sắt trắng hay bê-rê đỏ đứng đợi họ ở cuối đường. Các lực lượng an ninh, giờ đây, ở một ý nghĩa nào đó, nằm dưới quyền kiểm soát của họ.

Trong phần kết luận, câu hỏi được đặt ra: tại sao những gì vừa xảy ra ở Tiệp lại không xảy ra sớm hơn? Trước chiến tranh, Tiệp Khắc là quốc gia có truyền thống dân chủ vững chắc nhất ở Đông Âu. Về mặt địa dư, Prague nằm về phía tây của Vienna. Về mặt văn hóa, Prague là tâm điểm của Âu châu. Mùa xuân Prague bị đè bẹp bởi các lực lượng bên ngoài, nhưng dòng nước vẫn cuồn cuộn chảy ngầm dưới lòng đất. Khi Ba-lan và Hung-gia-lợi chuyển mình biến đổi thì chỉ là vấn đề thời gian đối với Tiệp Khắc mà thôi. Sự biến đổi còn được dung thứ, và ở nhiều trường hợp, khuyến khích bởi Gorbachev. Và nhờ nhìn vào kinh nghiệm của các quốc gia lân bang, Tiệp Khắc đã khắc phục được rất nhiều khó khăn. Điều kiện thuận lợi và trở lực đều có, tuy vậy, ít nhất trong một thời gian ngắn, chúng ta có quyền sung sướng, vui mừng. Băng đá đã bắt đầu tan. Quốc gia "Âu châu" nhất của Đông Âu đã đổi hướng để đi vào con đường lịch sử chính đáng của nó.

TIMOTHY GARTON ASH
TRỊNH Y THƯ dịch

SỨC MẠNH CỦA NGÔN NGỮ

VACLAV HAVEL
VANN PHAN dịch

Vaclav Havel đã nhận lãnh giải Friedenprus des Deutschen Buchandels, Giải thưởng Hòa Bình của Hiệp Hội Phát Hành Sách Đức quốc, hôm 15 tháng Mười, 1989. Sau đây là bài diễn văn nhận giải mà ông đã viết:

Giải thưởng mà hôm nay tôi hân hạnh nhận lãnh được mệnh danh là một giải thưởng hòa bình và được các nhà phát hành sách -- hay nói cách khác là những người mà nghề nghiệp của họ là truyền bá ngôn từ -- trao tặng cho tôi. Vì vậy, có lẽ đây cũng là dịp thuận lợi cho tôi hôm nay để đề cập đến những mối liên hệ huyền bí giữa ngôn từ và hòa bình, hoặc nói một cách rộng lớn hơn là đề cập đến khả năng huyền bí của ngôn từ trong lịch sử loài người.

Thoạt kỳ thủy đã có Ngôi Lời. Điều nầy đã được viết ra nơi trang đầu tiên của một trong những quyển sách quan trọng nhất mà chúng ta được biết tới. Những gì hàm chứa trong quyển sách nầy là Lời của Thượng Đế chính là cội nguồn của mọi sáng tạo. Phải chăng chúng ta cũng có thể nói, một cách bóng gió hơn, một điều tương tự đối với mọi hành động của con người? Và thật đúng như thế, người ta có thể nói ngôn từ chính là cội nguồn của sự hiện hữu của chúng ta, cũng như, trên thực tế, ngôn từ là nguyên tố cốt lõi của một hình thái sống động trong vũ trụ mà chúng ta gọi là Con Người. Tinh thần, hay linh hồn con người, là tri giác của chúng ta, là khả năng tổng hợp và tạo thành các khái niệm cũng như khả năng nhận thức được thế

Vaclav Havel dưới mắt họa sĩ hí họa David Levine

giới chính là thế giới con người (chứ không phải chỉ là nơi chúng ta cư ngụ). Sau hết tinh thần còn là khả năng để chúng ta có hể biết được rằng chúng ta sẽ chết đi -- và nếu như chúng ta sống mà không có sự hiểu biết đó, thì có chắc là những khả năng nói trên chính là sản phẩm của tư duy hay thực sự chúng là sản phẩm của ngôn từ?

Nếu lời của Thượng Đế là cội nguồn của mọi sáng tạo của Thượng Đế thì một trong các sáng tạo đó là loài người chỉ hiện hữu nhờ có một trong số các phép mầu khác của Thượng Đế -- đó là cái phép mầu về ngôn từ của con người. Và khi mà phép mầu nầy là chìa khóa mở cửa lịch sử nhân loại chỉ vì nó đã là chìa khóa mở cửa lịch sử xã hội chúng ta. Bởi vì sự thật là nếu ngôn từ không phải là một phương tiện truyền thông giữa hai hoặc nhiều "cái tôi" của con người thì hẳn là ngôn từ đã chẳng hề hiện hữu.

Tất cả những điều này đã được chúng ta biết tới -- hay ít ra người ta cũng từng ngờ thế -- tự thuở khai thiên lập địa. Chưa có bao giờ một ý nghĩa có tầm mức quan trọng như ngôn từ mà lại không hiện diện trong tri thức con người.

Nhưng như thế cũng chưa đủ: nhờ vào phép mầu của ngôn từ, chúng ta có lẽ đã hiểu biết hơn các động vật khác là trên thực tế chúng ta hiểu biết chẳng có là bao, hay nói khác đi, chúng ta ý thức được sự hiện hữu của bí nhiệm. Lúc bắt gặp cái bí nhiệm -- đồng thời ý thức được khả năng tạo dựng của ngôn từ dành cho chúng ta -- chúng ta đã không ngừng cố gắng truyền thông với những gì còn do bí nhiệm bưng bít, và dùng ngôn từ của chúng ta để ảnh hưởng tới những điều bí nhiệm đó. Với tư cách là một tín đồ, chúng ta cầu nguyện Chúa, với tư cách phù thủy, chúng ta tuyên triệu đến hoặc xua đuổi đi các hồn ma, sử dụng ngôn từ để can thiệp vào

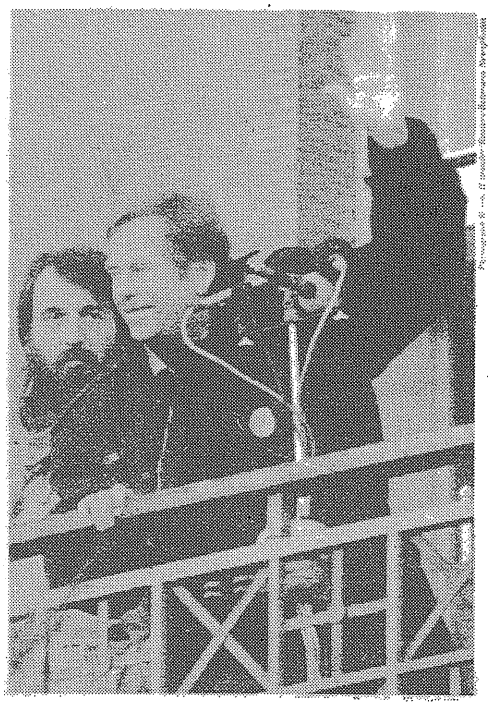

Václav Havel

các hiện tượng tự nhiên hay biến cố của con người. Với tư cách là thành viên của nền văn minh hiện tại -- dù chúng ta có là kẻ tin tưởng hay không -- chúng ta đang dùng ngôn từ để tạo dựng các lý thuyết khoa học và ý thức hệ chính trị, rồi dùng chúng để tác động hoặc hướng dẫn con đường huyền bí của lịch sử -- một cách thành công hay là thất bại cũng thế.

Nói cách khác, cho dù chúng ta có ý thức được hay không, và dẫu cho chúng ta có giải thích như thế nào chăng nữa thì vẫn có một điều dường như hiển nhiên: chúng ta lúc nào cũng tin tưởng vào sức mạnh của ngôn từ nhằm thay đổi lịch sử -- và đúng như thế, trong một ý nghĩa nào đó.

Tại sao lại "đúng như thế?"

Có phải chăng ngôn từ của con người thực sự đủ mạnh để chuyển đổi thế giới và ảnh hưởng tới lịch sử? Và dẫu cho có những thời kỳ mà ngôn từ đã sử dụng sức mạnh đó, liệu ngôn từ ngày nay có vẫn còn tác động như vậy hay không?

Quí vị đang sống trên một đất nước với đầy đủ quyền tự do ngôn luận. Mọi công dân không riêng gì ai đều có thể tận dụng cái quyền tự do đó cho bất cứ mục đích nào, và không ai thấy cần phải e dè trong ngôn ngữ, chứ đừng nói chi đến phải lo lắng vì lời nói của mình. Chính vì thế, quí vị sẽ dễ dàng có cảm nghĩ rằng tôi đã quá đề cao tầm mức quan trọng của ngôn từ chỉ đơn giản là vì tôi đang sống trên một đất nước mà cho đến nay ngôn từ vẫn còn có thể đưa con người vào vòng tù tội.

Quả vậy, tôi hiện sống trên một đất nước mà quyền lực cũng như hệ quả dây chuyền của ngôn từ đều được biểu tỏ hằng ngày qua những ràng buộc mà quyền tự do ăn nói đưa tới. Chỉ mới vừa rồi thôi, toàn thể thế giới đã kỷ niệm hai trăm năm ngày Cách Mạng Pháp. Hiển nhiên là chúng ta nhắc lại Bản tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền theo đó mọi công dân đều có quyền làm chủ một nhà in. Cùng vào thời điểm này, tức là vừa đúng hai trăm năm sau ngày Bản tuyên ngôn đó ra đời, anh bạn Frantisek Stárek của tôi đã bị

bỏ tù hai năm rưỡi vì đã xuất bản tờ báo văn hóa độc lập *Vokno* -- không phải là nhờ một nhà in riêng nào cả nhưng là bằng một cái máy in rô-nê-ô kêu cót két đã có từ thời trước cơn Đại hồng thủy lận.

Không lâu trước đó, một người bạn nữa của tôi là Ivan Jirous đã bị kết án mười sáu tháng tù vì đã phỉ báng, bằng cách đánh máy ra, một chuyện mà ai cũng biết: rằng quốc gia của chúng tôi đã phải chứng kiến nhiều cuộc giết người thông qua luật pháp, và rằng ngay trong thời buổi này một người cũng có thể bị kết án một cách bất công để rồi chết vì bị ngược đãi trong tù. Một người bạn khác nữa của tôi là Petr Cibulka thì ngồi tù vì tội phân phát các bản văn chống đối bí mật và các băng ghi âm các giọng ca và băng nhạc đi sai đường lối của nhà nước.

Vâng, mọi chuyện đó đều là sự thật. Tôi hiện sống trên một đất nước mà chỉ một đại hội nhà văn hoặc vài bài diễn văn tại cuộc hội họp đi thôi cũng bị coi là có sức lật đổ chế độ. Bạn có thể nào tưởng nghĩ tới một chuyện tương tự như vậy ở Cộng hòa Liên Bang Đức không? Phải, tôi đang sống trên một đất nước mà, hai mươi mốt năm về trước, đã bị rung chuyển bởi một bản văn dưới ngòi bút của một người bạn tôi là Ludvík Vaculík. Và dường như để xác nhận các kết luận của tôi về sức mạnh của ngôn từ, anh bạn tôi đã đặt tựa đề cho bản văn của anh là "Hai Ngàn Chữ." Ngoài những điều khác, bản tuyên ngôn đó được dùng làm một cái cớ để cho một đêm kia năm nước ngoại quốc đến xâm lược đất nước tôi. Và thật chẳng phải là tình cờ mà tôi lại viết nên những dòng nầy khi mà chế độ hiện nay trên đất nước tôi hiện đang bị lung lay chỉ bởi vì một trang của một bản văn có nhan đề là -- một lần nữa dường như để minh họa cho những điều tôi đang nói tới -- "Vài Lời." Đúng, tôi thực sự đang sống trong một hệ thống chính trị mà ngôn từ có khả năng làm lung lay toàn bộ cấu trúc của nhà nước, nơi mà ngôn từ có thể tỏ ra mạnh hơn là mười sư đoàn, nơi mà các tác phẩm nói lên sự thật của Solzhenitsyn bị coi là điều nguy hiểm đến nỗi cần phải trói gô tác giả của các tác phẩm đó rồi tống lên máy bay chở đi. Tuy thế, trong phần đất này của thế giới mà tôi đang sống, cái từ Đoàn Kết đã có sức lay chuyển cả một khối cường quốc.

Tất cả những điều đó đều là sự thật. Reams đã viết về điều đó, và một bậc đàn anh của tôi trong giải nầy là Lev Kopelev cũng đã nói về điều đó.

Nhưng có một sự khác biệt nhỏ liên quan đến trường hợp của tôi hiện nay. Ý định của tôi không phải là chỉ nói về tầm mức quan trọng không ai ngờ tới mà những ngôn từ không bị kiểm chế đã đạt tới trong những điều kiện chính trị độc đoán. Tôi cũng không muốn phô diễn cái sức mạnh huyền bí của ngôn từ bằng cách đặc biệt đề cập đến những quốc gia mà chỉ cần một vài lời thôi cũng có sức mạnh hơn cả một chuyến tàu chở cốt mìn ở đâu đó.

Tôi muốn nói một cách khái quát hơn và xét đến những khía cạnh rộng lớn hơn và được mọi người tranh cãi nhiều hơn trong đề tài mà tôi chọn.

Chúng ta đang sống trong một thế giới mà một công dân tại Anh quốc có thể thấy mình biến thành mục tiêu của một mũi tên giết người đang nhắm tới -- một cách công khai và trơ trẽn -- do một cá nhân đầy quyền lực trong một quốc gia khác, chỉ vì anh ta đã viết nên một quyển sách có sức phổ cập. Con người đầy quyền lực kia hiển nhiên là đã hành động nhân danh hằng triệu tín đồ của ông. Và hơn nữa, trên thế giới nầy, cũng có thể là một phần nào đó trong số hằng triệu con người nói trên -- mà người ta hy vọng chỉ là một phần nhỏ -- sẽ đồng tình với bản án tử hình mà người ta đã công bố.

Cái gì hiện đang xảy ra? Nó có nghĩa gì? Phải chăng đó chẳng qua là một sự bộc phát lạnh lùng của lòng cuồng tín, đang lúng túng tìm kiếm một cuộc sống mới trong thời đại của nhiều thỏa hiệp Helsinki khác nhau, và gấp rút hồi sinh nhờ các kết quả què quặt của một công trình Âu châu hóa một cách què quặt những thế giới mà ban đầu chẳng hề thích thú mấy khi phải nhập cảng nền văn minh ngoại quốc, và chính vì mớ hàng hóa lộn xộn đó mà các thế giới nầy đã kết thúc bằng cách ngồi trói mình vào những món nợ khổng lồ mà họ chẳng bao giờ trả nổi.

Chắc chắn tất cả đều là thế.

Nhưng cũng còn một điều khác nữa. Đó là một dấu hiệu.

Đó là dấu hiệu của cái sức mạnh huyền bí và mơ hồ của ngôn từ.

Sự thật thì sức mạnh của ngôn từ không phải mơ hồ mà cũng không phải là rõ rệt. Nó không chỉ là cái lực giải phóng trong ngôn từ của Walesa hoặc cái lực báo động trong ngôn từ của Sakharov. Nó cũng không đơn giản là cái lực trong quyển sách của Rushdie -- mà đã rõ ràng bị người ta giải thích sai lạc.

Điểm then chốt là, bên cạnh ngôn từ của Rushdie, chúng ta còn có ngôn từ của Khomeini. Những ngôn từ làm xã hội giật bắn lên bằng cái tự do và sự thật chứa đựng trong nó được sánh bằng những ngôn từ có sức thôi miên, lừa phỉnh, kích động, làm điên cuồng, dối gạt, những ngôn từ gây tác hại -- ngay cả giết người nữa. Thứ ngôn từ như mũi tên độc.

Tôi chẳng dám nghĩ là phải dài dòng giải thích cho quí vị thuộc mọi giới cái sức mạnh quỉ quái của một vài thứ ngôn từ: quí vị hẳn đã có một kinh nghiệm đầu tay thật mới mẻ về những gì mà những nỗi hãi hùng ghê gớm có tính cách lịch

sử có thể mang lại trong những bối cảnh chính trị và xã hội nào đó, từ những ngôn từ hấp dẫn mê mệt, tuy hoàn toàn điên loạn, của một tay tiểu tư sản đơn độc, bình thường. Phải công nhận là tôi dã không thể hiểu cái gì đã khiến một số đông các bậc tiền bối của quí vị phải say mê, nhưng đồng thời tôi cũng nhận thức được rằng chắc phải có một cái gì cực kỳ cưỡng bách cũng như cực kỳ quỷ quyệt mới có thể đánh lừa, dù chỉ trong một thời gian ngắn thôi, ngay cả bậc đại thiên tài đó là người đã đem lại ý nghĩa vừa mới mẻ vừa bén nhọn cho những từ *"Sein" (Hiện thể), "Da-Sein" (Tự thể) và "Existenz" (Hiện hữu).*

Điểm then chốt mà tôi muốn làm sáng tỏ là ngôn từ là một hiện tượng huyền bí, mơ hồ, mông lung và phản trắc. Chúng có khả năng là những tia sáng soi rọi vào một lãnh vực tối tăm, như lời Belinsky từng có lúc miêu tả tác phẩm *Storm (Giông tố)* của Ostrovsky. Chúng cũng có khả năng biến thành những mũi tên giết người. Tệ hại nhất là có những lúc chúng có thể là cái nầy hay cái nọ. Và ngay cả hai thứ cùng một lúc!

Ngôn từ của Lenin -- chúng là gì nhỉ? Giải phóng con người hay, trái lại, dối gạt, nguy hiểm và hết sức nô lệ hóa con người? Đây vẫn còn là một mối tranh cãi giữa những người say mê nghiên cứu lịch sử của chủ nghĩa cộng sản, và cuộc tranh luận chắc sẽ còn dữ dội khá lâu nữa. Cảm nghĩ riêng của tôi về những ngôn từ nầy là chúng luôn luôn cuồng nhiệt.

Và còn ngôn từ của Marx thì sao? Phải chăng chúng giúp soi sáng một lãnh vực hoàn toàn bị bưng bít của một xã hội máy móc, hay phải chăng chúng chỉ là mầm mống tầm thường đã gây ra những trại lao động khổ sai đáng ghê sợ. Tôi không biết nữa: hầu như chúng là cả hai thứ cùng một lúc.

Và về ngôn từ của Freud thì sao? Chúng có hé mở được cái vũ trụ bí mật của tâm hồn con người, hay chúng chẳng hơn gì cái cội nguồn của một ảo ảnh mà ngày ngay đang làm tê liệt một nửa Châu Mỹ, đến nỗi người ta có thể gieo rắc những khổ ải và tội lỗi của người ta bằng cách nhờ một chuyên gia được trả lương hậu đi truyền bá ra ngoài?

Nhưng tôi sẽ đi xa hơn và hỏi một câu có tính khiêu khích hơn nữa: Đâu là đặc tính thật sự trong lời của Chúa? Có phải chúng là sự khởi đầu cho một kỷ nguyên cứu rỗi giữa các thế lực văn hóa hùng mạnh trong lịch sử thế giới -- hay có phải chúng là nguồn cội tinh thần của những cuộc thập tự chinh, tra xét kẻ ngoại giáo và hủy diệt văn hóa của Bắc và Nam Mỹ, và sau đó là sự bành trướng khắp nơi của dân da trắng với biết bao nhiêu mâu thuẫn và đem lại biết bao nhiêu kết quả bi thảm, kể cả sự kiện là hầu hết thế giới loài người đã bị liệt vào một chủng loại đáng thương được biết tới như là "Thế giới Thứ Ba?" Tôi vẫn có khuynh hướng nghĩ rằng lời của Chúa Cứu Thế thuộc về loại trên, nhưng cùng lúc đó tôi không thể không biết tới vô số quyển sách đã biểu lộ rằng, ngay cả trong hình thức thuần khiết và sơ khai nhất, cũng vẫn có một cái gì vô thức in sâu vào Ki-tô giáo, mà khi kết hợp với một nghìn lẻ một cảnh ngộ khác, kể cả đặc tính tương đối thường trực của bản tính con người, có thể, bằng cách nào đó, dọn đường tinh thần cho cả những thứ thảm họa mà tôi đã nói trên.

Ngôn từ cũng có lịch sử của nó nữa chứ.

Ví dụ như có một thời mà tất cả các thế hệ bị chà đạp và áp bức thì cái từ xã hội chủ nghĩa là một tiếng đồng nghĩa đầy ma lực cho một thế giới công chính, một thời mà, đối với cái lý tưởng được diễn đạt trong từ đó, người dân có thể hy sinh năm này qua năm khác trong cuộc đời của họ và ngay cả hy sinh cả cuộc đời họ nữa. Tôi không rõ gì về đất nước của quí vị, nhưng trong đất nước tôi, cái từ đặc biệt đó -- "xã hội chủ nghĩa" -- đã từ lâu rồi bị biến đổi thành một cây dùi cui thông thường được các tay thư lại đầy hoài nghi và mới giàu có lên sử dụng để áp bức bọn đồng bào có đầu óc phóng khoáng của họ từ sáng sớm cho đến đêm khuya, đồng thời bôi lọ họ là "kẻ thù của xã hội chủ nghĩa" và "các lực lượng chống chủ nghĩa xã hội." Đây là sự thật: trong đất nước tôi, cách đây đã lâu, cái từ đó đã chẳng hơn gì một câu tụng niệm lải nhải mà người ta phải tránh né nếu người ta không muốn mình lộ vẻ khả nghi. Vừa mới đây tôi có tham dự một cuộc biểu tình hoàn toàn ngẫu nhiên, không phải do nhóm chống đối tổ chức, nhằm phản kháng việc bán đứt một trong những phần đất đẹp đẽ nhất của Tiệp Khắc cho một số nhà triệu phú bên Áo. Khi một trong các thuyết trình viên tại cuộc biểu tình đó, trong lúc lớn tiếng chê bai kế hoạch nầy, cố đưa ra lời kêu gọi chính quyền bằng cách tuyên bố rằng ông ta đang đấu tranh cho quê hương mình dưới danh nghĩa xã hội chủ nghĩa, thì đám đông bắt đầu cười ồ lên. Không phải vì đám đông có điều gì muốn chống lại một trật tự xã hội đúng đắn, nhưng hoàn toàn chỉ là vì họ đã nghe một từ mà, từ năm nầy qua năm nọ, đã được tụng niệm tới lui trong mọi bối cảnh có thể chấp nhận được hoặc không thể chấp nhận được bởi một chế độ chỉ biết cách làm sao để khai thác và hạ nhục dân chúng mà thôi.

Một số ngôn từ nào đó có thể gặp một định mạng hết sức trớ trêu nữa! Có một thời kỳ của lịch sử mà người dân can đảm và có đầu óc phóng khoáng có thể bị đẩy vào tù vì một từ đặc biệt có một ý nghĩa nào đó đối với họ, và vào một thời điểm khác, cũng loại người đó có thể

bị hạ ngục bởi vì cái từ đó thôi không còn có ý nghĩa gì đối với họ nữa, bởi vì từ đó đã thay đổi từ một biểu tượng của một thế giới tốt đẹp hơn trở thành một câu thần chú vô nghĩa của một nhà độc tài đần độn.

Không có ngôn từ nào -- ít ra cũng không theo cái nghĩa khá bóng gió như tôi đang dùng cái từ "ngôn từ" ở đây -- mà lại chỉ bao gồm cái ý nghĩa mà người ta gán cho nó qua một từ nguyên tự điển. Ý nghĩa của mọi từ cũng phản ảnh một người đã nói lên từ đó, hoàn cảnh nó được thốt ra và lý do vì sao nó được thốt ra. Cũng cùng một từ đó có thể, vào một lúc nầy, thì chiếu sáng những hy vọng lớn lao, nhưng vào một lúc khác thì nó lại phát ra những tia sáng giết người. Cũng cùng một từ đó có thể đúng vào một lúc nào đó và sai vào dịp khác, cũng như có lúc thì ngời sáng chân lý mà có lúc lại dối gạt con người. Vào một dịp, từ đó có thể mở ra những chân trời sáng lạn, và, vào một dịp khác, nó có thể dẫn đường đưa tới cả một quần đảo những trại tập trung. Cũng cùng một từ mà khi thì là viên đá tảng cho nền hòa bình, khi thì lại là một khẩu liên thanh khạc lửa vang dội trong mọi âm vần.

Gorbachev muốn cứu vãn xã hội chủ nghĩa qua nền kinh tế thị trường và tự do ngôn luận, trong khi Lý Bằng bảo vệ chủ nghĩa xã hội bằng cách tàn sát sinh viên, và Ceaucescu cũng hành động như thế bằng cách bắt nạt dân chúng. Cái từ đó có nghĩa thế nào trên đôi môi của người nầy và trên đôi môi của hai người kia? Cái điều huyền bí nào đang được cứu vãn qua các cách thế khác nhau đó?

Tôi đã đề cập tới cuộc Cách Mạng Pháp và bản tuyên ngôn huy hoàng đã tháp tùng cuộc cách mạng đó. Bản tuyên ngôn nầy đã được ký bởi một chính khách mà sau nầy nằm trong số những người đầu tiên bị xử tử nhân danh cái bản văn có tính cách nhân bản siêu việt đó. Và đã có hằng trăm và có thể là hàng nghìn người đã nối gót ông. *Liberté (Tự do), L'Égalité (Công bằng), Fraternité (Bác ái)* -- toàn là những từ siêu việt quá chừng! Và ý nghĩa của nó lại còn có thể khủng khiếp biết chừng nào nữa. Tự do: chiếc áo sơ mi được mở nút trước lúc hành quyết. Công bằng: tốc độ đều đặn của lưỡi gươm rơi trên các cần cổ khác nhau. Bác ái: một thiên đàng đáng ngờ nào đó do một Đấng Tối Cao ngự trị!

Ngày nay thế giới đang dội lại cái mỹ từ tuyệt vời và đầy hứa hẹn "cải cách." Tất cả chúng ta đều tin rằng nó chất chứa hy vọng cho Âu châu và cho toàn thể thế giới.

Dù vậy, tôi bắt buộc phải thừa nhận rằng đôi khi tôi phải rùng mình trước ý nghĩ rằng cái từ nầy có thể lại trở thành một câu tụng niệm khác, và sau cùng lại biến thành một cây dùi cui để ai đó lại đánh chúng ta. Chẳng phải là tôi nghĩ tới đất nước của tôi không đâu: khi các nhà cai trị của tôi thốt lên cái từ đó thì nó có nghĩa tương tự như từ "hoàng đế của chúng ta" do gã Chiến Binh Gương Mẫu Svejk thốt ra. Không, điều tôi suy nghĩ trong đầu là sự kiện rằng ngay cả con người dũng cảm đó hiện giờ đang ngồi trong Điện Cẩm Linh thỉnh thoảng, hoặc có thể chỉ vì tuyệt vọng, kết án các công nhân đang đình công, các quốc gia hoặc các nhóm thiểu số đang nổi loạn, hoặc những người cầm đầu của các nhóm chủng tộc thiểu số quá bất thường nầy, hoặc những người cầm đầu của các nhóm công luận quá bất thường kia, hoặc những người cầm đầu của các nhóm công luận quá bất thường nọ, về tội "gây nguy hại tới chủ trương cải cách." Tôi có thể hiểu được những linh cảm của ông. Thật là cực kỳ khó khăn để mà hoàn tất công trình to lớn mà ông đang thực hiện. Toàn thể công trình nầy đang treo bằng những sợi chỉ mong manh nhất, và hầu như chuyện gì cũng có thể làm những sợi chỉ kia đứt được cả. Lúc đó hết thảy chúng ta có thể sẽ đều rơi xuống vực thẳm. Nhưng dẫu biết thế tôi cũng không thể nào mà không nghĩ rằng phải chăng tất cả cái "tư duy mới" nầy không hề hàm chứa những tàn tích phiền phức của quá khứ. Chẳng lẽ nó không chứa đựng một ít tiếng vang của các suy nghĩ một chiều ngày xưa và các câu tụng niệm theo nghi thức của *chế độ cũ?* Bộ cái từ cải cách nầy không phải đang bắt đầu giống nghĩa với cái từ xã hội chủ nghĩa, nhất là trong hoàn cảnh riêng lẻ khi nó được bí mật quẳng vào đám dân chúng mà, từ bấy lâu nay, đã bị sửa trị một cách bất công bằng cái từ xã hội chủ nghĩa hay sao?

Đất nước của quí vị đã đóng góp to lớn vào lịch sử hiện đại của Châu Âu. Tôi muốn nói đến đợt sóng đầu tiên trong tiến trình làm giảm bớt mối căng thẳng: chủ trương "*Ostpolitik*" *(Chính sách về Phương Đông)* nổi tiếng.

Nhưng ngay cả cái từ đó thỉnh thoảng cũng tỏ ra thật là hàm hồ. Hiển nhiên nó có nghĩa là tia sáng lấp lánh đầu tiên của niềm hy vọng về một Âu Châu không có chiến tranh lạnh hoặc bức màn sắt. Rủi thay, đồng thời cũng có những dịp mà nó có nghĩa là sự bỏ rơi tự do: điều kiện tiên quyết căn bản cho mọi nền hòa bình thật sự. Cho tới nay tôi vẫn còn nhớ lại một cách sống động là vào đầu thập niên bảy mươi, cái cách thế mà một số các bạn đồng nghiệp Tây Đức của tôi cũng như bạn bè đã xa lánh tôi vì sợ rằng việc tiếp xúc với tôi -- có người vì thiên vị với chính quyền nơi đây -- có thể khiêu khích một cách không cần thiết chính quyền đó, và vì thế gây nguy hại cho những nền tảng của tình trạng hòa dịu sơ khai. Đương nhiên tôi không đề cập đến chuyện nầy chỉ vì cá nhân

tôi, chứ đừng nói gì đến do bất cứ mối tự ti nào. Dẫu sao, ngay cả lúc đó, đúng ra là tôi phải thương hại họ, bởi vì không phải chính tôi mà là họ là những kẻ tự nguyện chối bỏ quyền tự do của họ. Tôi chỉ đề cập tới chuyện nầy để mà chứng tỏ một lần nữa rằng, từ một góc cạnh khác, thật là dễ dàng cho một chính nghĩa đầy thiện ý bị biến thành sự bội phản chính cái thiện ý của nó -- và cũng bởi vì có một từ mà ý nghĩa của nó dường như không được ai quan tâm đầy đủ tới. Những chuyện như thế có thể xảy ra thật dễ dàng đến nỗi hầu như bạn bị rơi vào tình trạng bất ngờ: nó xảy ra mơ hồ, lặng lẽ, lén lút -- và, sau cùng, khi quí vị nhận thức được nó, thì quí vị chỉ còn có một sự chọn lựa duy nhất: nỗi kinh ngạc trễ tràng.

Tuy thế, đó chính là cách thế quỷ quái mà ngôn từ có thể phản bội chúng ta -- trừ phi chúng ta lúc nào cũng cẩn trọng trong cách dùng nó. Và thường thì -- hỡi ôi -- ngay cả một sự chểnh mảng nhỏ nhoi và trong giây lát thôi trên lãnh vực nầy cũng đủ gây ra các hậu quả thảm khốc và không thể sửa chữa được, những hậu quả vượt quá thế giới trừu tượng của ngôn từ suông và xâm nhập sâu vào một thế giới thuần vật chất.

Vậy là cuối cùng tôi lại đang đi vòng vo quanh cái mỹ từ "hòa bình" rồi đó.

Từ bốn mươi năm nay tôi đã từng đọc nó ở đằng trước mọi cao ốc và trên mọi cửa kiếng bán hàng trong đất nước tôi. Suốt bốn mươi năm, một chứng dị ứng đối với cái từ đẹp đẽ ấy đã nẩy mầm trong tôi cũng như trong tất cả đồng bào của tôi, bởi vì tôi biết rằng cái từ nầy, từ bốn mươi năm qua, có ý nghĩa: cần có các đội quân hùng mạnh đáng kể hơn để bảo vệ hòa bình.

Bất chấp cái tiến trình dài dòng tước bỏ một cách có hệ thống mọi ý nghĩa của cái từ "hòa bình" -- tệ hại hơn nữa là thay vào đó lại gắn vào cho nó một ý nghĩa hoàn toàn đối nghịch với ý nghĩa do tự điển đưa ra -- một số các Don Quixotes trong Hiến Chương 77 và dăm bảy các đồng nghiệp trẻ hơn của họ trong Hiệp Hội Hòa Bình Độc Lập đã cố sức tu bổ cho cái từ nầy và phục hồi ý nghĩa nguyên thủy của nó. Mặc dù thế, dĩ nhiên là họ phải trả giá cho cái "cải cách ngữ học" của họ -- tức là dựng cái từ "hòa bình" cho nó lại đứng lên: hầu hết các thanh thiếu niên đã đi hàng đầu trong Hiệp Hội Hòa Bình đều có bổn phận phải ở lại trong hiệp hội mấy tháng để chịu đựng gian khổ. Tuy vậy việc nầy cũng đã bõ công rồi. Một từ quan trọng đã được cứu vãn khỏi bị giảm giá. Và đây không phải chỉ là vấn đề cứu vãn một từ thôi đâu, như tôi đã từng cố gắng giải thích trong suốt diễn từ của tôi. Một điều quan trọng hơn thế nhiều đã được cứu vãn.

Điểm then chốt là mọi biến cố quan trọng trên thế giới hiện thực nầy -- dù có đáng khâm phục hay là kỳ quái -- đều luôn luôn được trau chuốt cho sắc bén trong thế giới của ngôn từ.

Như tôi đã từng đề cập tới, ý định của tôi hôm nay tại nơi đây không phải là để truyền đạt đến quí vị kinh nghiệm của một người từng ý thức rằng ngôn từ vẫn có một giá trị nào đó trong khi quí vị vẫn vì nó mà ngồi tù. Tôi vẫn có ý định chia sẻ với quí vị một bài học khác rằng chúng ta, nơi phần đất nầy của thế giới, đã từng ý thức về tầm mức quan trọng của ngôn từ. Tôi tin rằng đó là một bài học có những ứng dụng phổ quát: tức là thật bõ công khi chúng ta biết hoài nghi ngôn từ và cảnh giác về chúng, và rằng chúng ta có thể chẳng bao giờ tỏ ra cẩn thận quá mức trong lãnh vực nầy.

Không còn nghi ngờ gì nữa là sự bất tín nhiệm vào ngôn từ vẫn ít nguy hại hơn là cứ tin tưởng bừa vào chúng.

Ngoài ra, khi bất tín nhiệm ngôn từ và kết án chúng vì những điều hãi hùng có thể nằm ngủ lén lút trong chúng -- thì chẳng lẽ điều nầy, sau cùng, lại không phải là một thiên chức thực sự của giới trí thức sao? Tôi nhớ rằng André Glucksmann, một đồng nghiệp hôm nay đã xuất hiện tại đây trước tôi, đã có lần phát biểu tại Tiệp Khắc về nhu cầu của giới trí thức phải thi đua với Cassandra: lắng nghe cặn kẽ ngôn từ của kẻ mạnh, cảnh giác trước họ, báo trước mối nguy họ mang tới, và loan báo các ngụ ý đáng sợ hoặc những điều tệ hại mà họ có thể gây ra.

Có vài điều mà chúng ta phải lưu ý và nó có liên quan đến sự kiện là, qua nhiều thế kỷ, chúng ta -- dân tộc Đức và dân tộc Tiệp Khắc -- gặp phải đủ thứ vấn đề trong khi chung sống với nhau tại Trung Âu. Tôi không thể nào lên tiếng thay cho quí vị, nhưng tôi nghĩ là tôi có thể nói thẳng rằng, đối với người Tiệp Khắc, những mối ác cảm, thành kiến và tham vọng lâu dài, thường xuyên được tưới dầu vào rồi quạt lên bằng nhiều cách qua bao thế kỷ, đã bay mất đi hết theo các thập niên vừa qua. Và chẳng có chút gì là tình cờ khi điều nầy xảy ra giữa lúc chúng tôi đã bị khớp vào dưới một chế độ độc tài. Cũng nhờ chế độ nầy mà chúng tôi đã phát huy được một nỗi bất tín nhiệm sâu xa về mọi nguyên tắc, ý thức hệ cứng nhắc, ước lệ, khẩu hiệu, khuôn mẫu tinh thần, cũng như những thúc giục ngấm ngầm đối với các mức độ khác nhau trong cảm xúc của chúng tôi, từ cái thấp hèn cho đến cái cao cả. Vì lẽ đó, chúng tôi giờ đây hầu như miễn nhiễm trước mọi quyến rũ thôi miên, ngay cả bằng danh nghĩa quốc gia hay ái quốc thường có truyền thống thuyết phục con người. Miếng vải trùm cỗ quan tài kín mít của những ngôn từ rỗng tuếch đã từng làm chúng tôi

ngột ngạt bấy lâu nay đã dạy dỗ chúng tôi lòng bất tín nhiệm sâu xa đối với thế giới của những ngôn từ lừa phỉnh, cho nên giờ đây chúng tôi đã được trang bị tốt hơn bao giờ hết để nhìn thế giới qua bộ mặt thật của nó: một cộng đồng phức tạp của hằng ngàn triệu cái độc tôn, những con người cá nhân mà trong đó hằng trăm đức tính tốt đẹp sánh vai với hằng trăm khuyết điểm và khuynh hướng tiêu cực. Chớ có bao giờ bắt họ phải nhập lại với nhau thành những đám cùng chủng loại bên dưới một đống khuôn mẫu rỗng tuếch và ngôn từ cằn cỗi và rồi dồn họ thành khối -- như "giai cấp," "quốc gia," hoặc "các lực lượng chính trị" -- tâng bốc lên hoặc hạ xuống, thương và ghét, bôi nhọ hoặc tôn vinh.

Đây chỉ là một tỉ dụ của một điều tốt lành có thể xảy tới khi chúng ta sử dụng ngôn từ một cách thận trọng. Tôi đã chọn tỉ dụ trên đặc biệt cho dịp nầy, tức là cho giây phút mà một người Tiệp Khắc được vinh dự đọc diễn từ trước một cử tọa mà tuyệt đại đa số là người Đức.

Khởi đầu của vạn vật là lời nói.

Chính là do ở phép mầu mà chúng ta được làm người.

Nhưng đồng thời đây cũng là một mối hiểm nguy và là một bài thi, một cái bẫy sập và một thử thách.

Có lẽ điều đó còn rõ nét hơn đối với quí vị là những người có được quyền tự do ngôn luận lớn lao, và vì thế cho rằng ngôn từ là không mấy quan trọng.

Ngôn từ quan trọng.

Bất cứ nơi đâu ngôn từ cũng quan trọng hết.

Cùng một từ đó có thể là khiêm nhường vào lúc nầy nhưng lại là kiêu căng trong dịp khác. Và một từ khiêm nhường có thể được biến cải thành một từ kiêu căng một cách thật dễ dàng và thật tinh vi, trong khi cần cả một tiến trình rất khó khăn và lâu dài để chuyển đổi một từ kiêu căng thành một từ khiêm nhường. Tôi cố gắng chứng tỏ điều nầy bằng cách đề cập đến số phận của từ "hòa bình" trên đất nước tôi.

Đang khi chúng ta tiến đến những năm cuối của thiên niên thứ hai, thế giới, và đặc biệt là Âu Châu, thấy mình đang đứng ở một ngã tư đặc biệt. Cách đây thật lâu đã có một thời có nhiều bằng cớ để hy vọng rằng mọi sự sẽ trở nên tốt đẹp. Đồng thời, chưa bao giờ lại có nhiều lý do khiến chúng ta phải lo sợ rằng nếu có điều gì không may xảy tới thì tai họa nầy sẽ là tai họa chung cuộc.

Thật chẳng khó khăn gì để mà chứng minh rằng tất cả những hiểm họa đang đe dọa thế giới hôm nay, từ chiến tranh hạch tâm cho tới thảm họa về môi sinh cho tới các tai ương cho xã hội và văn minh -- theo đó tôi có ý muốn nói tới cái hố ngày một rộng thêm ra giữa kẻ giàu và người nghèo cũng như giữa nước giàu và nước nghèo -- đều có một nguyên do cội rễ tiềm ẩn trong nó: sự chuyển biến không thể nhận được của điều mà nguyên thủy là một thông điệp khiêm nhường trở thành một thông điệp kiêu căng.

Một cách kiêu căng, nhân loại bắt đầu tin rằng, với vai trò chóp bu và chúa tể của tạo vật, họ hoàn toàn hiểu biết về thiên nhiên và có thể sử dụng thiên nhiên theo ý muốn.

Một cách kiêu căng, họ bắt đầu nghĩ rằng, với tư cách là sở hữu chủ của lý trí, họ có khả năng hiểu biết tường tận chính lịch sử của mình và vì thế họ cũng có khả năng hoạch định cuộc sống hạnh phúc cho muôn loài. Điều nầy càng tạo cho họ cái quyền, nhân danh một tương lai hiển nhiên là tốt đẹp hơn cho mọi người -- mà họ đã nắm được chiếc chìa khóa mở cửa duy nhất để đi vào -- mà đào thải ra khỏi bước đường tiến hóa tất cả những kẻ không ưa thích đường lối của họ.

Một cách kiêu căng, họ bắt đầu nghĩ rằng vì họ có khả năng phân tích các nguyên tử nên giờ đây họ trở nên hoàn hảo đến nỗi sẽ chẳng còn hiểm nguy nào trong cuộc chạy đua hạch tâm, đừng nói chi đến chiến tranh hạch tâm.

Trong mọi trường hợp, họ đã nhầm lẫn chết người. Điều nầy quả thật là tồi tệ. Nhưng trong mỗi trường hợp họ đều đã bắt đầu nhận thức được sự nhầm lẫn của mình. Và điều nầy thật tốt đẹp.

Đã học được những bài học đó, tất cả chúng ta phải chung sức chiến đấu chống lại những ngôn từ kiêu căng và sẵn sàng cảnh giác trước mọi mầm mống kiêu căng ngấm ngầm trong ngôn từ mà bề ngoài tưởng chừng như khiêm nhượng.

Rõ ràng đây không phải chỉ là một nhiệm vụ có tính cách ngữ học. Tinh thần trách nhiệm vì và đối với ngôn từ là một nhiệm vụ mà ngay trong bản chất đã có tính cách đạo đức.

Tuy nhiên, trong chiều hướng đó, nhiệm vụ nầy nằm ở bên kia chân trời của thế giới hữu hình, trong lãnh vực mà ở đó ngự trị Ngôi Lời là hữu thể có tự thuở ban đầu và không phải là ngôn từ của Con Người.

Tôi xin mạn phép không giải thích tại sao nó là vậy. Điều nầy đã từng được bậc đại tiền bối của chúng ta là Immanuel Kant giải thích tường tận hơn tôi nhiều rồi.

VACLAV HAVEL

Hrádecek, 25 tháng Bảy, 1989
(Bản dịch Anh ngữ của A.G. Brain, 1989.
Bản dịch Việt ngữ của Vann Phan, Jan. 1990)

THƠ VÀ VĂN

NGUYỄN HƯNG QUỐC

Sự khác biệt giữa thơ và văn là gì?

Đó là một câu hỏi cũ. Và là một câu hỏi khó. Từ lâu, đã nhiều người trăn trở tìm lời giải đáp. Dường như chưa có lời giải đáp nào hoàn toàn thỏa đáng và có giá trị lâu dài. Có trường hợp, người ta thất bại ngay từ đầu. Có trường hợp khác, người ta ngỡ đã tiếp cận được chân lý, thế nhưng, khi văn học trải qua một cuộc biến động lớn, người ta ngơ ngác nhận ra những điều mình tưởng là chân lý ấy lại hóa ra bất cập, khiên cưỡng và chênh vênh vô cùng. Có ba lý do giải thích sự kiện này. Thứ nhất là, để giải đáp câu hỏi trên, người ta phải giải đáp, trước hết, hai câu hỏi căn bản và phức tạp khác: Thơ là gì? Văn là gì? Chỉ trên cơ sở nhận diện chính xác bản chất của thơ và văn trở thành hai loại hình văn học hoàn toàn khác nhau. Nhưng đây lại là một vấn đề, đến nay, cơ hồ chưa ai làm được. Các nhà thơ thường ít thích định nghĩa thơ. Những người muốn biến việc nghiên cứu thơ thành một khoa học bắt đầu bằng những định nghĩa nghiêm chỉnh, những khái niệm và những phạm trù hiểm hóc thì lại ít hiểu thơ. Nguyên nhân nằm ở lý do thứ hai: thơ và văn, đặc biệt thơ, chứa đựng trong nó nhiều yếu tố "siêu lý," vượt ra ngoài và vượt lên trên mọi tham vọng phân tích và khái quát của con người. Thơ và văn là đối tượng để người ta cảm nhận chứ không phải là đối tượng để người ta đo lường. Đồng ý trong việc cảm nhận thơ văn, người ta cần huy động hai khả năng: trực giác và phân tích, tuy nhiên, trong hai khả năng ấy, khả năng phân tích chỉ chiếm một vị trí thứ yếu, có tính chất bổ sung. Đời Đường, người ta quan niệm thơ nằm ở giữa cái khoảng có thể giảng và không thể giảng được: thi thị *khả giảng bất khả giảng chi gian.* Xuân Diệu, thời tiền chiến, ví tình yêu cũng như mọi nghệ thuật là một mùi hương, rồi tự hỏi: "*Ai đem phân chất một mùi hương?*" Nhớ, Hoài Thanh có lần dặn dò, bước vào thế giới *Truyện Kiều* thì "*phải im hơi, phải nhẹ bước mới hòng nhận ra cái đẹp khi dịu dàng, thùy mị, khi tráng lệ, huy hoàng.*" Lý do thứ ba là, văn học, trong đó có thơ văn, chủ yếu là thơ văn, không ngừng phát triển, và trong quá trình phát triển, không ngừng hóa thân. Mỗi cuộc hóa thân của thơ và của văn lại làm cho những kiến giải cũ về thơ văn lung lay hoặc ngã nhào hẳn. Người ta lại bắt đầu. Từ khởi thủy của niềm trăn trở đã có từ ngàn năm trước: sự khác nhau giữa thơ và văn là gì?

Cứ thế. Vẫn cái câu hỏi ấy, hoài hoài. Từ đời này sang đời khác.

Cách phân biệt thơ và văn đầu tiên căn cứ trên phương diện hình thức, chủ yếu ở khía cạnh vần điệu. Các nhà lý luận văn học Trung Quốc và Việt Nam chia văn học ra làm ba loại: tản văn, vận văn và biền văn. Tản văn là văn xuôi. Vận văn là văn vần. Biền văn nằm ở giữa tản văn và vận văn, thực chất nó là tản văn nhưng lại là thứ tản văn sử dụng nhiều biện pháp tu từ của vận văn: cũng hạn định số chữ trong mỗi mệnh đề, số mệnh đề trong mỗi câu; các mệnh đề và các câu ấy phải đối nhau và thỉnh thoảng bắt vần với nhau. Biền văn thường gặp trong các bài cáo, hịch, phú, văn tế, văn sách... ở đó, cú pháp được xây dựng chủ yếu trên một số kiểu câu nhất định: tứ tự, gối hạc, cách cú, song quan...

Thơ thuộc về vận văn.

Như thế có nghĩa là, theo các nhà lý luận văn học cổ điển, yếu tính của thơ nằm ở vần. Quan niệm này, rất dễ thấy, không chính xác. Nó vừa rộng lại vừa hẹp. Rộng, vì có nhiều bài viết có vần, có nhịp, có luật mà không phải thơ: vè và các loại diễn ca. Hẹp, vì có nhiều bài viết không vần, không nhịp, không luật mà lại là thơ, đàng hoàng là thơ: thơ tự do và thơ văn xuôi.

Các nhà lý luận học cổ điển phương Tây sử dụng một tiêu chuẩn khác để phân biệt thơ và văn. Tiêu chuẩn ấy chủ yếu căn cứ vào phương thức thể hiện. Theo họ, văn học được chia làm ba loại hình lớn: Kịch, Tự sự và Trữ tình. Yếu tính của Kịch là ở động tác. Yếu tính của Tự sự là ở sự mô tả. Yếu tính của Trữ tình là ở việc biểu hiện.

Văn nằm trong phạm trù tự sự. Thơ nằm trong phạm trù trữ tình.

Chức năng của văn xuôi là tái hiện cuộc sống khách quan bên ngoài. Chức năng của thơ là tái hiện cuộc sống chủ quan bên trong. Đối tượng của văn xuôi là khách thể. Đối tượng của thơ là chủ thể. Trung tâm của các tác phẩm văn xuôi là

nhân vật và tình tiết. Trung tâm của những bài thơ là cảm xúc và suy tưởng.

Quan niệm trên càng ngày càng ít sức thuyết phục. Bởi càng ngày, các thể loại văn học càng có khuynh hướng sử dụng nhiều phương thức thể hiện khác nhau. Một phương thức thể hiện có thể tồn tại trong nhiều thể loại văn học. Ngược lại, một thể loại văn học có thể sử dụng nhiều phương thức thể hiện. Như trong thơ, chẳng hạn. Có thơ tự sự. Có thơ trữ tình. Đồng thời có cả kịch thơ. Văn xuôi cũng không hẳn là chỉ mô tả. Trong văn xuôi có một thể loại sử dụng phương thức trữ tình, cũng hướng nội, cũng nhắm tới việc thể hiện những nỗi niềm xao động trong tâm thức người sáng tác: thể tùy bút.

Thêm một tiêu chuẩn khác: tính chất của bài viết. Đó là chất thơ và chất văn xuôi. Chất thơ là tất cả những gì thi vị, nhẹ nhàng, nằm khơi vơi giữa thực và mộng, có khuynh hướng dẫn đưa tâm hồn con người vào cõi mộng. Chất văn xuôi, ngược lại, là tất cả những gì sống thực, trần trụi, hoặc gắn liền với trí tuệ hoặc gắn liền với những sinh hoạt trong đời sống thường nhật. Nhiều người coi chất thơ là yếu tính của thơ như nữ tính là yếu tính của đàn bà, coi chất văn xuôi là yếu tính của văn như nam tính là yếu tính của đàn ông. Bay bướm hơn, nhiều người ví von thơ là hoa mà văn là quả.

Quan niệm này đúng một thời gian khá dài, có thể kể từ thời tiền chiến về trước, ở đó, thơ là những gì được thi vị hóa, phảng phất một chút khói và thoang thoảng một chút hương. Xưa, thế giới của thơ là thế giới của càn khôn nhật nguyệt, của tùng trúc cúc mai, của cầm kỳ thi tửu, của long ly quy phượng, và đằng sau những cảnh những vật ấy là cái "đạo" của trời đất, cái "ý" của thiên nhiên, cái "chí" của con người. Sau này, thế giới đó nhích lại gần cuộc đời một chút, một chút thôi, ở "*đường trong làng, hoa dại với mùi rơm,*" ở "*trong vườn đêm ấy nhiều trăng quá,*" ở "*mây hồng ngừng lại sau đèo,*" ở "*trước sân anh thơ thẩn...*" nghĩa là ở những gì đầy ắp mộng mơ.

Nhưng từ sau năm 1945, chất văn xuôi bắt đầu lấn dần, lấn dần vào thơ. Khởi sự là những sự kiện có tính chất lịch sử. Như trong thơ Chính Hữu: "*Áo anh rách vai. Quần tôi có hai mảnh vá.*" Như trong thơ Hồng Nguyên: "*Lột sắt đường tàu, rèn thêm dao kiếm. Áo vải chân không,đi lùng giặc đánh.*" Hoặc như trong bài *Sử một trung đoàn* của Quang Dũng, sáng tác năm 1947:

Những làng trung đoàn ta đi qua
Tiếng quát dân quân đầu vọng gác
Vàng vọt trăng non đêm tháng chạp
Nùn rơm - khói thuốc - bạch đầu quân
Tự vệ xách đèn chai lối xóm
Khuya về chân khỏa vội cầu ao
Nghe tiếng sung rơi miệng chiến hào
Bờ tre cây rơm thôi tịch mịch
Vỡ lá bàng khô bước du kích.

Phải đến sau năm 1954, ở miền Nam, chất văn xuôi mới thực sự tràn vào thơ. Thơ không còn như "*sương nương theo trăng ngừng lưng trời.*" Thơ đậu trên mặt đất. Cuộc sống hiện hình ngổn ngang trong thơ. Không còn ranh giới đâu để phân biệt cái gì nên thơ, cái gì không nên thơ nữa. Ý niệm "nên thơ" cơ hồ thuộc về dĩ vãng. Trong bài viết "*Nỗi buồn trong thơ hôm nay,*" từ năm 1955, Thanh Tâm Tuyền đã nhấn mạnh: "*Xua đuổi Hồn Thơ muôn đời, không làm chim Phượng Hoàng gãy cánh, trích tiên bơ vơ, người làm thơ hôm nay chỉ là tên ăn mày lẫn giữa đám đông khốn cùng với một mẫu tự do sót lại.*"

Nhưng nói đến chất văn xuôi không phải chỉ nói đến bình diện chất liệu. Chất văn xuôi còn thâm nhập cả trong lãnh vực ngôn ngữ. Ngôn ngữ thơ miền Nam trong giai đoạn 1954-1975 bỗng dưng mất gần hết tính chất đăng đối, hài hòa, ngân nga và du dương vốn là đặc trưng nổi bật của ngôn ngữ thơ tiền chiến. Nó có cái gì như khô khan đến từ lý trí và cái gì sần sùi như đến thẳng từ cuộc đời. Nếu ví thơ với âm nhạc thì thơ miền Nam là một loại âm nhạc chuyên sử dụng các nghịch âm.

Có lần anh Bùi Bảo Trúc nêu ra một vấn đề thú vị:

Thử đọc đoạn thơ này của Thanh Tâm Tuyền:

Vất mẩu thuốc cuối cùng xuống dòng sông
Mà lòng phơi trên kè đá
Con thuyền xuôi
Chiều không xanh không tím không hồng
Những ống khói tàu mệt lả.

Lại thử đọc đoạn văn này của Thanh Tịnh:

"*Hằng năm, cứ vào cuối thu, khi lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, làng tôi lại nao nức nhớ những kỷ niệm mơn man của buổi tựu trường. Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nẩy nở trong lòng tôi như mấy cánh hoa tươi giữa bầu trời quang đãng.*"

Câu hỏi: Cái gọi là thơ ở trên dường như lại có nhiều chất văn xuôi hơn cái gọi là văn xuôi ở dưới, vậy thì, dựa vào đâu người ta cho rằng đoạn viết trên là thơ và đoạn viết dưới là văn? Tại sao không là ngược lại?

Hẳn ghi nhận, từ câu hỏi ấy, một sự thực: hai khái niệm chất thơ và chất văn xuôi đã không còn hiệu nghiệm như một tiêu chuẩn rõ ràng phân định biên thùy giữa cõi thơ và cõi văn. Nói cách khác, trong nền văn học đương đại, chất thơ và chất văn xuôi không còn là cái gì độc quyền của một thể loại duy nhất. Trong chừng mực nào đó, cả hai chừng như tan hòa vào nhau.

Dĩ nhiên, sự giao hoán giữa chất thơ và chất văn xuôi chỉ chứng minh sự thất bại của một quan điểm văn học chứ không phải sự thất bại của bản thân văn học. Không thể, từ sự thật trên, xóa nhòa ranh giới giữa thơ và văn. Nó vẫn có. Ẩn khuất đâu đó. Nhưng mà có. Chắc chắn có. Để, bất cứ ai đọc hai đoạn viết ở trên, đều nhận ra cái này là văn và cái kia là thơ. Người ta chỉ bế tắc ở câu hỏi: tại sao?

Hơn nữa, cái hay của đoạn thơ Thanh Tâm Tuyền chỉ vì nó là thơ. Biến đoạn thơ ấy thành văn xuôi, cái hay biến mất. Ngược lại, cái hay của đoạn văn Thanh Tịnh cũng chỉ vì nó là văn. Biến đoạn văn ấy thành thơ, cái hay ấy cũng không còn.

Có thể làm ngay một thử nghiệm:

Hàng năm
Cứ vào cuối thu

Khi lá ngoài đường rụng nhiều
Và trên không có những đám mây bàng bạc
Lòng tôi lại nao nức
Nhớ những kỷ niệm mơn man của buổi tựu trường
Tôi quên thế nào được
Những cảm giác trong sáng ấy
Nẩy nở trong lòng tôi
Như những cánh hoa tươi
Dưới bầu trời quang đãng.

Và:

"*Vất mẩu thuốc cuối cùng xuống dòng sông, mà lòng phơi trên kè đá. Con thuyền xuôi. Chiều không xanh không tím không hồng. Những ống khói tàu mệt lả.*"

Người ta thấy gì qua hai ví dụ trên?

Thấy, đoạn thơ biến từ văn của Thanh Tịnh chỉ là một chuỗi kể lể dài dòng và nhạt nhẽo. Nó thừa nhiều chữ, nhiều câu. Cái giọng điệu ngọt ngào, nhẹ nhàng của áng văn biến mất từ bao giờ. Chất thơ cũng tan đi đâu. Nếu là thơ, nó chỉ là một đoạn thơ dở, rất dở. Đoạn văn biến từ thơ Thanh Tâm Tuyền, trái lại, tối tăm đến lủng củng. Ai vất mẩu thuốc cuối cùng xuống dòng sông? Chiều không xanh không tím không hồng là sao? Vậy buổi chiều màu gì? Và tại sao một người còn sống nhăn mà lại có thể phơi lòng mình lên trên kè đá?

Từ hai ví dụ trên, chúng ta thấy nẩy sinh ra một vấn đề: tại sao cũng chừng ấy chữ, chừng ấy ý, chừng ấy cảm xúc, khi sắp xếp dưới hình thức văn xuôi, nó chan chứa chất thơ, nhưng khi sắp xếp dưới hình thức thơ, nó lại khô trụi một cái xác văn xuôi cứng đờ? Rồi tại sao vẫn chừng ấy chữ, chừng ấy ý, chừng ấy cảm xúc, khi sắp xếp dưới hình thức thơ, nó được coi là hàm súc, gợi cảm, nhưng khi sắp xếp dưới hình thức văn xuôi, coi nó là văn xuôi, thì nó lại hóa ra tối nghĩa, thậm chí vô nghĩa?

Đặt ra vấn đề trên, chúng ta tiếp cận với một quan điểm mới: thơ và văn khác nhau chủ yếu ở khía cạnh ngôn ngữ.

Những nhà triết học và ngôn ngữ học phương Tây, từ mấy chục năm nay, đã đề xuất nhiều kiến giải độc đáo và sâu sắc về sự khác nhau giữa ngôn ngữ thơ và ngôn ngữ văn xuôi. Con đường tìm kiếm chắc chắn sẽ còn tiếp tục mãi. Theo tôi, có vô số những dị biệt, nhưng xuất phát điểm của những dị biệt đó là: *trong ngôn ngữ văn xuôi, đơn vị cơ bản của việc tạo nghĩa và việc tạo nhạc là từ, là chữ. Trong ngôn ngữ thơ, đơn vị cơ bản của việc tạo nghĩa và việc tạo nhạc là âm, là âm vị.*

Trong đoạn văn của Thanh Tịnh ở trên, chẳng hạn, người ta có thể thay đổi một vài từ ngữ, ý nghĩa và nhạc tính của đoạn còn nguyên vẹn. Thay vì viết, "hằng năm," người ta có thể viết "mỗi năm," "mọi năm," "năm nào cũng vậy." Thay vì viết "trên không có những đám mây bàng bạc," người ta có thể viết "trên cao," "trên trời," "trên không trung, "trên không gian có những đám mây bàng bạc." Không sao cả. Khi lựa chữ này và bỏ chữ kia, các nhà văn chỉ có một băn khoăn: trong cái ngữ cảnh ấy, chữ nào là rõ nghĩa nhất và khi đứng gần các chữ khác, có thể tạo nên được một sự hòa âm sâu lắng.

Trong ngôn ngữ thơ thì khác. Vẫn lấy ví dụ từ đoạn thơ của Thanh Tâm Tuyền. Không thể đổi "*Chiều không xanh không tím không hồng*" thành "Chiều không xanh không tím không vàng." Bởi, ở đây, yếu tố quan trọng nhất không phải màu sắc mà là âm thanh. Với chữ "hồng," câu thơ trên thành ra có tới bốn vần "ông": chính bốn vần "ông" liên tiếp, cận kề nhau trong câu thơ đã gợi lên cảm giác trống và rỗng của buổi chiều. Câu thơ, nhìn từ góc độ này, không vô nghĩa như nhìn từ góc độ văn xuôi. Chiều không có màu sắc vì đây là một không gian tâm trạng, nó có cái gì như bị hẫng đi, lửng lơ trong một nỗi niềm khó tả.

Cũng vậy, giá là văn xuôi, câu "*Những ống khói tàu mệt lả*" có thể dễ dàng được thay thế bằng "Những ống khói tàu mệt" hoặc "Những ống khói tàu mệt mỏi." Thì cũng như nhau. Nghĩa không khác. Nhưng trong thơ, giữa "mệt," "mệt mỏi" và "mệt lả" có một khoảng cách mênh mông. Hay nhất trong câu "*Những ống khói tàu mệt lả*" là ở âm "a". Âm "a" là một âm mở và nửa trầm nửa bổng. Nó rộng nhưng không quá cao mà cũng không quá thấp. Nó là cái gì lửng lơ, khơi vơi. Nó gợi ra hình ảnh những ngọn khói cứ quẩn quại bay lên, càng lên cao càng tỏa rộng, càng tỏa rộng càng đuối, càng tan ra từng mảnh, yếu ớt, nhạt nhòa. Tưởng tượng cùng bay, cùng tỏa, cùng tan với ngọn khói ấy là cái tâm hồn của nhà thơ cứ như lửng lơ, khơi vơi trong một nỗi buồn vu vơ nhưng thấm thía vô hạn.

Tôi có thể bênh vực cho sự phân tích trên bằng cách: xin thử đọc lại đoạn thơ của Thanh Tâm Tuyền với câu cuối không có chữ "lả." Chắc chắn câu thơ sẽ bị cụt. Cụt không phải vì thiếu chữ. Có thêm chữ "mỏi" vào sau chữ "mệt" thì câu thơ vẫn cứ cụt như thường. Lý do là, về mặt ngữ âm, nó không bộc lộ được cảm xúc để có thể nương theo cảm xúc ấy mà bay lên.

Cái hay của câu thơ Huy Cận ngày nào:

Buồn gieo theo gió veo hồ,
Đèo cao quán chật, bến đò lau thưa.

trước hết là ở những âm "eo" lặp đi lặp lại đến những ba lần trong một câu chỉ có sáu chữ. Âm "eo" tròn. Có thể hình dung ra những làn sóng nước, do gió gợn, cứ lan ra thành từng vòng tròn, từng vòng tròn, mỗi lúc một rộng hơn. Không phải gió, cũng không phải hồ, mà chính những gợn sóng tròn lăn tăn ấy gợi lên nỗi buồn đìu hiu trong lòng người lữ khách.

Thơ thường có vần và thường tuân theo những luật phối thanh nhất định. Thực chất của vần và của thanh là âm chứ không phải chữ. Thanh điệu với những dấu hỏi, dấu ngã, dấu huyền, dấu sắc... trong tiếng Việt, hoặc với những kiểu đọc có nhấn mạnh hay không có nhấn mạnh trong các ngôn ngữ Tây phương cũng gắn liền với từng âm, chủ yếu là nguyên âm. Giới nghiên cứu ngôn ngữ học chia nguyên âm ra nhiều loại tùy theo độ mở của môi khi phát âm và tùy theo độ trầm bổng của âm thanh. Người ta tóm tắt:

	BỔNG		TRẦM
KHÉP	i	ư	u
	ê	ơ/â	ô
MỞ	e	a/ă	o

Phụ âm cuối trong tiếng Việt được chia thành hai loại: một loại vang và một loại tắc:

VANG	m	n	nh	ng
TẮC	p	t	ch	c

Những câu thơ được khen là có nhiều nhạc tính, cứ ngân nga âm vang không dứt chủ yếu là nhờ kết hợp được những chữ có nhiều nguyên âm mở và những chữ có nhiều phụ âm vang:

- NAM đìNH nghE độNG trốNG chầu đAi doANH

(Kiều)

- LONG LANH tiếNG sỏi vANG vANG hậN

(Xuân Diệu)

- DỌc bờ sôNG trẮNG nẮNG chANG chANG

(Hàn Mặc Tử) (1)

Tôi muốn đẩy kết luận ở trên thêm một bước nữa. Là, *trong ngôn ngữ thơ, yếu tố tạo nhạc cũng đồng thời là yếu tố tạo nghĩa.* Nói cách khác, trong ngôn ngữ thơ, nhạc điệu cũng góp phần tạo ra ý nghĩa. Điều này không phải là một hiện tượng tất yếu trong ngôn ngữ văn xuôi. Lại lấy ví dụ từ đoạn văn của Thanh Tịnh. Đoạn văn mở đầu bằng hai chữ: Hằng năm. Giữa "hằng năm" và "mỗi năm," "mọi năm" có âm điệu khác nhau. Nhưng sự khác nhau về âm điệu ấy không làm tăng hay giảm ý nghĩa của câu văn. Ngược lại, trong ngôn ngữ thơ, từng âm điệu đã tham gia một cách tích cực vào việc quy định nội dung những điều tác giả bày tỏ.

Đâu đó, có người kể là, khi đọc bài *Tiếng thu* của Lưu Trọng Lư, Thế Lữ đề nghị sửa câu đầu tiên "*Em không nghe mùa thu*" lại thành "Em lắng nghe mùa thu" để cho câu thơ có một chút vần trắc. Lưu Trọng Lư không chịu. Ông có lý: dù hai câu có ý nghĩa hoàn toàn giống nhau nhưng "*Em không nghe mùa thu*" với năm vần bằng liền nhau đã tạo thành một nét nghĩa mà câu sửa không có, đó là cái cảm giác bâng khuâng.

Bài *Tây tiến* tuyệt tác của Quang Dũng mở đầu bằng hai câu:

Sông Mã xa rồi Tây tiến ơi
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi.

Hay nhất trong hai câu ấy là giọng thơ. Cả hai câu đều chấm dứt bằng hai chữ có thanh bằng, lại không dấu, rất nhẹ, cứ như bay lên. Thì chính cái âm hưởng nhẹ, cứ như bay lên đó đã "miêu tả" được nỗi nhớ của nhà thơ. Nỗi nhớ, khác với những tình cảm khác của con người, như yêu, như giận, có một tâm thế lạ lùng, gần như nghịch lý, là: nó dựng lên những khoảng cách. Yêu, người được yêu xa đến mấy, người ta cũng tưởng là gần. Còn nhớ, người được nhớ dù gần đến mấy, người ta cũng ngỡ là xa. Một con đường là xa. Một giậu mồng tơi là xa. Một gang một tấc cũng là xa nữa. Không phải ngẫu nhiên mà, người xưa, để tả nỗi nhớ, thường cường điệu những khoảng cách, nào là đầu sông Tương với cuối sông Tương, nào là sao Sâm với sao Thương, sao Hôm với sao Mai. Xa, xa quá. Thanh Tâm Tuyền ôm người yêu trong tay mà vẫn thấy xa:

Ôm em trong tay mà nhớ em những ngày sắp tới.

Bản chất của nỗi nhớ là khoảng cách, do đó, để tả nỗi nhớ, các nhà thơ thường chuộng những vần bằng, những âm thanh gợi không gian. Như Xuân Diệu, trong hai câu thơ tuyệt vời này:

Sương nương theo trăng ngừng lưng trời
Tương tư nâng lòng lên chơi vơi.

Hai câu thơ không những hay mà còn đúng nữa: nỗi nhớ, hoặc tương tư, là một trạng thái tâm lý lửng lơ. Nó đậu giữa trời.

Có lẽ Quang Dũng học hai chữ "chơi vơi" từ Xuân Diệu. Chữ "chơi vơi" đi kèm với chữ "nhớ" không phải để bổ nghĩa về phương diện từ vựng mà là, bằng âm điệu, minh họa một trạng thái.

Có khi cũng cùng một chữ nhưng cách phát âm khác nhau cũng tạo thành những nghĩa thơ khác nhau. Ví dụ, hai câu này của Vũ Đình Liên:

Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay.

Câu sau, tôi thích đọc theo giọng Bắc: "trời" thành "giời." Đã đành dù là "trời" hay "giời" thì câu thơ vẫn là một sự khắc họa hình ảnh cơn mưa bụi đang lất phất bay. Nhưng âm "giời" nhẹ và dài, dễ gợi cảm giác buồn và lạnh của một cơn mưa bụi lâm thâm, lắc rắc rơi trên hình bóng một ông đồ ngồi hiu quạnh với lá vàng và với nỗi thê lương. "*Ngoài trời mưa bụi bay*" thì chỉ có mưa. "*Ngoài giời mưa bụi bay*" thì không những chỉ có mưa mà còn có cả cơn rét gây gây, se sắt, tái tê.

Việc yếu tố tạo nên nhạc điệu cũng có khả năng trở thành một yếu tố tạo nghĩa trong ngôn ngữ thơ dẫn đến hai hậu quả: Một là, ngôn ngữ thơ có quy luật ngữ pháp riêng của nó. Ngữ pháp của văn xuôi là đòi hỏi sự có mặt đầy đủ của các thành phần tạo câu. Phải có chủ từ, phải có động từ, rồi phải có các thành phần phụ thuộc như giới từ, liên từ v.v... Những thành phần ấy tạo nên sự chính xác cho câu văn. "Ngữ pháp" của thơ nhắm đến, trước hết, mục tiêu biểu cảm và truyền cảm.

Âm thanh

Sau dãy đồi trùng điệp kia
Có cái gì cuốn hút mỏm đá chênh vênh lao đầu xuống
Nếu không là vực thẳm buồn
Có nỗi chi cựa quậy như con cá lia thia
Trong vũng nước mắt quen thuộc
Làm dòng sông gợn sóng lăn tăn
Có không đằng sau những ăn năn
Của trời mây
Là tiếng phẫn nộ quyết liệt của giông bão
Làm cơn mưa bất ngờ trút đá đời nhau
Làm những giọt lệ tắm gội những mầm xanh định mệnh
Trong trái tim không màu
Dấy mọc lên những niềm đau
Những niềm đau nở thật mau ngàn đóa buồn tênh
Có phải không sau những vui cười láu táu
Sau những gắn bó càu nhàu
Sau những gặp gỡ có nghẹn ngào
Sau những hẹn hò những lời nói có âm điệu thương yêu và tiết tấu
Có cái gì đằng sau những âu sầu
Mà không như khúc đàn gãy trong mưa ngâu
Chỉ còn lại một chút âm thanh

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

Nó là một thứ ngữ pháp tình. Nó chấp nhận là đúng, cái câu thơ này của Tản Đà: "*Cỏ vàng cây đỏ bóng tà tà dương.*" Trong tiếng Việt, làm gì có chữ "*tà tà dương.*" Thừa một chữ "tà." Nhưng nếu bỏ đi một chữ "tà" hoặc thay thế nó bằng một chữ gì khác, câu thơ lại thành dở ngay tức khắc. Trong cái sai của nó, nhóm từ "*tà tà dương*" đã miêu tả được cái cảnh dần dần nghiêng bóng của mặt trời, cái cảnh dần dần nhạt màu của nắng, cái cảnh dần dần rộng thênh của bóng tối. Đạt được hiệu quả ấy, nó cần gì những quy luật về cú pháp của văn xuôi? Hậu quả thứ hai là mức độ gắn bó giữa ngôn ngữ thơ và cảm xúc của nhà thơ chặt chẽ hơn mức độ gắn bó giữa ngôn ngữ văn xuôi và cảm xúc hoặc nhận thức của nhà văn. Trong văn xuôi, dễ nhận diện những gì nhà văn gửi gắm, chúng ta phải bước qua một trung gian: đó là cái hiện thực mà nhà văn mô tả. Trong thơ, chúng ta không cần bước qua một cái cầu nào cả. Ngôn ngữ ấy, với những vần điệu, những nhịp điệu riêng của nó chính là cái hơi thở phập phồng của nhà thơ.

Đó là lý do giải thích tại sao, thái độ của chúng ta đối với thơ và đối với văn khác nhau. Người ta có thể tự hào là nhớ rất kỹ quyển *Đoạn tuyệt*, quyển *Nửa chừng xuân*... mà không cần phải nhớ nguyên văn bất cứ một chữ, một dòng nào trong các quyển tiểu thuyết ấy. Nhớ là nhớ nhân vật. Nhớ là nhớ tình tiết. Đối với thơ thì khác. Đối với thơ, chỉ có một cách nhớ duy nhất: nhớ thuộc lòng. Nhớ *Truyện Kiều* là phải thuộc lòng *Truyện Kiều*. Nhớ *Chinh Phụ ngâm* là phải thuộc lòng *Chinh Phụ ngâm*. Không nhớ thuộc lòng có nghĩa là không nhớ gì cả.

Có người quan niệm bản chất của ngôn ngữ văn xuôi là sự tự tiêu tán: nó giống như chiếc thuyền người ta bỏ lại dưới sông khi đã đến bờ. Ngôn ngữ thơ, vì không là phương tiện cho cái gì cả, nên nó là nó, nó tự tại. Người đọc đến với nó và ở lại trong nó nếu muốn chia xẻ một chút gì với người làm ra nó.

Ở trên, tôi cố gắng phân tích sự khác nhau giữa thơ và văn. Sự phân tích như vậy đã đủ thuyết phục chưa? Thú thật, viết bài này, tôi rất ít tự tin.

NGUYỄN HƯNG QUỐC
23-6-1989

1. Ba câu ví dụ này là của Nguyễn Phan Cảnh trong quyển Ngôn ngữ thơ, nhà xuất bản Đại học và trung học chuyên nghiệp, HTN, 1987, tr. 126.

Mỗi kỳ một tiếng thơ

CHÂN PHƯƠNG THƠ ĐEN TRONG CÙM ĐỎ

ĐỖ QUÝ TOÀN

Chân Phương trở thành một nhà thơ vì sống trong chế độ độc tài Cộng Sản Việt Nam. Trước năm 1975 Chân Phương có sáng tác, nhưng anh không coi việc sáng tác văn chương bằng tiếng Việt là một việc thường xuyên và trân trọng như các nhà thơ khác. Vốn theo học văn chương Pháp và chuyên khảo về văn chương Pháp, Chân Phương đã là giảng sư ở đại học Văn Khoa, Sàigòn. Luận án của anh do giáo sư Bùi Xuân Bào hướng dẫn.

Sau năm 1975 anh đã thực chứng cảnh lưu đầy của người trí thức ở ngay trên quê hương mình. Các giá trị nhân bản, tình người bị chế độ lật đổ. Dối trá, giả ngụy đầy dẫy khắp nơi. Trong khung cảnh đó Chân Phương bật ra tiếng nói. Phản kháng. Riễu cợt. Xâu và cay.

Thơ Chân Phương có thể xếp vào loại *Thơ Đen*, như tên một tập thơ của Tú Kếu, đã xuất bản ở Sàigòn trước 1975. Trong thơ có giọng riễu cợt, cay chua, xóc họng. Nhưng khác với Tú Kếu, thơ của Chân Phương về hình thức thường là thơ tự do, về nội dung có cảm hứng triết lý, siêu hình. Bố trí trong mỗi bài thơ của Chân Phương có đầy kịch tính. Chúng tôi giới thiệu mấy bài thơ tiêu biểu của loại thơ này, trong tập thơ *Chú Thích Cho Những Ngày Câm Nín*. Tập này gồm những bài "thơ chui" đã được sáng tác và phổ biến truyền tay ở Sàigòn từ 1980 đến 1986 cho đến khi tác giả dời Việt Nam. Chúng ta có thể so sánh thơ Chân Phương với các truyện ngắn của Thế Giang trong *Thằng Người Có Đuôi:* phản ảnh của một xã hội mất con người. Nhưng thơ Chân Phương có thêm vẻ mẫn cảm, hào hoa của một nụ cười phản kháng. Cũng như Thế Giang, Chân Phương gởi chúng ta một thông điệp: dù chế độ có đè nặng đến mức nào, con người vẫn đứng dậy.

Đ.Q.T.

Bản tự kiểm

kính thưa minh chúa
bây giờ tôi đã chôn hết mọi ý nghĩ về bình đẳng
bây giờ tôi căm ghét tự do
bây giờ tôi chỉ biết quì rồi bò
nếu được miếng xương
tôi sẽ quên hết những lần bị đánh đá như con chó
thưa minh chúa
bây giờ đọc báo các vụ án hàng ngày
tôi chẳng còn thắc mắc ai vô can và ai phạm tội
nếu sáng sớm mở cửa gặp tên nào nằm chết trước nhà
thật lòng tôi không xúc động tí nào
đặc biệt tôi còn luyện được nghệ thuật quên trước từ hôm nay
những điều bất nghĩa sẽ xảy đến hôm sau
kính thưa minh chúa
trên đây là những lời khai thành thật
xin ngài nhớ cho tôi điểm tốt

Tuyên ngôn của tôi

Tôi không còn tiếng nói
bởi chữ nghĩa là độc quyền của bọn giết người
và ngôn ngữ chỉ là những bọc nhựa khổng lồ
chứa đầy máu tươi
treo vào cổ các oan khiên
không còn lời trăn trối

tôi không còn tiếng nói
chỉ còn hơi thở tôi và bát cơm nhỏ của con tôi

mang dổi hết làm khí giới

Dự án giáo dục con đầu lòng

trước hết dạy con nghệ thuật nói láo
mọi thứ thủ đoạn xảo mị lừa bịp gian tà

sau đó dạy con nghệ thuật giết người
hiệu nghiệm tinh vi nhiều năng suất

sẽ chuẩn bị cho con sẵn sàng để tham dự
vào cuộc tàn sát lớn cuối thế kỷ hai mươi

biết dâu chừng con sẽ hoàn thành xuất sắc
vượt mức hy vọng của cha

trở thành
lãnh tụ vĩ đại nhất thế giới

Tình khúc mới

anh sẽ tặng sinh nhật em toàn tập mác-lê nin
kỷ niệm năm đầu yêu nhau anh sẽ hát quốc tế ca bằng tiếng trung quốc
thứ bảy chúa nhật nếu không xem phim liên xô chiến đấu
chúng ta sẽ dưa nhau vào sở thú chụp hình
hãy bỏ qua những lúc anh dọc lộn khẩu hiệu lúc tỏ tình
bảo đảm trái tim anh hoàn toàn không bị ảnh hưởng thế giới quan
tư sản cùng triết học hiện sinh
mọi thề thốt của anh đều căn cứ trên biện chứng duy vật sử quan
đám cưới sắp tới anh đã chuẩn bị dàng hoàng
sẽ có diễn văn khai mạc của đồng chí công an khu vực
và tràng pháo tay của các đại biểu công đoàn
bọn học tập cải tạo với đăng ký xuất ngoại sẽ không tên nào được dự
tuần trăng mật chúng ta sẽ viếng lăng bác
và đọc cho nhau nghe "nhật ký trong tù"
chỉ xin em một điều duy nhất
từ đây đến ngày tóc bạc da mồi
rủi anh có say rượu hoặc nằm mơ ăn nói lỡ lời
em nhớ đừng đi báo cáo

TRƯỚC KHI BẮT ĐƯỢC MANUEL A. NORIEGA

VŨ HUY QUANG

Như mọi người đã rõ, Noriega, khi tôi đang viết những giòng chữ này -- trong ngày 24 tháng 12 năm 1989, -- đang bị truy nã rất gắt, kèm giải thưởng 1 triệu đô la. Nhà độc tài xứ Pamana này bị 90% dân chúng trong xứ đồng ý đánh đuổi, đang lẩn trốn trong rừng rậm Nam Mỹ. Báo chí cùng các đài truyền hình khắp thế giới theo dõi, tường thuật cuộc lùng bắt của quân đội Mỹ từng giờ từng phút. Tin mới nhất, quân đội đã có trong tay cái mũ sắt đính huy hiệu bốn sao của viên tướng này, -- một ông tướng mặt sần sùi, chuyên quyền, độc tài hạng nặng, buôn ma túy, bài Mỹ, phi dân chủ...

Tuy Manuel Antonio Noriega quen sống trong rừng và thiện chiến trong mọi điều kiện chiến trường, nhưng người ta vừa tăng viện thêm ít nhất là 2000 quân thuộc Lữ đoan 7 khinh binh Hoa Kỳ, các nhà thám tử, các lực lượng đặc nhiệm, làm cuộc săn bắt gay cấn hơn bất cứ trận Boxing hay Football nào... vì tính chất sống động thời sự của nó. Một trong những nhà độc tài chân chính nhất của trái đất sắp bị bắt. Các nhà độc tài ngày càng hiếm hoi hơn, đang trên đà diệt chủng. Con người có thể sợ khủng long, ghét cá mập... nhưng khi những con cuối cùng đang chịu nạn, không phải là không có những người ái ngại cho chúng. Dĩ nhiên cái ba vạ cuối năm

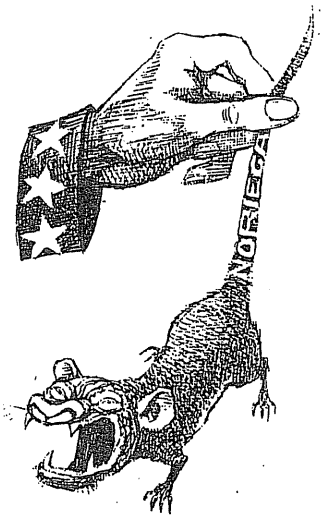

Eleanor Mill/for the Register

này, bằng xương bằng thịt xuất hiện đến với tôi: Nam là người đang xót xa cho nhà độc tài Noriega.

*
* *

Là một người bạn trẻ thua tôi khoảng hai chục tuổi, Nam hay có những ý nghĩ ngộ nghĩnh, bất ngờ... cho nên khi Nam gọi điện thoại nhắn nhe, là tôi ưu tiên đi chơi với hắn. Tối qua Nam gọi điện thoại bày tỏ sự ưu tư về số mệnh các nhà độc tài Việt Nam và thế giới, đặc biệt quan tâm đến sự an nguy của Noriega, sau đó đề nghị tôi lại dự một cái party, với lý do rất kỳ cục như sau.

Giữa cái party gồm rất đông thân hữu, hắn sẽ chỉ cho tôi quan sát và nghe ngóng một chuyện tình giữa anh X. và thiếu phụ tên Y. Trên đời chả thiếu gì chuyện quái dị, Nam bảo. Chả hạn như anh X. là người hiểu biết, vui vẻ, nhưng đến tuổi trung niên mới gặp chị Y., rồi đâm ra mới biết yêu lần đầu, phản ứng quá đổi kì cục: anh ta đâm nhát như thỏ đế, khép nép, mất tự nhiên... mỗi khi gặp mặt đối tượng giống như các mối tình trong Tự Lực văn đoàn đã tả vậy. Chị Y. lại khác. Chị thông minh, tiến bộ, hiểu biết... nhưng vì anh kia kém quá, nên chuyện của họ vẫn lằng nhằng không đâu vào đâu cả. Người đời mỉa mai anh X. là có việc nắm tay để tỏ tình mà không dám, thì theo đuổi làm gì..."

Tôi có gạt ngang ý kiến nhờ tôi quan sát của Nam, bảo rằng tôi không có thì giờ gỡ rối tơ lòng, không muốn quan sát tình duyên của ai hết. Nam thách rằng (nguyên văn): "Nghe nói anh thuộc phái cổ, chỉ thích viết văn kiểu Tự Lực Văn Đoàn, vậy nếu anh tới mà về viết được một truyện kiểu Tự Lực Văn Đoàn, tiên đoán đúng về đoạn kết của chuyện của họ, chạy đua với thời gian, trước khi ngã ngủ về tình trạng của Noriega, em chịu thua cuộc anh cho anh (...); vả lại, anh đang thích đọc về tâm lý mà?..."

Thành ra giữa một đám nhân loại quần là áo lượt, tuy tôi chào hỏi ân cần với mọi người, nhưng kín đáo theo dõi anh X. và người thiếu phụ mà

Nam chỉ cho tôi ngay khi tôi bước vào. Không khí ấm cúng và mọi người trong buổi họp mặt nhã nhặn, đứng đắn. Nhưng mà không người đàn ông nào đần độn và buồn cười bằng anh chàng si tình tên X. hết.

Anh ta luận bàn về bài thơ "tôi làm năm tôi 18 tuổi," hoặc "đàn ông nên dùng mưu với vợ ra sao," thì chị Y. chỉ cần nhẹ nhàng nói "thơ ấy hay, nhưng hơi thất niêm," hoặc dí dỏm bảo "anh chưa vợ, sao anh nói kinh nghiệm về việc dùng mưu mẹo với vợ làm gì" là anh ta nhìn quanh nhìn quẩn như cầu cứu một cách khổ sở.

Nam phải giật tay "người anh hùng trong truyện" ra một góc, bảo nhỏ là "Đừng có lý sự với chị ấy." Nam cũng có vẻ thân với X. như tôi vậy. Rồi X. về lại chỗ cũ, mắt ngước nhìn lên trần nhà làm vẻ người vô sự, nhưng tôi biết, tai anh ta nghe không lọt câu nào của chị Y. nói cả.

Tôi thật đã có lúc mất hào hứng vì anh kia đoảng vị quá, bèn chuyển sự chú ý sang chị Y. Đó là một người thiếu phụ ăn nói đằm thắm, nghe kỹ lại là một người có duyên, hiền lành.

Nhưng mà để viết đoạn kết chuyện tình này? A, thì chị Y. vừa cất tiếng bênh anh cả ngố kia rất kín đáo "Không" chị Y. nói "Anh X. tuy hay giở lý sự, nhưng mà bản chất anh ấy hiền lành mà."

Gạt qua những lời trao đổi về chính trị, thời sự, văn chương... trong buổi party tối ấy, tôi quan sát X. thêm một hồi, rồi lôi anh ta ra chỗ riêng, nói thật cuộc đánh đố giữa tôi với Nam, bảo anh ta rằng "Tình yêu của anh không tuyệt vọng đâu, tôi tin chị ấy có cảm tình với anh nhưng anh phải bạo dạn lên mới được... Anh lấy được chị Y. là phúc cho anh, mà anh nghe lời tôi thì lợi đôi bề. Anh có người anh ước ao, tôi thì thắng cuộc đánh cá: Ngay sáng mai, (phải làm gấp, người ta đang truy nã gắt gao Noriega, không biết bắt được lúc nào) tôi muốn truyện tình của anh phải có đoạn kết trước khi người ta bắt được Noriega. Anh phải liệu: một là anh ăn cái tát tai, hai là anh được người đàn bà mà anh thầm yêu trộm nhớ."

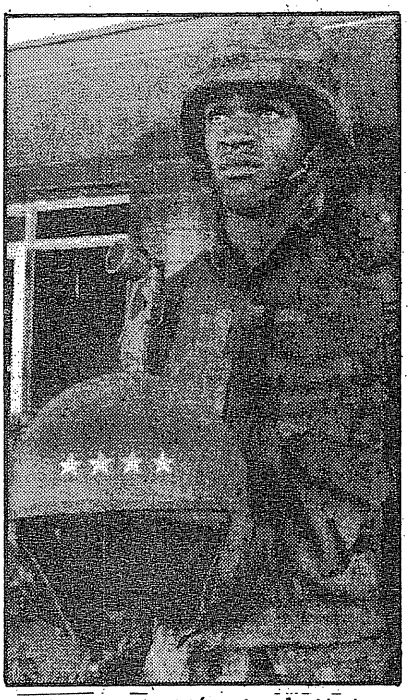

Một lính Mỹ với chiếc nón của Noriega

Anh ta bối rối, ngẩn ra, nhìn tôi như van lơn, bảo "Thôi thì chả giấu gì anh, nhưng tôi phải làm sao?"

Tôi trả lời "Thì còn gì nữa, sáng ngày 24, anh chở chị Y. đi mua quà Giáng sinh chẳng hạn, anh bình tĩnh nắm tay chị, nói thật từ lòng anh những lời dịu dàng, xem sao. Đây là số điện thoại của tôi, trễ lắm là tối mai, tôi phải viết xong cái chuyện tình kiểu Tự Lực Văn Đoàn của anh, và cả cái đoạn kết Tự Lực Văn Đoàn này, dĩ nhiên có đổi chi tiết đi chút đỉnh -- cho Nam nó chịu nhận rằng tôi biết viết văn thể tiền chiến..."

Anh X. xoắn tít hai tay với nhau, nói khẽ "Xin vâng... cám ơn anh... tôi sẽ cố làm theo lời anh dặn..."

Do đó, tôi đặt tên truyện ngắn này là **Trước khi bắt được Manuel Antonio Noriega.** Lúc tôi viết xong truyện này là chiều ngày 24 tháng 12 năm 1989... tôi biết chả bao lâu nữa, sẽ có điện thoại của anh X. gọi đến tôi. Tôi không viết kết cục chuyện tình này của họ theo sự tưởng tượng, nhưng tôi hồi hộp ao ước là tôi sẽ được nghe báo cáo một kết cục có thật, *happy ending*... bởi vì hồi này quanh tôi có nhiều cuộc tình duyên buồn rầu.

Về phần Nam, có khi hắn ta, người bạn trẻ của tôi, biết tôi thích nhìn, thích nghe những gì tròn trịa, giả vờ đánh cuộc với tôi chăng.

Bước vào xuân, viết thành một truyện ngắn tươi đẹp, chả phải là điều tốt ư? Giữa cuộc chạy đua của tình yêu và sự săn bắt nhà độc tài, tôi mong tình yêu có kết quả trước nhất.

Tôi thành tâm cầu cho tình yêu họ thành tựu...

VŨ HUY QUANG
24-12-1989

NỤ CƯỜI NGHIÊNG

TRẦN THỊ KIM LAN

Người tôi yêu có nụ cười nghiêng. Bạn sẽ hỏi nụ cười nghiêng thì có gì đáng nói. Xin bạn cho tôi một ít thì giờ của bạn để tôi nói về nụ cười này. Bởi nó ám ảnh tôi mãi kể từ ngày tôi gặp phải. Không, không phải nó méo hẳn, giựt về phía mép tai như người chẳng may có tật, cũng không phải nụ cười đểu cáng của mấy anh chàng chuyên quyến rũ đàn bà nhẹ dạ. Hình như chính chủ nhân cũng không biết là mình có một nụ cười lạ như vậy. Nhưng từ khi tôi khen chàng về cái kiểu cười đó thì chàng bắt đầu sử dụng mỗi khi chàng thích thấy tôi lụy vì chàng. Mà ngộ lắm bạn ạ, không phải lúc nào chàng cũng cười như thế. Nụ cười chàng thật ra bình thường cũng ngay ngắn như mình vậy. Khi hai vành môi hé ra thì một dãy răng trắng trong và đều xuất hiện. Chàng có thói quen cắn vật rắn cho tiện việc nên mấy cái răng phía trước hơi mòn, và chắc chàng cắn khéo hay sao mà chỗ mòn cũng khéo. Có khi đang đi với nhau ngoài phố tôi phải bấm cánh tay chàng dặn khẻ đừng cười khi có một bà một cô nào ngó chàng chăm chú. Tôi biết chắc -- vì tôi chứng kiến nhiều lần -- họ sẽ ngó ngoái lại nhìn chàng rồi liếc xéo về phía tôi ganh tị. Những lần như thế hai cánh mũi chàng hấp háy, chàng nghiêng người dấu nụ cười sau mái tóc tôi. Để kiểm chứng kỹ càng mỹ quan của mình, tôi hay thăm dò ý kiến người thân. Có vài người đồng ý với tôi nhưng mỗi người lại cho một tên tài tử điện ảnh khác nhau để ví nụ cười chàng với họ. Tôi muốn tả sao cho thật giống mà khó quá, bởi đúng như những lời nhận xét, chàng có nụ cười pha lẫn giữa Alain Delon, Omar Sharif và Clark Gable lúc chàng để râu! Tôi không nói quá đâu, xin bạn đừng bực mình. Tôi nói thật đó. Ước gì tôi là họa sĩ tài ba, một nhiếp ảnh gia xuất chúng hay tốt nhất là bạn gặp được chàng. Cũng có người không muốn phật lòng tôi làm gì nên trả lời lấy lệ: "Ở... ờ.... anh ấy có cái cười cũng khá." Tôi hơi giận. Chữ "khá" chung chung quá tôi không thích. Ít nhất cũng phải nói lên một trong những đường nét đặc biệt mà tôi muốn nghe. Ví dụ như hai khóe miệng hơi sâu, bờ môi dưới mịn và đầy, nụn vào ở giữa một chút xíu, hoặc bờ môi trên bám gọn vừa chí mí chân răng, không một chút lợi rõ màu, không thấy hàm răng dưới. Chỉ cần một câu nhận xét đúng về nụ cười của chàng thì tôi cũng thấy gần hơn người bạn đó. Lại cũng có đứa nhìn tôi thương hại cho là tôi lậm chàng rồi. Ai nói gì thì nói tôi cứ khăng khăng một điều trong lòng chàng có nụ cười rất... gợi cảm. Không, chỉ nói gợi cảm thì không đúng. Với tôi nó gợi cả tình thương thấm thía của tôi đối với chàng. Bởi vì trong nụ cười đó có phảng phất một chút anh hùng tính, một chút hiền hòa, một tánh tình ngay thật và nhất là một nỗi buồn chôn dấu. Nó hòa hợp với ánh mắt mông lung sâu thẳm của chàng. Theo chàng nói và tôi tin chàng thì tôi là người đàn bà duy nhất được chàng thổ lộ tâm can. Chàng đã có vợ con nhưng tôi biết chắc tôi là người yêu đầu tiên và rất có thể là người yêu cuối cùng của đời chàng. Khoan, xin bạn đừng nghi tôi phá hoại gia cang người khác mà tội cho tôi. Bởi đó là một trong những điều cấm kỵ mà tôi tự đặt ra cho mình. Tôi là người đàn bà bị chồng lãnh đạm, làm sao không thông cảm cảnh tủi nhục của kẻ mất chồng. Số là tôi gặp

chàng trong lúc chàng đang phân vân suy tính về chuyện xa người vợ đã khinh bạc và chê trách chàng thậm tệ. Còn tôi thì đang chịu cảnh lạnh lùng, lạnh lùng bên người chồng đang nuôi mộng ấm áp ở đâu đâu cùng những người tình cũ, mới. Tôi bỏ cuộc tình chăn gối, tìm quên trong tình bè bạn và trong công tác hằng ngày. Tôi dùng hai chữ "công tác" vì lúc đó chúng tôi cùng làm việc chung trong một cơ quan thuộc chính quyền cộng sản ở Việt Nam. Chàng là thợ điện, thợ máy, tài xế, lao công, chuyên viên ánh sáng âm thanh, còn tôi làm bất cứ điều gì người ta bảo làm có dính líu đến chữ nghĩa. Tôi có thể là thơ ký, là nhân viên tiếp đãi đoàn nghệ sĩ nước ngoài, chép băng các cuộc nói chuyện, hoặc phiên dịch tài liệu âm nhạc. Công việc sau cùng này mới là lạ. Tôi dịch lai rai ba năm được mươi quyển sổ đầy toàn tựa đề bài hát "đồi trụy" của Tây phương. Chờ mãi không thấy ai xem qua để nghiên cứu gì cả tôi nản lắm, nhưng nhờ yêu chàng tôi biến mọi điều thành thơ mộng. Tôi liếc nhìn cái tựa đề "Hurry, hurry up, baby" và mỉm cười đặt bút viết: "Em ơi, đừng để anh chờ." Chờ cái gì thì có ai mà biết được. Chơi với ngôn ngữ thật là vui. Nhưng thôi để nói chuyện nghiêm chỉnh. Cái tài của chàng mới thật đáng kể. Chàng sữa máy thật hay, biến những cái máy khô dầu cũ kỹ trở thành hữu dụng. Chàng lái xe êm và vững trân, thắng không giựt, quẹo đường cong mà mình tưởng như đang đi đường thẳng. Chàng "khắc phục mọi khó khăn tại chỗ," biến cái không thành cái có, và giống như McGyver trên màn ảnh truyền hình Mỹ, chàng bao giờ cũng là người đưa ra sáng kiến và tự mình thực hiện trong nhiều tình thế khó khăn và bế tắc. Ai cũng có việc nhờ đến chàng, ai cũng mến chàng, và ai cũng ngại gợi chuyện cùng chàng. Chàng chỉ lo lầm lì làm việc. Có bàn tay chàng nhúng vào thì việc nhỏ việc to đều được chu toàn chăm chút. Chàng còn là người nhanh nhẹn lạ thường. Bị chèn giữa hai tên cướp chàng từ từ rút ví ra đưa, nhưng trong chớp nhoáng cả hai tên đều ngã xuống. Bạn chàng kể lại với tôi rằng trong khi anh ấy còn đang lúng túng thì chàng đã nhanh tay đẩy mạnh chiếc xe về phía trước và tung chân đá phía sau. Tôi nghe thích thú vô cùng. Có hôm tôi thấy chàng đang lúi húi trước đầu xe, bổng xoẹt một cái chàng đã phóng ra đường nhấc lên một em nhỏ vừa mới té. Chàng như thế đó, bao giờ cũng là người đỡ đần kẻ yếu. Trong những chuyến cùng đi với chàng theo đoàn sưu tầm dân ca về tận các miền quê, tôi có dịp thấy chàng giúp các dì, các thím. Chàng sửa lại cái cối xay, vá dùm cái mẹt, trét hộ chiếc ghe bị hà ăn. Các nghệ nhân già nhấp rượu đế hỏi thăm thân thế của chàng. Chàng cười cười đáp:

"Dạ cháu vừa là con cả vừa là con út."

Một bà chuyên múa bổng rồi đập tay lên vai chàng nói giọng ồm ồm:

"Ăn đi cậu Cả Út, làm gì ngồi cười cười hoài vậy?"

Và khi chàng từ biệt lên đường, dân trong xóm ra tiễn đưa gửi theo cậu "Cả Út" cái nhìn lưu luyến.

Tôi thấy hết và đôi lúc xót xa cho chàng vất vả. Chàng không nói gì thì dù tôi có vui tính mấy cũng chỉ biết làm thinh theo dõi chàng. Lần đầu tiên chàng nói chuyện với tôi là hôm chàng vác cái ampli thật to lên vai leo từng bước lên cầu thang hẹp. Thình lình tôi thấy chàng chao người gượng lấy thế. Tôi không dằn được tiếng kêu đầy lo lắng và vội vả leo lên đỡ giúp chàng. Chừng nghe tôi hỏi: "Anh có sao không?", chàng nhìn xuống chân đáp khẻ: "Tôi có một chân bị yếu." Tôi không dám hỏi chi thêm dù rất muốn. Cái vẻ âm thầm của chàng vừa gợi trí tò mò của tôi vừa làm cho tôi ngài ngại. Đến khi chúng tôi thương quí nhau rồi chàng mới kể cho tôi nghe hết chuyện cái chân. Giọng chàng trầm buồn, nhẹ nhàng và chậm rãi. Chàng nói:

"Anh bị thương trong một chuyến hành quân. Anh mồ côi nên không thể tật nguyền. Anh xin Bác sĩ bằng mọi cách hãy giữ lại chân cho anh. Anh giải ngũ trở về nhà bác anh, ngồi xe lăn nghe nhục mạ hằng ngày là thằng vô dụng. Ngôi nhà đồ sộ em thấy đó là do bàn tay anh tu bổ. Ngôi vườn sai trái của bác anh ở Lái Thiêu là do anh vun xới. Anh gánh nước, ươn cây từ lúc lên mười. Bác trai không nói gì, nhưng bác gái không chịu nổi cái cảnh anh ăn không ngồi rồi trong khi ống cống không người thông, nóc nhà không ai vá. Anh tập đi dần dần em ạ. Anh có võ nên anh biết kiên trì. Bây giờ anh chỉ khập khểnh khi anh không kềm bước đi theo ý muốn.

Tôi đưa ngón tay chạy dài trên vết sẹo ở chân chàng. Chàng nâng nhẹ tay tôi lên hôn. Cái hôn truyền hết tình thương và sự chăm sóc ân cần. Mắt chàng bỗng trở thành ươn ướt. Bao giờ cũng vậy, những khi xúc động thì mắt chàng chan chứa yêu đương. Chàng nói:

"Có em anh được đền bù tất cả. Mà lạ quá em à. Mình thương nhau đụng vào tay cũng thấy thích nữa em."

Và chàng cười. Trời! chàng cười. Nụ cười nghiêng xuất hiện. Đôi môi như gắn lên một phần bên má, hơi nghiêng nghiêng hơi mở rộng nhẹ nhàng. Tôi rụng rời... Tôi hôn lên đôi môi ấy với tất cả si mê và thương cảm, và khi chúng tôi buông nhau ra thì đất với trời không còn ranh giới. Chúng tôi ngồi tựa bên nhau đợi hồn phách trở về. Chàng là người tỉnh trước, reo mừng trước một khám phá lạ:

"Mình yêu nhau, vui quá em ơi!"

Niềm vui của chúng tôi sao gọi là tội lỗi? Tôi bị phụ phàng còn vợ chàng... vợ chàng... tôi có gặp người đàn bà đó. Cô ấy -- tôi gọi bằng cô vì tôi lớn tuổi hơn -- Cô ấy khó lòng hiểu được một người trầm lặng như chàng. Chàng bảo cô ta không biết thương chồng, nhưng tôi nghĩ cô ấy thương chàng lắm. Làm sao không thương được một người như chàng? Có điều là qua sự tiếp xúc với người đàn bà đó, tôi đoán hai người không trao đổi nhau được gì cả. Cứ chàng mở miệng thì nàng mĩa mai, còn nàng hỏi điều gì thì chàng trả lời cộc lốc, nhát gừng, quạu quọ và bỏ đi. Tôi chứng kiến cảnh ấy lúc còn là bạn của vợ chồng chàng. Vợ chàng có lúc tâm tình với tôi:

"Chị nghĩ coi, tôi bị gạt. Cái nhà lớn vậy mà cưới tôi về chỉ cho có cái phòng bằng lỗ mũi. Để một cái giường, một cái bàn là hết chỗ cục cựa. Tôi ở đây như là tôi tớ. Cơm nước ngày ba bữa, nhà cửa một tay tôi lau quét. Gia đình ảnh khó khăn lắm, còn ảnh thì như thằng câm suốt ngày. Tôi đòi ly dị hoài đó chị."

Tôi vốn ghét cảnh bất công nên liền đề nghị:

"Hay là chị nói với ảnh dọn đi chỗ khác ở."

Cô ấy gạt ngang:

"Nói gì được mà nói. Cứ lầm lầm lì lì, mở miệng sợ gió vô. Nói thiệt với chị chớ chuyện gần gũi cả hai năm nay còn không có nữa. Con người gì mà như gỗ đá."

Tôi ái ngại cho tình cảnh hai vợ chồng và lấy làm lạ sao một người đáng nể như chàng lại có thể đối xử với vợ như thế.

Về sau chàng tâm sự:

"Anh biết ơn cô ấy lắm. Cô ấy đã thay anh chăm sóc gia đình bác anh. Nhưng cô ấy không hiểu anh. Anh thương Nội anh, Nội anh già rồi, anh không bỏ đi được. Với lại anh làm không đủ ăn thì tiền đâu mua nhà? Có lúc cô ấy thật dữ dằn, cào cấu anh, mắng anh là đồ không cha không mẹ ở dưới đất nẻ chui lên... Cô ấy đã đụng đến chỗ đau nhất của đời anh. Anh lại không thích cái cách cô ấy dạy con. Luôn luôn chửi bới đánh đập. Anh có dọn đi đâu thì cảnh ấy cũng diễn ra hàng ngày. Có hôm anh ngán quá, đi làm về gần tới nhà anh vòng đầu xe lại đạp lang bang ngoài đường. Thôi em, chuyện của anh khó tính lắm. Ly dị thì lúc chịu lúc không. Phần anh không nở... Người cô ấy khô gầy nhỏ nhắn quá... gần gủi khó khăn, bỏ thì không đành."

Tôi bấm bụng khuyên chàng:

"Hay là anh về nhà đi, sống lây lất nhà này nhà nọ em thấy cực khổ thân anh. Cô ấy thương anh đó, nhưng có lẽ không biết cách nào bày tỏ nên làm dữ với anh. Anh thử dịu dàng với cô ấy như anh đối với em thì mọi sự êm thấm ngay. Người đàn bà đó có công với gia đình anh và sanh con cho anh. Em chẳng làm được gì cho anh cả. Em chỉ biết thương anh."

Chàng ôm vai tôi chắc lưỡi nói:

"Em là người đàn bà biết điệu và biết điều. Em biết yêu thương, biết phải quấy. Em yêu anh là hạnh phúc cho anh rồi. Nhiều khi anh chỉ muốn nuốt em vào bụng để khỏi mất em. Chuyện nhà của anh để anh lo. Cảnh em đủ khổ rồi. Ổng không thương em sao cưới em?"

"Nhiều lý do phức tạp lắm anh à, em chưa biết hết. Em nghe ảnh nói cưới vợ thì cưới người hiền như em. Rủi cho ảnh là mấy cái khác thuộc về em như ước mơ, sở thích, hoài bảo của em thì ảnh phải ráng chịu."

"Sao em bằng lòng lấy ổng?"

"Ảnh tốt, hay giúp đỡ người nghèo, lại hiền lành chịu khó làm ăn, và nhất là ảnh hỏi cưới em trong lúc em muốn lập gia đình cho xong. Em không yêu ai và má em sốt ruột. Em tưởng tượng cảnh nhà yên ấm, vợ chồng săn sóc nhau và sẽ không bao giờ có chuyện đổ vỡ vì em đầy thiện chí tạo một gia đình hạnh phúc. Nào ngờ ảnh cưới em để giải quyết những rắc rối riêng. Thành ra hai khối cô đơn nhập lại thành một khối to hơn, hai tâm hồn càng ngày càng cách biệt. Còn anh?"

"Sau khi anh bình phục được ít lâu bác anh nói *Mầy lớn rồi kiếm chỗ nào tao cưới cho.* Cô ấy quen thân với em gái của bạn anh, người lanh lẹ, bặt thiệp, giỏi dắn."

"Anh thương cô ấy không?"

"Lúc đầu mới quen thấy thích. Chừng đi cưới bên kia đòi hỏi khó khăn quá anh thấy nản. Khi về ở thì tánh tình xung khắc nên cứ xa dần xa dần. Cô ấy nặng lời, anh tự ái hết thương. Anh ước gì cô ấy dịu dàng như em."

"Hồi đó giờ anh có yêu ai không?"

"Hồi đi lính nhiều cô theo lắm. Có cô dạn lắm em à. Vô tới chỗ anh đòi ở lại đêm. Anh không cho nhưng cô ta vẫn leo lên giường anh ngủ."

Tôi cười hăng hắc:

"Em biết lắm mà, ai mà không theo anh."

Chàng cười gượng, nhưng hãnh diện, phân trần:

"Nhưng anh đâu có yêu ai. Em là tình đầu của anh và là tình duy nhất."

Tôi tin lời nói của chàng như tin tấm lòng chàng. Lòng tin đó chưa một lần lay chuyển. Ở nơi chàng tôi biết được tình yêu. Chắc bạn cười tôi sao dám khẳng định tình yêu là gì. Tôi dám vì khi ở bên chàng tôi cảm thấy tôi yêu kiều duyên dáng, bao nhiêu nữ tính sẵn có tự nhiên phát tiết ra ngoài. Tôi cũng chớp mắt, cười mĩm chi, nũng nịu như ai. Từ khi có chàng tôi sung sướng được làm đàn bà. Mà nào phải chàng thả lời đường mật chi đâu. Bạn nghĩ có ai tỏ tình lạ đời như chàng không. Đêm ấy trời mưa to. Tôi với chàng là hai người cuối cùng còn ở lại thu dọn hội trường sau buổi trình diễn kết thúc của đoàn nghệ sĩ Nhật Bản. Chàng làm việc suốt từ sáng sớm. Chàng khuân vác, giàn dựng máy móc, xem xét hệ

thống điện, và ngồi thu băng bền bĩ suốt cuộc trình diễn, lo lắng không để mất một tiết mục nào. Ổ bánh mì bên cạnh chàng vẫn còn nguyên. Chàng có cái tật lúc làm không thiết đến chuyện ăn uống. Tôi ngoài việc tặng hoa, tiếp đãi quan khách, còn có nhiệm vụ giúp chàng. Tôi lăn xăn vừa thu dọn, vừa lo âu nhìn theo từng cử chỉ của chàng. Chàng vừa đói vừa mệt, cái bụng lép kẹp, cái chân khập khểnh kéo lê từ góc này sang góc nọ đem mọi thứ ra xe. Bỗng chàng ngưng quấn dây điện, hướng hai con mắt âm u sâu thẳm về hướng tôi. Trong ánh đèn mờ tôi thấy những giọt mồ hôi rịn ra ướt đẫm trán chàng, và tôi nghe chàng nói:

"Em biết bây giờ anh muốn gì không? -- Một miếng bít tết, một chai rượu chác rồi tới em."

Tôi ngập ngừng lùi bước. Chàng nói tiếp:

"Nhưng em đừng sợ. Anh sẽ không có gì cả. Em ra ngoài, anh lấy xe cho em. Trời mưa chạy cẩn thận. Anh lái theo sau em."

Chàng trao xe cho tôi. Chúng tôi đứng gần nhau lắm. Chàng để tay chàng lên tay tôi bóp mạnh. Chàng nhếch môi cười nhìn sâu vào mắt tôi hỏi:

"Em sợ hả?"

Tôi cúi đầu không đáp. Nhiều xúc động quá tôi biết nói gì đây. Lần đầu tiên chàng gọi tôi bằng "em" thay cho tiếng "chị" hằng ngày. Nhưng tôi không ngạc nhiên chút nào. Tôi cũng như chàng, hình như đã sẵn sàng nhận tín hiệu của nhau từ bao giờ. Tôi phóng xe Honda nước văng tung tóe. Lúc xe leo lên cầu tôi ngửa mặt hứng mưa, cám ơn trời đã cho tôi niềm hoan lạc vô biên. Tôi, một người đàn bà bị phụ rẫy, được một người đàn ông thèm muốn. Tôi nghe tiếng xe Traction của chàng chạy phía sau và từ giây phút ấy tôi biết tôi có một mối tình để vỗ về che chở đời tôi.

Sau đêm đó chúng tôi cố tình gặp gỡ. Chàng nhiều sáng kiến và bạo dạn hơn tôi nên tôi đến nơi đâu cũng thấy chàng. Tôi đi lãnh guốc về vẽ, đi học ngoại ngữ, kèm trẻ tư gia, họp tổ phụ nữ, vân vân, chàng thuộc làu thời dụng biểu của tôi. Chàng mặc áo mưa lù lù trong gốc cây đi ra như nhà thám tử, chàng dựng xe đứng đợi tôi ở đầu cầu, chàng ngồi hút thuốc ở quán bên đường trước ngỏ, chàng từ sau lưng tôi trờ tới, chàng ở khắp nơi... Có hôm chàng trễ giờ, tôi ngó quanh quất thấy chàng phóng xe đạp vù vù, tóc bay theo gió, đảo đi đảo lại mấy vòng, nhớn nhác tìm tôi, mặt mày thất sắc. Chàng thấy tôi chàng mừng rỡ như em bé tìm lại được món đồ chơi yêu thích. Chàng ba mươi tám tuổi mà tình chàng đối với tôi như thanh niên mười tám. Còn tôi là thiếu nữ ngây thơ, chờ đợi từng bọc nước mía, từng cái bánh giò Phú Hương nóng hổi của chàng. Lần nào cũng vậy, gặp nhau là chàng đưa tôi cái túi ny lông vồn vã nói:

"Ăn đi em, cho còn nóng. Uống đi em, cho đỡ khát. Anh mua nước mía nguyên chất, chỗ này ngon."

Hôm hai chúng tôi ngồi quán, chàng ăn chầm chậm vì bận ngó tôi. Chàng ngó tôi đăm đăm lắc đầu thở ra. Tôi hỏi chàng sao thở, chàng đáp:

"Thấy em ăn ngon lành anh đứt ruột. Thương em quá. Ăn nữa đi em. Ổng có hay đưa em đi chơi không?"

"Ít lắm anh à. Nhưng đi như hai người lạ. Em chưa bao giờ thực sự có cảm giác anh ấy là chồng em và khi giới thiệu em với ai anh ấy ngập ngừng ở chữ *vợ*. Hồi mới cưới đi xe hơi chung, ảnh bắt em ngồi phía sau. Chắc sợ bồ ảnh thấy. Có cô còn giả vờ tiện đường ghé qua thăm để coi em. Nhưng sau đó viết thơ khuyên ảnh tử tế với em!"

Chàng lại thở ra và lắc đầu. Chị tôi nói trông chàng giống như có con kiến bò trong lỗ tai, lúc nào cũng ngọe ngoạy cái đầu khổ sở. Chàng khổ cho tôi, cho vợ chàng và cho chính mình. Nhiều đêm đạp xe mỏi chân chúng tôi dừng lại bên đường, nhìn vào một ngôi nhà của ai đó có ánh đèn ấm cúng và chúng tôi ước được gặp nhau hồi còn trẻ, cưới hỏi nhau và ăn ở cùng nhau trọn đời. Tôi nói với chàng:

"Anh biết không, em còn ước được chở ngồi phía sau Honda đi về miền quê như những cặp tình nhân em thấy."

Chàng mượn bạn chiếc xe và chúng tôi cười vang trong gió đồng lồng lộng. Hạnh phúc chúng tôi đâu đòi hỏi chi nhiều sao vẫn phải âm thầm lén lút? Tôi khổ sở vì tự nhiên trở thành người bất chánh. Tôi làm vẻ hững hờ tránh né chàng. Chàng ghen tuông như điên dại, rình xem tôi để ý những ai. Tôi ghen với nụ cười chàng bao nhiêu thì chàng ghen với tiếng cười của tôi bấy nhiêu. Chàng thường nói: "Với ai em cũng cười, em cười tự nhiên thoải mái quá mà. Người ta cười trong cổ, còn em cười từ trong bụng cười ra, tiếng cười như muốn cho người ta hết cái gì em có." Chàng vô lý, tôi bực mình. Tôi có hai người đàn ông, một người ghen tuông vô lối, một người hờ hững. Còn đời tôi, tôi lo liệu một mình. Tôi ngộp thở cho số phận mỉa mai của tôi và tôi muốn thoát. Tôi muốn sống một mình thôi. Tôi thành thật bày tỏ với anh H. Anh ấy nghiến răng hỏi:

"Thằng khốn nạn nào vậy?... Có phải..."

Tôi im lặng. Tôi không muốn dối trá thêm nữa. Trong một thoáng giây tôi ước gì anh H. hỏi tại sao và giúp tôi qua khỏi đoạn đường nhiều biến động mà tôi đang dấn thân vào. Nhưng những điều anh nói tiếp làm tôi càng muốn giữ ý định xa anh:

"Tôi biết cô lãng mạn. Nhưng hết người rồi sao cô chọn thằng đó. Phải chi cô mê một nhạc sĩ hay văn sĩ nào thì tôi còn hiểu được. Nó không cười cô đâu.

Tôi là đàn ông tôi biết. Rồi vợ nó sẽ làm nhục cô, cô còn ngây thơ quá! Cô thôi tôi ra cô lỗ. Cô gần bốn mươi tuổi rồi cô hay không? Khó hy vọng lấy chồng, cô hiểu chớ?"

Tôi hét lên:

"Tôi lấy xích lô xe kéo gì cũng vẫn hạnh phúc hơn lấy anh. Nhìn hai con chó quấn quýt nhau tôi còn thấy tủi thân. Bây giờ có ai kê súng vào đầu tôi hỏi ở lại với anh hay là bắn, tôi nói *bắn!*. Anh khỏi lo cho tôi. Tôi sáu mươi thì vẫn có người bảy mươi cho tôi lấy. Lấy chồng đâu phải chỉ để ăn với ngủ mà già với trẻ."

Anh H. làm sao ngờ được tình yêu đã giải phóng tôi khỏi những huyền thoại về hôn nhân. Tôi sẵn sàng đánh đổi cái an tâm giả tạo của người đàn bà có chồng không hạnh phúc để lấy cảnh sống truân chuyên của một thiếu phụ không chồng. Hình như anh nhận ra sự trơ lì bướng bỉnh của tôi lúc đó nên anh hầm hầm bỏ lên gác. Như vậy có nghĩa là anh sẽ không nói chuyện với tôi mấy ngày, cũng có khi kéo dài cả tháng. Trong sáu năm trời chung sống tôi với anh là hai cái bóng ra vào. Đối với anh bao giờ tôi cũng vụng về lầm lỗi. Tôi để gió bay mất cái khăn, quạt máy quấn màn cửa. Tôi không kịp cất miếng thịt để chó tha. Dáng tôi không sang như tình nhân ông chủ hãng. Biết bao nhiêu nguyên cớ để cho anh trừng phạt tôi bằng cách lạnh lùng không nói.

Tôi đoán sai. Lần này anh đổi khác. Anh luôn ở sát bên tôi. Anh nghĩ làm, đạp xe lẻo đẻo theo tôi. Tôi vào sở thì anh ngồi trước cửa đợi. Anh hăm dọa tôi đủ điều. Nào sẽ báo cho vợ chàng biết, nào anh sẽ không để tôi sống, nào anh sắp đi xa. Anh càng hăm tôi càng thấy xa cách anh hơn. Chăm chọc nhau đủ cách hai chúng tôi đổi giọng ôn hòa. Một đằng năn nỉ, một đằng kể lể. Tôi nhắc lại từng kỷ niệm đau buồn anh gây cho tôi trong khi tôi đau ốm, trong đêm giáng sinh, trong tối giao thừa, anh bỏ tôi một mình trông ngóng... Anh H. càng lúc càng ngạc nhiên như khám phá ra điều lạ nơi tôi, nơi người đàn bà mà thâm tâm anh có phần thương kính nhưng bên ngoài lúc nào cũng cư xử phũ phàng. Cuối cùng anh nói với tôi bằng một giọng buồn thảm:

"Như vậy là em đâm anh một nhát dao rồi!"

Tôi lạnh lùng đáp không một giây do dự:

"Anh nhớ lại coi, anh đâm em mấy nhát. Có những vết thật sâu khó lành. Lần nào em đòi thôi anh cũng nói em là vợ anh xin cứu anh thêm một lần nữa. Anh bảo em đừng thả hổ về rừng. Anh cưới em vì anh muốn sửa đổi lại đời anh. Em xiêu lòng em ráng chịu. Êm ấm được vài hôm rồi cảnh cũ diễn lại. Người quen thân của em anh cũng không từ. Em năn nỉ anh cưới người ta, em trả lại hết bông tai cà rá kim cương, nhưng anh không chịu, anh chê người ta hư đốn vì đã ngủ với anh!"

Anh H. lắng tai nghe tôi nói một hơi rồi khuyến khích tôi nói thêm:

"Nói nữa đi em. Sao hồi đó giờ em không nói. Anh đâu biết, anh thấy có gì đến nỗi phải thôi nhau. Anh đâu để em thiếu thốn ngày nào."

"Anh được phần anh rồi, còn thấy gì nữa. Anh có tiền, ăn uống no say với bạn bè trong các nhà hàng sang trọng, về nhà ngó qua mâm cơm rồi chê em nấu nướng không bằng cô anh. Cô anh hãnh diện vui buồn vì nữ công nữ hạnh, còn em hồi nhỏ tới lớn làm đủ thứ chuyện trên đời làm sao theo kịp cô anh? Anh ôm ấp người này người nọ chán chê, lúc lên giường thì mệt mỏi ngủ vùi. Anh coi em như một vật dụng trong nhà, chỉ khi nào anh cần anh mới nhớ tới. Em là con người, dù chỉ là người đàn bà như anh nghĩ, em có nhu cầu tình cảm, sinh lý. Em cô đơn."

Tôi mệt quá ngưng nói khóc tức tưởi. Anh H. sợ nước mắt. Anh đến bên tôi, ngập ngừng định để tay lên vai tôi. Tôi rún người lại né bàn tay anh. Tôi biết cái kế của anh H. Anh sẽ hôn tôi tới tấp, vuốt ve cho thân thể tôi mềm ra, cho tinh thần tôi bạc nhược để rồi sau đó nhận chịu thêm những ngày buồn tủi. Anh ngượng ngùng lùi lại. Tôi ngó anh bằng ánh mắt lạnh lùng và sợ hãi. Hơn bao giờ hết lúc đó cả hai chúng tôi đều nhận biết khó tình hàn gắn. Đối với anh H. tôi đã thành người đàn bà lãnh cảm. Anh H. trở lại chỗ ngồi đối diện với tôi. Tôi gục đầu thút thít. Tôi nghe anh nói:

"Anh thật không ngờ. Anh không thể nào tưởng tượng được em... em... ngoại tình!"

"Ngoại tình!," trước kia đối với tôi là chuyện của người khác, bỗng nhiên chính tôi lúc này là người phạm tội. Nhưng tôi có lý lẽ của tôi. Tôi nín bặt ngẩng đầu lên đáp:

"Em làm gì có nội tình mà anh kết án em?"

Anh H. già lời không nghe tôi nói, anh lập lại điều anh đã dọa tôi nhiều lần:

"Nó không cưới em đâu. Đàn ông mười người hết chín người trở về với vợ." Anh không bao giờ bỏ em."

Tôi khẳng định rõ ràng:

"Em không có ý lấy chồng khác. Tự nhiên chuyện xảy đến cho em, em không muốn như vậy. Anh với em không ai thương ai còn ráng sống với nhau làm gì? Trước kia em không dám nói mạnh với anh là vì em định cố nhẫn nhục ở đời với anh. Bây giờ mọi sự đổi khác. Cái nghèo đói hôm nay đã phơi trần tất cả. Nó làm cho con người ta không còn bận tâm về những thứ danh dự hão huyền. Kể cả mạng sống của con người cũng không có giá trị gì. Em không còn sợ lỡ làng hay nhục nhã gia phong chi hết."

Anh H. không nói gì, buồn bã lên giường nằm xây mặt vào vách. Anh nằm im ỉm suốt

ngày đêm, thỉnh thoảng anh đưa mắt nhìn tôi khẩn khoản. Tôi nghe anh rên nho nhỏ "Anh ghen quá em ơi!" Tôi ngột ngạt khó xử, về ở với gia đình tôi. Anh H. đến thăm thường xuyên, mua cho tôi những món quà nho nhỏ. Trời dạo đó đang mùa mưa, anh vá lại cái áo mưa cũ của tôi lành lặn, xếp thật sát xao, và bên trong có một miếng giấy nhỏ đề mấy chữ "Em ơi! Em ơi!" Anh nói tôi về nhà anh sẽ chung lo mọi việc với tôi và không để tôi nấu nướng một mình. Anh quì xuống ôm chân tôi tha thiết như một người chồng tận tụy.

"Chẳng lẻ anh H. yêu tôi? Hay là tiền bạc cạn dần và anh ngán ngẫm những bữa ăn khô khan nguội lạnh?" Tôi tự hỏi và nhất định không để anh lừa thêm lần nữa. Anh có tài năn nỉ cũng như tài viết thơ tình và sự bền lòng cho đến khi nào đạt được ý muốn.

Lần sau cùng đến thăm, tôi nói:

"Anh H., anh không yêu em. Anh chỉ tiếc vì mất em thôi. Em biết tánh anh. Anh không chịu được cái gì hư hao mất mát. Em lở tay làm bể cái chén cũng phải gói lại dấu anh. Huống chi anh mất nguyên một người vợ. Anh không tha thiết với em đâu, em biết. Anh còn nhớ anh nói gì với em đêm tân hôn không? Anh nói anh cưới em để cho đời em cô đơn hơn kẻ không chồng. Anh cưới em để trả thù em đã từ chối lời cầu hôn của anh nhiều lần, rằng em bây giờ là Bà H., em hoàn toàn thuộc về anh. Anh còn nói thêm có một điều anh không bao giờ chán là chán đời. Em tưởng anh say rượu nói bừa, nhưng sau nhiều năm sống với anh, em mới nghiệm ra lời nói của anh chứa nhiều sự thật. Anh H. em bắt đền ai đây cho tai họa đời em? Anh không hạnh phúc với chính mình, làm sao mang lại hạnh phúc cho ai? Em xin anh cho em được tự do."

Anh H. thở dài, im lặng một lúc rồi nói:

"Anh xin lỗi em. Lâu nay em là người bạn tốt nhất của anh mà anh không thấy. Bây giờ tài sản tiêu tan, kể cả người thân tín nhất của anh trong công việc làm ăn cũng xuống tàu không một lời từ giả. Anh còn lại chỉ có em. Nhưng chắc muộn rồi phải không em? Anh vẫn nghĩ ngày cuối cùng có em bên cạnh. Nhưng chính anh, chính anh đẩy em ra khỏi đời anh... Không có em căn nhà lạnh lẽo quá. Anh ngắm nghía mân mê đôi giầy, chiếc nón lá của em, anh chịu không nổi. Chắc anh phải về quê ít lâu."

Rồi anh đứng lên lẩm bẩm một mình: "Muộn mất rồi!". Anh đưa mắt nhìn tôi từ giã và ra về, đi chân trần quên cả dép. Tôi định gọi anh lại nhưng cố nén không để yếu lòng.

*

* *

Ba tháng sau tôi trở thành quả phụ. Ba anh H. nói nhỏ với tôi khi tôi đứng trước quan tài anh ấy:

"Con có buồn giận gì thì tha thứ cho chồng con. Nó trối lại với ba là nó rất ăn năn đã làm con khổ. Nó đau ốm mà không chịu thuốc men ăn uống gì cả. Nó nói thấy con người học thức nó sợ con lên mặt hơn chồng. Thằng này dạy vợ quá trớn con à."

Tôi bịt khăn tang mà uất ức. Tôi đâu muốn đời anh H. ra nông nổi. Mỗi ngày tôi úp cái chén, tôi giũ tấm khăn trải giường tôi đều nghĩ tôi làm cho người đàn bà đến sau. Anh bao giờ cũng tự hào là có nhiều cô trẻ đẹp giàu có mê anh. Tôi tin anh vì thư từ và hình ảnh của các cô tôi còn cất giữ. Bỗng nhiên tôi bị đặt vào hoàn cảnh quá bất ngờ tức tưởi. Anh H. sống quên tôi, anh chết đi để cho người đời nhớ mãi tôi là người đàn bà phụ bạc. Chung quanh tôi lúc đó có hằng trăm con mắt của làng xóm họ hàng anh nhìn tôi oán thù. May mà tôi còn có cha mẹ chồng thông cảm. Má anh H. đã bao lần trút hết cho tôi nỗi lòng bà về người con cả. Anh H. là cháu đích tôn. Bà nội anh cưng quý bắt về nuôi. Anh H. lớn lên ghét mẹ, khinh đàn bà. Anh thường chê tôi tánh ý giống má anh. Bà xót con bà vắn số nhưng không lạnh nhạt với tôi.

Dù sao người chết vẫn là người thắng thế. Chính má tôi, người đã chứng kiến bao nỗi buồn phiền, cay đắng của tôi trong đời làm vợ cũng trách tôi cứng cỏi không chịu thua, không ở bên chồng lúc anh ấy ốm đau. Tôi tủi thân tìm đường thoát. Tôi vượt biên. Chàng táo tác tìm tôi. Chàng điên loạn không còn giữ kín chuyện chúng tôi. Chàng trách hết những người thân của tôi sao để tôi đi. Má tôi khóc và chàng cũng khóc. Má tôi ngạc nhiên nhìn chàng và bà vở lẽ là chàng yêu tôi. Chừng tôi được thả về má tôi không ngớt khuyên tôi dứt khoát với chàng. Bà không còn đay nghiến tôi như trước nữa. Tấm lòng già nua cổ kính ấy đôi lúc để lộ ra ít nhiều đau xót cho tình cảnh của tôi và chàng.

Về phần tôi, tôi không ân hận về chuyện thôi chồng, vì tôi đâu còn là người vợ thủy chung. Nhưng cái bi kịch đời anh H. là một động lực mạnh mẽ để tôi quyết liệt không cho chàng gặp mặt. Chàng rời thành phố về một tỉnh xa. Tôi bán căn nhà, mua căn phòng nhỏ ở riêng. Tôi tưởng đời tôi yên ổn thì một hôm chàng trở về. Chàng gầy rạc đi và râu ria tua tủa. Mấy chiếc răng tôi yêu mến đã nhuộm vàng khói thuốc. Tay chàng run run và mắt chàng nói với tôi trăm ngàn thương nhớ. Tôi đi rót ly nước cho chàng để che dấu xúc cảm của mình. Nhưng ông trời cao thấu hiểu, hai trái tim chúng tôi bao giờ cũng hòa chung một nhịp. Chúng tôi lại chia tay và cứ đôi ba tháng chàng tìm đến thăm tôi thêm một lần. Có khi bê cả máy về nhà tôi làm việc. Những lúc như thế tôi ưa nhìn cái dáng

nghiêng nghiêng chăm chú của chàng khi ngồi quan sát trước một máy truyền hình tháo vỏ tung ra. Chàng nâng lên từng sợi dây nhỏ, bặm môi siết chặc một con ốc li ti, đưa mắt xem xét lại chỗ mối hàn. Mỗi cử động đều nhịp nhàng, tuần tự của một người biết chắc cần phải làm gì cho tiếng máy thanh, cho hình ảnh rõ ràng. Gặp trường hợp khó chàng ngồi ngó mong suy nghĩ. Tôi nghe chàng gọi một tiếng "Em!" và tôi ngoan ngoản đến ngồi bên chàng. Mãi không thấy chàng hỏi gì tôi dợm đứng lên. Chàng ấn nhẹ tôi xuống, nâng càm tôi lên và mắt chàng ươn ướt. Chàng hít hơi vào thật sâu và thở ra nhè nhẹ nói với tôi: "Có em bên anh, hạnh phúc vô cùng.", rồi chàng đốt điếu thuốc phà khói thành những vòng tròn bay bay trong không khí và đắc ý nhìn tôi mĩm cười. Làm việc gì chàng cũng nhớ đến tôi. Tôi ước gì bạn chứng kiến cảnh chàng lao động. Chàng đập tường, vung lên từng vòng tay gân guốc. Bụi vôi bay mịt mù phủ trắng mặt chàng làm thấy rõ hai con mắt đen ngòm sâu hẳn vào trong. Mồ hôi chảy thành sọc dài trên hai má, chàng đu lên nóc nhà, lòn mình dưới mái, thò đầu ra khỏi một lổ hổng trên trần cười toét miệng gọi "Em!". Khi tôi ngẩng lên nhìn, chàng nắn nót đôi môi nói thật chậm ba chữ nhiệm mầu: Anh... yêu... em!"

Trong cái cảnh của tôi có đôi lúc tôi nghĩ tôi là người đàn bà hạnh phúc. Tôi được yêu bằng một tình yêu chân thành trọn vẹn mà các bạn tôi thầm mong ước. Chàng chăm sóc tôi như một đứa em bé nhỏ thương yêu ruột thịt của chàng. Những đêm trời nóng bức, trong nhà ngoài ngõ tối om vì điện bị cúp mấy hôm liền, chàng ngồi quạt hằng giờ cho tôi ngủ, đốm lửa lập lòe trên điếu thuốc. Tôi biết chàng yêu tôi, buồn cho thân phận và nghĩ đến vợ con. Chàng luôn luôn nghĩ đến vợ con. Làm được bao nhiêu tiền chàng đem về để vào ngăn tủ rồi đi. Vợ chàng tuyên bố với mọi người: "Ảnh đi đâu thì đi, miễn đem tiền về cho tôi là được." Tôi không bao giờ tin câu nói đó và tôi vẫn nuôi ý định tìm cách xa chàng. Tôi hy vọng không có tôi vợ con chàng sẽ có chàng bên cạnh. Ngoài trái tim yêu đương phong phú, chàng rất trọng lễ nghi tập tục và đâu đó trong chàng còn có hình ảnh của một đấng trượng phu. Chàng chẳng luôn luôn bảo vệ kẻ yếu là gì. Có khi chàng nói như cho chính mình nghe: "Bỏ một người đàn bà về với mình hồi còn con gái thật là nhẫn tâm." Tôi không làm sao không khỏi đồng ý với chàng, nhất là người đàn bà đó chẳng làm gì nên tội. Nhưng lòng tự ái của tôi bị tổn thương quá nặng. Tôi cương quyết bảo chàng đừng trở lại. Nhưng bao giờ cũng vậy, khi trái tim tôi rã rời, thân xác tôi rục ra vì thương nhớ thì chàng xuất hiện. Có hôm nhằm lúc tôi vắng nhà. Tôi về thì chàng đã đi. Nhưng căn phòng được lau chùi nhẵn bóng mát rượi lòng bàn chân, cái áo xứt chỉ tôi máng trên giá đã liền, nồi cơm còn ấm, và một miếng giấy nhỏ đang nằm trên gối đợi tôi với những giòng như sau:

Mình,

Anh nhớ quá nên về nhìn lại căn phòng mình ở, hôn áo mình rồi phải vội đi vì sợ mình la anh. Còn mấy cái chén chưa rửa mình rửa dùm anh nhé.

Anh yêu mình,
Anh.

Trời! tôi làm sao cưỡng được tình chàng? Tôi hối hận đã xua đuổi chàng và tôi khốn khổ. Đêm Giáng Sinh tôi trằn trọc lo không biết chàng lạnh lẽo ở đâu thì nghe tiếng chàng gọi khẻ. Tôi mở cửa nhanh kéo chàng vào tuốt bên trong. Chàng về khuya tôi làm sao khai báo có khách ngủ qua đêm. Chàng tiều tụy, áo đẫm mồ hôi dơ bẩn, quần jean mòn rách sứt cả lai. Tôi hỏi chàng ở đâu ra chàng nói trốn tù vì bị tình nghi có dính líu với mấy thằng quen buôn lậu. Tôi chẳng biết chàng thật hay gian nhưng không hỏi. Cảnh sống đã quá nghèo nàn thì ai cũng có thể là người gian cả. Chàng ôm tôi không rời, mắt rưng rưng ngấn lệ, rồi ngập ngừng và nghẹn ngào chàng nói:

"Anh nhớ em quá em ơi!"

Tôi lo cho chàng đến không nghĩ chi về chuyện bày tỏ nổi niềm riêng. Tôi nhúng khăn lau mặt cho chàng và ép chàng ăn chén cơm. Tôi vặn đèn dầu thật thấp sợ bên ngoài nhìn thấy và cúi xuống cố líu lại cái lai quần cho chàng. Chàng nâng cằm tôi lên hỏi:

"Em, em có nhớ anh không?"

Tôi rưng rưng gật đầu. Chàng liếm nước mắt tôi nuốt vào thật sâu và nói:

"Em, nghe anh nói đây. Anh yêu em. Đừng bao giờ xua đuổi anh..."

Chàng lắc đầu quay quắt, nhăn mặt đau đớn chỉ vào bụng nói tiếp:

"... Anh đau. Cái bao tử lại hoành hành."

Tôi ôm chầm lấy chàng và hai chúng tôi ngồi im, lắng nghe từng nổi niềm thổn thức của nhau. Tiếng chuột chạy làm chúng tôi giựt mình sợ có công an vào bắt chàng. Chàng hôn nhẹ lên trán, lên mắt tôi và nói nhỏ:

"Anh phải đi. Để coi tình thế ra sao rồi anh trở lại."

Tôi ra cửa canh chừng, nhìn chàng lết cái chân chật nhanh lẫn đi trong ngõ tối.

Cảnh sống của chúng tôi luôn luôn phập phồng lén lút. Lén gia đình tôi lén vợ chàng, lén phường khóm, cho nên mỗi lần chàng từ biệt tôi luôn luôn nghĩ có thể đó là lần cuối cùng tôi thấy chàng. Vậy mà chúng tôi kéo dài những năm năm. Chúng tôi dan díu với nhau lâu quá nên đôi lúc cứ ngỡ đã là chồng vợ. Khi tôi ho thì chàng nghe nhói đau ở ngực, chàng bị

mẻ răng thì tôi trách chàng không giữ lại miếng răng rớt ra cho tôi làm mặt cà rá, tôi lở vấp ngã thì chàng rầy tôi không cẩn thận làm giựt mình đứa con tưởng tượng của chàng trong bụng tôi. Lại có khi chúng tôi tưởng chừng như ngày cưới gần kề. Chàng nói với tôi:

"Ngày đám cưới em mặc áo trắng em nhé!"

Tôi ngượng ngùng biết mình đang ửng mặt như hồi còn con gái và tôi đáp:

"Chắc áo hồng anh ạ, em đâu còn trinh trắng gì?"

Chàng vuốt tóc tôi nói:

"Em là trinh nữ của anh. Em còn nhớ lần đầu gần gũi nhau em nói gì không?"

"Dạ nhớ."

"Em lập lại cho anh nghe đi. Anh muốn nghe mãi lời em nói."

"Thôi anh, nói hoài hết linh!"

Chàng kề tai tôi nói nhỏ:

"Em nói: Anh ơi! em được gần người em yêu!" Câu đó là câu thần chú linh nghiệm của đời anh. Tôi ôm cánh tay rắn rỏi của chàng, ngắm nghía khuôn mặt xương xương phản phất đường nét những bức tượng điêu khắc trong viện bảo tàng La Mã và nói với chàng điều tôi thầm nghĩ:

"Ba anh mất rồi thì em đành chịu. Nhưng em mong một ngày nào đó má anh trở về tìm anh để em cám ơn bà đã sanh một người con đáng yêu như anh."

Chàng lộ vẻ cảm động nhưng lắc đầu nói:

"Chắc không bao giờ có ngày đó đâu em. Má anh biệt tích từ khi anh còn nhỏ, chắc là không còn nữa em à."

Bạn có thể tưởng tượng được không, mẹ chàng xuất hiện sau ngày bà nội chàng qua đời. Tôi hỏi han đủ thứ về người đàn bà đó. Chàng kể tôi nghe:

"Má anh không tâm sự gì cả và anh không hỏi. Hai mẹ con gặp nhau tự nhiên như chưa bao giờ xa cách. Anh kể sơ sơ tình cảnh của anh. Má biểu anh về ở với má. Nhà nghèo lắm em à, ở gần đây không xa. Anh thấy trên bàn thờ có hình ba anh, không thấy má nói gì về ông kia... nhưng anh có một thằng em. Nó vụng về lắm. Anh còn phải chỉ dẫn nó nhiều."

Chàng khoe tôi cái nón và túi đựng đồ nghề thật sạch và nói:

"Má giặt hết đồ cho anh!"

Tôi mừng cho chàng có một mái nhà yên ổn để trở về, nhưng tôi không khỏi thắc mắc về một người mẹ có thể bỏ con mấy mươi năm trời. Tra hạch mãi chàng mới nói:

"Có lẽ sau khi ba anh mất, má anh lở mang bầu trong lúc đi buôn. Sợ trở về mẹ chồng nhục mạ phải lánh mặt."

Tôi muốn gặp má chàng nhưng biết lấy danh nghĩa gì để đến thăm. Nói dối là bạn chàng thì không phải. Chàng về kể thật với má chàng về chúng tôi và bà có đến tìm tôi mấy lần. Nhưng chẳng may nhằm lúc tôi đi vắng. Kế đó thì tôi nhận được giấy xuất cảnh. Cuộc đời thật là lạ. Tôi vượt biên hai lần không thoát, cuối cùng được chánh thức ra đi. Tôi mừng sắp thoát khỏi con đường bế tắc, còn chàng thì bắt đầu mĩa mai đay nghiến:

"Xa anh, em mừng lắm phải không? Anh biết mà, anh chỉ là một thằng lính quèn tàn tật, tài cán chi đâu. Em thì gây tình thân dễ dàng, ai tới gần mà không thích. Coi như em ra khỏi phi trường Tân Sơn Nhất thì anh mất em."

Chàng trở nên ghen táo tợn. Lườm tôi khi tôi vẽ mắt tô son, ấn tôi vào tường đến bầm tím hai cánh tay để tra hạch tôi đi đâu về trễ. Chàng tưởng tượng ra đủ cảnh tôi tung hoành bay bướm trên đất Mỹ và hăm dọa ngày trùng phùng mà tôi phản trắc thì chàng không để tôi yên. Chàng nói tôi đối với chàng một là người yêu, hai là kẻ thù, dứt khoát không có chuyện bạn bè hay quen biết gì cả. Tất nhiên chàng quen hết những gì tôi nói với chàng khi chàng gặn hỏi mãi vì sao tôi yêu chàng. Và đã hơn một lần tôi đáp:

"Người ta thương yêu những gì anh nhỉ? Người ta yêu chân, thiện, mỹ. Ở anh em tìm thấy cả ba điều. Em còn bị mê hoặc bởi cái sức sống tiềm tàng trong anh. Nó truyền vào sức mạnh cho em. Tình yêu này đâu phải để quên."

Tôi nhắc lại điều đó thì chàng bình tĩnh hơn đôi chút, nhưng bịnh bao tử được dịp làm khổ chàng. Chàng hốc hác chao dao. Tôi thì ruột gan rối bời. Xa người tình, xa đất nước để tìm những gì thân thương hơn trên xứ lạ? Tôi bước chân lên máy bay thầm van vái cho nó rớt ở một vùng xa xôi nào đó.

Tôi đến nơi an toàn. Bạn có bao giờ xa cách người bạn thương yêu hơn chính thân mình chưa? Nếu chưa thì tôi cầu mong cho bạn đừng bao giờ rơi vào cảnh đó. Tôi nhớ thương oằn oại, nhưng chẳng mấy khi để lộ cho chàng biết. Tôi muốn chàng khinh ghét tôi để trở về với gia đình và để đừng bao giờ chìm dưới biển sâu. Tôi khóc lóc, gào thét trong giấc mơ bên hình ảnh chàng bị bắt đi lao động vác củi trong rừng, bị ngồi tù, đói khát, bị cướp biển Thái Lan đá thây xuống nước, bị gái Phi Luật Tân dẫn dụ để đem họ qua Mỹ. Nhưng tôi dấu hết nỗi lòng riêng, chỉ viết những lời làm chàng đau đớn như "hãy quên em vì em không muốn làm điều sai quấy, ,em không thể lấy người có vợ..." Tôi hình dung được cái cười nhếch miệng cay đắng và khinh bạc tình đời của chàng. Khi chàng cười kiểu đó thì bộ mặt trái xấu xa của cuộc đời mà chàng từng chứng kiến đều phơi bày ra cả. Tôi đau tê tái. Nhưng tôi biết tôi không nên níu kéo một người đàn ông có hai đứa con nhỏ cần cha, có người vợ vẫn thầm mong đợi, và bà mẹ già vừa gặp lại sau hơn nửa cuộc đời xa cách. Tôi sống âm thầm với nỗi khổ của

tôi. Tôi đã định trước tương lai của tôi không có chàng nên khi từ giả chàng tôi nói:

"Những gì hai người yêu nhau cần phải có thì em và anh đã có. Chúng ta thương quí nhau bằng cả chân tình. Anh đã cho em biết hạnh phúc là gì. Anh đã giúp em xóa bỏ cái mặc cảm của người đàn bà bất hạnh. Mãi mãi đời đời em quí tình anh."

*

* *

Thư chàng gửi cho tôi toàn những lời chua cay trách móc. Chỉ lác đác một vài câu bày tỏ nổi nhớ thương và ước mơ ngày gặp tôi chàng sẽ hôn tôi ngoài đường phố cho mọi người đều biết chàng yêu tôi. Tôi muốn đáp lại với chàng nếu số phận chúng tôi còn gặp lại, tôi sẽ rủ chàng về Hawaii hôn nhau trên đỉnh núi Kim Cương! Nhưng tất cả chỉ là điều mơ ước. Chưa quá hai năm thì chàng ngưng viết cho tôi. Tin từ quê hương làm tôi đau thắt. Chàng lận đận lao đao khốn đốn vì cảnh sống và ngôi nhà ọp ẹp của má chàng bị sập. Tin kế tiếp cho hay chàng đã cạo đầu và xa lánh những người quen thân của hai chúng tôi. Chàng cũng chẳng buồn đến nhận thư tôi dù đã được nhiều lần nhắn gọi. Tin sau cùng làm tôi run rẩy toàn thân: Vợ chàng mang bầu! Tôi đau lắm, nổi đau tinh thần truyền sang thể xác. Chân tôi sưng vù, mỗi bước đi đau buốt. Tôi nghĩ làm ngồi nhìn cái chân nước mắt tuông rơi đầm đìa. Hình ảnh chàng ngồi xe lăn lung linh trong trí. Nhớ lại lời chàng, tôi nói: "Em không có ai lo nên không thể tật nguyền." Khi bắt đầu đi được từng bước nhỏ tôi tập dần. Từ đó phòng thể dục vùng tôi ở có một người đàn bà Á Đông thường lui tới.

Tôi có tâm sự với một người bạn Mỹ khi nó lưu tâm hỏi tôi mãi về đời sống tình cảm của tôi. Nghe xong nó trách tôi thụ động, thiếu *assertive*, bỏ qua một cơ hội ngàn năm để hạnh

phúc trọn đời. Nếu nó là tôi nó sẽ có vài đứa con với chàng và đặt mọi người trước sự đã rồi. Tôi nói tôi có biết về cái triết lý sống đó. Cứ được phần mình trước đã. Tôi có nghe chuyện một người đàn bà Việt Nam nói vợ của tình nhân: "Đời tôi đã hai lần đau khổ, chồng chị là hạnh phúc của tôi, tôi quyết sống chết để giữ anh ấy. Anh không thương chị, chị còn mong ảnh trở về làm gì?" Lẻ dĩ nhiên trường hợp đó không phải của chúng tôi và tâm tính chúng tôi khác đôi tình nhân ấy. Bạn tôi gật đầu thông cảm và tôi thấy nó thương tôi hơn. Mĩa mai một điều là tôi hiện đang sống trên một đất nước tự do và bản thân tôi hoàn toàn độc lập nhưng tôi có mặt nơi đâu cũng không thấy chàng. Bấy giờ sau sáu năm xa cách tôi còn lại nụ cười của chàng và những kỷ niệm vui buồn của một thuở yêu thương. Dù mãi mãi không có nhau nhưng tôi nghĩ ở một đoạn đời nào đó chúng tôi là hai sinh vật biến màu núp trong bóng đen của tội lỗi tầm thường để truyền cho nhau thêm sức sống đã cạn dần vì cảnh ngộ. Cũng có lúc tôi tin chàng thuộc về tôi vì trong tình yêu tôi khám phá ra chàng, giống như nhà đạo diễn phát hiện một chân tài điện ảnh. Chỉ đôi khi ở những phút giây sâu lắng của lòng mình trong cuộc đời cô quạnh tôi thầm tâm sự với nàng:

Em gói lại nổi đau và dấu kín
Em chôn sâu, ém chặc mối chân tình
Em nói cười như chướng ngại em khinh
Em đi tới sợ ngập ngừng dừng bước
Em đâu dám nhớ những tháng ngày thuở trước
Anh và em và cả một trời thương
Tình vương vương như sương khói quyện bên mình.
Tình không bỏ đôi ta dù đôi lúc
Bởi nơi đó tên anh là Hạnh Phúc
Và tên em: Tình Ái của đời anh
Rồi em đi hạnh phúc vỡ tan tành
Tình chôn dấu, ái ân chờ thay kiếp
Em khô héo theo dòng đời nối tiếp
Em rũ ra cười ngăn tiếng khóc bên trong.

Như thế đó bạn ạ, một nụ cười nghiêng, một mối tình và tiếng khóc bên trong. Lẫn quất bên tôi còn ẩn hiện hình bóng của một người đã một lần vĩnh viễn ra đi...

TRẦN THỊ KIM LAN

CÔ GÁI SƠN CƯỚC

ĐỖ KH.

Ông quận bước xuống khỏi xe nhìn quanh quẩn.

Ông quận mặc đồ ci-vin, áo sơ-mi ngắn tay hai túi và quần Jean nhưng trên người vẫn còn cái dáng dấp nhà binh. Khuôn mặt vuông rám nắng tự tin và bước chân chắc nịch. Hắn nhìn kỹ, cái dõng dạc quân sự có lẽ để lộ ra từ những đồ phụ tùng quên ngụy trang, cặp kính Ray Ban đen, cái nón cầu thủ dã cầu Mỹ loại phi công ưa đội. Ông quận không đeo súng ngắn nhưng cũng chẳng khác gì là có đeo, ông quận không cầm gậy nhưng đi đứng kiểu này gặp thằng nào bắn sẻ dĩ nhiên là bị nó tỉa đầu tiên. Có những người chẳng bao giờ giấu được trên người cái nghiệp võ biền lỡ khoác phải vào năm 18, 20 tuổi.

"Xuống được rồi đó Lân."

Ông quận bảo.

Hắn lây phải cái tự tin của ông Đại úy. Ông quận này tay cứng chứ không phải tay mềm, bụng thon chứ không phải bụng bự, chắc cũng loại ngon lành, không phải thứ chưa nghe AK nổ đã giật mình. Anh Phát coi trẻ ít nhất là mười năm hơn tuổi thật, coi như là Đại Đội Trưởng Tác chiến của thời nào ở những động tác thỉnh thoảng vẫn còn vẻ hung hăng. Cái uy quyền hành chánh chưa ăn hết hẳn vào người, nhấp nhô ở cái hai cánh tay lúc chống nạnh, ở nốt ruồi trên má nuôi một sợi lông dài quan lại hơn là đánh đấm. Nhưng Lân không tưởng tượng được anh Phát tự pháo kích vào đồn mình chẳng hạn, báo cáo láo bị tràn ngập trước khi địch đến để triệt thoái an toàn khỏi chi khu. Ông quận này nửa Django nửa tuần phủ.

Hắn đu người ra khỏi chiếc xe Van Hoa Kỳ màu trắng.

Đây là miền núi lần đầu tiên Lân tới. Thật ra thì chẳng có gì đáng ngại cả nhưng Lân tính nhát, lần đầu tiên, không bao giờ hắn thấy an toàn đầy đủ. Lân nhớ lại năm lên hai ba tuổi, buồn cười lần đầu tiên hắn thấy "mọi."

Lân ở trong một căn nhà. Thằng anh họ nhường chỗ trên ghế để hắn leo lên nhìn qua ô cửa kính. Hắn dí mũi vào sát, có hơi tụ vào, phải lấy tay xoa xoa. Thằng anh đứng cạnh nhún chân:

"Mày thấy chưa, mọi da đỏ."

Bên ngoài đường trước nhà, ba người Thượng cầm gùi vác nỏ đang đi qua, có một chị đàn bà, quấn váy, nửa người trên mặc chiếc áo len kinh rách rưới. Lân thụt đầu xuống, thầm thì như sợ họ nghe thấy:

"Mọi da đỏ hả?"

Mãi đến giờ hắn vẫn còn thắc mắc. Người Thượng ngày hôm ấy không chạy ngựa, không cắm lông trên đầu, mặt không sơn xanh đỏ, tay không cầm búa chẳng hiểu sao bọn hắn năm ba tuổi lại cho là mọi da đỏ. Những năm đó, chưa có truyền hình quân đội Mỹ, tạp chí "Thế Giới Tự Do" của USIS biếu không hình như hắn chưa biết đọc, rạp hát thì hắn còn ở dưới hạn tuổi được phép vào. Cái ý niệm "mọi da đỏ" từ đâu lọt vào, qua ngõ ngách nào len lỏi vào đầu thằng bé lên ba tuổi đến giờ hắn vẫn còn ngạc nhiên. Cả năm năm sau đó hắn mới biết nhà sách Liên Châu với những tập hình Lucky Luke, cả mười năm sau mới có chương trình Bonanza, Gunsmoke và The Big Valley cọ quậy bên trong những cái hộp quái đản nhập cảng từ Nhật Bản. Vậy mà, năm mới lên ba tuổi hắn đã rành những sắc tộc thiểu số Bắc Mỹ hơn là những sắc tộc Cao Nguyên và tất nhiên, những người hùng đeo

súng của thời đó phải là cao bồi, ngay cả trước khi phim "Vì Một Nắm Đô La" trở thành nổi tiếng và có anh leo lên được ghế ngồi thủ tướng.

Hôm nay, đi chung với anh Quận hắn cũng thấy vững bụng như cái ngày ở Đà Lạt phải chờ ông "cao bồi" mặc đồ xanh đeo súng lái Traction đen đến để chở mẹ con hắn ra Liên Khàng hắn mới dám ra khỏi nhà. Suốt con đường đến phi trường hôm đó, nhiều lần hắn có ngoái đầu lại để canh chừng lỡ có da đỏ đuổi theo. Giờ hắn đã bớt sợ mọi, với lại, có anh Quận khỏi lo, lúc trên xe anh Quận có kể lại thành tích Tết Mậu Thân. Trung úy Phát đang nghỉ phép Sàigòn, ra trình diện Quân Vụ Thị Trấn, được cử cho cầm một đại đội đặc lập tạp nham.

"Lân biết không, lính trời ơi đất hỡi, lính cậu lính kiểng, đủ loại binh chủng, đào binh bị bắt lại..." Anh Quận say sưa kể, sợi râu "lấy hên" trên nốt ruồi rung rinh xoắn xít.

"Ông Tiểu khu trưởng gọi tôi vào, có cả ông Tướng Tư Lịnh Biệt Khu. Ông tướng bảo: Em làm giùm cái Đồng Ông Cộ được không? Tôi đòi vũ trang M16 và M72, phát Carbine tôi không đánh được. Ông Tiểu khu cho, ông Tướng nói: Nhảy Dù không làm, Thủy Quân Lục Chiến không làm, giờ chỉ có em, em làm giùm qua đi. Tôi về trang bị đại đội, ngày hôm sau bắt được mấy cái M113 và xe ủi đất của thiết giáp bỏ lại tôi mang theo luôn. Đồng Ông Cộ, tôi vào cái một. Hồi chưa có vợ con, tôi hăng lắm Lân..."

Giờ nếu cần lấy lại Đồng Ông Cộ, hắn dám chắc anh Quận vẫn còn lấy lại được dễ dàng. Lân tránh ở dưới chân những mảng đất đỏ làm lở loét mặt nhựa của bãi đậu để theo anh Quận về phía quán.

*

* *

Căn nhà chồng chơ một mình trên bãi đất, ráng tăng thêm phần diện tích ích lợi bằng cách dựng bốn bên vài cái mái tôn không vững mấy. Hai bên lối vào, hàng hóa bày lổn ngổn, từng cuộn chiếu hoa bên cạnh nào là chổi, rổ rá đan và chậu thau sặc sỡ bằng nhựa rẻ tiền. Bên trong chẳng có gì khá hơn, kệ vải dựng kế bên quày rau cải, ông chủ ngồi lim dim sau cái tủ bày mấy cái đồng hồ mạ vàng và lỉnh kỉnh nữ trang. Anh Quận hỏi thăm một vài câu. Tiếng trả lời ngọng nghịu khiến Lân xen vào:

"Ông biết tiếng Pháp?"

Hắn hỏi. Người Lào mà. Lại đứng tuổi rồi.

"Không, ông chủ lắc cặp kính lem nhem gọng thiếc. Con tôi, học trường Tây Vạn Tượng. Nó không có đây..."

Chắc người Lào gốc Hoa. Cái quạt để cạnh thổi bần bật mấy sợi tóc thưa còn lại trên đỉnh đầu ông chủ quán. Mắt đã bắt đầu quen với bóng râm bên trong Lân nhìn ra cái tủ ông ta đang dựa vào. Cái cóp đựng tiền to như trong những phim trinh thám, với ba đồng hồ số và bánh lái quay quay để mở cửa. Nó cũ kỹ như từ thời Bảo Hộ, Lân tưởng tượng mở ra bên trong phải có từng tập giấy bạc Đông Dương bắt đầu mốc có vẽ hình con bò.

"Có chỗ nào ăn uống gì không?"

Anh Quận vừa hỏi vừa ra hiệu. Ông chủ chạp phô ngoắc một cánh tay mặc áo sơ-mi ny-lông công chức có gắn viết Bic đỏ xanh lên túi:

"Đằng sau."

Lân nghiêng người xuống bước ra, để ý khỏi làm đổ dẫy bình thủy Made in Hongkong. Đằng sau quán là một cái chái thấp, thoạt nhìn chỉ thấy bày nhiều quần áo, váy quấn đủ sắc của người miền Thượng Du.

"Đây là người Thái hay người Thổ anh Phát?"

"Tôi chẳng biết Mường Mán gì hết," anh Quận như xin lỗi, "quận tôi là thuộc tỉnh Lộc Ninh."

"Không có người thiểu số sao anh?"

"Có nhiều người Miên, anh Quận bảo."

Chẳng dính dáng gì hết, núp đằng sau những tấm vải sặc sỡ cô hàng nước ngồi chồm hổm đang cạo đu đủ xanh. *À, sơn nữ.* Lân cười thầm, đi lòng vòng như xem mấy cái áo.

"Mua mấy cái mang về làm kỷ niệm."

Anh Phát khuyến khích. Lân khảo giá cô hàng, anh Phát ngồi vắt chân uống nước trà. Cái này hàng Thái Lan, cái này hàng nội hóa. Làm ở đây hả, ờ, làm ở đây, trên núi đó. Ở đây thì hắn mua, không lẽ mua hàng Thái Lan nó mất cái chính gốc nguyên thủy. Mảnh trên, mảnh dưới, hắn ướm thử, cô hàng nước cười. Hắn làm dạn, cầm cái áo ren nhìn thấu qua đưa lên trước nắng.

"Cái này mặc làm sao? Có cần mặc cái gì ở dưới không hay là mặc vầy?"

Hắn nhìn thẳng cô hàng.

"Có người chỉ mặc vậy."

"Không có lót gì hết?"

"Ừ, có người vậy."

Không phải cô hàng rồi, cô này quấn vải ngang ngực đàng hoàng. Coi thì cũng dễ thương, mắt đen lóng láy trên mặt tròn, lẳng da lẳng thịt và ngủ đoản. Đó là một cách diễn tả vướng vít bởi cái huyền thoại con gái miền sơn cước, những lúc trăng lên đầu rừng và vượn hú bên bờ suối. Nếu nôm na đồng bằng thì cô này mập và lùn. Nhưng cái dễ thương chẳng ai tước đi được, cái gọi là có duyên. Hắn đòi ăn đu đủ xanh, nấn ná, anh Phát cũng phải chiều.

Lân ngồi nhìn cô sơn nữ cạo đu đủ xanh bỏ vào cái cối đá. Đổ tương vào sền sệt.

"Mấy ớt?"

Cô ta chìa ra hai, chìa ra bốn.

"Hai đi."

Bỏ vào giã chung. Ngưng tay lại, vắt chanh. Múc một ít để trên cái muỗng gỗ cô ta đưa ra mời.

"Nếm hả?"

Hắn nếm.

"Ờ, cay rồi. Cay lắm."

Hắn nheo mũi. Nàng vắt thêm chanh, hài lòng giã tiếp.

Đùa cợt với sơn nữ Lân biết chỉ có vậy. Hắn vừa ăn đu đủ vừa suýt soa, cắn miếng bì khô bỏ chung. Anh Phát thận trọng:

"Cái tương hồi nãy là tương gì vậy?"

"Không sao anh, ăn được lắm."

Khi nào nàng nhìn hắn lại ngưng nhai ngưng nuốt để cười duyên. Giờ biết nói chuyện gì, nhà ở đâu, có xa không hay là gần, quẳng cái rựa xuống trước mặt là đến. Lại đang trưa trời thật nắng không có gì gợi cảm và không có chim kêu và suối ở cạnh. Lân nhớ lại cái chuyện mà có ông Đại Tá thường đến nhà chơi cứ nhắc mãi. Chuyện không có gì lâm li, một câu chuyện đường rừng thời Tây lúc ông còn Thiếu úy. Ông dẫn quân qua buôn bản gì đó, ở Thượng du Bắc Việt, một lần bắt gặp một đám sơn nữ đang tắm suối. Rồi sao? Cả toán núp nhìn mà không bị phát hiện. Chẳng sao và cũng chẳng có gì, cả câu chuyện vỏn vẹn là ấy-tôi-hành-quân-trong-rừng-gặp-một-đàn-sơn-nữ-đang-tắm-suối, chỉ có thế cả đầu cả đuôi nhưng cũng đủ lâu lâu buồn mắt lơ mơ mà nhắc mãi. Cái cô này lại không tắm rửa gì hết, chỉ đổ tương lên đu đủ xanh trong cối mà ngồi giã, Lân cũng đã đủ thấy ly kỳ và huyền bí như là ngậm ngải tìm trầm. Ông Đại Tá hay hơn hẳn, ông ta dẫn Tiểu Đoàn Dù về dẹp loạn Bình Xuyên, mặc áo bốn túi da beo phanh ngực đeo Colt 45 đứng cạnh Thủ Tướng để chụp hình trong dinh Gia Long. Nhưng cái chuyện này, tuy có hình cẩn thận để làm chứng, tuyệt nhiên Lân không thấy ông ta bao giờ nhắc đến để mắt nhìn xa xôi. Hắn tự dưng hỏi anh Phát:

"Anh có bao giờ mặc đồ rằn da beo đỏ Nhảy Dù tây không?"

"Cái áo bốn túi nút kẽm ấy hả? Hồi đó tôi có một cái tôi quý lắm..."

Cô sơn nữ từ nãy giờ nghe họ ríu rít tiếng Việt mãi, ngưng tay chày lại hỏi một câu thân thiện.

"Các anh người miền dưới phải không..."

Hắn gật đầu. Cô ta ngập ngừng một lát.

"Người..."

Lân để nguyên cho cô ta đoán. Cô gái sơn cước nhoẻn miệng:

"Các anh người Santa Ana."

Xe ra đến xa lộ, họ vẫn còn ở dưới ảnh hưởng của "miền núi."

"Người trên này thật thà, làm ăn với họ coi bộ dễ chịu," anh Phát nói.

"Kỳ này mình lên cao nguyên, còn có cả quần áo Mường Mán mang về làm kỷ niệm," Lân nói.

"Cũng lạ, họ không biết ăn đồ ngọt," anh Phát cười, "thằng cha chủ tiệm Mường nói "Dân tôi không có ăn đường, lạ thật, thành ra mình không bán được thùng lạp xưởng nào." "Anh đừng có cười, họ không quen ăn đường nhiều khi họ chết. Ở trên này, đằng nào họ cũng chết khối, không hợp với đời sống Mỹ hay sao đó, Merced County là nơi tốn quỹ Medicaid nhiều nhất cho người tị nạn Đông Dương ở Hoa Kỳ..."

"Sao họ tụ về đây làm gì..."

"Thì làm ruộng làm rẫy đâu đây. Lúc đầu có mấy cha tù trưởng, tộc trưởng gì đó đến đây ở, riết bà con bu về theo. Thì cũng như mình ở dưới kia."

"Mình coi còn mở mang..."

"Dưới kia Tiểu Sàigòn, trên này Tiểu Pleiku, Savannakhet mà anh. Mình tỉnh thành, dễ hội nhập, họ người núi, dĩ nhiên là khó khăn hơn. Tiểu bang phiền mấy người này lắm, hình như quá nửa vẫn còn ăn welfare..."

"Đâu phải riêng gì họ..."

Anh Phát tìm ra được điểm tương đồng:

"Mình cũng thế, có người qua đây cả mười năm vẫn được lãnh trợ cấp."

Anh Phát đập lên tay lái như bực dọc.

"Người ta lãnh mười năm, còn tôi thì học tập mười năm, mới vừa sang đây thì bị ngay ông Reagan ổng cắt. Bốn bố con... Cái khó nó bó cái khôn..."

Tự dưng lại lái sang chuyện Trợ Cấp với ông này, Lân rụt hai chân lại, đổi thế ngồi.

"Ít ra mình cũng bán gần hết chả lụa," Lân nói.

"Còn hai thùng rưỡi," anh Phát nói.

"Đúng ra mình nên ở lại tìm tiệm Lèo nào ăn cơm rồi hãy về," Lân nói.

Hắn nhìn sang anh Phát. Sợi râu ở mụt ruồi trên má ngọ nguậy.

"Thôi Lân, Đường Năm nếu không kẹt, vài tiếng nữa là về đến dưới, để mình đi ăn phở, ông Quận bảo.

ĐỖ KH.

GIÒ HOA LAN TÍM

Thơ NGUYỄN BÁ TRẠC

I.
Buồn hơn tiếng thời gian

Hỡi cô con gái
dảo dừa soi bóng nước
hát ở rừng cao su
cạnh rừng tràm
Giọng hát buồn hơn tiếng khóc
những chiều sóng vỗ trùng dương

Hỡi cô con gái
cuộc đời xanh bóng núi
sớm mai đầy tiếng chim
chiều qua thánh đường
cầu nguyện
Chiều nay
hôm nay
vẫn còn cầu nguyện
Tiếng nguyện cầu buồn hơn tiếng khóc
Lời nguyện cầu vô tận đại dương
Em thấy đó:
-- hát buồn hơn khóc
"Tiếng hát buồn hơn tiếng thời gian."

II. Mười sáu trăng

1

Chiều lên sườn núi cao
hái muôn vàn giấc mơ
"Có khi mơ là thực"

Ngồi buồn nghe tiếng hát
hát thành lệ trăng sao
Nằm mộng
thấy đầy mây trắng
Đêm nằm, mộng tới trời cao
Thơ muôn thuả
vẫn nói cùng hoa lá
Núi đồi mây
biết kể mộng nào?
Trăng muôn thủa
trăng vàng sa mạc
Treo đỉnh trời
Hy Mã Lạp Sơn
Trăng bạc
nói thầm
tuyết trắng
"Đợi chờ mê sảng ở Bi đông"
Nước mắt ngập lòng tim báo
Trăng, dâu công lý giữa trần gian?

2

Đêm nay lạc giữa trăng và mộng
lá hoa và
bươm bướm bay cao
Mê ngủ
trên lòng biển rộng
Se mình bên đám dừa cao

3

Nam mô Phật
nước mắt
cạn khô như những
vì sao
Muối biển
có hôm trăng mặn
Trôi về trăng trắng vàng sao

4

Thê thảm, đêm về
thơ mộng
Có buổi thơ về với
nụ cười xanh

5

Hạnh phúc cho năm mới
hạnh phúc cho năm tới
muôn năm
Có chứ
có ngày hoa sẽ nở
Liếp dừa
ngưỡng cửa vàng trăng
Thơ, lối về của giấc mộng trăng

6

Nào cùng yêu ca dao
ngọn dừa cao
Ánh sáng trăng rằm
và những ngôi sao
Kiếp xưa mầu lá thắm
Kiếp này ngủ gật giữa trời sao?

7

Lạ lắm
đêm nào ai nói mộng
Đêm nào
nở búp ngọc lan
Tiếng mõ
gõ vào giấc mộng
Khóc cười
một thoảng hoàng lan

8

"Đêm nay trăng đứng trên trời
Trăng ngồi niệm Phật đã mười sáu trăng"

III. Thơ nói một mình

1

Thơ nói một mình
một bóng không
Tiếng xưa chim vẫn hót
trên đồng
Kêu thời gian lại
trong tim nát
Rót thời gian xuống
nước sông trong

2

Thơ một mình
thơ với thơ
Một mình
những chữ vẩn vơ
một bóng
chim vàng trên lá chuối
như tằm
như lụa và tơ

3

Hiểu chứ
thời gian như bóng mây
như cơn ngái ngủ
giữa ban ngày
Ngoảnh đi
ngoảnh lại
ai còn mất
Những người sống sót
tỉnh, say?

IV. Những người còn sống

Nhìn tấm ảnh những người
còn sống
Ông bị phù
mặt mũi phương phi
Ông thiếu ăn
deo gương cận thị
Những cô xinh đẹp xa xưa!
Lú bạn
chia nhau hơi thở
Bây giờ còn lại dây ư?

V. Trong vườn nhà bạn tôi

Trong vườn nhà bạn tôi có
một đôi chim chích chòe
làm tổ dưới tàng cây mít
trồng cạnh một cây si
Bên này
bày chậu hoa giấy đỏ
Bướm bay
bên nớ bên ni
Tôi thả linh hồn về từ
Ấn Độ

Nay về
mai lại đi
Trong vườn nhà bạn tôi
nắng vàng từ tháng chạp
Cũng buồn từ thủa biệt ly
Chùm hoa đỏ
nắng vàng
Tháng chạp về đã mấy hôm ni
...
Tôi ngủ dưới trời
La Mã
vẫn thường
như rứa, như ri
Răng rứa? Răng ri? Răng rứa?
Tháng năm tàn
vẫn cuộc phân ly
Trong vườn nhà bạn tôi
chứa đầy dĩ vãng
lắm khoảng dời
chẳng biết nói năng chi
Băn khoăn như nước giòng
sông Cửu
từ đất Lào, đất Thái
chẩy xuôi đi
...
Hới tiếng chim xa gọi bạn
Chim ơi bay đến bay đi
Cánh mỏng
bay cao nhìn xuống
"Mần răng mà vẫn như ri"
Tôi ở Bhodgaya
cầu trời
khấn Phật
Giòng sông nước chẩy xuôi đi
ra biển
thành mây
thành khói
thành mưa, nước lại chẩy về!
...
Trong vườn nhà bạn tôi
có con chim cú
Hót từ thủa xa xưa
Tiếng hót đen
hạt huyền
trắng như giòng sữa
Tiếng hót chưa từng hót dược
trong thơ
Tiếng hót
buổi chiều thức giấc
hóa những ngọn hoa lau
hoa cải, cuối vườn
bờ giậu
Bờ ao
bên dấy thầu dâu
...
Việt Nam cách đây
một giờ bay
Việt Nam hình chữ S.
Ngày xưa lúc nhẩy chân chim
theo nắng đi nhìn bướm vàng
hoa cải
nghe tre già cọt kẹt
kêu đau
Ngày xưa
trường cũ
Những ông thầy
đám bạn lau nhau
Ngày xưa có người con gái
năm mười sáu yêu đời
như yêu âm nhạc
Yêu ông thầy
và đám bạn lau nhau
Thầy cũ
hom hem đôi má
Đám bạn đã già
tuổi hạc cũng cao
Ngày xưa
khi ta còn bé
đi xe đạp bên nhau
Tan trường nắm tay
hàng bốn
Có đếm đâu
mà nhịp vẫn đều nhau
...
Hôm nay tiếng con chim cú
kêu từ những thủa xa xăm
chẳng nhớ mình trên đất lạ
đến nay đã mấy trăng rằm
...
Trong vườn nhà bạn tôi
có gốc cây sung
chờ mái sung không rụng
như ri như rứa mần răng
Thấy chưa đã sinh lẩn thẩn
Quen đêm thức trắng
ngủ ngày
Có khi nhìn
bối rối
chỗ nào chẳng
núi đồi mây
Đây cũng
lúa xanh con gái
Nhưng rót sao,
cho cốc mộng đầy
...
"Đêm thánh vô cùng đêm thánh xưa"
những âm thanh cũ tự bao giờ
đến nay đã biết bao đêm thánh?

VI. Trong vườn nhà bạn tôi có giò hoa lan tím

Trong vườn nhà bạn tôi
có con bé con
đã gần năm tuổi
dôi chích chòe
làm tổ dưới vòm cây
con chó vá
nửa vàng nửa trắng
trong vườn
trời rất nhiều mây
Tôi từ xa
lâu lâu ghé lại
nhìn cánh hoa héo úa
mỗi năm nở một lần

Trong vườn nhà bạn tôi
có con chim con
em của những con chim non
Đã bốn lần
bốn mùa
hoa lá đổi
Lớn dần
bên áng mây trôi

Con chó vá
nửa vàng nửa trắng
vẫy duôi mừng
khi tôi ghé thăm chơi

Tôi cưỡi lạc đà
băng qua sa mạc
theo các con tầu
di lắm chố xa xôi
Có buổi ngửng đầu
nhìn mây trắng
nhớ nhau một tháng
rồi thôi

Trong vườn nhà bạn tôi
có một cây dừa
một cây thốt nốt
một cây xoài
một cái hồ tắm
nhiều giò phong lan
có mùa hoa không nở
và những đóa hoa sót lại
sắp phai tàn.

Bangkok 24, XII, 1989
NGUYỄN BÁ TRẠC

TÔ PHỞ

NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG

"Chuyện không đơn giản như anh nghĩ đâu! Trông thế mà không phải thế!"

"Thế thì là thế nào mới phải? Có ăn hay không? Các ông nói chuyện chán phèo."

"Như thế này, nếu không có gì cả thì người ta đã cãi toáng lên rồi, có đâu lại im ỉm như thế?"

"Tôi đồng ý với anh X. điều đó. Nếu giản dị chỉ có thế thì việc gì phải im miệng cho chúng chửi? Mắc mớ gì chịu mang tiếng oan?"

"Trời, mấy ông chưa gì đã gieo tiếng oán cho người ta. Biết đâu người ta khóc vì chẳng minh oan được? Với cái miệng của mấy ông và những cái loa eo éo đàng kia của mấy bà thì tôi nói thật, thánh cũng tử nạn, nói gì đến cô ấy."

"Ông này nói nghe hay nhỉ? Định đi ăn phở hay sao mà bênh chầm chập như thế này? Theo ông, nhà thông thái của tôi, ông giải thích như thế nào việc họ đi ăn phở với nhau? Một đàng đã hứa hôn. Một đàng tuy độc thân nhưng cũng đã có đào. Chuyện họ ăn phở với nhau, giải thích như thế nào cho nó ổn?"

"Dễ quá! Họ tình cờ gặp nhau ở tiệm phở. Giản dị có thế. Người ta chưa có gì cả các ông đã hùng hổ nói đến cái giường. Thiển cận làm sao mà thiển cận quá. Đeo cặp kính khách quan vào đi chứ. Tình ý gì ở hai tô phở nguội ấy? Các ông nghĩ sao nếu gặp cô ấy ở tiệm phở? Chẳng lẽ lờ đi à? Thì cũng phải chào hỏi này nọ kia chứ. Biết đâu họ chỉ ngồi đợi lấy phở thì có người trông gà hóa cuốc, vội vã la toáng lên rằng họ đã có gì với nhau. Rõ khổ! Oan ơi là oan."

"Oan Thị Kính hay oan Thị Mầu hả cha?"

"Đấy, anh Z. đấy, cứ hỏi anh ấy thì rõ chuyện."

"Ai lại đi hỏi kỳ cục thế?"

"Hỏi để học cách... ăn phở với hôn thê người khác! Người có tài như thế mà các ông không biết theo học. Hèn chi quanh năm suốt tháng cứ nằm co một mình. Đáng kiếp!"

"Cái này thì tao cũng thắc mắc ghê gớm. Thằng Z. vừa đen vừa xấu nhưng lại có số đào hoa mới kỳ! Ai bảo trời có mắt? Có, mà cận thị, lại mang kính mát đen thì làm sao thấy rõ được!"

"Thôi ông, đừng ghen tuông với diễm phúc của nó. Ông có vừa gì đâu. Gặp cô nào bà nào, tôi thấy ông cũng lao đầu vào lấy rổ xúc như xúc... cá hất lên bờ. Kiểu như được con nào hay con nấy. Coi bộ tuyệt vọng quá. Ông quên rằng cái rổ của ông lủng lỗ nào lỗ nấy bằng bàn tay! Không lo cạp rổ mà cứ nam xúc cá! Vuột hết là phải!"

"Hì hì, tao... tệ lắm à?"

"Tệ thì không tệ... nhưng không có cái điên điên của thằng Z!"

"Điên mà biết rủ người đẹp đi ăn phở?"

"Ừ điên... khôn ấy mà. Nhờ nó hơi điên điên mà khối bà đeo theo nó. Tàng tàng dở dở ương ương mà được việc. Đàn bà mê những cái kỳ cục khó hiểu!"

"Xì. Tự họ cũng đã là một cái gì khó hiểu rồi. Nói gì đến những thứ họ mê hay họ chê!"

"Nói nghe bi quan quá anh!"

"Bác T. họ ăn ở đâu vậy?"

"Tiệm XX.chứ đâu."

"Sao cháu nghe nói họ ăn tỉm xấm?"

"Bậy. Tỉm xấm nào ở chiều thứ sáu? Họ ăn phở. Nghe nói cô B. gặp họ ngồi trong góc, khuất nẻo lắm. Hình như họ có thấy cô B. nhưng giả vờ làm lơ. Nghĩ cũng tội. Chắc thằng Z. dụ dỗ gì đây. Hắn có cái miệng ngọt như mía lùi, trơn chùi như mỡ. Nghe đồn hắn bán cầu Golden Gate mấy lần rồi đấy chứ!"

"Ủa? Sao cháu nghe nói là con A. thấy? Nghe nó bảo là thấy cả tô phở gì họ kêu nữa kia mà. Hay thật. Tô phở ăn lam nham có thánh mới biết họ kêu chín tái hay gầu gân sách!"

"Chị ấy dại ghê, đi ăn phở với thằng cha râu xanh! Người

khôn ngoan có tiếng mà đến lúc dại thì cũng dại như ai!"

"Thằng cha Z. hả?"

"Thì còn ai nữa? Nội đây có mấy con.. dê? Bữa nọ chị X. gặp hắn dạy cô M. tập bơi ở Holiday Spa. Dạy bơi kiểu gì mà tay đỡ đỡ dưới bụng cô M. Chẳng có phương pháp gì cả. Nghe nói lâu lâu lại bợ ngay ngực, hì hì..."

"Có thật là hắn bợ hay tại chị M. lao mình vào?"

"Hừ, làm sao biết được? Một đàng thả dê, một đàng chăn dê. Đàng nào cũng muốn lợi về mình. Thằng cha Z. thả dê mà đâu có muốn mất dê! Cô M. muốn chăn dê nhưng chỉ chăn dê ngoài... đường chứ không muốn đem về nhà mất công lo lắng..."

"Chuyện tầm xàm vậy mà mấy bà cũng nói được!"

"Ha ha ha... mấy khi được dịp bàn chuyện... dê! Hôm nào rảnh rỗi tôi kể chuyện vuốt râu dê cho nghe."

"Bà này nói nghe kinh tởm quá!"

"Tại bà nghĩ bậy mới nghe kinh tởm!"

"Lạ quá, chị ấy hứa hôn rồi sao lại dính vô thằng cha Z?"

"Ai biết được? Không chừng muốn nếm mùi trần tục trước khi đút đầu vô gông vĩnh viễn."

"Có thật không đấy? Sao tôi cứ nghe như chuyện đâu đâu không bằng. Lạ quá. Tin không nổi. Tin không được."

"Thật! Chị không tin thì thôi. Tôi thì tôi tin ngay. Cái mặt đó là cái mặt dâm ngầm. Đuôi mắt dài dài, liếc cái nào, nghiêng thùng đổ... xí quách cái đó. Chị để ý kỹ thì thấy. Cặp mắt không bao giờ mở lớn! Cái kiểu mở nửa nửa, mơ màng lẩn thẩn, kiểu giết người không gươm đao ấy mà. Tôi đàn bà mà có khi chị nhìn tôi một cái, một cái thôi, tim tôi muốn rụng nói gì đến đàn ông con trai. Tôi chỉ tiếc đũa gỗ lại chòi mâm son!"

"Này, ai đũa gỗ, ai mâm son phải nói cho rõ kẻo hiểu nhầm thì kẹt đấy nhá."

"Này A. A, có thật là cô ấy em thấy không?"

"Thật. Nhưng không phải em thấy, chỉ nghe chị G. kể lại thôi. Họ ngồi trong góc tối kia mà! Có lẽ tâm sự điều chi bi đát lắm nên có cả giọt vắn giọt dài, ngồi lì trong góc mãi không thấy về."

"Ê C., C.! Hay tin gì chưa? Chị dâu tương lai của bà ngoại tình với thằng cha Z. Bắt gặp quả tang, hết đường chối cãi."

"Hả? Cái gì?"

"Trời.. chuyện đã lan tới phòng inspection mà bà nghễnh ngãng như ngỗng... đực. Này. Người đẹp hôn thê của anh bà, dẫn người tình trăm năm của chị ấy đi ăn phở ở tiệm XX. Nghe nói họ tâm sự gì với nhau rỉ rả, lâu lâu lại tay cầm tay, khăn giấy chậm mắt. Té ra chị ấy bị ép duyên à? Gia đình bà ăn ở tệ vậy? Hi hi hi..."

"...?"

"Chuyện vậy mà nó cười được! Giỡn dở!"

"Ê, K. K. lại đây tao hỏi cái này. Ai nói gì mà con C. mặt đỏ như gấc vậy? Tao nghe loáng thoáng cái gì ngoại tình... Ai ngoại tình với ai? Anh của con C. ngoại tình với chị dâu tương lai của nó? Họ sắp cưới nhau tới nơi, đồn chi chuyện không đứng đắn..."

"Thôi đừng giỡn nữa! Muốn nghe thì hỏi. Bà chị dâu tương lai của nó ăn phở với thằng cha Z. hôm chiều thứ Sáu kia. Tin còn nóng hổi chưa kịp nguội. Mày muốn nghe tin còn nóng, chịu khó giãng ăng ten cao một chút!"

"Tao nghĩ quả báo, đáng đời thằng Y. Hồi đó nó phụ tình nhiều cô nhiều bà. Có người tự tử vì nó nữa đấy. Quả báo. Bây giờ bị hôn thê làm cho một cú ngoạn mục, ôi, quả báo nhãn tiền, câu nầy không bao giờ sai."

"Thế họ bồ nhau từ lúc nào mà ông Y. không biết? Hay thật, bồ ngay mũi hôn phu. Cái mặt trông hiền thế mà cũng ghê gớm nhỉ?"

"Nghe nói gái Huế dâm ngầm kia mà!"

"Bậy. Cô ấy người Phan Rang chớ có Huế đâu mà Huế ở đây."

"Các bà thật là dại mồm dại miệng. Đàn bà với nhau mà không bênh nhau. Cứ nhắng lên như thế là nghĩa làm sao? Chỉ tội chị ấy, biết có bồ với thằng Z. hay không mà các bà thổi phồng câu chuyện. Chị ấy rất xứng với anh Y., tôi không thấy lý lẽ gì để chị ấy bồ thằng cha Z. Không có lý lẽ nào cả. Các bà không thấy nó ngược lý à?"

"Trời, bà chị chuyên viên thẩm định tâm lý, chị nghĩ sao về chuyện họ ăn phở với nhau? Lý lẽ nằm ở chỗ nào?"

"Ăn phở giữa thanh thiên bạch nhật thì đã chết gì ai? Nếu thật sự cô ấy bồ bịch với thằng cha Z., hai người đã hẹn hò nhau nơi nào bí mật, lẽ đâu lại đến cái tiệm phở đông người lắm mắt nhìn kia?"

"Bà làm gì bênh chị ấy dữ vậy? Đồng bệnh chăng?"

"Đừng nói bậy. Tôi chỉ nói theo lý thôi."

"Thế là ba quên mất tình rồi! Tình thì nó đâu cần lý lẽ gì."

"Anh, chị ấy cắm cái sừng to tổ bố trên đầu anh, anh có biết không? Đấy là chưa cưới mà đã như thế, cưới rồi, chị ấy sẽ cắm vài ba... bộ sừng lên đầu anh cho coi! Sao anh... khờ quá vậy?"

"Đừng nói hỗn. Anh mày, mày không bênh, còn hùa theo người ta cũng rắn cắn gà nhà! Bộ mày tưởng muốn cắm sừng lúc nào cũng cắm được à? Không dễ đâu em. Đầu thằng này coi vậy chứ cứng lắm."

"Anh còn đùa được! Cắm cái sừng ở thời buổi nguyên tử này, dễ như bỡn. Bằng cớ là anh có rồi đó! Anh liệu mà gỡ, cạy, bứt hay là mua nón mua tóc giả, đội, che, làm sao đó thì làm. Miễn đừng lôi cái sừng nhọn hoắc về nhà cho mẹ thấy là được rồi!"

"Mày chị tao hay mày em tao? Giỏi vậy sao hồi đó không chen mà ra khỏi bụng mẹ

trước?"

"Không phải vậy. Em tức lắm. Chị ấy làm nhục gia đình mình."

"Chú Y, như thế này, tôi với chú biết nhau cũng lâu, tôi lại hơn tuổi chú, cho phép tôi khuyên một câu. Rượu để lâu ngày uống ngon nhưng đàn bà để lâu ngày thì hỏng. Chú nghe tôi, cưới thì cưới ngay, để lâu, thiên hạ cứ xầm xì, bàn ra tán vào mãi, tôi cũng còn sốt ruột nói gì đến người trong cuộc là chú..."

"Cậu Y, cậu hứa đừng giận thì chị mới nói được."

"...?"

"Chị giới thiệu cô ấy với cậu. Bây giờ hai người đã đính hôn rồi phần nào chị cũng có trách nhiệm. Vậy, cậu nghe chị, đừng để bụng lời đồn tiếng tán của thiên hạ. Có gì chăng nữa, cậu về hỏi riêng cô ấy cho ra lẽ. Nhà chị với nhà cô ấy là hàng xóm mấy chục năm, chị biết tính tình, không thể nào có chuyện lộn xộn được. Mà nè, cô ấy có giải thích gì với cậu chưa?"

"Thằng Y coi vậy mà nhát quá bây? Hôn thê của tao mà ai đụng vô cọng tóc thôi, tao cũng đá cho một cái hộc máu mồm rồi tính sau. Cái thằng hèn không chịu được. Bộ vó đâu đến nỗi nào, đụng chuyện mới lòi mặt hèn. Chán quá!"

"Đừng nói vậy. Chưa chắc nó đã hèn. Tao biết tánh nó mà. Chuyện không đáng thì nó bỏ qua chớ còn tới lúc liều, nó liều bạt mạng đó nghe."

"Coi bộ thằng Z. cũng xìu. Biết nó ăn đấm được nước mẹ gì chưa mà nói."

"Cái thằng đó thì tôi rành sáu câu! Bà nào cô nào mà dính vào nó thì chỉ có bị thương ngoắc ngoải tới chết mà thôi. Cái thằng xấu tướng vậy mà lại đào hoa, cũng lạ. Hay là nó chơi ngải, mấy cha! Nó có thằng bạn người Miên nuôi ngải bị ngải vật sao đó suýt chết. Bữa nọ nó kể tôi nghe, bùa yêu dễ làm lắm. Cứ lấy bảy cái... phơi bảy ngày, để trong cối đá trộn với bảy muỗng..., bảy hột tiêu, bảy giọt... giã nát, đem chôn giữa khuya, khấn bảy câu... đợi đúng bảy ngày sau, đào lên. Bột yêu đó, bà nào uống vô, bảo đảm mình có xấu đến đâu đi chăng nữa, bà vẫn yêu tới cùng. Đã hông?"

"Xạo vừa thôi ông! Làm bậy làm bạ chết có bữa. Ngải với bùa là vật tối kỵ đừng có ham nhào vô. Lạng quạng là tẩu hỏa nhập ma đó nghe!"

"Bác ơi, bác khuyên chị ấy xem sao? Nội đây, chị nghe lời bác hơn ai hết. Cháu biết chị ấy đang hờn giận anh Y. chuyện gì nên mượn ông Z. để chọc anh ghen. Theo ý cháu, vậy là không nên. Bác nghĩ sao?"

"Trời, thật đó hả? Sao dại quá vậy? Dùng người này để chọc người kia ghen, chuyện xưa như trái đất, mà cũng ngu dại vô cùng. Chơi dao tất có ngày đứt tay. Không ngoa chút nào cả. Thấy chưa? Đó, bây giờ biến thành đề tài cho thiên hạ xầm xì bới móc, mua vui qua ngày. Thật là dại. Bác thấy con em chồng hùng hổ nhiếc mắng cô ấy mà bác phát giận lây. Con đó hỗn xược có tiếng. Phen này cô ấy... rục tùng rồi! Cái bộ điệu hổ mang của con C., nhìn là đã khiếp vía nói gì đến người hiền lành như cô ấy, biết đỡ gạt làm sao?"

"Thời buổi này mà vẫn có Loan của Đoạn Tuyệt à? Chẳng trách Loan nổi loạn đi ăn phở! Trông anh Y. đâu đến nỗi nào mà sao em anh ấy lại dữ tợn đến thế? Không biết ai ủy quyền nó mà anh rể chị dâu nào cũng chạy mặt hết trơn. Hay đấy chứ!"

"Hỗn chứ hay gì! Khiếp thật. Cũng bao nhiêu đó đáng vẻ đàn bà con gái mà có người lành người dữ. Kẻ yểu điệu thục nữ còn người thì hung hăng như... như... bò điên!"

"Tôi thấy cô ấy tâm sự gì lâu lắm với bà KK. ở ngoài bãi đậu xe."

"Thì họ cùng một tâm sự kia mà. Bà KK. cặp với ông AA. chị không biết à?"

"Tôi tưởng họ bỏ nhau lâu rồi."

"Bỏ nhau hồi nào mà bỏ! Cách một cái thứ bảy là đám đông TT. che cho ông AA. dẫn bà KK. đi nhảy đầm. Hễ vợ ông AA. gọi vào thì họ bảo là ông ấy đi ra ngoài hút thuốc hoặc ông ấy bận chuyện v.v... Cốt sao cho bà AA. nghĩ rằng chồng đang làm overtime."

"Ủ, tôi thấy mấy ông ấy che cho nhau để gạt vợ là tôi tức lộn gan lên đầu. Đàn ông gì... đúng là cá mè một lứa. Không những ông chồng đã gạt vợ mà lũ bạn của ông ấy cũng giúp ông ấy một tay trong việc lừa dối vợ."

"Bà này khờ quá. Các ông thế là có tinh thần tương thân tương trợ, biết đoàn kết, đồng thanh đồng thủ. Hắn có vợ bé, ta có vợ bé, chúng ta cùng có vợ bé! Tốt thôi! Tốt thôi!"

"Ủ, tinh thần đoàn kết đáng khen, đáng phục. Nhưng họ chỉ đoàn kết để thả... dê mà thôi!"

"Chồng bà KK. không phản đối à?"

"Nghe nói chồng bà ấy... liệt nên mới nên nỗi. Cái gì đó cũng có lý do của nó chớ. Đâu có ai khi không mà làm? Làm rồi lấy gì biện minh cho hành động của mình? Chậc. Lý do nào cũng chánh đáng cả! Bà nên nhớ thế! Lý do nào cũng chánh đáng cả!"

"Tội nghiệp vậy? Tai nạn hay sao mà liệt?"

"Trời, nói ít hiểu nhiều chớ! Bà này chậm hiểu quá. Liệt đây là..."

"À, thì ra... thôi tôi hiểu rồi. Ai biểu bà ăn nói úp mở... Vợ ông AA. không biết ghen à?"

"Ghen thế nào được khi lương ông ấy chưa bao giờ bị mẻ dù chỉ là một xu! Tôi nghĩ vợ ông ấy biết nhưng vì sao mà làm ngơ thì tôi không rõ. Bà thấy cái thái độ làm việc của ông AA. chưa? Có bao giờ ông ấy thật tình muốn ở lại làm giờ phụ trội? Làm cho lắm rồi vợ cũng lấy hết tiền chớ ông ấy nào có được xài đồng bạc của

mình. Thành thử khi được lên lương, có bao giờ ông ấy vui. Lên ít lên nhiều thì cũng chỉ vợ ông ấy hưởng nên ông chẳng buồn chẳng vui là vậy!"

"Hay. Hay. Không tiền mà vẫn có tình nhân, hay, tôi phục ông ấy. Nhưng tôi thắc mắc cái này, không tiền thì họ đi chơi như thế nào đây? Trước sau gì cũng phải vào... motel!"

"Bà này thực tế quá! Đồng ý rằng việc gì rồi cũng dẫn đến cái giường giữa hai người đàn ông và đàn bà nhưng... có lẽ bà KK. chịu khó trả tiền motel vậy. Mua vui một vài trống canh mà trả tiền kiểu đó thì hơi thiệt thòi. Tôi thấy ông AA. bèo nhèo quá, không đáng để trả... tiền dù chỉ là tiền phòng!"

"Ăn với lại nói, sao mà nham nhở quá vậy!"

"Mấy chị này cái miệng không kéo da non! Lúc nào cũng thấy nhóp nhép. Nhìn từ xa cứ tưởng đang nhai kẹo cao su! Nói cho đến bao giờ mới đả miệng hả mấy bà chị của tôi?"

"Tôi thì tôi không thích bàn chuyện người khác nhưng chuyện này thì tôi tức ghê lắm. Người đâu mà dại quá là dại. Cái dại thứ nhất là làm chung sở với hôn phu. Cái dại thứ hai là đem em của hôn phu vào làm. Cái dại thứ ba là bồ bịch với người làm chung sở. Dại ơi là dại."

"Chị nghĩ là chị khôn hơn chị ấy? Thôi, đàn bà với nhau, việc gì lại cứ tiếp tay thiên hạ phá hại gia cang chị ấy. Tôi thấy chị ấy mặt có vẻ thất thần buồn rầu mà tội quá. Một tô phở có nhằm nhò gì. Dù sao, cái tô phở ấy cũng đã tiêu rồi, ra đến... cống lớn của thành phố rồi thế mà dư âm lẫn hơi hướm của nó vẫn phảng phất đâu đây..."

"Đồng ý rằng phở đã ra đến cống lớn nhưng còn nhân chứng thì sao? Nhân chứng còn sống còn thở, là câu chuyện còn lông còn cánh!"

"Ý bà muốn nói là nó vẫn tiếp tục mọc lông mọc cánh? Nghĩa là càng lúc nó càng đổi hình đổi dạng đến nỗi người trong chuyện không nhận ra được chuyện của mình? Hay. Thế cũng tài. Người mình có tài vẽ rồng vẽ rắn, thêm chân thêm cẳng, đến nỗi con chí cũng có lông mà con lươn cũng có cánh."

"Tôi hỏi ngược lại như thế này, nếu họ không có gì với nhau thì đi ăn phở làm gì?"

"Cái này là lỗi của con A. Thấy thì cứ giả bộ như không thấy, lờ đi luôn có phải tiện không? Việc gì phải kệ lại này nọ, thêm mắm thêm muối thêm tiêu thêm đường vào, chỉ để hại người khác mà thôi. Hình như con A. mê thằng Y. nên mới cố tình thổi phồng câu chuyện. Mấy người này toàn khẩu phật tâm xà! Tội nặng đó nghe. Ngậm máu phun người, tội nặng lắm đấy."

"Bà nghe ở đâu hay vậy? Con B. mới mê thằng Y. chứ con A. ghét Y. như ghét...! Ủa, sao tôi lại nghe là con B. gặp? Con A. ở đâu trồi ra trong câu chuyện này?"

"Nói vừa đủ nghe thôi chứ. Thật ra thì như thế này, con B. lẫn con A. đều không gặp. Tụi nó đi nhờ xe chị T. Chị T. ghé tiệm phở lấy phở thì gặp chị G. đi ra. Chị G. vội vã ngoắc chị T. lại dặn dò có vào thì đừng nhìn ngang ngó dọc, nhất là cái góc trong cùng, vì cặp tình nhân đang hồi mùi mẫn. Thế rồi chị T. vào tiệm phở là nhìn chằm chằm vào bốn góc tiệm mà có thấy gì đâu. Họ đã đi ra rồi. Vậy mà lên xe, chị lại vui miệng kể cho hai con quỷ cái kia nghe, thế là sáng thứ Hai, Nhật bản bị bỏ thêm trái bom thứ ba!"

"Cô H., nghe mọi người khen cô là người minh bạch, gỡ rối tơ lòng cho nhiều người trong hãng, vậy với câu chuyện rối lung tung của cô ấy, cô gỡ như thế nào đây?"

"Đùa hoài anh. Tôi đâu có tài như bà Tùng Long mà biết gỡ rối? Cho tôi hỏi cái này. Anh thấy là chuyện của anh chị ấy đã rối vò lên rồi, sao các anh không phụ gỡ mà cứ quẩn thêm nào đây, nào nhợ, nào thừng, nào gút to gút nhỏ, nào chỉ nào len. Đến nỗi chuyện không có gì, mà tại các anh, nó biến thành một đống dây nhợ lòng thòng?"

"Oan tụi tôi quá. Đàn ông chúng tôi nào có nhiều chuyện như các bà! Tại mấy bà bên dãy hàn xầm xì quá chớ bên đàn ông, tôi có thấy ai nói gì đâu?"

"Lại bênh nhau nữa rồi! Nếu tôi không lầm thì câu chuyện rất giản dị. Họ gặp nhau ở tiệm phở! Thế thôi. Không có tiêu đường muối mắm gì cả. Các ông thêm vào nào là tái chín với nạm gầu, nào là tương ớt với hành trần, nào là giá trụng với ngò gai, nào là giọt châu lả chả với tay cầm tay bịn rịn... Hại nhau vừa thôi chứ."

"Oan ơi là oan. Tôi phải rửa cái oan này bằng... phở mới được. Hôm nào chị rảnh đi ăn phở rửa oan với tôi?"

"Anh này đùa dai... như thịt ở tiệm phở T!"

"Chị H., ông T. bắt chước ông Z. định cõng chị đi ăn phở đấy à? Chị đừng đi. Mấy ông ấy đang cá với nhau đấy!"

"Tôi nghe nói anh Z. dọn đường dùm ông K., có không?"

"Ủa? Ông K. còn vợ ở Việt Nam mà!"

"Vợ thì vợ có sao đâu? Tám chín năm không gặp, kể như không vợ. Tại vợ không biết đút lót nhà nước để đi chớ nào phải tại ông K. muốn phản bội vợ. Nghe nói ông K. mê chị ấy như điếu đổ nên nhắn qua miệng thằng Z. là ông sẵn sàng sang bứt chị ấy cái nhà ông mới mua ở Corona. Cái nhà ngâm mây của ông đó nghe. Tận trên đỉnh đồi chót vót."

"Làm sao sang được? Cái nhà ông K. hùn với thằng em mua. Gia đình thằng em bảy tám mống. Cho phứt cô ấy rồi thằng em ở đâu? Phân nửa cái nhà là của nó kia mà. Ừ thì ông K. lủi thủi ra vào một mình thấy cũng tội nhưng sao lại đi mê người đã đính hôn? Có phải dại không? Ai lại chẳng biết ông ấy còn vợ ở Việt Nam. Nhớ hồi nào, ông đem thơ vợ vô hãng,

ôm ấp như đang ôm ấp vợ mà bữa nay đã quên rồi?"

"Chị thấy tội? Sao không đem ông ấy về tắm rửa sạch sẽ?"

"Tớ không đùa với chị. Nói chuyện đứng đắn mà hay xuyên tạc, mất hết ý nghĩa của câu chuyện. Tôi nói tội là tại tôi thấy tội vậy thôi, chứ đem ông K. cho, tôi cũng không thèm lấy. Mẫu người của ông K. là mẫu người yếu đuối. Lấy ông ấy về, mất công làm giàn cho ông ấy dựa!"

"Trời, phải tìm hiểu kỹ lắm mới hiểu rõ mẫu người yếu đuối của ông K!

"Ông K. nôn là vì ông N. sửa soạn cưới vợ. Có cháu ngoại rồi mà vẫn làm tiệc cưới rình rang. Ông ấy dạo phố đi mướn đồ cưới thấy cũng vui lây. Vui còn hơn trai tân lấy vợ. Trách gì ông K. lại chẳng quýnh lên?"

"Bộ chị ghen với hạnh phúc của ông N.? Ai cấm ông ấy lấy vợ và làm cho nổi đình nổi đám? Ông N. còn bao nhiêu ngày trước khi xuống... lỗ? Ai cấm ông ấy tìm chút hạnh phúc trước khi chống gậy?"

"Vợ ông ấy cấm, được không?"

"Té ra ông N. cũng giống ông K.? Vợ còn ở Việt Nam mà tôi cứ tưởng ổng góa vợ. Thôi thì cứ in thiệp cưới, thay vì *vâng lệnh song thân* thì ta để *vâng lệnh hiền thê*..."

"Chuyện dài... hãng BX. Tôi e rằng câu chuyện sẽ dẫn dắt cả đám tụi mình gặp nhau ở sở... thất nghiệp. Thằng cha Larry cứ đi đi lại lại mặt nhăn mày nhó trước cái đám da vàng xí xô xí xào tiếng Việt Nam. Tụi bây làm quá nó lại ra memo cấm nói tiếng ngoại quốc như hãng G. cho coi!"

"Ờ, vậy thì tốt. Cấm nói tiếng ngoại quốc thì tôi nói tiếng mẹ đẻ củatôi!"

"Ủa, tôi nói lộn. English only! Thật là vô lý hết sức!"

"Đâu có gì vô lý! Nó đi qua đi lại, thấy ai cũng mở máy tối đa mà lắng nghe thì không hiểu gì hết, lại ồn như cái chợ trời, tưởng cãi nhau mà không phải cãi nhau. Y hệt như chệt chìm tàu!"

"Kỳ thị!"

"Đừng quên bà đang ở Huê Kỳ! Vậy chớ hồi đó ở Sàigòn, vô Chợ Lớn nghe họ xí xô xí xào, bà có nổi cơn... tự ái dân tộc không? Thì đó, bây giờ đến phiên bà xí xô, xí xào trên đất nước của người ta đó. Ôi, kỳ thị, đâu lại chẳng có! Mình cũng kỳ thị như điên nói gì người ta."

"Chị XX., ai nói tôi mê ông Y?"

"Nữa, lại có chuyện. Bà Z. tâm tình với chị KK. trong phòng vệ sinh tôi nghe được. Thôi vuốt giận đi em!"

"Mình không thù oán chi lại đi nói xấu mình. Hôn thê ông ấy ngoại tình dính dáng gì đến tôi mà lôi tôi vào? Thằng cha Y. Hừ. Tôi đâu có ế mà đi giành hôn phu người khác. Trời, miệng mồm ăn cái gì mà độc hại quá vậy?"

"Thật không đấy? Hay là cho thì lấy ngay?"

"Chị mà cũng không tin tôi à?"

"Ê, mày, con C. bảo là mày thích anh nó?"

"Bực quá. Tao thích hồi nào? Con C. nói? Đàn bà con gái dữ tợn như nó, bày đặt đem anh mình đi rao bán. Ai thèm mua! Tội nghiệp chị ấy, nịnh bợ con C. đủ điều để được lấy ông Y. Hèn! Hèn! Con C. cũng hèn. Ăn của hối lộ của chị dâu tương lai bấy lâu nay đủ để bênh chị ấy khi có chuyện? Phải tao biết vậy tao đâu thèm kể chuyện chị ấy ở tiệm phở làm gì? Họ ăn phở hay không ăn phở mặc họ. Tô đặc biệt hay tô phở tái, xe lửa cũng mặc họ. Bỗng dưng nói ra làm chi để rồi tao cũng biến thành tái nạm luôn. Chán thật."

"Từ sáng đến giờ mà vẫn chưa êm?"

"Êm gì nổi, chị T. Em nghe bà KK. bảo là con A. khai thêm tình tiết gì ly kỳ lắm mà."

"Bậy. Chị mới gặp nó, nghe nó than phiền quá. Nó đâu có nói gì mà ai bảo phun thêm?"

"Nó xạo đấy. Chị đừng tin. Bà V. bảo nó ăn không được nên khuấy cho hôi. Ông Y. xưa ở chung đảo với nó mà. Hình như ông ấy thề non hẹn biển chi đó, rồi bây giờ bẻ viết xé giấy để lấy chị ấy. Nó cố tình rêu rao chuyện phở phiếc cho ông Y. rút chị ấy ra. Cái này rõ là mưu kế hại người."

"Chú Y. tôi là người lớn tuổi, không thích đàm tiếu chuyện người khác. Chú nghĩ sao nếu tôi có *thêm* lời khuyên thành thật?"

"Dạ bác cứ nói."

"Mấy bà bên kia đồn rùm lên là chú định cặp cô A. để trả thù cô ấy? Chú đừng dại. Chẳng lẽ ăn miếng trả miếng với hôn thê của mình? Coi sao được? Mình là đàn ông, phải tỏ ra rộng lượng cho đàn bà con gái bụng dạ hẹp hòi thấy mà nể chớ."

"Rõ là người mình có nhiều tật xấu. Tật xấu nhất vẫn là ngồi lê đôi mách. Cô A. qua lại chơi với mấy đứa em trong nhà, cháu đâu có nghĩ gì mà ai đồn ác hại vậy?"

"Vậy thì chừng nào cưới?"

"Bên ấy đợi bà dì ở Thụy Sĩ thu xếp mọi chuyện. Con một nên họ bắt phải cưới hỏi đàng hoàng."

"Thu xếp nhì nhằng gì mà lâu quá vậy? Cả năm rồi."

"Dạ thì cơ sở làm ăn lớn, đâu phải tư chức ba cộc ba đồng như mình mà nói đi thì xách quần xách áo đi liền đâu bác. Cháu sốt ruột mà lỡ hứa rồi đành phải đợi vậy chớ biết làm sao hơn."

"Ủa sao lại đợi bà dì?"

"Dạ. Bên đó họ còn ở Việt Nam nên ủy quyền cho bà dì ruột. Bà này là chị lớn nhất trong nhà."

"Anh T. nghe chuyện mới chưa?"

"Chuyện gì?"

"Ông Y. tính bỏ sở đi Thụy Sĩ ở. Chắc ý của chị ấy để tránh làm dâu. Ông thấy bộ tịch của con C. chưa? Đàn bà con gái không nết na chẳng khác hàng tôm hàng cá. Nghe nói có lần nó nhảy lên chồm chồm, tay

chống nạnh, tay xỉa xói chị ấy mà rằng *chị là cái thá gì của tôi*, nghe mà phát ớn. Con nhà có dạy mà đến khi *mất* dạy thì vẫn *mất* dạy như thường... Khiếp đảm quá."

"Ủa? Vậy sao nó nói với tôi là nó sắp được làm supervisor? Định ở rể à? Nghe nói chị ấy con một được cưng lắm mà? Cưng con thì người ta sẽ cưng rể. Số đỏ. Số đỏ. Sa hũ nếp rồi đấy. Nghe nói gia đình chị ấy bên Thụy Sĩ làm chủ ba bốn cái khách sạn lớn. Có không?"

"Ở đây mà đỏ với lại đen. Bà già thằng Y. không chịu mất con trai. Nó là con cả. Gia đình thật là rắc rối!"

"Rắc rối gì? Tôi như chị ấy, tôi lại đi ăn phở là xong ngay!"

"Anh chỉ xúi dại! Đi ăn phở lần nữa với thằng Z. có mà mất mạng."

"Có sao đâu? Nghe nói thằng Z. định nhờ cô ấy làm mai người nào mới sinh ra chuyện đi ăn phở."

"Đùa hoài ông? Nếu chỉ có thế sao lại khóc?"

"Chính nó nói kia mà."

"Nó mất bốn năm tiếng đồng hồ để nghĩ ra cái lý do ăn phở trong khi phở đã tiêu từ chiều thứ Sáu!"

"Công bố lý do gì chậm thế? Để người ta khóc mất cả buổi, xin về vì bệnh. Lại lôi thôi dây dưa đến mẹ chồng em chồng tương lai. Cái thằng hại người! Hết người nhờ sao lại nhờ cô ấy? Người hiền hậu thế kia thì đâu biết làm mai!"

"Hóa ra các bà làm mai, bà nào cũng dữ cả?"

"Không. Ý tôi nói là người ít nói thế kia thì quen biết bao nhiêu người mà mối với lại lái? Thằng cha Z. có khối tình nhân, bày đặt nhờ mối lái. Xạo! Tôi chẳng thèm tin."

"Vậy thằng Y. đi bỏ chức supervisor lại cho ai?"

"Hừ, cái chức đó thì béo bổ gì? Cái thằng táo bón Anh văn thì giữ chức *Súp* được bao lâu? Nó chỉ là con chốt thí qua sông cho mấy thằng Giám đốc ở trên. Dại quá. Mai mốt hãng thải ra, đố nó tìm được việc *supervisor* ở hãng khác! Nó cứ ào ào chửi bới người Việt mình, thọc cho người này bị đuổi, mét cho người nọ bị cảnh cáo, người ta ghét nó chớ bộ người ta ghét thằng *General Manager* à? Trong khi nó cũng chỉ là thiên lôi sai đâu đánh đó. Bởi vậy, nghe nói nó sắp được lên chức thực thụ mà tôi buồn dùm."

"Anh tội nghiệp hão. Làm việc thiên lôi thôi mà lãnh lương cao cũng đâu có gì tệ! Thấy mà ham."

"Ham? Ham? Chỉ có tiếng mà không có miếng, biết chưa! Mình làm giờ, phụ trội bao nhiêu, lãnh đủ bấy nhiêu. Nó làm lương năm, cày chết bỏ mà không có một xu phụ trội. Đừng có ham cái tiếng, ông ơi!"

"Có tiếng mới có vợ chớ ông. Đời thuở bây giờ, con gái có đứa nào mê anh thợ hàn?"

"Nữa, các anh lại nói xấu đàn bà chúng tôi. Cay cú vừa thôi chứ! Cho dù con sâu làm rầu nồi canh, tại sao các anh không nghĩ đến chuyện đổ đi nấu lại nồi canh khác ngon hơn? Việc gì phải ngồi đó tiếc hoài nồi canh thiu? Bởi vậy các anh có tài ngồi một chỗ phê bình mà thiếu hành động. Mà hễ bà nào cô nào hành động thì lập tức bị các anh lên án ngay. Chừa một chỗ cho sống với chứ!"

"Nghĩa là cần đi ăn phở mỗi buổi chiều thứ Sáu khi có chuyện không hài lòng?"

"Nữa, lại nói đến phở. Ủa, còn những người ăn hủ tiếu, ăn bún bò, bún thang,... sao không nghe ai nhắc đến hết vậy? Thiếu gì người ăn vụng? Vậy mà không nghe nhắc đến trong khi người ta ăn công khai lại đem ra mổ xẻ."

"Chị này ăn bận nhà quê mà học đòi tân tiến. Nói chi cũng cãi."

"Khỉ mốc! Chuyện không phải thì tôi bảo không phải. Con người dở ở chỗ khi đuối lý thì dùng cái mũ úp chụp ngay trên đầu người ta, bịt luôn cả mồm không cho nói. Đàn áp vừa phải thôi chứ. Đôi khi biết phục thiện, người ta tiến bằng mấy chục năm sống ích kỷ hẹp hòi cứng đầu!"

"Chị bênh đàn bà mà cấm chúng tôi bênh vực đàn ông? Lạ vậy?"

"Các anh được cả một lịch sử mấy ngàn năm bênh rồi, không đủ sao? Chúng tôi mới được bênh nhau vài chục năm nay, vậy mà anh vẫn càng nanh được, hay chữa? Tại sao trong cái chuyện ăn phở này, thanh danh chị ấy bị hư hại đến mười phần mà thanh danh anh Z. vẫn còn nguyên vẹn? Nếu không muốn nói là có người lại thêm phần thán phục anh Z? Vừa thôi chứ. Cứ hễ ngoại tình là lỗi ở người đàn bà?"

"Vậy là chị cũng đồng ý họ ngoại tình với nhau đấy nhé."

"Bậy. Ở đây, tôi thấy, không có ngoại tình. Vì nhiều lý do. Chị ấy chưa chồng là một. Họ ăn phở giữa một đám đông chiều thứ Sáu là hai. Ngoại tình, là phải dấu diếm, là phải tội lỗi, là phải có một người bị lừa dối. Anh dùng chữ ngoại tình không đúng chút nào cả."

"Chị lạc đề. Mai đi ăn phở với tôi, mình bàn tiếp chuyện... thiên hạ."

"Rõ là bệnh lây. Chỉ làm giàu cho tiệm phở mà thôi... anh không sợ... vợ à?"

"Lấy đâu ra vợ mà sợ đây chị? Đôi khi tôi cũng ước mong có vợ để được sợ như những người khác!"

"Ừ thì chưa có vợ chính thức thôi, còn thì vợ hờ, thiếu gì!"

"Người đẹp của tôi, tôi đang tán cô mà cô cứ nhất định kê tủ đứng vào mặt tôi như thế này thì... hỏng cả rồi."

"...!"

NGUYỄN T. NGỌC NHUNG

TÌNH YÊU CỦA YVON

HỒ TRƯỜNG AN

Marlène mở gói bột xúp trút vào soong; đây là thứ súp "paysanne" có nhiều cà rốt và hành tây. Nàng không thể sửa soạn bữa ăn vào buổi tối thứ năm cho thịnh soạn hơn. Dĩ nhiên, món ăn chính trong bữa tối nay là món choucroute, loại thịt heo, xúc xích trộn với bắp cải thái nhuyễn ướp muối, dấm trước khi đóng hộp. Tối nay, vợ chồng nàng phải đi tập dượt trong ban đồng ca bắt đầu từ tám giờ rưỡi tối tại khu Haut Clos. Tối hôm qua, nàng chỉ chuẩn bị món giáo đầu là món ba-têgan ngổng được cất trong tủ lạnh mà thôi.

Yvon, chồng của Marlène đã đặt bàn: một dĩa sâu bông chồng lên chiếc dĩa trẹt cùng dao, muống, nĩa, khăn ăn tại mỗi chỗ ngồi. Ngoài ra, tại mỗi chỗ ngồi, chàng còn đặt một ly cao cẳng để uống rượu chát, và một ly thấp để dành uống rượu khai vị.

Đời sống của cặp vợ chồng công chức không con nầy sao mà buồn tẻ! Chồng là giáo sư trường trung học Marie Champagne, thuộc tỉnh Troyes, gần giáo đường Saint Martin. Vợ là nhân viên thư viện vùng Aube, (Bibliothèque centrale de Prêt de l'Aube). Nàng giữ phần trông coi discothèque trong thư viện.

Trong bữa ăn, Yvon uống rượu khá nhiều. Hễ gặp bữa cơm không ngon, chàng uống rượu vang liên miên để nuốt cho trôi đồ hộp. Riêng Marlène thì ăn rất ít trong bữa tối: một nửa trái bưởi nhỏ làm món giáo đầu, một lát dăm-bông, một chút ít rau đậu...

Cơm xong, Yvon rửa chén và lau căn bếp cho vợ. Marlène vào nhà tắm lau qua mình mẩy và trở về buồng để trang điểm.

Khi cả hai ăn mặc bảnh bao từ tầng lầu ba bước xuống tầng trệt để ra bãi đậu xe thì trời đêm thật trong trẻo, trăng sao vằng vặc. Vào mùa thu, ở đây hiếm có một đêm đẹp như vậy, nếu cơn mưa buổi xế không to. Mưa to cuốn hết hơi nước và sa mù là vậy.

Ngồi trong xe, bên cạnh chồng, Marlène tự hỏi, ở đây nếu vợ chồng nàng không tìm giải trí ở ban đồng ca tỉnh Troyes, hội UNESCO (hội giúp dân tị nạn về văn hóa), thì cả hai làm sao tiêu thụ thời giờ nhàn rỗi, muộn phiền! Mười năm qua, cả hai đã thành vợ thành chồng với nhau. Marlène bao giờ cũng yêu chồng và nàng tin chắc Yvon vẫn còn yêu nàng. Tuy nhiên, tự bản chất, tình yêu cả hai lại khác nhau. Marlène yêu chồng với cái đam mê nồng thắm theo thời gian. Còn Yvon yêu vợ vì tìm ở nàng một điểm tựa tinh thần nhiều hơn. Năm nay, Marlène đã 40 tuổi rồi, còn Yvon mới 38.

Cả hai vẫn giữ vóc mình mảnh dẻ, thanh lịch. Trong bộ complet xám, Yvon có vẻ hơi gầy gầy, nhưng trên bãi dành cho Hội Khỏa thân tọa lạc sau chiếc ga xép Saint Tribault, vóc mình đó đẹp lạ lùng, tươi ngộn, da sáng, đùi chắc, cánh tay thanh tú. Còn Marlène

chỉ đẹp lúc mặc robe bằng vải mỏng nhẹ. Khi khỏa thân trên bãi, thân hình nàng mảnh mai thì có, mà tươi rạng thì không. Vai nàng lại ngang. Ngực nàng hơi nhỏ, hơi thôi. Nếu không đi tập thể dục hẩm mỹ năm ngày trong tuần lễ ại phòng Squash Open gần ga xe ửa lớn ở phía đông thành phố, hân thể nàng sẽ mềm nhão vì tuổi ác.

Nhưng mà, không ai có thể bảo Marlène không đẹp. Dù vóc áng nàng có nhiều khuyết điểm ư thế, dù trên khuôn mặt nàng, p môi hơi mỏng, cái hàm lại hơi nh, cái trán hơi bướng bỉnh, ưng nàng vẫn đẹp, vẫn nồng n. Cặp mắt nàng màu bích ngọc ng thăm thẳm, sóng mũi nàng anh tú và mái tóc nàng màu ng võ chanh sáng lóng lánh, cắt ải thật thanh lịch để nàng bôi a một cách ngon lành những uyết điểm khác. Quần áo nàng ang nhã. Cách trang điểm của àng có nghiên cứu. Marlène lại iết chọn thuốc gội đầu thích hợp ên mái tóc nàng càng mềm huyễn, óng ả. Cái màu vàng vỏ hanh vẫn là màu tái, nhưng ánh ắc lóng lánh vẫn làm sáng khuôn ặt nàng hơn, vì vào tuổi 40, với âm trạng bất ổn, cái *éclat* trên huôn mặt nàng cũng như ánh ương nhòa bụi. Ai có biết đâu, au lớp kem mỏng lót sau lượt hấn hồng tái kia, sắc diện man mác của nàng không thể che giấu được ai dù đối diện với ai, nàng củng mỉm cười cầu tài. Nụ cười đôi lúc lạc lõng, gượng gạo, không ăn nhịp với tia nhìn khoắc khoải từ đáy mắt thăm thẳm màu bích ngọc trồi ra.

Marlène đã có vấn đề, và nàng đang vật lộn với nó. Trong cuộc sống lứa đôi, dù Yvon không để cho chăn gối, lửa hương lạnh lùng, nhưng chàng bắt đầu phiền muộn trước đời sống hiện tại. Chàng hoạt động máy móc, không còn một chút hứng thú nào nữa.

Yvon đã có một thời sinh sống ở vùng Đất Đỏ tại xứ Việt Nam. Cha chàng là chủ đồn điền cao su ở mạn Bắc tỉnh Bình Dương. Chàng về Pháp vào tuổi 15 cùng với bà vú người Việt Nam. Cái xứ sở lạ hoắc kia đã tạo cho chàng những giấc mộng ngày xanh, đẹp tuyệt vời, những ấn tượng lộng lẫy, đậm đà. Sau bốn năm học ở tại tỉnh Reims, Yvon đỗ Tú Tài, Yvon trở về Troyes để học trường Sư Phạm và chàng được bổ dạy cũng tại tỉnh nhà. Năm 25 tuổi, Yvon tự dưng muốn viết văn. Tài năng chàng sớm bộc phát và tàn nhanh còn hơn bông hoa rừng cắm trong lọ. Cuốn tiểu thuyết độc nhất của chàng có cái tựa "*L'Exquise Amertume*", lấy từ ngữ pháp đẹp trong cuốn "*Les Nourritures Terrestres*" của André Gide. Cuốn tiểu thuyết đó chàng đã thai nghén một năm trời, và phải mất sáu tháng để viết thành sách. Nó diễn tả tâm trạng khao khát sống của một cậu trai đồng tính luyến ái trước tôn giáo, trước sự miệt mài của cái thế giới gồm lũ người cuồng tín về việc bài trừ cái khuynh hướng tình cảm của lũ pédé. Vậy mà, Yvon dám dùng cái tên thật của mình làm bút hiệu - Yvon Dubeauchamp.

Nhưng Yvon là một *bisexuel*. Chàng yêu vợ, nhưng chàng cũng thèm muốn làm tình với những cậu trai mới lớn. Mười năm qua, chung sống với Marlène, chàng đã hứa với vợ chỉ yêu nàng và cắt đứt cuộc đời săn đuổi các cô thiếu nữ xinh xắn, những cậu trai dịu dàng, tươi mơn mởn. Hai năm đầu, cả hai ngụp lặn trong biển hạnh phúc tuyệt vời. Cuốn sách của Yvon được người anh ruột của nàng ở Limoges thuộc vùng Limousin in một nghìn ấn bản trên giấy Lana dầy màu ngà, và ba trăm ấn bản trên giấy Arches nhám và dầy hơn đẹp tuyệt vời. Sách bán trong vòng một năm ở các tiệm sách dành cho bọn đồng tính luyến ái, được các tạp chí Arcardie, Gai Pied tán thưởng. Sau đó, một vài tờ báo văn nghệ cũng đề cập tới quyển nầy, và Yvon cho tái bản kỳ nhì với 18 nghìn ấn bản. Nhưng cái thành công nho nhỏ ở bước đầu vẫn không giúp Yvon đeo đuổi văn nghiệp. Chàng không sáng tác gì được nữa. Marlène nghĩ rằng đôi lúc, cái hạnh phúc gia đình không khơi dậy một lượng cảm hứng phồn thịnh để giúp nhà nghệ sĩ sáng tác. Nhưng khi thấy chồng thu mình vào cuộc sống công chức tầm thường, Marlène cũng chạnh lòng và tiếc thầm cho chồng.

Nhưng mà Yvon đâu có hạnh phúc. Tóc ở thái dương của chàng bạc trước hết, ánh mắt chàng mệt mỏi. Ngày tháng của chàng trôi lừ đừ theo từng cái ngáp ủ ê.

Nhà của cặp vợ chồng Yvon và Marlène Dubeauchamp cất trên một ngọn đồi Fontvanne cách Troyes 14 cây số, nằm tênh hênh ở bên quốc lộ 60. Làng Fontvanne ở gần dòng rạch và ở cạnh một cánh rừng. Tại làng có một cái quán. Xa hơn một chút, trên quốc lộ đối diện với tòa thị xã là tiệm bán thịt, tiệm tạp hóa, tiệm bánh mì, tiệm cà phê. Trên lối ra khỏi làng là cây xăng, và một cái garage sửa xe.

Nhà của vợ chồng Dubeauchamp gồm ba căn, tường bê tông quét vôi màu vỏ trứng gà, mái ngói móc nổi gân thẳng. Nhà có một tầng gác. Phòng khách có lò sưởi đun bằng củi. Nhà xe thì lợp bằng ngói xám. Gia đình của Yvon và gia đình của Marlène là gia đình trưởng giả lâu đời nên có nhiều món ngoạn khí cũng lâu đời, từ đồ đồng, đồ pha lê, đồ sành, sứ cho tới những món trân ngoạn bằng ngà, bằng sừng, bằng đá quý. Từ khi về sống chung với Yvon, Marlène thực hiện một nhà kính để trồng đủ thứ lan, đủ thứ bông kiểng lùn tịt xứ người. Vốn giỏi sưu tầm Marlène trong vòng hai năm đã có bốn cây lài xứ Madagascar hoa nhỏ, lá to, thân uốn cong tên Stephanotis. Ngoài ra, còn có cây Aralie xứ Nhật Bổn giống như là đu đủ tên Fatsia, cây kè xứ Kentia giống như loại cau kiểng tên Howeia, hoa dâm bụt màu cam trồng trong chậu, loại môn kiểng lá xanh ửng hồng Caladium, loại đỗ quyên Nhật Bản hoa hình sao năm cánh tên Rhododendron, hoa loa kèn trắng, nhụy vàng hình ngón tay út tên Zantedeschia.

Từ nhà sau đến nhà kiếng là một khoảng đất trống để trong suốt mùa xuân và mùa hè Marlène trồng đủ loại cỏ thơm như thảo hoàng liên, bạch lý

hương, hẹ tây, cây lavande, cây basilique, và các loài hoa có hương như vạn thọ, bông phấn (belle de nuit), đồng thảo, linh lan, và nhất là hoa hồng với từng đóa lớn cỡ miệng chén màu vàng, màu gạch, màu đỏ, màu trắng, màu đồng.

Yvon, trong khi vợ trồng hoa đẹp, cỏ thơm thì sưu tầm loại đĩa hát gồm những giọng hát nổi tiếng vào các thập niên 30, 40 chuyên trình diễn các ca khúc *musique de charme*. Hai giọng nam mà cả hai vợ chồng ưa chuộng là André Claveau và Jack Lantier. Tiếng hát của André Claveau trầm rền như tiếng gió luồn vào hang động, ấm áp như khói hương và gợi cảm cực kỳ. Còn tiếng hát của Jack Lantier thoảng nhẹ, mơn trớn, hơi làm nũng một chút. Cả hai, qua tiếng hát, gợi nên hình ảnh một hoàng tử hào hoa, đa tình, có ánh mắt âu yếm, có nụ cười mê hoặc... Nhưng đã bốn năm về sau, Yvon không sắm sách vở gì hết. Lúc đầu, Marlène nghĩ rằng ở nhà có sáu ngăn sách, mỗi ngăn dài ba thước chất đầy các tác phẩm của Gide, Proust, Tolstoi, Wilde, Montherlant nên Yvon không ham đọc thêm các tác giả cận đại và hiện đại khác. Nhưng nàng lầm, Yvon không hề rớ tới sách vở, trong khi đó nàng vô tình cứ mỗi kỳ lễ giáng sinh và sinh nhật của chàng, nàng mua tặng cho chàng những tác phẩm của Jean Cau, Henri Troyat, Marguerite Duras, Marguerite Yourcenar... Nể vợ, Yvon vẫn đọc các cuốn sách tặng, có thảo luận với vợ, nhưng thái độ của chàng có vẻ cố gắng, che lấp cái chán ngán, miễn cưỡng một cách vụng về.

Ôi, tình yêu chồng của Marlène mạnh mẽ, say đắm là dường nào. Yvon làm tình với vợ thật giỏi, thật nồng nàn, nhưng rời chiếc giường, chàng trở nên xa vắng, huyền bí với cái thế giới của riêng chàng. Té ra, chàng chỉ thỏa hiệp với đời sống lứa đôi, chớ không uống say sưa cái phong vị, cái lạc thú của đời sống ấy. Marlène, với bất cứ giá nào, phải phá tan lớp vỏ cái thế giới của riêng chàng. Thiệt tình lúc đầu, nàng không cho rằng văn chương đã cướp sống Yvon của nàng, nhưng nàng biết rằng nó là một tình địch đáng sợ. Yvon không viết văn được là vì chàng không còn ngẫu hứng nữa. Nhưng chàng không quên nó, nó ám ảnh chàng hoài hủy, và chàng khao khát cầm bút trở lại. Chàng cứ lục đục, khổ sở ở một lối cụt, trước một bức tường chắn ngang, vì không tìm được một cõi văn chương cho chính mình. Bởi đó chàng bứt rứt. Dần dần, Marlène biết rằng tâm hồn nghệ sĩ như dây đàn, phải có một động chạm mới ngân vang. Đời sống của Yvon trong mấy năm về sau phẳng lặng quá, không một mảy may kích thích nào thì làm sao chàng viết lách được?

Có nhiều đêm cả hai trằn trọc, Yvon rủ nàng đi chơi hồ, cái hồ ở phía Đông tỉnh Troyes, cách Fontvanne gần 40 cây số, tên là Lac de la Forêt d'Orient. Cả hai phóng xe như bay từ quốc lộ sang liên tỉnh lộ, để đến một cánh rừng, rồi quẹo vào một lối mòn xuyên qua cánh rừng thưa để đến bên hồ. Rừng dưới trăng trở nên sâu thẳm và huyền ảo. Hồ trải rộng màu ngân nhủ, bóng trăng sáng lạnh lẽo ngâm trong gương nước. Yvon choàng tay qua vợ, siết chặt nàng, thì thầm:

"Trong một khung cảnh huyền bí như thế này, anh có cảm tưởng gần gũi với cái bí mật của cuộc sống hơn, và anh có dịp nhìn sâu vào nội tâm của mình."

*

* *

Vào mùa hè hai năm sau, vào một buổi trưa nóng nực, cặp vợ chồng Dubeauchamp cũng đi chơi hồ. Họ không ra ngoài bãi vì ở đó rất nhiều du khách đến tắm. Lại nữa, ở bãi lại khó kiếm chỗ đậu xe. Đối diện với bãi, bên kia liên tỉnh lộ là bãi đậu cho loại xe caravane, bãi dành cho các căn lều vải mà du khách Âu Châu đến cắm trại. Hai vợ chồng chọn nơi trong cánh rừng sát bên bờ hồ. Ở đó, lũ vịt nước, chim trời tụ họp về đông đảo, vì chúng sợ tiếng ồn của loài người.

Nơi đây, cả hai gặp một cô gái Việt tên Kim Cúc. Cô tháp tùng ông bà giám đốc trại tạm cư Foyer Sonacotra gần cầu La Chapelle Saint Luc đến đây tắm nắng. Cô gái có vai mỏng hơi ngang, mông nhỏ, đùi khá dài. Ngực cô tròn, hơi nhỏ giấu sau bộ bikini màu đen. Nhìn từ phía sau, cô giống như một cậu trai mới lớn, một phần vì cái thân thể đó, một phần vì cái mái tóc demi garcon cắt cụt. Lần đầu tiên, Marlène chợt thấy trong đáy mắt xám thăm thẳm của Yvon một ánh sáng háo hức lóe ra, đôi mắt ấy reo vui đưa đẩy rất linh hoạt theo câu chuyện của cặp Debeaunay, vợ chồng ông giám đốc trại tạm cư. Kim Cúc - cặp Dubeauchamp được biết cái nghĩa của tên nàng là bông cúc vàng, Chrysanthème d'Or - có lưỡng quyền cao, mắt xếch, cặp môi nũng nịu. Sau lúc phơi nắng, cô ta mặc bộ đồ jeans màu cam, áo tay

cụt. Quả nhiên, cô ta giống một cậu trai tân, nhất là cô không đi giày escarpin, mà đi giày bata trắng, có những vạch màu lam đậm. Marlène, trong 8 năm qua, đã quên khuynh hướng tình cảm lẫn tình dục của chồng. Chàng thích làm tình đàn bà lẫn đàn ông. Mẫu đực rựa lý tưởng của chàng là những cậu trai mới lớn, đừng quá nữ tính, nhưng phải thanh tú, dịu dàng. Mẫu nữ phái lý tưởng của chàng là hiện thân của Kim Cúc.

Hôm đó Pascaline Delaunay, bà vợ ông giám đốc Foyer Sonacotra rủ cặp Dubeauchamp đi đến làng Saint Julien để xem bói. Nơi đây có một bãi dành cho các xe dân gitan ở tứ xứ đổ về. Thời đại mô đẹc cơ khí, dân gitan đâu có ăn ở và di chuyển bằng xe mui vải có ngựa kéo nữa. Cả gia đình họ ăn ở và di chuyển bằng xe caravane, trong xe có phòng ngủ, nhà bếp, phòng tắm. Marlène rất sợ dân gitan mà không hiểu tại sao. Có thể là tại họ ưa ăn cắp vặt, cứ ưa lảng vảng đến các nông trại để bắt gà vịt. Cũng có thể là tại họ làm nghề đồng bóng ưa tiếp xúc với tà thần.

Mụ coi bói bài và xem chỉ tay gốc dân gitan là một người đàn bà trạc gần bốn mươi, vóc mập mạp nhưng có eo, mặt tô son trát phấn thật đậm, sự chát chúa trong lối trang điểm của mụ không cần diễn tả bằng âm thanh mà chỉ cần diễn tả bằng màu sắc thôi cũng đủ. Mụ đeo khoen tai to, vòng tay semaine cũng to bản. Đoán về tánh tình và vận mệnh tương lai của Yvon, mụ ta bảo:

"Trong tiềm thức ông có một ngọn lửa quái gở, nó làm cho ông bồn chồn luôn. Ngọn lửa đó khi nhóm mạnh, khi bạc nhược, nhưng không bao giờ tắt hẳn. Nó làm cho ông khi lười biếng, khi bị kích thích luôn luôn. Như thế, đời ông, ông làm việc gì cũng dang dở cả... Năm 46 tuổi hãy cẩn thận. Có một khúc quẹo xuôi xẻo cho sinh mệnh."

Thật tình Marlène nhận thấy về tâm lý của Yvon, mụ thầy bói nói khá đúng. Nhưng khi chiếc xe của Yvon rời khỏi làng Saint Julien là hai vợ chồng đều quên ngay mọi chuyện đã xảy ra từ sáng cho tới giờ. Họ đến bãi khỏa thân tắm nắng và tắm nước sông Seine. Nước mát tuyệt vời, nhưng có mùi rong rêu. Lũ cá hương còn đang lứa ròng ròng bơi lội từng đàn gần mé cát sáng lấp lánh. Tiết trời nóng nhưng thật khô, vừa ở dưới nước chui lên chừng một phút sau là mình mẩy đã khô rồi.

Chính nơi đây, cặp Dubeauchamp gặp lại cặp Delaunay và Kim Cúc. Cô gái khỏa thân trong ánh nắng vàng óng, giữa vùng cỏ mượt và cây bạch dương đơm lá bóng nõn mới đẹp làm sao! Cái đẹp đó không phải đập vào mắt người đối diện để rồi bị quên lãng ngay. Cái đẹp đó đòi hỏi một chiêu cảm bén nhạy, đặc biệt, thật chậm và thật dịu dàng. Từ lâu, Yvon hầu như không còn tìm thấy chút kích thích rất nữ tính của vợ. Và chỉ nghĩ tới cái đẹp tràn đầy nam tính của người đàn ông, chàng có cảm tưởng mất mình bị ánh sáng hỗn xược ùa vào. Chàng thường mơ ước ôm trong tay nhân dáng một cô gái có vẻ đẹp con trai. Thuở nào, chàng hằng chiêm ngưỡng vẻ đẹp của Audrey Hepburn, hay của Leslie Caron khi họ mặc áo lòi nách, quần jean, tóc hớt demi garcon để nhìn họ leo trèo, liếng thoắng. Và gần đây, cái vẻ mặt ngây thơ, ngố ngáo, cái vai ngang, cái xương chậu hẹp của công chúa Stephanie de Monaco đã đốt lên não cân, thân xác chàng một ngọn lửa bừng sống dị kỳ.

Sao mình quá rắc rối, cứ tìm những cái gay go, hiếm quý? Vâng, vào lứa tuổi bốn mươi, Yvon không còn thích làm tình với trai tơ nữa. Chàng cũng không thích làm tình với những mẫu người đàn bà như vợ chàng. Chàng đã thấy Kim Cúc như được kết tinh những mơ ước của chàng.Ô, nhìn phía sau, thì đây là cậu con trai tân, nhìn phía trước, đây là cô bé vừa dậy thì...

Tối hôm đó, sau khi cơm nước xong, Yvon vào phòng sớm, bảo rằng mình cần nghỉ ngơi. Chàng nằm trong bóng tối chập chờn trộn lẫn ánh trăng từ ngoài khung cửa chiếu vào. Vào khoảng 10 giờ tối, trăng càng lên cao, càng sáng mát. Yvon có vẻ bất an. Ánh trăng dịu dàng, nhưng mượt như thế lại kích thích chàng vì ánh trăng đưa thần trí chàng vùng vẫy trong muôn ngàn giấc mơ hổn độn được khơi dậy bởi hình ảnh cô gái Á Châu từ lúc buổi xế ngày hôm nay. Ồ, chàng như chợt thấy giữa vũng trăng xanh huyền hoặc có một vùng nước biển xanh lơ lơ, có những cô gái thân thể nhỏ nhắn, mông gọn và xinh, có những cậu trai thân thể tươi non, mảnh dẻ bơi lội tung tăng như những con cá trong vùng biển cổ tích, thần tiên nào. Và khuôn mặt họ ráp lại thành khuôn mặt Kim Cúc, thân thể họ trộn vào nhau thành thân hình Kim Cúc, biểu tượng của một cái đẹp *unisex*, vừa có vẻ con trai, vừa có vẻ con gái, tươi non như búp cây mùa xuân và mới tinh khôi như một giòng sữa vừa mới vắt.

Với niềm hứng thú mới. Yvon cất tiếng hát vang bài "*Berceuse*" của Mozart đã từng được Jack Lantier hát. Bao giờ cũng vậy, chàng rất ưa đoạn dẫn nhập của bài hát nầy mà giàn nhạc của Michel Villard hòa âm và trình tấu thật đẹp tuyệt vời. Qua giọng hát của chính mình, chàng mới hiểu vì sao chàng yêu thích tiếng hát của Jack Lantier, một giọng hát có lối nhấn vuốt thật nũng nịu, có những nét láy thật mềm mại, tình tứ. Tiếng hát *unisex* là đó!

Tối hôm đó, Marlène ngạc nhiên vì được chồng yêu một cách nồng mặn và vồ vập. Khi tan cuộc, nàng bứt rứt đặt nhiều giả thuyết về cuộc ân ái vừa qua. Có phải chồng nàng giao hoan cùng nàng đâu? Chàng đang giao hoan với cái hình ảnh nào trong niềm mơ ước của chàng. Chàng có vẻ khởi hứng vì một dự định nào đó, và chàng đã làm tình cùng dự định đó. Niềm tự ái của nàng tổn thương. Song quá yêu chồng, Marlène nghĩ rằng từ lâu, Yvon đâu có dịp nào bừng sống với niềm háo hức nồng nàn như thế. Bao năm qua, chàng thả trôi vào nhịp sống chán ngán uể oải, lười lĩnh. Sống như thế có khác nào sống trong cõi chết. Nàng đâu thể

ích kỷ mà không tôn trọng niềm háo hức kia. Được thấy chàng vui, thấy chàng ham sống, thì dù nàng có thiệt thòi đôi chút cũng vẫn là điều hay đấy chứ.

Nghĩ thế, Marlène lần mò ngồi dậy, tìm gói thuốc lá, đốt một điếu và đến khung cửa sổ vừa hút thuốc vừa nghĩ ngợi. Nàng cám ơn Tạo Hóa không cho phép con người đọc rõ những tư tưởng ở đầu óc tha nhân. Con người đọc rõ mồn một tư tưởng của nhau thì cuộc đời đâu còn đẹp nữa. Cái đẹp còn tồn tại chăng là nó còn ở trong cái bí mật thăm thẳm và trong cái huyền ảo chập chờn. Con người đau khổ là tại họ ưa xét nét tư tưởng kẻ khác, ưa đào xới đầu óc và việc làm kẻ khác để lục lọi từng giấc mơ thầm kín, từng ý đồ đen sâu.

*
* *

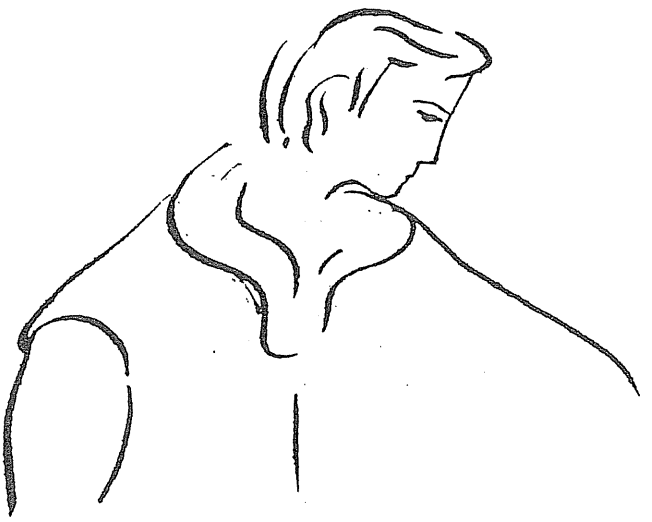

Yvon tìm Kim Cúc khi nàng dọn về khu nhà sơn nâu đỏ ở khu Pont de Sainte Marie. Tại đây, chàng tiếp xúc với nhiều kiều bào Việt Nam. Chàng có thể giúp đỡ họ giải quyết vấn đề giấy tờ, được họ mời ăn uống, mời tham gia các lễ lạc tập thể do họ tổ chức.

Kim Cúc đã ngã vào vòng tay chàng trong một cuộc đi chơi trong rừng cây ven quốc lộ 79. Rừng có chỗ nuôi ong. Cả hai, tay cầm tay đi vào giữa vùng đầy cây sơn lê hoa trắng, cây sơn mai hoa cũng trắng. Chỉ khi quẹo vào con đường lầy lội đất màu sô-cô-la dẻo quẹo vì trận mưa đêm trước, Yvon mới cầm tay nàng. Đôi mắt cô gái thật *expressifs*, diễn tả thật lộ liễu sự sôi nổi ở nội tâm cô nên sáng kỳ dị. Và từ trong người Kim Cúc mùi thơm man mác, và thanh thoát tỏa ra. Từ lâu, chàng quen mùi da thịt của Marlène, và chàng đồng hóa mùi nàng vào mùi chàng, mùi của những kẻ ăn nhiều thịt, bơ, phó mát, kem tươi. Thường Marlène ưa xức nước hoa loại essence, hiện Chanel số 5. Còn chàng thì sau khi cạo râu vẫn xức loại lotion hiệu Brut 33 (loại xức ở cằm) và sau khi tắm xong chàng cũng dùng hiệu này (loại xức ở trên người). Đôi khi chàng xức Eau de Vetyver do hảng Yves Rocher bào chế... Nhưng dù cả hai có đánh lạc khứu giác bằng thứ mùi ngoại khoa qua hình thức hương liệu gì gì đi nữa thì giữa cuộc ái ân, cái mùi riêng biệt của cả hai vẫn biểu lộ. Nhưng mùi da thịt mới đặc biệt làm sao! Yvon tưởng chừng nàng là thứ bông hoa ưa hớp thanh khí của vũ trụ để nhủ ra chất bài tiết tinh anh -- chàng mỉm cười tự chế nhạo mình quá dùng cam ngôn mỹ từ để làm cách so sánh đao to búa lớn nầy -- và mùi đó nhẹ mà thấm sâu, sau cái cái hôn hay sau cuộc ân ái vẫn còn lỡn vỡn trong ấn tượng và ký ức chàng thật bền bỉ...

Khi Yvon xáp lại gần nàng, lúc nàng đứng tựa vào thân cây sồi già bên lạch nước trong, chàng đã choáng ngợp bởi mùi da thịt của nàng. Chàng nâng khuôn mặt nàng lên, soi hình ảnh mình trong đáy mắt huyền ngọc của nàng. Chàng hôn lên cặp môi của nàng vừa chớm lấy lại màu hồng dịu, sau khi bịnh sốt rét được trị tuyệt gốc... Hơi thở của nàng mới thơm mát làm sao! Khi hai cặp môi rời nhau, Yvon hỏi:

"Anh thích hơi thở và mùi da thịt của em."

Kim Cúc mỉm cười:

"Có lẽ tại em ăn chay suốt hai tháng rồi... Em van vái Đức Quán Thế Âm cho chuyến vượt biên của bà chị ruột và cậu em trai của em thành công. Tuần qua, em được tin cả hai đã đến Indonésia. Em phải ăn chay thêm hai tháng nữa để tạ ơn Đức Quán Thế Âm.

Marlène thừa biết Yvon có một cuộc phiêu lưu tình ái ngoài tầm mắt của nàng. Nhưng nàng không ghen vì những khi đi chơi về chàng có vẻ bừng sống hơn, lạc quan hơn. Giọng nói của chàng có vẻ háo hức, nồng nhiệt hơn. Chàng lại có nhiều dự định về công việc viết lách sắp tới... Nàng, đôi lúc nghĩ rằng, vì quá yêu chồng, thái độ phớt lờ của mình phải chăng là niềm thông cảm sâu xa? Hay đó chỉ là chọn lựa hy sinh, nhẫn nhục! Nhưng xét cho cùng, Marlène có thiệt thòi gì đâu? Ái ân vốn đồi dào, việc gối chăn vẫn nồng đượm. Và hơn thế nữa, niềm yêu đời ở chàng như lây qua nàng. Yvon bắt đầu chơi thể dục ở Squash Open, ham thú đi bơi. Đều đều, mỗi tối, sau khi cơm nước xong, chàng vào phòng đọc sách, viết nhật ký suốt hai hoặc ba tiếng đồng hồ. Những dòng chữ của chàng không đều nét, có vẻ ríu rít, reo vui. Có lẽ những cảm hứng của chàng tràn ngập,cuống quít trào trên ngòi bút nên Yvon mới ghi nhận một cách hối hả như thế. Những dòng chữ được viết bằng đủ thứ màu mực, trên đủ thứ màu giấy *pelure*... ghi những dòng cảm nghĩ tươi sáng về cuộc sống hiện tại của chàng... Từ lâu, ít khi Marlène được đọc một quyển tiểu thuyết lạc quan. Dường như các tác giả cận đại lẫn các tác giả hiện đại ưa bi thảm hóa cuộc đời nếu không trù ẻo cuộc đời. Hiếm có một quyển sách thấm nhuần chất ngọt ngào của đời sống như cuốn *"Người Tình Của*

Phu Nhân Chatterley" của D.H. Lawrence... Marlène rất tán dương những cuộc tìm kiếm hạnh phúc của bất cứ nhân vật nào trong các tác phẩm văn chương. Hạnh phúc thì lúc nào cũng có, chỉ tại thế nhân không nhận diện được một trong trăm nghìn bộ mặt của nó mà thôi. Mọi người đều nhận lầm khoái lạc, tưởng đó là hạnh phúc. Khoái lạc đến ta đã khó khăn, mà lại tàn rất mau. Nắm bắt được hạnh phúc là do ở sự thành tâm của ta, ở sự sáng suốt bình lặng ở ta... Con người nhiều suy tư, nhiều thành kiến, nhiều đam mê làm sao tìm được hạnh phúc?

Trong căn phòng đọc sách tĩnh mịch tối nay, Yvon bắt đầu viết quyển truyện dài thứ hai. Chàng trước hết vẽ lên tờ giấy dáng vóc một cô gái đẹp như con trai mặc chiếc quần cụt trắng, áo T-shirt sọc ngang. Cô gái chỉ có mái tóc demi garcon nhưng không có mất mủi, miệng. Vóc dáng cô gái trong hình vẽ có cái vai hơi xuôi của cô gái Âu Châu. Chàng vẽ xong ngắm hình vẽ, nhưng không viết chữ nào. Yvon không dám vẽ mặt mủi, miệng của Kim Cúc. Chàng sợ Marlène buồn phiền. Từ khi tìm được đối tượng đam mê ở Kim Cúc, đã được nàng yêu, chàng sống lại một mùa xuân thứ hai, cái thuở chàng có nhiều mối tình, con gái lẫn con trai, mối tình nào cũng nồng đượm đam mê thành khẩn. Dĩ nhiên, chàng vẫn yêu thắm thiết vợ nhà. Nhưng khi ôm nàng trong vòng tay, nhìn vào khuôn mặt bôi rửa hết phấn son của nàng, nhìn thân thể trần trụi dù có những nét xô lệch vì tuổi tác nhưng vẫn đẹp và thon gọn của nàng, Yvon đã thấy qua những đường nét tạo hình và biểu kiến kia một cái gì đó, khó giải thích khiến chàng thương mến vợ lạ lùng. Chàng yêu đương nàng nhẩn nha, gượng nhẹ, tha thiết như mơn trớn niềm hạnh phúc có sẵn trong tay, dù không đam mê sôi nổi, nhưng cũng có những kích thích, đằm thắm, dạt dào. Qua sự giao cảm, Yvon thừa biết là vợ chàng đã biết chàng ngoại tình, nhưng nàng thông cảm phớt lờ. Và tuyệt vời hơn nữa, Yvon thừa hiểu Marlène không có gắng nén tự ái, tủi nhục để chấp nhận sự dan díu lén lút đó. Nàng vẫn sống hạnh phúc bên chàng, yêu đương và tin cậy chàng.

Đêm nay, nhìn khuôn mặt trống huếch hoác của hình vẽ, Yvon không thể viết thoải mái và suông sẻ được. Máy đánh chữ nằm im lìm. Chàng hạ chao đèn để cho khoảng tối mờ thêm rộng. Chàng nhìn sâu vào tâm trạng, tâm cảnh của mình. Ôi, chàng bừng sống, chàng phục sinh. Có phải vì Kim Cúc là đối tượng đam mê của mình hay chăng? Trong đáy sâu thẳm và huyền bí của tâm tư chàng, một tiếng nói chân thực vọng ra: Không hẳn thế đâu. Kim Cúc chỉ là chất xúc tác để tâm tư chàng nhào trộn với nhịp đập trái tim vĩ đại của cuộc đời. Giờ đây, chàng yêu tất cả cuộc sống yêu những cô tình nương, những cậu tình nhân của thời dĩ vãng, yêu Marlène và Kim Cúc trong hiện đại, yêu văn chương qua ba thời dĩ vãng, hiện tại và tương lai. Nhưng mà kỳ diệu làm sao! Yvon không hề hối tiếc hoặc quá nâng niu với dĩ vãng. Chàng không náo nức, bồn chồn với viễn ảnh, tương lai. Chàng tha thiết với hiện tại hơn.

Hội UNESCO có phối hợp với Hội Ái Hữu Việt Kiều vùng Champagne tổ chức *Tuần lễ Việt Nam* có mục triển lãm các họa phẩm, các ảnh chụp của nghệ sĩ Việt Nam, có trưng bày đồ cổ ngoạn, các món nhạc khí cổ truyền Việt Nam, có màn trình diễn y phục phụ nữ Việt Nam từ Bắc xuống Trung, Nam và qua các thời đại. Sau đó là bữa tiệc thết đãi cho người Việt lẫn người Pháp gồm có các món ăn Việt Nam. Người Việt nào, người Pháp nào chỉ cần đóng 150 quan là có thể vừa ăn vừa xem màn trình diễn áo dài Việt Nam và các màn văn nghệ do nhóm sinh viên vùng Orsay (thành phố ngoại ô phía Nam của Paris) đảm nhiệm. Kỳ trình diễn áo dài lần đầu không có Kim Cúc. Nhưng kỳ nầy, nàng mặc áo dài của phụ nữ Nam Kỳ vào thập niên 30, áo không có nhấn eo, chít *beng* gì cả. Nàng đội tóc giả dài ngoằn để nàng có thể bới cái bí bo sau ót. Nàng đeo những kiểu nữ trang thô lậu: kiềng trơn, xuyến, vòng cẩm thạch. Nàng tay xách bóp đầm, tay xách dù. Khi ra sân khấu, nàng bước dịu nhẹ theo tiếng nhạc mềm mại, và khi đến giữa sân khấu, nàng giương dù ra, xoay một vòng. Nàng được vỗ tay tán thưởng nhiều nhất.

Rồi đó, đến màn vũ, nàng đóng vai cô gái quê miền Bắc, thắt dây lưng thiên lý, ỏn ẻn, ve vãn chàng thư sinh thi rớt về làng. Nàng xử dụng, phe phẩy dãi thắt lưng khéo quá, trông như bướm lượn, mặt nàng diễn tả nét lẳng lơ thật tuyệt vời. Marlène vỗ tay dòn dã và nồng nhiệt để tán thưởng Kim Cúc, mặt nàng như lây vẻ lạc quan và rạng rỡ của Kim Cúc khi Kim Cúc thao túng trên sân khấu:

Tối hôm đó, Marlène thỏ thẻ bảo chồng:

"Em sẽ cầm cọ trở lại."

Số là, Marlène sau khi thi Tú Tài xong, có ghi tên ở trường Mỹ Thuật tỉnh nhà. Nhưng nàng chỉ học hai năm, rồi thi vào trường đào luyện các nhân viên thư viện. Tuy nhiên, nàng vẫn vẽ tranh than chì. Đề tài của nàng là những mái nhà, những con đường. Nàng vẽ chấm phá bằng những nét chính để người thưởng ngoạn đoán già đoán non hoặc tưởng tượng thêm những nét chưa thể hiện trên tranh. Do sự khuyến khích của vợ bác sĩ Đoàn Thịnh, nàng đã dự vài kỳ triển lãm ở Bourse du Travail. Nàng rất thích gia đình của đôi uyên ương chồng Việt, vợ Đan Mạch nầy. Bà Ingrid Đoàn cũng là một họa sĩ mà dân tỉnh cho rằng bà vừa đẹp vừa cao sang thanh thoát nhất trong các phụ nữ trưởng giả và trí thức ở tỉnh Troyes. Trước đó, năm nào bà cũng dự cuộc triển lãm tổ chức tại tỉnh Reims hoặc tại tỉnh Troyes đều thuộc vùng Champagne. Nhưng hai năm sau cùng này, bà trở thành giám khảo trong việc chấm giải.

Khi nghe vợ muốn cầm cọ trở lại, Yvon bảo:

"Còn anh, anh cũng sẽ cầm bút lại. Nhưng không dễ đâu nhé."

Marlène cầm tay chồng áp lên

ngực mình, nhìn sâu vào mắt chồng. Trong đáy mắt xám, trong vắt và thăm thẳm của Yvon lóe lên một ngọn lửa tươi sáng và đắm đuối kỳ dị. Nàng, qua một trực cảm, biết chồng sẽ vượt qua bức tường vô hình để nắm bắt lại cảm hứng để trải cảm hứng lên trang giấy. Có thể lúc đầu, chàng sẽ quay mòng với trùm dòng cảm hứng, ý tưởng nên cách diễn tả sẽ không trơn tru, suông sẻ.... Nhưng chàng sẽ quen lại công việc vì chàng đang phục sinh, đang ham sống, đang mơn trớn, nhấm nháp từng giây từng phút cái ý vị của đời sống ngọt mật ngát hương.

Marlène nói vắn tắt:

"Anh viết lại là em mừng. Em yêu anh lắm!"

Yvon cũng bảo:

"Anh cũng thế, anh yêu em. Em vẽ lại làm anh có cảm tưởng mình trở lại 10 năm về trước."

Dù không thú nhận, nhưng cả hai đều ngầm bảo nhau cả hai đang sống chuỗi ngày thiếu sinh khí lẫn sinh thú.

Cũng như chàng, Marlène vẽ lại với tâm hồn thiếu rung động chân thành, bằng sự gượng gạo do ảnh hưởng chuỗi ngày tẻ lạnh đã qua còn dội lại, mà ác nghiệt thay, dội thật sâu.

Tuy nhiên, trước hôm đầu của Tuần Lễ Việt Nam, bà Ingrid Đoàn có mời Marlène làm giám khảo chấm hình vẽ của các học sinh toàn trường tiểu học tỉnh Troyes. Đề tài là "Con Rồng dễ thương" cho các em. Hơn năm trăm bức hình vẽ dự thi. Trung tâm chấm điểm vẫn là sảnh đường trên tầng lầu hai của Bourse du Travail. Trong số mười lăm vị giám khảo đã có bốn người Việt Nam: ông chủ tịch Hội Ái Hữu Kiều bào Việt Nam tại tỉnh Troyes, hai nhà họa sĩ Việt Nam, một nhà thơ Việt Nam. Kim Cúc tháp tùng ông chủ tịch Hội Ái Hữu cũng đến tầng hai. Nàng chuẩn bị bánh, nước giải khát thết đãi ông Thị trưởng, cô ký giả tờ nhật báo Est Eclair, cô ký giả tờ nhật báo Libération Champagne và toàn ban giám khảo trong đó có cặp vợ chồng Yvon Dubeauchamp và ông chủ tịch hội UNESCO.

Trẻ em người Pháp vẽ con rồng mình rắn cánh dơi. Trẻ em gốc Á Châu vẽ con rồng theo kiểu rồng thần thoại Trung Hoa, nhưng vì vẽ không khéo nên rồng đa số mình giống mình con trăn, đầu giống đầu con-không-tên, chó không ra chó, mèo không ra mèo. Yvon chợt thấy tấm hình một con rồng Tây phương đang gồng mình nâng chiếc tàu dân tị nạn trên biển cả nổi sóng, liền bảo vợ:

"Đây chắc có người lớn "gà" cho tác giả. Tác giả nầy chắc là trẻ con trong gia đình dân tị nạn Đông dương. Nhưng sao đương sự lại vẽ con rồng Tây phương?"

Kim Cúc lúc đó đứng gần Marlène, mặt nàng đỏ bừng như đóa hoa mẫu đơn, nhưng ánh mắt và nụ cười thật tinh nghịch. Nàng bảo:

"Chắc hẳn tác giả bức tranh nầy nghĩ rằng chỉ có những chiếc tàu người Tây phương mới cứu được dân tị nạn Đông Dương trên biển cả. Con rồng này tượng trưng cho tàu của người Tây phương."

Marlène bảo:

"Vậy thì đây là đề tài hay. Nhưng đã có người lớn "gà" cho tác giả, bức tranh nầy bị loại đợt sơ khảo."

Kim Cúc cười cười, mặt vẫn đỏ bừng bừng. Tối màn dùng cocktail nàng rỉ tai Yvon:

"Em ngu quá! Bức tranh đó do em gà cho một cậu bé Việt Nam ở trường tiểu học khu Chartreux."

Cuộc chấm thi cho Yvon nhận thấy một khía cạnh vụng về, trống trải nhưng khá thơ mộng ở Kim Cúc. Nhưng nó đem lại cho Marlène những rung cảm man mác khi nàng săm soi 20 giải khuyến khích, trong đó có tám tấm tranh của các em bé Việt Nam, Lào và Cao Miên. Dù các em vẽ con rồng chẳng ra rồng, vẽ cây thốt nốt giống như một chùm rong, cây đa phảng phất cây sồi, mái tranh, cây rơm, cái lu có gáo dừa gác trên miệng bằng những nét tô đậm cộc cằn nhưng nàng bất gặp một nỗi xúc động thấm thía khi mường tượng đến tuổi thơ của trẻ em sinh từ một xứ sở nghèo đói, chậm tiến, đè nén bởi bạo quyền.

Cùng với nỗi xúc động ấy,

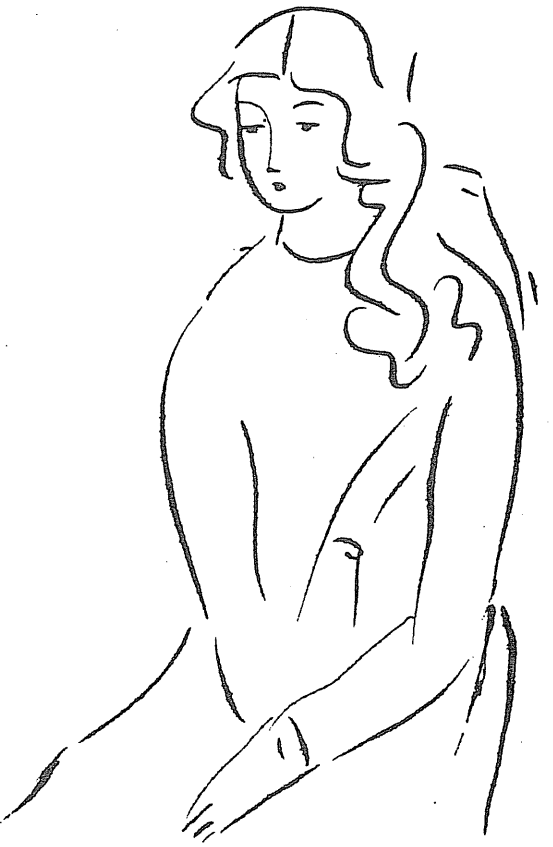

Marlène nhờ Kim Cúc đưa nàng đến khu Point du Jour và khu nhà đỏ tại Port Sainte Marie để tiếp xúc với cái xã hội nho nhỏ của người Việt Nam. Nàng lúc đầu hơi nhợn khi thấy những con đường xẻ ngang xẻ dọc trong khu cư xá bẩn thỉu, đầy dẫy bọn trẻ da đen, bọn trẻ Á rập, bọn trẻ Á Châu xấc láo chạy giỡn ầm ĩ. Các dãy chung cư với cái mặt tiền lem luốt, những cầu thang tối om, bốc mùi lạ lẫm, những lồng thang máy khai ngấy mùi nước tiểu. Nhưng mà, khi đi suốt dãy hành lang có soi bởi ánh đèn vàng ẻo để chui vào nhà người Việt Nam nào đó, nàng chợt thấy ấm áp, thảnh thơi ngay. Gia chủ và bà vợ lịch sự, hiếu khách đặc biệt. Nàng được ngắm cách trang trí Á đông ở living room với vài bức tranh tàu, với vài món cổ ngoạn Trung hoa, Nhật bản; những món ngoạn khí bằng đồng, bằng cây hoặc bằng đất nung của người Ấn Độ hay của người Việt Nam. Marlène thường đến thăm những gia chủ nói được tiếng Pháp; tuy nhiên, mỗi khi Kim Cúc rủ nàng đến viếng các gia đình thợ thuyền Việt Nam nàng vẫn thấy thích thú tuyệt vời. Lớp người bình dân Á Châu hiếu khách, tử tế với người bản xứ. Khi nàng đến, cả nhà quây quần bên nàng, cầm cọng nàng dùng cơm và trong lúc trò chuyện, họ bày những món nhắm thật ngon, thật *raffiné* cho khách. Trong dịp lễ Tết, nàng đến viếng các gia đình chuộng truyền thống, tập tục để được ngắm gia chủ, vợ và các con họ, trai cũng như gái, tất cả mặc áo gấm đỏ hoặc xanh, thêu mặt tròn bằng chỉ bạc. Và khi dùng bữa với họ, nàng có thể nghe tiếng từ băng nhạc vẳng lên, tiếng đàn mười sáu dây ngọt và sáng như tiếng suối reo, như tràn ngập living room. Và đẹp đẽ làm sao cảnh các phụ nữ Việt Nam chơi bài trong dịp lễ cổ truyền đó. Họ ngồi với một tư thế đặc biệt trên chiếc chiếu vẽ con rồng Á châu và con phụng hoàng Á châu, chân trái xếp về phía trước, chân mặt cũng xếp, nhưng bàn chân lại hướng về phía sau. Những lá bài của họ mặt sau thì màu gạch mặt trước có màu trắng, màu xanh lục, màu đỏ, màu vàng, vẽ chữ Hán màu đen. Các bà chơi bài sau khi được chia bài, cầm bài lên tay trái và với các ngón bàn tay mặt, họ xòe bài hình cánh quạt tròn xinh... Marlène nhất quyết phải vẽ bức tranh chơi bài này. Trông nó thân mật làm sao! Nhất là chiếu bạc được trải bên bức bình phòng sơn mài và bên cạnh tủ chè có một cái độc bình to cắm hoa foroythia vàng đặt trên đầu tủ. Cũng thế, các phụ nữ cũng ngồi theo tư thế đó khi họ dùng bữa chung quanh mâm cơm được đặt trên chiếc chiếu trải trên sàn nhà, trong khi đó đàn ông ngồi ăn với hai chân xếp theo kiểu ngồi hoa sen của các Thiền giả, nhưng hai chân họ không xếp quá chặt. Bữa cơm như thế cũng là đề tài hội họa cho Marlène. Và nàng đã tìm nhiều đề tài ở cô gái Việt Nam mặc áo dài, đốt lò trầm chơi đàn thập lục, ở màn trình diễn vũ khúc của cô gái Lào, của cô gái Miên, chân họ khép nép, nhưng đôi tay họ xử dụng mềm mại và dẻo như con rắn trườn mình. Marlène thầm nghĩ rằng nàng sẽ vẽ những hoạt cảnh đó, nhưng với nhận xét và nhãn quan của một phụ nữ Âu Châu. Tuy nhiên nàng không muốn cái nhận xét của mình quá khách quan để cho bức tranh thiếu phần truyền cảm. Nàng muốn chia xẻ từng dân tộc của người tị nạn để bức tranh lồ lộ vẻ cảm thông hơn.

*
* *

Yvon tái sinh ở một cuộc ngoại tình. Marlène tái sinh ở niềm thông cảm và ở một quan niệm tìm kiếm hạnh phúc cao thượng. Yvon viết về những xã hội nho nhỏ của dân tị nạn vùng Champagne cũng như Marlène chọn đề tài hội họa về nếp sống của họ. Và Kim Cúc giúp họ rất nhiều về vấn đề giao tiếp. Nàng sắp xếp cho họ nhiều cuộc hội kiến bổ ích.

Trong cuộc ngoại tình, qua Kim Cúc, Yvon biết rung động với cái quá khứ bất hạnh của dân tị nạn. Chàng trút lòng xót xa lên chủng tộc họ quằn quại sau bức màn tre. Kim Cúc dần dà không còn là đối tượng đam mê của chàng nữa. Những góc cạnh khích dục ở nàng dần phai đi và ở nàng, chàng chợt bắt gặp những thông điệp nhắn gửi từ những xứ sở kém may mắn, bị đè nặng dưới ách bạo quyền... Và kỳ diệu làm sao, chàng đã bắt gặp ở vợ mình cái căn bản cao thượng, gặp dịp thuận tiện biểu lộ với tất cả vẻ đẹp sung mãn, như một cây cảnh bén phân, như một bông hoa thấm đượm sương móc. Dần dà, Yvon nhận thấy Marlène thành một mẫu người mới. Vóc mình nàng vẫn mảnh dẻ, tuy nhiên da nàng dầy và khô để rồi sẽ nhăn nheo theo tuổi tác, mặt nàng vẫn in dấu vết thời gian. Nhưng kỳ lạ, từ trong khóe mắt nụ cười của nàng, từ vầng trán và thần sắc nàng, một thứ ánh sáng kỳ diệu tỏa ra để chàng tắm mát, để chàng có cảm giác được nghỉ ngơi tìm lại sinh lực sau những giờ phút lăn xả vào công việc. Ân ái cùng nàng, Yvon có cảm tưởng mình nhập vào nàng và ngoài việc tìm gặp hoan lạc, chàng còn được sống trong một bầu cảnh giới lạ lẫm, kỳ diệu.

Ngay từ đầu cuộc ngoại tình, Yvon thừa biết mình bừng sống, mình tìm một thiên đường cảm giác. Nhưng chàng cũng thừa biết mình vẫn yêu vợ và không thể xa vợ dẫu một ngày đi nữa. Tình yêu của chàng đối với vợ có cả một quá khứ đầy ắp kỷ niệm đẹp. Cả hai như có keo sơn để dán chặt vào nhau, bóc rời ra là cả hai sẽ bị tổn thương, hư hoại. Giờ đây, Yvon gặp vợ lột xác thành một mẩu người mới với cái đẹp từ cuộc sống bên trong chiếu ra, chàng cảm thấy nàng như bắt đầu sống một cuộc sống thứ hai, say đắm nhất bên chàng.

Nhưng, Yvon không dè chàng cũng đã thành một mẩu người mới để sống thấm đượm nhất, hòa điệu nhất vào cuộc sống thứ hai ấy. Chàng đã nghiêng tấm lòng nhân ái vào những kẻ tị nạn, biết rung động theo cái rung động của họ và chàng tìm vui vào các công việc giúp đỡ họ, tham dự vào các hoạt động của họ. Yvon đã gặp lại cái con người căn bản của vợ qua dân tị nạn, cả hai có những điểm

chung ở tấm lòng nhân đạo thiên bẩm mà Kim Cúc vô tình đã khơi dậy.

Những buổi tối, nếu không đi thăm viếng bạn bè dị chủng, Yvon ngồi vào bàn viết. Tám ngón tay chàng gõ thoăn thoắt vào máy đánh chữ. Mạch sáng tác của chàng như một dòng suối trôi phăng phăng. Trong căn bếp, Marlène đang chùi rửa bát đĩa, soong chảo, lắng tai nghe tiếng gõ máy dồn dã của chồng. Nàng mỉm cười, cảm thấy tự hào vì nàng đã quay mặt không nhìn vào khía cạnh riêng tư của Yvon để cho chàng tìm lại ngoài cái sinh thú tuổi trẻ đã mất, sự say đắm nhục cảm bên cạnh cô gái Á châu từ xa tới tỉnh Troyes này sinh sống. Từ cuộc ngoại tình, chồng nàng đã bắt gặp được một điều kỳ diệu để khơi dậy tình nhân loại có sẵn trong góc kín tối tăm nhất của tâm hồn chàng và niềm yêu đời của chàng từ thuở thanh xuân. Thật ra, nàng không thể thương yêu Kim Cúc như thương yêu một cô em gái hay thương yêu một người bạn. Nàng chỉ thông cảm mối tình giữa chồng nàng và Kim Cúc, thế thôi! Và nàng hiểu chắc chắn, nếu không có sự hiện diện Kim Cúc, nàng sẽ vĩnh viễn mất Yvon, như đã từng mất chàng bao năm qua. Nàng chấp nhận sự chia xẻ tình yêu của Yvon để khỏi sống bên cạnh chàng mà mỗi người có một tâm sự riêng, một giấc mộng riêng, để khỏi đau khổ qua bao ngày nhìn thấy chồng mình sống dật dờ như kẻ mộng du, mất hết sinh thú!

Tối hôm nay, trong căn bếp này, Marlène đun nước pha hiệp sâm thang cho chồng. Nàng lắng tai nghe chồng gõ máy đánh chữ, tiếng gõ sao mà tới tấp, cuống quít, hân hoan. Nàng nghĩ tới những ngón tay phong lưu, to mà mềm của chồng với những chiếc móng tươi hồng. Yvon như sợ ghi không kịp những ý nghĩ, cảm hứng của mình bắn vọt ra khỏi đầu óc nên những ngón tay chàng phải hoạt động bằng một vận tốc tối đa. Nàng nhìn về phía cabinet làm việc của chàng, mỉm cười âu yếm. Khi chàng kết thúc chương này, nàng nhất định bắt chàng đọc cho nàng nghe để nàng chia xẻ thú vị với chàng. Nàng pha cho chồng tách verveine bưng lên cho chàng và nhất quyết bước qua xưởng vẽ. Trời lạnh cắt ruột. Nàng mặc bộ đồ lót chống lạnh hiệu Damart trước khi khoác áo blouse để sẵn sàng ngồi trước giá vẽ. Và khi cầm cây cọ, Marlène chợt nghĩ tới một quyển tiểu luận của danh tài sân khấu Pháp là Jean Louis Barrault, nhan đề "*Saisir le Présent*" rằng ở góc nào đó của cuộc đời luôn có hồng ân của Thượng đế. Nhưng với Marlène, muốn bắt gặp cái hồng ân ấy thì tâm cảnh của người tìm kiếm phải như thế nào chứ, phải có một trạng thái như thế nào để khế hợp, tương ứng. Nàng không tin rằng kẻ có tâm địa hẹp hòi có thể thấy được cái hồng ân đó vì đôi mắt đương sự bị thành kiến, vị kỷ che mờ.

*

* *

Mùa xuân năm sau, vào cuộc triển lãm tại Bourse du Travail, Marlène cho triển lãm tám bức tranh sơn dầu lấy đề tài những xã hội rải rác của dân tị nạn Đông Dương trong vùng Champagne trong đó có tỉnh Troyes. Nàng vẽ những hoạt cảnh theo cái nhãn quan của nàng: hài hước nhẹ nhàng, nhưng sự trìu mến thiết tha luôn luôn nhuần thấm. Qua Kim Cúc, nàng dù không nắm bắt trọn vẹn trạng thái tinh thần (mentalité) của người Việt Nam, nhưng nàng hiểu nó khá nhiều, khá sâu. Tám đề tài: chơi bài tứ sắc, đánh đàn tranh, chiều cuối năm gói bánh chưng, đội sớ cầu vong linh cha mẹ ở chùa vào dịp lễ Vu Lan, múa dù kê của người Miên, cô gái Việt Nam chải tóc bằng lược bên cửa sổ, cô dâu chú rể lạy trước bàn thờ tổ tiên có cặp đèn sáp bà chủ nhà rót trà mời khách. Những đề tài đó đáng lẽ phải được vẽ trên tranh lụa, đằng nầy lại thể hiện ở tranh sơn dầu, nhưng Marlène đã học ở một họa sĩ Việt Nam sống ở Troyes về cấu trúc xương cốt, thân hình của người Á châu nên nàng vẽ tầm vóc, mặt mũi các cô gái Việt Nam đạt tới 70 phần trăm. Nhưng nhìn vào tranh của Marlène, người thưởng ngoạn Việt Nam cảm thấy ngờ ngợ làm sao ấy! Chính cái vụng, cái sai trên những bức tranh ấy, họ đã thấy ở tác giả sự cố gắng hòa đồng kỳ diệu. Ông chủ tịch Hội Ái Hữu Kiều bào Việt Nam ở vùng Champagne tổ chức một cuộc tiếp tân dành cho cặp Dubeauchamp, có mời luôn người đại diện của ông thị trưởng, ông chủ tịch hội UNESCO, ký giả báo Etat Eclair, ký giả báo Libération Champagne... Cũng trong dịp nầy một thương gia Việt Nam có tiệm bán thực phẩm Á châu gần tòa thị sảnh tặng cho Marlène một xấp lụa thiên thanh có thêu con chim công bằng ngân tuyến trộn kim tuyến. Ông ta còn hứa sẽ đưa nàng đến một tiệm may phụ nữ Việt Nam danh tiếng ở Paris quận 13 để may áo dài cho nàng.

Năm bức tranh được bán giá sáu ngàn đồng mỗi bức, Marlène Dubeauchamp tặng hết cho ủy ban con tàu Cap Anamur cứu người vượt biển tìm tự do.

Riêng Yvon đã kết thúc cuốn sách mà chàng viết miệt mài suốt nửa năm... Có nhiều bạn văn của chàng hứa giới thiệu chàng với một vài nhà xuất bản bậc trung ở Paris. Nhưng giữa cuộc tiếp tân tại hội trường Marcel Defrance tọa lạc ở giữa trung tâm khu La Chapelle Saint Luc, một khu ngoại ô tân lập của tỉnh Troyes này, chàng cảm thấy cuốn sách của mình có thể nối liền giữa mình với kiều bào Việt Nam, dân tộc của xứ sở mà cha chàng sinh cơ lập nghiệp, xứ sở đã tặng cho chàng biết bao kỷ niệm đẹp trong tuổi ấu thơ. Nhưng chàng xa cái xứ sở đó quá lâu, chàng làm sao nắm bắt được những biến cố dời đổi không ngừng trên xứ sở ấy? Yvon có nhờ một vài người Nam Kỳ hiện sống ở Troyes đọc bản thảo của chàng và nhờ họ giúp đỡ ý kiến để chàng thêm thắt, sửa chữa. Dù bản thảo đã được nhuận sắc nhiều lượt, nhưng Yvon biết chắc rằng nếu chàng có thể viết chính xác về miền Nam Việt Nam sau hiệp định Genève đi nữa, nhưng chàng không thể đi sâu vào trạng thái tinh thần người Miền Nam Việt Nam được. Chàng còn phải nghe nhiều chuyện kể của các thuyền nhân sống sót sau chuyến vượt biển, phải tìm dịp viếng Việt Nam,

thăm lại đồn điền cao su của cha chàng...

Hôm nay, trong phòng khánh tiết lảng vảng mùi chả rán, mùi thịt gà ướp sả của cái *buffet chaud* để cho khách dự ăn theo lối *self service,* một bà cụ già Việt Nam mặc tấm áo nhung đen đến ôm Marlène trong tay, nước mắt tuôn như mưa; cụ không nói được tiếng Pháp ngoài tiếng "Merci". Yvon rất hãnh diện về vợ của mình. Chàng yêu Việt nam là qua hình ảnh Kim Cúc, qua những ngày thơ ấu sống ở đồn điền cao su trên vùng Đất Đỏ phía đông bắc Saigon. Nhưng Marlène yêu trọn cả xứ Đông Dương đầy tai ương, đầy đau khổ lầm than là do trái tim nhân ái và nhất là do niềm thông cảm bén nhạy, sâu xa. Hai đức tánh quý báu đó đã trải trên từng họa phẩm của nàng, biến những nét sai, nét vụng thành ngọn lửa sưởi ấm lòng người thưởng ngoạn Việt nam.

Tuần lễ sau, cặp Dubeauchamp tiễn chân Kim Cúc ra ga. Kim Cúc đi lên Paris để liên lạc một hội thiện nguyện đến đảo Bidong giúp người tị nạn. Không, Kim Cúc không có cảm tưởng mình đã nhẹ trọng lượng trên đòn tình cảm của Yvon. Từ đầu cuộc, nàng thừa biết rằng sự hiện diện của nàng giữa cuộc đời của Yvon không phải là vô ích. Nàng đã hồi sinh được chàng nên mặc cảm phạm tội của nàng đối với Marlène cũng vơi đi.

Trước khi bước lên xe, Kim Cúc ôm Marlène siết chặt:

"Em cám ơn Marlène về quan niệm hồng ân của Thượng Đế hiện hữu ở mỗi góc xó của cuộc đời. Nhưng em là Phật tử, em nghĩ đến sự tương ứng giữa nội giới và ngoại cảnh. Cái nội giới đó thanh khiết, tốt lành thì ngoại cảnh cũng tốt theo. Thiên tai, hoạn nạn đối với tâm hồn ô nhiễm thì đáng sợ thật, nhưng đối với tâm hồn thanh khiết thì chẳng vào đâu.

Dù mất Kim Cúc sáng mọng nước mắt, nhưng sắc diện và nụ cười của nàng tươi thật là tươi, chói chan ánh sáng kỳ diệu.

HỒ TRƯỜNG AN

Tình Yêu

Chàng chuốc rượu cho *Tình Yêu*
Tình Yêu say ngất
Chàng bỏ đi
Chiếc ly buồn úp mặt
Hạt rượu trong đáy ly
Bốc hơi
Thành hạt nước mắt

Chàng dắt *Tình Yêu* lên đỉnh núi
Tình Yêu chóng mặt
Chàng chỉ xuống vực sâu
Trái tim trở về tàn phế

Chàng đựng *Tình Yêu* vào bát pha lê
Tình Yêu mong manh
Trong suốt
Chàng buông tay
Những mảnh pha lê nhuộm đỏ

Chàng buộc *Tình Yêu* vào cánh mây
Tình Yêu gặp bão
Trái tim tan thành lệ
Nhỏ xuống trần gian
Ngập lối về

Chàng gói *Tình Yêu* vào thơ tình
Tình Yêu thành thi sĩ
Chàng đọc thơ tình bên lò sưởi
Nửa mảnh tình cong
Dưới tàn tro

Chàng chở *Tình Yêu* qua sa mạc
Trái tim tự thiêu dưới mặt trời

TRẦN MỘNG TÚ
8/89

HUẾ TRONG TRÍ TƯỞNG CỦA MỘT NGƯỜI RA ĐI

HUỲNH LIỄU NGẠN

Cơn mưa rớt xuống trên hàng thông xa. Mùa này chắc Huế cũng đang mưa. Cơn mưa rả rích và da diết làm tôi thế nào cũng bước ra đường tìm một quán cà phê vào ngồi rồi nhìn mưa bay. Ở đây nơi tha phương này mỗi lần nhìn lại những kỹ niệm héo hắt đó. Huế vẫn có những hàng cây ướt lạnh và vẫn in như còn vết chân tôi đi qua cầu sớm mai. Huế mưa -- trên dòng sông Hương lấm tấm những hạt, mặt sông đục hơn để không còn thấy bóng mình chao nghiêng, thật tội nghiệp cho Huế.

Bây giờ đã xa -- tôi nhắc lại Huế trong tâm tưởng của một kẻ lưu lạc. Về một quán xép bên đường. Nơi đó chỉ một ánh mắt nhìn và em mỉm cười che nón, chừng đó cũng đủ thấy những thành quách trong Đại nội hiện lên mọi sắc màu hòa với tóc em dài làm nên bài thơ tình về Huế. Nơi có những chiều về bên tê Vỹ Dạ -- em đạp xe qua Cồn Hến ăn một ly chè trên căn gác làm bằng tre -- nhìn xa những hàng cau thẳng như vương thấu những áng mây trời bay qua. Thêm nữa những ánh trăng rằm như sà xuống bên bờ lau lách làm rạng rỡ linh hồn Huế những đêm chỉ vắng tiếng xào xạc của lá giống như một tiếng thở than buồn đứt ruột...

Bây giờ thì còn gì để nói, những đêm Thương Bạc dong thuyền lặng lờ trôi với ánh đèn dầu trong khoang tỏa mờ. Tiếng chèo bập bềnh, tiếng nước róc rách như hoài vọng một thời xa xưa. Một thời mà bây giờ trong tôi chỉ là một giọt sương loảng, đành mở đôi mắt lắng nghe một giọng hò khoan, hay một điệu Nam Ai, Nam Bình để mình còn rơi nước mắt cho Huế.

Ở đây đang mưa. Mưa đất khách cũng không khác chi mưa Huế, nhưng sao cơn mưa này nó lạc lỏng và bội bạc quá. Chỉ có Huế với cơn mưa rơi suốt ngày, thêm cái lạnh não nề đủ vừa để em choàng thêm cái khăn xám quanh cổ. Cái lạnh của Huế dịu dàng để vừa cho môi em mím lại xuýt xoa. Cái lạnh của Huế cũng da diết để vừa cho em run lập cập dễ thương. Cái lạnh của Huế cũng đủ vừa thiết tha để đưa em đến trường với đôi guốc như chim nhảy trên những hạt nước buổi sớm mai và hàng cây trĩu xuống bên kia đường Lê Lợi thật sầu.

Ngày tôi bỏ Huế ra đi. Huế đã có một dáng dấp úa tàn không thể gợi lại được một hình thể nguyên vẹn nào cả. Nó nứt rạn từng nơi. Khi tôi qua đường Duy Tân. Ở đó có trường Văn Khoa đã đóng cửa. Ngôi trường thật xinh như linh hồn của Huế, nằm chết bên cầu Trường Tiền, bên bờ sông Hương. Tội ngồi xuống nơi bực thềm thật vắng vẻ của một ngày tàn. Nghe như đâu đây có tiếng sáo miệng của một mùa nhập học. Thôi thì đành đi để còn giữ một cái gì đẹp để cho Huế. Dù dòng sông đã bị vẩn đục, thì con sông Hương trong lòng tôi vẫn còn chảy dịu dàng nhưng mạnh mẽ. Hai bên bờ những hàng phượng vỹ vẫn xanh xao chịu đựng cho một ngày mai. Hỡi em! Bún bò bây giờ chắc cay đắng hơn xưa, em có cắn dùm anh thêm vài miếng ớt đỏ để nuốt nỗi nghiệt ngã cùng anh. Bởi ở chốn lạ này anh vẫn còn có Huế trong từng bước đi, trong từng ý nghĩ. Dĩ vãng về Huế vẫn hiền hòa như đôi mắt em. Làm sao anh quên mỗi lần bước qua cửa Thượng Tứ nơi đã bị đổ sập và nứt rạn. Anh bước qua, chứng tích của một mùa Xuân như tội ác rõ ràng. Làm sao anh quên mỗi khuya đưa em về gặp cơn mưa đành trú chân nơi đó. Tóc em bây giờ chắc đã ngắn xuống với thân phận câm nín lạc loài. Sao như ngày nào em biết nói những lời nồng nàn của một mùa Thu đến bây giờ chắc đành phải câm lặng như Huế đã chịu đựng. Còn Đại nội hỡi em! Đại nội có còn rêu xanh bám quanh những bức tường cổ kính - những vết rêu như thời gian không làm xóa nhòa đi của Huế được. Nơi đó những kỷ niệm còn để lại với Huế những dòng chữ hẹn hò thật tuyệt vời của con gái, con trai Huế lãng mạng một thời.

Còn gì để nói cùng em. Hay là trong trí tưởng về Huế có ánh sao đêm Bến Ngự hay ngược dốc Nam Giao dẫn em đi lễ chùa. Chỉ chừng đó cũng làm anh nghe như mình đã mất đi tất cả. Anh mất tất cả trong đó có em đi dọc theo bờ cỏ úa bên tê công viên buồn, với những chùm bông giấy rụng xuống vai nhạt nhòa như cơn mưa phủ.

Ở nơi đây con người chạy đuổi theo một cái gì đó thật vô tình. Anh không muốn nói đến, chỉ có quê hương vẫn ăn sâu vào tâm tưởng anh. Thêm những buổi tối dọc theo con đường dẫn em lên Ga thật hoang vắng. Nơi có những toa tàu hư rét nằm bên đường. Huế đó em. Em còn nhớ khi mình qua Đập Đá đi thật nhẹ để nghe tiếng gió thổi mát rồi nhìn qua thành phố -- chợ Đông Ba và con đường đầy người đội nón lấp lánh như những cánh bướm lượn lờ nhộn nhịp. Thế rồi anh phải xa Huế -- xa Huế đã mấy mùa Thu vàng rồi đó em. Nơi đất khách này anh thấy bơ vơ như kẻ lưu đầy không nơi chốn. Anh đã mất đi một phần đời của anh, trong đó anh rất may mắn đã có em giữ lại cho anh một phần của Huế. Em giữ dùm anh rồi một ngày nào đó Huế sẽ vươn lên và nước dòng Hương sẽ muôn đời dịu mát tắm gội những nhục nhằn đã qua. Phải không em!

HUỲNH LIỄU NGẠN

HI VỌNG XANH

TRỊNH Y THƯ

Tôi đứng bên này sông nhìn đất trời đổi mới
Cỏ cây nao nức nhú mầm vươn lên khoảng trời xanh
Có tiếng reo vui vọng về
từ bên kia thảo nguyên bát ngát.
Và hy vọng chợt hồi sinh.

Hy vọng xôn xao như mầu xanh của cỏ
Rộn ràng. Rúng động. Bàng hoàng
Và vỡ òa tuôn chảy như thác lũ
đổ xuống lòng lũng sâu.
Giọt nước mắt người con gái đứng
dưới chân tượng Wenceslas bay
lên thành mưa rơi xuống Đồng Đăng.

Tôi biết bánh xe linh hóa đó
không bao giờ quay ngược.

Ôi đẹp thay vũ điệu trên bức tường chia cách!
Mà chỉ là khởi điểm.
Vì cũng đẹp
vô cùng hội vũ đêm rằm ở
Quảng Bị Chương Mỹ quê tôi.
Hãy nhảy múa. Hãy hát ca.
Hỡi người lính cầm AK đứng gác bên kia sông.

Bánh xe linh hóa đã bắt đầu chuyển động
Anh đợi chờ gì chưa cùng
ca múa với chúng tôi?
Khi tiếng reo hò từ bên
kia thảo nguyên không ngớt vọng về.
Khi thoi thóp quái thai thế kỷ.
Khi ầm ầm sóng bủa triều dâng.
Khi cuốn phăng ra biển
những bạo lực hung tàn.

Hay hy vọng tôi sẽ biến thành vô vọng
Hay xương thịt mẹ mãi mãi
nằm im trong nấm đất tang thương.

Hãy nói với tôi.
Hãy biến dòng sông tắc nghẹn
xác người thành con nước
đem phù sa về cánh đồng lúa chín.
Hãy vứt bỏ hờn căm.
Hãy biết nhìn nhau như loài thú đồng loại.
Hãy biết bánh xe linh hóa
không bao giờ quay ngược.

Tôi vẫn là tôi, anh vẫn là anh.
Ở buổi bình minh chúng ta có chung một lịch sử.
Nước chảy nhiều dòng nhưng rồi vẫn đổ về biển khơi.

Lòng biển là lòng mẹ.
Và chúng ta những con nước lạc dòng.

Hỡi người lính cầm AK đứng gác bên kia sông
Bánh xe linh hóa đã bắt đầu chuyển động.

Tôi anh mỗi người riêng tây một trời tâm sự
Vì còn gì đâu ngoài tiếng khóc giống nhau.

TRỞ VỀ

NGUYỄN VIỆT

Mùa đông năm ngoái, tôi tìm được việc làm ở một tiệm tạp hóa nhỏ. Thú thật, tôi muốn nghỉ làm ngay ngày đầu tiên, sau khi khám phá khu nhà đối diện là nhà thương điên. Tôi sợ lắm khuôn mặt ngây ngô, bộ dạng vụng về của những người điên. Ở gần họ, tôi luôn có cảm giác bị đe dọa. Người điên thường không kiểm soát được hành động, họ có thể gây hại cho tôi bất cứ lúc nào. Tôi nói ý nghĩ này với người chủ tiệm. Ông vỗ vai tôi, cười thân mật.

"Tôi sống ở đây hơn 20 năm rồi nhưng có hề hấn gì đâu. Cậu đừng sợ. Những bệnh nhân được tự do là những người không đáng ngại.

Nhìn ông chủ vui vẻ, khỏe mạnh, tôi cảm thấy yên tâm phần nào. Nếu những người điên kia nguy hiểm, có lẽ khu phố này tan hoang từ lâu. Tôi quyết định ở lại đến khi tìm được việc khác tốt hơn. Chẳng khó khăn gì trong vấn đề tìm việc, nhưng sau đó chính tôi lại không muốn đi. Hơn thế nữa, nay mai có thể tôi sẽ dọn vào ở hẳn trong cái nhà thương điên hắc ám kia.

Một buổi chiều cuối năm, trời đổ tuyết dữ dội. Nhiệt độ xuống dưới trừ 30 độ C. Cả thành phố co ro theo từng cơn gió thốc mạnh. Phố xá trở nên vắng lặng trong màu trắng phủ đầy. Người chủ đã về sớm và giao cửa tiệm cho tôi. Thời tiết xấu, buôn bán cũng ế ẩm. Gần hai tiếng đồng hồ, chẳng có khách nào viếng tiệm. Tôi ngồi nhâm nhi ly cà phê, đọc vài tờ báo lá cải. Có ai vừa bước vào mang theo làn gió lạnh buốt. Tôi không buồn để ý, mắt dán lên mẩu tin một chiếc dĩa bay vừa bị NASA phát hiện, đăng trên tờ National Examiner. Người khách gõ tay lên bàn và nói gì không rõ. Tôi quay lại. Đó là một cô gái Á Đông khoảng 20 tuổi, run rẩy trong bộ quần áo mong manh bê bết tuyết. Cô hỏi tôi bằng tiếng Anh khá trôi chảy.

"Anh có bán thức uống nóng không? Tôi chỉ có bấy nhiêu tiền."

Cô gái bỏ nắm bạc trên bàn. Tôi đếm được 30 xu. Không đủ tiền. Tôi nhìn cô gái, khuôn mặt cô xanh xao với một lớp máu khô đọng trên làn môi nức nẻ vì lạnh. Thật tàn nhẫn nếu tôi làm ngơ với cô. Trong buổi chiều băng tuyết này, tôi không thể ác độc xua đuổi một ai. Tôi đặt số tiền vào lòng bàn tay nhăn nheo của cô gái.

"Giữ đi. Tôi đãi cô một ly trà."

Cô gái ngập ngừng nói cám ơn rồi chăm chú nhìn tôi chế trà như một đứa trẻ nhìn trò chơi lạ. Tôi gợi chuyện.

"Cô là... y tá?"

Giọng cô gái như một lời than thở.

"Không. Tôi là bệnh nhân của bệnh viện bên kia."

"Cô có thân nhân ở gần đây?

"Tôi chẳng có ai quen lúc này cả."

Cô gái cúi xuống, những hàng nước chảy dài trên mặt. Không biết đó là nước mắt hay nước tuyết tan từ những lọn tóc đen. Sau này, tiếp xúc với nhiều người bệnh tâm thần, tôi biết rằng họ vẫn có những tâm tư, tình cảm cần được tôn trọng. Không muốn khơi động tâm sự buồn của cô gái, tôi đổi đề tài.

"Tuyết rơi nhiều quá. Ngày xưa ở quê nhà, tôi vẫn thường ước thấy tuyết rơi. Bây giờ lại sợ nhất mùa đông."

Cô gái ngẩn lên.

"Anh là người xứ nào vậy?"

"Tôi là người Việt Nam."

Thật bất ngờ, cô gái reo lên bằng tiếng Việt.

"Trời ơi, em tưởng chỉ mình em là người Việt ở đây."

Tôi trợn tròn mắt nhìn cô gái. Lần đầu tiên tôi thấy một bệnh nhân Việt Nam ở bệnh viện này. Tôi chợt nhớ đã thấy hình cô gái trên TV. Lisa -- tên người ta đặt cho cô -- được tìm thấy trên bờ hồ tuần trước trong đêm bão tuyết. Lisa không còn nhớ quá khứ của chính mình. Người ta đang tìm tông tích nàng. Ảnh của nàng được đăng trên báo, trên TV để bạn bè, thân nhân có thể nhận diện nhưng hình như chẳng có hồi âm.

Theo tôi, có thể Lisa có một quá khứ vượt biên đau thương với những mất mát không thể bù đắp. Một lúc nào đó, sự ám ảnh bộc phát dữ dội khiến nàng quên quá khứ. Với bất cứ lý do gì, tôi vẫn cảm thấy có trách nhiệm với nàng bởi chúng tôi cùng là người Việt Nam trên đất lạ. Bất hạnh của nàng là nỗi bất hạnh chung cần được chia xẻ, vỗ về. Tôi trở nên gần gũi với Lisa từ đó.

Tính tình Lisa rất dễ mến. Nàng có dáng dấp của một nữ sinh trung học nếu được ăn mặc tươm tất. Lisa không đẹp lắm nhưng có nét lôi cuốn với vẻ trầm ngâm và đôi mắt đen láy buồn thăm thẳm như chứa đựng một tâm sự không thể tỏ bày. Lisa nói tiếng Việt không rành. Nàng thường dùng nhiều chữ mà tôi chưa hề nghe. Có lẽ nàng người miền Trung và sang đây khá lâu. Dĩ nhiên Lisa không nhớ quê quán mình. Nhiều lần tôi cố khơi lại những hình ảnh Việt Nam, những tên

đường, tên thành phố nhưng nàng chỉ cười và nói đó là... lịch sử. Có những chuyện rất bình thường, những đồ vật rất thông dụng nhưng nàng vẫn không nhớ được. Một lần, tôi đưa nàng đi ăn phở, nàng hỏi sao tiệm Việt Nam lại bán đồ ăn... Ý. Một lần khác, đi chơi vùng ngoại ô, thấy những ống khói của nhà máy, Lisa trách người của thế kỷ này không có trách nhiệm với môi sinh. Lại có những lúc Lisa tỏ ra là người có học thức cao. Nàng từng làm tôi ngạc nhiên khi hỏi nhiều vấn đề phức tạp về nguyên tử, về năng lượng. Dù sao đi nữa, cái quá khứ của nàng khiến tôi tò mò muốn tìm hiểu.

Tết năm đó, tôi đưa Lisa đi hội chợ Tết người Việt với hy vọng nàng nhớ được ít nhiều con người thật của nàng. Ở hội chợ, Lisa tỏ ra hoạt bát hơn. Nàng nhìn say đắm các cô gái trong những chiếc áo dài và trầm trồ.

"Đẹp quá, cứ như trong các bức tranh... cổ."

Tôi nhìn nàng.

"Có bao giờ Lisa mặc áo dài không?"

Lisa mỉm cười.

"Em có mặc một lần trong một vỡ kịch ở trường..." Nàng chợt ngưng lại.

Tôi hỏi.

"Rồi sao nữa?"

Lisa quay đi.

"Mình vào trong xem."

Tôi không lạ gì lối nói chuyện của Lisa. Nàng thường quên những gì muốn nói nên hay dừng lại giữa câu. Những khi đó, tôi vẫn thường hỏi nàng "Rồi sao nữa" nhưng hầu như Lisa không bao giờ trả lời. Nàng đánh trống lãng và chuyển đề tài mau lẹ. Nhiều lúc tôi có cảm tưởng Lisa không phải là người bất bình thường. Nàng khôn ngoan né tránh những câu hỏi của tôi một cách có chủ đích.

Tôi cố trở về đề tài cũ.

"Nếu Lisa thích, hôm nào anh đưa đi may một chiếc áo dài."

Không nhìn lại, Lisa reo lên.

"Sơn mài. Đi xem sơn mài đi anh."

Lisa còn nhớ đến sơn mài. Trí nhớ của nàng còn lẩn quẩn đâu đây. Tôi phải chụp lấy, phải bắt lấy để trao trả cho nàng.

"Nhà Lisa có tranh sơn mài không?"

Im lặng.

Tôi chỉ vào hình con trâu trong bức tranh.

"Lisa nhớ con gì đây không?"

Lại im lặng. Nàng như không nghe câu hỏi của tôi, chăm chú nhìn những nét vẽ, nét cẩn xà cừ rồi vụt ngẩng lên.

"Em khát nước quá."

Tôi hình dung trí nhớ của Lisa như một con bướm núp sau các bức tranh, bỗng chấp cánh chập chờn vụt khỏi tay tôi. Tiếc quá là tiếc. Phải chi tôi khéo léo một chút thì có thể chụp bắt con bướm ấy rồi. Tôi ngẩn ngơ đưa Lisa đến khu thức ăn và mua cho nàng một ly sữa đậu nành. Lisa chậm rãi hớp từng ngụm sữa như người Mỹ uống trà Tàu lần đầu.

Chúng tôi đến khu văn nghệ lúc chương trình mới bắt đầu. Lisa có vẻ thích thú với những bài diễn văn, những nghi lễ trên sân khấu. Khi ba cô ca sĩ trình diễn bài "Qua cầu gió bay," tôi bắt gặp Lisa đang hát nho nhỏ. Dù cố gắng hết sức, tôi vẫn không nghe nàng hát gì. Tiếng nhạc và tiếng ồn chung quanh làm át tiếng nàng đi. Ờ nhỉ, có thể Lisa còn nhớ vài bài hát. Từ những bài hát này tôi sẽ gợi nàng nhớ lại chuyện xưa. Lisa chợt im lặng khi biết tôi đang nhìn nàng. Hát đi chớ, Lisa. Có gì mà mắc cỡ. Lisa mỉm cười không nói.

Phần đầu của chương trình văn nghệ đã hết nhưng Lisa muốn ngồi lại để xem trình diễn áo dài ở phần sau. Tôi đành để nàng ngồi một mình vì phải đi "rest room" sau khi dặn nàng nhiều lần không được rời khỏi ghế cho đến khi tôi trở lại. Nàng gật đầu, em biết mà.

Mười phút sau tôi trở lại, Lisa không còn ở chỗ cũ. Tôi thật sự lo sợ cho sự an toàn của nàng. Tôi hỏi thăm nhưng không ai biết nàng đi đâu. Khi ngang qua phòng có bàn thờ tổ quốc, tôi thấy Lisa đang cầu nguyện. Vừa mừng, vừa giận tôi đến cạnh nàng. Lisa chợt quay lại, nước mắt lưng tròng.

"Em nhớ quá. Làm sao em trở về."

"Lisa nhớ gì?"

Nàng nghẹn ngào.

"Em nhớ cha mẹ."

Cuối cùng tôi đã thắng. Tôi reo lên mừng rỡ. Kể cho anh nghe gia đình Lisa thế nào."

Lisa nắm tay tôi.

"Anh phải hứa giữ kín cho em chuyện này. Nếu anh nói cho mọi người biết, em sẽ mất lối về."

Tôi nôn nao trả lời.

"Vâng, anh hứa."

Lisa nhìn tôi hồi lâu.

"Đây là chuyện khó tin nhưng có thật. Em không phải người của thời đại này. Em là người của tương lai, của năm 2800, đến đây bằng một chiếc máy vượt không thời gian."

Tôi sửng sốt.

"Năm 2800?"

Lisa tiếp tục.

"Đúng, đó là năm cuối của em tại đại học Sàigòn, ngành lịch sử. Vì muốn nghiên cứu cho luận án tốt nghiệp, em đã đánh cắp chiếc máy bay vượt không thời gian do cha em vừa chế tạo."

Tôi ngắt lời Lisa.

"Vậy chiếc máy đâu rồi?"

Lisa chỉ vào chiếc đồng hồ đeo tay của tôi.

"Nó chỉ nhỏ như chiếc đồng hồ này. Em đã đánh mất khi vừa đến. Tuyết dày quá, em không tìm được. Đợi khi tuyết tan, anh phải giúp em tìm lại chiếc máy. Không có nó, em không về được đâu."

Tôi bỗng thấy thích thú với trí tưởng tượng của nàng.

"Cho anh theo với Lisa được không?"

"Chiếc máy chỉ mang được một linh hồn thôi. Khi trở lại, em sẽ mang thêm một chiếc

khác cho anh" Nàng chợt ngập ngừng: "Anh biết bơi không?"

Tôi cười.

"Không. Có quan trọng không?"

Lisa gật đầu:

"Người sử dụng máy phải trầm mình sâu dưới nước ít nhất ba thước. Anh ráng học bơi rồi một ngày nào đó em sẽ đưa anh đi khắp không gian, thời gian."

Dĩ nhiên tôi không tin Lisa là người của năm 2800, nhưng câu chuyện của nàng làm tôi yên tâm hơn. Câu chuyện chứng tỏ Lisa không hoàn toàn mất trí. Nàng vẫn còn khả năng tưởng tượng và như vậy nàng vẫn có thể học hỏi để trở thành một người bình thường. Hãy để cái quá khứ của Lisa trôi vào quên lãng. Tìm lại làm chi nếu đó chỉ là cái quá khứ đau buồn. Hãy nhìn trước mặt. Hãy xây dựng tương lai. Lisa ơi, lúc nào anh cũng ở cạnh em. Thật tình nhiều lúc tôi cảm thấy xấu hổ khi muốn nàng vĩnh viễn quên hết quá khứ để sống bên tôi.

Tôi định đem câu chuyện của Lisa kể cho các bác sĩ. Biết đâu nó giúp họ điều trị nàng hữu hiệu hơn. Nhưng tôi lại nhớ lời hứa với Lisa. Tôi không muốn nàng mất niềm tin nơi tôi, người bạn duy nhất của nàng. Tôi biết rằng, dù Lisa không được bình thường, nàng sẽ rất đau khổ nếu tôi không giữ lời hứa.

Sau hôm chợ Tết, tôi bị sưng phổi nặng, phải vào bệnh viện. Tôi nhớ Lisa quay quắc nhưng không sao liên lạc được với nàng. Ở cùng phòng với tôi là một ông cụ da trắng không bao giờ hé môi khiến tôi càng cảm thấy cô đơn hơn. Ông cụ bị sưng phổi như tôi nhưng có vẻ yếu ớt lắm. Cả ngày ông nằm li bì, mắt nhìn bầu trời nặng trĩu bên ngoài cửa sổ.

Một ngày, trời bỗng nổi cơn giông. Gió từng cơn đập vào cửa kính nghe buốt da thịt. Một con chim bồ câu gầy gò, bệnh hoạn bay đến đậu trên khung cửa sổ, kêu những tiếng não nùng. Ông cụ da trắng ngước nhìn con chim, chợt thở dài. Tiếng thở dài như một gánh nặng vừa trút khỏi vai ông. Ông quay về phía tôi.

"Hạnh phúc biết bao nếu con chim kia có một mái ấm gia đình trong buổi chiều giá rét này.

Không đợi tôi góp ý, ông tiếp tục.

"Tôi xa quê hương hơn 50 năm rồi. Vợ con chẳng biết lưu lạc phương nào..."

Ông cụ khóc nức lên rồi ho rũ rượi. Cơn ho như xé từng mảnh phổi, bứt từng đoạn ruột. Tôi vội bấm chuông kêu y tá. Ông cụ được đưa đi phòng cấp cứu và chẳng bao giờ trở lại. Có lẽ tôi là người sau cùng nghe lời tâm sự của ông.

Buổi tối, nằm một mình trong căn phòng trống trải, tôi nghe cô đơn đến rợn người. Chiếc giường ông cụ da trắng giờ được trải một tấm khăn mới. Ngày mai, một bệnh nhân khác sẽ nằm trên chiếc giường đó, đâu biết mới hôm qua một người trút hơi thở cuối cùng nằm ngay chỗ mình nằm. Bỗng dưng tôi muốn được trở về với gia đình. Tôi thèm được bàn tay cha sờ trên trán, thèm được ăn tô cháo hành nóng hổi từ bàn tay mẹ mỗi khi bị bệnh. Trời ơi, tôi đang ở xa người thân hàng chục cây số. Mỗi ngày qua, tôi thấy mình càng bị đẩy xa thêm. Cha mẹ già như ngọn đèn hiu hắt mà thời gian như cơn gió vô tình. Hôm nay, ngày mai, 10 năm, 20 năm, thời gian cứ vun vút mà đường về còn mờ mịt. Làm sao tôi trở về bên cha mẹ ngày người nhắm mắt. Tôi sợ cha mẹ tôi chết cô đơn như ông cụ da trắng. Tôi sợ tôi chết mà không một người thân nào hay biết. Câu chuyện của Lisa bỗng hiện về với tôi. Tôi mơ được trở về sống êm ấm với gia đình, với họ hàng những ngày trước 75. Tôi mơ vào tận trại cải tạo, cứu cha tôi trước cặp mắt kinh hoàng của lũ công an tàn ác. Tôi miên man với giấc mộng được kết hôn với Lisa, hạnh phúc bên bầy con xinh xắn.

Cơn mơ thật tuyệt vời nhưng cũng thật bất trị. Tôi thao thức đến gần ba giờ sáng. Cố quên đi giấc mộng hão huyền, tôi ngồi dậy bật TV. Những hình ảnh nhảy múa trước mắt vẫn không ảnh hưởng gì đến cơn mơ đang ào ạt trong đầu tôi. Bất chợt tôi bắt gặp hình Lisa trên màn ảnh.Người xướng ngôn viên loan tin Lisa mất tích với một vẻ hửng hờ. Trời ơi, Lisa mất tích hai ngày rồi. Tôi cảm thấy đau đớn như vừa mất một phần thân thể.Người ta tìm được chiếc áo khoát và đôi giày của nàng trên bờ hồ, ngay nơi họ thấy nàng hai tháng trước. Cho rằng Lisa tự tử bằng cách trầm mình dưới hồ, cảnh sát, lính cứu hỏa xục xạo khắp vùng nhưng không tìm được xác nàng.

Từ đó đến nay, Lisa vẫn biệt tăm. Người đời quên nàng như nàng không hề hiện hữu trên cõi đời này. Lisa không có cả một nấm mồ để tôi đến viếng. Nhưng với tôi, Lisa là một hình ảnh sẽ không bao giờ phai nhòa trong ký ức. Tôi ân hận đã không báo động câu chuyện tưởng tượng của Lisa với những người có trách nhiệm để ngăn chận nàng cái chết vô lý. Một cách gián tiếp, tôi đã giết nàng. Tôi mất Lisa, mất luôn cả cuộc đời của chính tôi. Làm sao tôi có thể sống yên ổn với hình ảnh Lisa chìm sâu trong làn nước băng giá. Nhiều lần tôi muốn đi xa để tìm quên. Nhưng thật hoang đường, bàng bạc tận đáy lòng, tôi vẫn mong câu chuyện của Lisa là có thật. Trời ạ, nếu một ngày Lisa trở lại...

Nỗi chờ mong đã giữ chân tôi ở cái tiệm tạp hóa đáng ghét này. Và cái nhà thương điên bên kia đường là một ám ảnh luôn xâu xé tâm hồn tôi như một quả báo.

NGUYỄN VIỆT

Vừa Xảy Ra... Đang Nói Tới...

Một lá thư cho Thế Kỷ 21

"Keihanna Interaction Plaza Inc.", với sự tiếp tay của chính quyền các thành phố Nara, Osaka và Naha cùng Cơ quan đất đai Quốc gia (National Land Agency of Japan) của Nhật Bản, cùng đứng ra tổ chức hai khóa hội thảo về "Thế kỷ 21," vào các ngày 22 tháng Sáu, 1990 tại Osaka -- và ngày 25 tháng Sáu, 1990, tại Tokyo, Nhật Bản.

Muốn được tham dự các khóa hội thảo này, các ứng viên sẽ viết một bài văn (essay) bằng Anh ngữ hay Nhật ngữ, về chủ đề "Một Lá Thư Cho Thế Kỷ 21," bao gồm mọi lãnh vực mà ứng viên cảm thấy thích hợp nhất.

Khóa hội thảo mở rộng cho tất cả mọi người thuộc mọi quốc gia, không phân biệt tuổi tác, nghề nghiệp và nam hay nữ...

Các bài viết bằng Anh ngữ được giới hạn vào khoảng 1,000 chữ, và được gởi kèm theo với một bản tóm tắt lý lịch, địa chỉ hay số điện thoại của ứng viên, để ban tổ chức liên lạc.

Các bài viết này phải được gởi về trước ngày thứ Năm 15 tháng Ba 1990, cho địa chỉ dưới đây:

"A letter to the 21st Century" Forum Panelist Invitation Committee Osaka Central.
P.O. Box 770 HHD, 530-91 JAPAN.
Phone (816) 202-1814.
Fax: (816) 228-3991.

Gợi ý cho người tham dự:

- Lấy bối cảnh thế kỷ 20 này, qua các kinh nghiệm của 100 năm qua, với hai cuộc thế chiến, một sự đối chọi về ý thức hệ đã chia đôi thế giới, con người đặt chân lên mặt trăng và kiểm soát được năng lực nguyên tử... để từ đó các ứng viên có thể phóng nhìn những điều sẽ xảy ra trong thế kỷ 21, tương lai thế giới, sự đổi thay, tình hình xã hội, và quan trọng hơn nữa, là sự suy nghĩ của con người sẽ tiến triển ra sao...

Bốn tác giả có bài văn xuất sắc nhất sẽ được mời tham gia vào Hội đồng của Keihanna, trong các khóa hội thảo trên.

Mỗi tác giả được mời, đều sẽ nhận được 5,000 Mỹ kim, ngoài ra các chi phí chuyên chở và cư trú trong suốt khóa hội thảo sẽ được "Keihanna Interaction Plaza Inc." đài thọ.

Các bạn đọc thân mến của *Thế Kỷ 21* còn chờ đợi gì mà không viết ngay "Một Lá thư Cho Thế Kỷ 21." Biết đâu đấy! (LT)

Vụ "đạo văn lớn nhất của thập niên 1980" đã kết thúc

Tòa án Paris, Pháp, vừa tuyên phạt nữ văn sĩ Régine Deforges, số tiền 300,000 mỹ kim về tội "đạo văn" tác phẩm Cuốn Theo Chiều Gió. Các người thừa hưởng "văn sản" tại Hoa Kỳ của nhà văn nữ Margaret Mitchell thưa Régine Deforges về tội "đạo văn" tác phẩm lừng danh "Cuốn theo chiều gió," để chuyển thành tác phẩm mang tên "Chiếc xe đạp xanh" (La Bicyclete Blue).

Số tiền phạt lên đến hai triệu quan Pháp -- trả cho những người thừa kế của nữ văn sĩ M. Mitchell để bồi thường thiệt hại và các quyền lợi khác.

Ngoài ra tác phẩm "Chiếc xe đạp xanh" cũng bị thu hồi không cho lưu hành trên thị trường sách nữa, ngoại trừ trường hợp các luật sư bào chữa cho R. Deforges thành công trong việc kháng cáo.

Tác phẩm "Cuốn theo chiều gió" được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1936, cho đến nay đã bán được đến trên 25 triệu ấn bản trên khắp thế giới, còn cuốn "Chiếc Xe Đạp Xanh" tuy chỉ mới được Régine Deforges cho ra mắt trong những năm gần đây, nhưng cũng đã bán đến hơn sáu triệu bản. Chiếc Xe Đạp Xanh được coi là tiểu thuyết bán chạy nhất tại Pháp sau đệ nhị thế chiến.

Người ta được biết, chính vào những năm 1970, nhà xuất bản của Jean Pierre Ramsay đã đề nghị R. Deforges "viết lại" tiểu thuyết ăn khách "Cuốn Theo Chiều Gió" của Margaret Mitchell, nhưng dựa trên một bối cảnh hiện đại hơn. Nữ văn sĩ Pháp R. Deforges đã chọn một vùng ở Bordelais, thay vì Louisiane như trong tác phẩm "Cuốn Theo Chiều Gió" của Margaret Mitchell, để làm bối cảnh cho tiểu thuyết của mình. Và khung cảnh mới là cuộc đệ nhị thế chiến chứ không phải là cuộc nội chiến Hoa Kỳ.

Cuộc tranh chấp diễn ra giữa hai phe Pétain, ngã theo Đức Quốc Xã, và phe kháng chiến De Gaulle, thay vì Bắc quân và Nam quân như trong "Cuốn Theo Chiều Gió."

Tác phẩm "Chiếc Xe Đạp Xanh" ra mắt năm 1982, và là một thành công đặc biệt trong giới xuất bản sách tại Pháp lúc đó.

Năm 1986, "Trust Company Bank," phụ trách bảo vệ tác quyền trên thế giới của Margaret Mitchell và các người thừa kế, mới khám phá ra vụ "đạo văn" này, và nữ văn sĩ Deforges phải bồi thường thiệt hại ít nhất năm triệu quan Pháp. Giới văn học Âu Châu gọi đây là "vụ đạo văn lớn nhất của thập niên 1980!"

MỘT GIỜ VỚI MAI THẢO

VƯƠNG TIỂU MUỘI

Dù tôi thích hay không thích văn tài của M.T, dù tôi chỉ đọc của ông một tác phẩm hoặc thậm chí tôi chỉ thuộc tên một cuốn sách ký tên ông, tôi vẫn biết Mai Thảo là một khuôn mặt lớn trong văn học Việt Nam hiện đại.

Định cư ở Hoa Kỳ bốn năm, cư ngụ tại quận Cam, tôi thường có dịp nhìn thấy ông đi lững thững trên hè phố Bolsa, y phục tề chỉnh, dáng người cao gầy. Ông không vội vã, cũng không có vẻ phong lưu nhàn tản. Nét mặt ông thản nhiên, mắt ông nhìn hờ hững, bước chân ông hình như ngập ngừng. Cũng có lúc tôi nhìn thấy ông giữa đám đông, lặng lẽ, tách biệt. Tôi nghe một số người gọi đùa ông là một đỉnh Hoa cương. Tôi cũng nghe một số khác lắc đầu phàn nàn ông uống rượu nhiều quá, hỏng hết, ngụ ý sự sa sút của ông trong tuổi già. Một cách mơ hồ, tôi chia sẻ với dư luận cái cảm nghĩ ông vẫn còn yên trí với vị thế cho là độc tôn của ông trên văn đàn Việt Nam trước đây. Bản tính tôi không thích sự chiếm lĩnh, dưới bất kỳ hình thức nào và trong bất kỳ hoàn cảnh nào, vì vậy, tuy không có điều gì tị hiềm với ông, tôi cũng không có mỹ cảm. Như thế cho đến tối thứ Sáu vừa qua, khi tôi có dịp ngồi cùng bàn với ông trong một bữa cơm thân mật giữa một nhóm thân hữu.

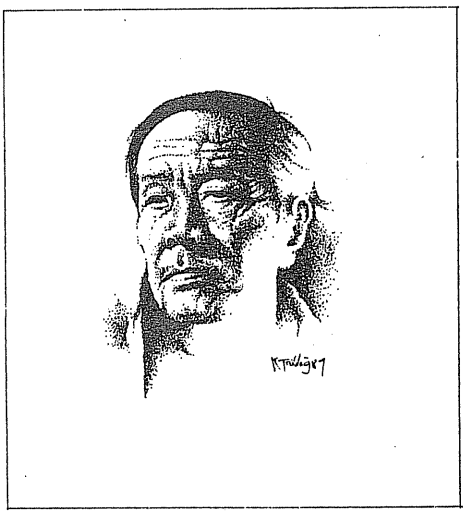

Thức ăn được nhà hàng dọn ê hề trên mặt một chiếc bàn tròn nhưng ông không cầm đũa. Lúc tôi mời ông, ông trả lời nhẹ nhàng, giản dị: "Tôi đã ăn cơm chiều rồi." Ông mang theo chai rượu cognac trong một cái túi vải màu đen. Lòng ông nghĩ thế nào tôi không biết nhưng sự thận trọng này khiến tôi thấy rằng ông là một người có đủ thiện chí giữ đẹp các tương quan xã hội.

Phải nói là ông uống rất nhiều mà không say. Ông uống một mình, như một nhu cầu của riêng ông, không ồn ào, chèo kéo, mời mọc, để khiến quang cảnh xung quanh ông biến thành một đám nhậu. Ông nói những lời tử tế, đề cập đến mọi vấn đề, biểu lộ sự quan tâm về thời cuộc và kiến thức về nhiều lãnh vực: chính trị, nghệ thuật, thể thao v.v... Khi bữa ăn gần tàn, ông bắt đầu ngâm thơ. Ông cười cợt chính mình và làm mọi người cùng cười cợt theo ông

"Cái trán tôi dài tới thái dương
Cắt đôi gò má, mũi ở giữa
Ngày nào cũng thấy nó trong gương
Chán không buồn rửa mặt nữa"
(Đoạn thơ này tôi chép theo trí nhớ)

Cười xong rồi, ngẩn ngơ thấy ông đã nói dùm cảm xúc của chính mình. Nghe ông cười xong rồi, nhìn qua thấy đôi mắt ông khép lại, đôi môi ngậm chặt, khóe môi trĩu xuống, đó là khuôn mặt của những giòng lệ đã hóa thạch, của nỗi đau cắn răng để không bật lên tiếng kêu.

Nếu tôi chỉ quen nghĩ Mai Thảo là một hiện tượng văn

học, quả thật tôi đã nghĩ rất sai. Buổi tối thứ Sáu ấy, bên bàn cơm ở nhà hàng H.N, tôi chợt ý thức rằng bao lâu trái tim của một con người còn đập trong lòng ngực, sự xâu xé của đời sống, cách tiếp nhận và đương đầu với những xâu xé ấy còn lớn hơn tài năng đã làm cho một người trở thành vĩ nhân. Chắc chắn MT phải biết rõ hơn ai hết vị thế của ông trong văn giới, tầm vóc những tác phẩm ông đã cống hiến cho đời. Đối với người xung quanh, nhận thức này do suy luận mà có, thế nhưng điều M.T làm cho người đối diện ông cảm thấy thì lại chính là lòng ham muốn vô biên của ông được sống cho văn chương tràn đầy hơn nữa, "chóng mặt" hơn nữa, lâu dài hơn nữa, mãnh liệt hơn nữa. Ông không bận tâm về những việc ông đã làm, những điều ông đã đạt được. Ông đau đớn, vật vã, chua chát, uất ức, về những việc ông không còn làm được như lòng ông khao khát nữa. Mà không làm được là bởi đâu, có liên quan gì với giải đất hình chữ S bỏ lại bên kia bờ đại dương không? Ông chỉ nói "Cứ viết rồi xé, viết rồi xé, vứt vào sọt rác (cái im lặng của một chút bàng hoàng) rồi (ngậm ngùi) đành đi ngủ vậy (cười buồn). Sáu tháng, sáu tháng không viết ra được một câu (cười khẩy, văng tục, tròng mắt đứng sững, ngây ra vì giận)". Ông rót rượu uống một mình.

Ngưng một lát xong ông bỗng khúc khích cười, bầy ra vài chiếc răng đã khấp khểnh "Có khi bạn hữu thôi thúc quá, viết đại một bài, như đẻ một đứa con hoang, dúi vào tay bạn và nói đem nó đi cho khuất mắt nhé, đừng để cho tôi thấy nữa." Ông cười thành tiếng, vẻ mặt tươi tắn, thú vị, đôi vai co lại. Dường như việc viết lách nếu không làm ông bằng lòng, hãnh diện, thì cũng làm cho ông vui.

Ông kể tiếp "một buổi sáng đi ra phố, định ăn bát phở. Ngang qua tiệm băng nhạc Thanh Lan chỗ góc đường Moran, chợt nghe tiếng chim hót trong lùm cây thấp, tiếng hót vang cả một khoảng trời chỗ đó, kỳ lạ. Bỏ cả chuyện ăn phở, đứng đấy nghe, làm được hai câu thơ rồi tắc tị, không làm tiếp được nữa, không sao làm tiếp được nữa:

Đi qua dừng lại lùm cây thấp
Tiếng hót làm sao vỡ trời đất...

(Tôi chép theo trí nhớ)

Thật ra, sự tắc tị và tiếng con chim nhỏ hót vỡ trời đất là hai đầu của con đường Mai Thảo đang đứng chôn chân ở giữa, khắc khoải.

Tôi nói với ông "Tiếng hót con chim nhỏ nghe vỡ trời đất có lẽ vì buổi sáng hôm ấy trời trong quá, không gian tĩnh mịch quá. Nếu lòng người cũng trong trẻo và tĩnh mịch như vậy, chắc là sẽ nghe được nhiều thanh âm kỳ diệu lắm." Chẳng biết ông nghĩ gì về điều tôi nói, chỉ thấy ông gật gật và ông đập tay vào vai tôi.

Thơ bên bàn ăn chuyển sang đề tài thơ tình. Tôi nói với ông tôi rất ngưỡng mộ, khâm phục và yêu thích cái lãng mạn, cái trữ tình, cái say đắm nồng đượm của vua Tự Đức trong hai câu cổ thi

Đập cổ kính ra tìm lấy bóng
Xếp tàn y lại để dành hơi.

(Các thi sĩ thời nay làm thơ ca ngợi tình yêu, có ai tự hào biết yêu hơn ông vua đời xưa này?)

Mai Thảo ngâm khe khẽ, như để một mình ông nghe. Giọng ông thật êm, mịn và nhẹ. Ông nói "thơ tình như thế là nhất, là không thể nào tình hơn được nữa." Ông yên lặng, hai mắt nhắm chặt. Một giây. Ông mở mắt ra, rót rượu uống, có cái gì trong cử động của ông như một người lảng tránh một điều không còn muốn nhớ nữa.

Trước mắt tôi lúc bấy giờ, một buổi tối thứ Sáu cuối tuần, Mai Thảo không là gì ngoài cái hình ảnh một con người đã sống chân thật đời mình, ở một cường độ mãnh liệt hơn những người khác. Suy nghĩ, yêu đương, sáng tạo, ông đi tìm cái tuyệt đối ở những nơi ông đi qua, vì vậy, ông cứ đi một mình, ông cứ mải mốt tìm mà không thấy.

Đến một năm tháng tuổi đời nào, có lúc người ta chợt ý thức thời gian không còn bao nhiêu

"Ta thấy rèm nhung khép lại rồi
Hạ màn. Thế kỷ hết trò chơi.
Sao không, quay gót, tên hề đã
Chán một trò điên diễn với người."
(Thơ Mai Thảo)

Tôi cũng là một khán giả xem tuồng để mình bị lôi cuốn vì cái hào nhoáng, cái lộng lẫy, cái rực rỡ của son phấn xiêm y, vì những tạp âm của sân khấu, quên rằng bên sau cái phù phiếm tạm bợ ấy, nơi bản thân những người nghệ sĩ, là những mảnh đời thâm trầm không được phô diễn. Ở chỗ khuất lấp này, sự sống đích thực nhất, cô quạnh nhất, lại chính là tác phẩm lớn lao nhất.

Tôi cám ơn sự ngẫu nhiên đã đưa tôi đến bữa cơm tối thứ Sáu hôm đó, để tôi có cơ hội nghiệm ra rằng con người dễ ngộ nhận, vì vô tình, vì lười biếng, vì chủ quan, vì bất công, vì hẹp hòi. Tiếc thay, ngộ nhận vẫn thường là nguồn gốc bi kịch giữa con người với con người.

Nếu có một hôm Mai Thảo làm như ông nghĩ trong thơ

"Ta thấy ta treo cổ dưới cành
Rất hiền giấc ngủ giữa rừng xanh"

chắc là tôi sẽ đến chào ông lần cuối mà không còn phải nói một lời nào. Quản thật những điều tôi muốn nói, tôi đã cố gắng nói -- dù không đủ, không bao giờ đủ -- vào một lúc ông còn có thể nghe...

Cali tháng Mười Hai/89
VƯƠNG TIỂU MUỘI

Những ghi chú rời về...

SAMUEL BECKETT

ĐÀO TRUNG ĐẠO

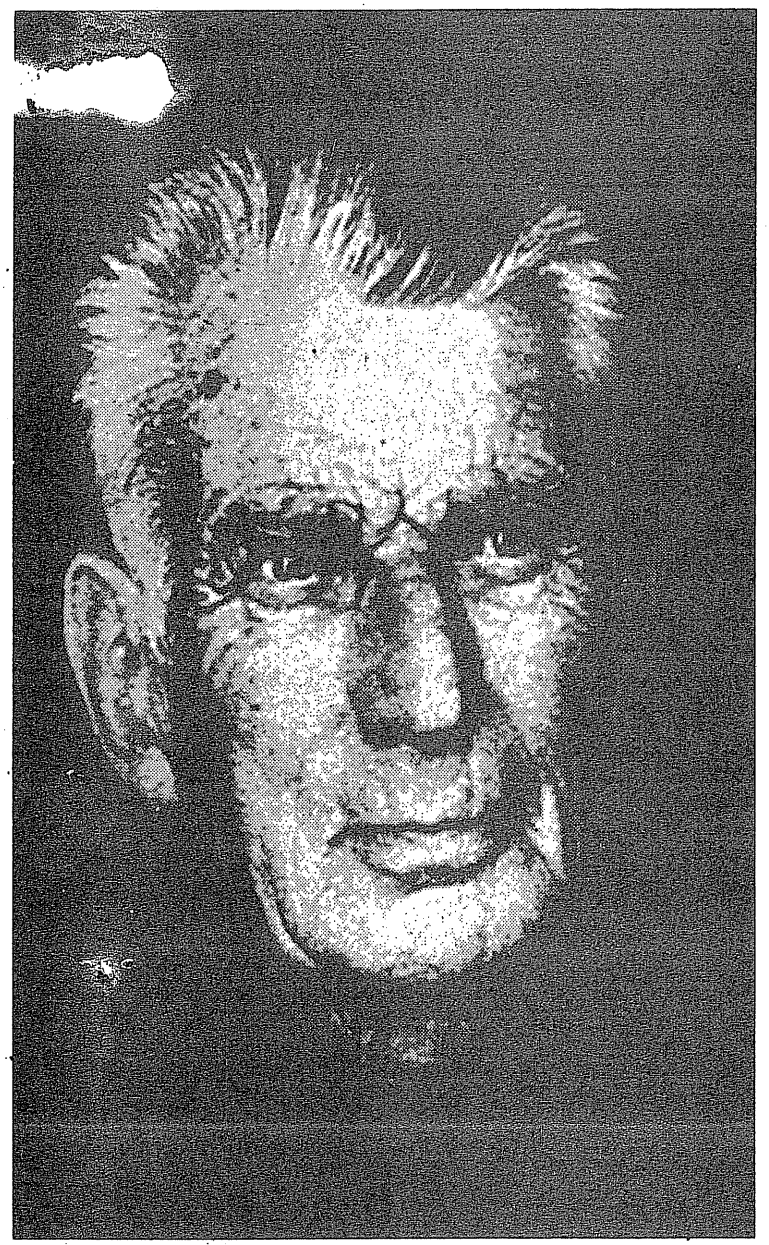

Samuel Beckett

1.

Sinh thời Samuel Beckett đã mở/đóng, hành trình *viết* bên bờ niềm im lặng: "Đặt tên (gọi tên), không, chẳng có cái gì là khả danh cả, nói, chẳng có cái gì là khả quan ngôn cả, vậy thì rồi sao đây, tôi không biết, lẽ ra tôi đã chẳng phải bắt đầu làm gì." Sinh thời nỗ lực văn chương của Samuel Beckett là xuyên thủng niềm im lặng, dù biết chắc rằng cuối cùng đó cũng chỉ là một nỗ lực dẫn tới cái không-gì-cả. Nhưng không đừng được. Biết vậy nhưng vẫn cảm thấy một sự thôi thúc phải viết, phải nói, phải phản bội niềm im lặng (một sự phản bội không thể biện bạch): "một nỗi đau đớn lạ kỳ, một tội lỗi lạ lùng,... *bạn phải tiếp tục, tôi không thể tiếp tục, tôi sẽ tiếp tục.*" Trong ba cuộc truyện trò với Georges Duthuit về các họa sĩ (Transition, 1949) Beckett đã giảng giải về hành vi vẽ của họa sĩ -- ông không nói đến hành vi viết của nhà văn (ta có thể hiểu?) -- "Cái động tác đó là của hắn, một kẻ mà không trông cậy nương nhờ, chẳng thể có hành vi nào khác nữa, bởi hắn bó buộc phải vẽ." Tại sao hắn lại bó buộc phải vẽ? (Phải viết?) Beckett nói "Tôi không biết." Một cố gắng có thể hiểu được. Cũng như ta có thể hiểu được cái chết hôm nay của Beckett là một triệt hủy niềm im lặng, một niềm im lặng triệt

hủy hay là một bến bờ thinh lặng đời người không tránh được dù cho "*kẻ bất khả danh*" đó hôm xưa đã cho rằng mọi sự trên đời đều bất khả danh ngoại trừ niềm im lặng? Hôm xưa Beckett đứng bên này bờ thinh không, hôm nay Beckett đã đứng ở bên kia. Nói về Beckett, viết về Beckett trong một nỗi đau đớn lạ kỳ, nỗi đau đớn của sự khó khăn nghiệt ngã quay quắt bởi chính Beckett đã làm cho ta khó nói, khó viết về ông, kẻ Bất Khả Danh. Nhưng nghĩ về Beckett, đọc Beckett, viết về Beckett là một thôi thúc chẳng đừng. Những ghi chú dưới đây sau cái chết của Beckett chỉ là những ghi chú rời, rời rạc, -- những tự ngôn trong bóng tối chạng vạng hay những bước mỏi trong xình lầy -- ở khoảng giữa những im vắng (những năm im bặt mất hút trong bản viết vô ngôn?) hôm xưa hôm nay tôi đọc tôi viết về Beckett.

2

Samuel Beckett là một tác giả khó. Rất nổi tiếng, tên tuổi là bắc đẩu của văn chương thế giới nhưng người đọc Beckett có lẽ chỉ là giới sinh viên văn chương và những nhà nghiên cứu văn học. Người đời có thể đã xem, đã đọc vở kịch "*Trong khi chờ Godot*": chính vở kịch này đã đưa Samuell Beckett tới với đại chúng hơn là những tác phẩm khác của ông. Tại sao đọc Beckett khó? Có rất nhiều lý do. Ngôn ngữ và ngôn từ văn chương Beckett không thân thuộc với độc giả vốn đã quen với văn chương, tiểu thuyết, kịch của những thế kỷ trước. Cấu trúc tiểu thuyết của Beckett là cấu thức của tiểu thuyết tự phản tỉnh, là truyện của truyện, là xóa bỏ làm tan loãng nhân vật, cốt chuyện, dàn truyện, tâm lý tư tưởng, hành động vào dòng xuôi chảy của ngôn ngữ. Đọc cũng như viết đối với Beckett là một sự bó buộc, một thúc bách bày tỏ (có một niềm an ủi chờ đợi ở cuối đường đọc/viết) dù biết chắc rằng chẳng có gì để bày tỏ: Beckett là nhà văn đứng ở cuối đường của một thời đại đang xụp đổ, văn chương tiểu thuyết cũ đã thất lạc đã mất hút trong thế giới hôm nay, một thế giới mênh mông những điều không xác thực, những bất định bất ổn, những đứt rời (bất liên tục), những nghịch thường, những quá độ. Nói chung là một thực tại đã vượt qua văn chương thời trước, đã phá vỡ khuôn khổ tiểu thuyết hiện thực kiểu Balzac. Giòng văn học hiện đại đã phản ứng chống lại truyền thống hiện thực trong quan điểm mới về tiểu thuyết: tiểu thuyết không là tấm gương phản ánh hiện thực, không là bản sao hiện thực. Các nhà văn hiện đại coi văn chương, tiểu thuyết là một xây dựng của ngôn ngữ nhằm mô tả một thực tại tưởng tượng nói lên một cách nhìn thực tại khác với thực tại của các khoa học cũng như của đời sống hàng ngày. Tuy quan niệm này khác với truyền thống hiện thực nhưng các nhà văn hiện đại vẫn còn *ở trong niềm tin* vào thực tại, đứng về mặt tri thức luận. Tiểu thuyết của Samuel Beckett đã phá bỏ những quan niệm xưa cũ của cả truyền thống hiện thực lẫn hiện đại, dàn truyện, khung cảnh, quan trọng hơn hết là việc triệt bỏ chỗ đứng (quan điểm) của người kể truyện và nhà tiểu thuyết. Vắn tắt: Samuel Beckett đã chống lại toàn bộ truyền thống văn chương trong hành trình viết như một thôi thúc chẳng đừng. Beckett viết trong "Texts for Nothing IV:

He has me say things saying it's not me, there's profundity for you, he has me who say nothing say it's not me... If at least he would dignify me with the third person, like his other figments, not he, he'll be satisfied with nothing less than me, for his me... His life, what a mine, what a life, he can't have that, you can't fool him, ergo it's not his, it's not him, what a thought, treat him like that, like a vulgar Molloy, a common Malone, those mere mortals, happy mortals, have a heart, land him in that shit...

Văn chương đối với Beckett là một trò chơi không ngưng nghỉ, trò chơi ngôn ngữ, trò chơi đặt tên (Molloy, Malone, Moran, Godot, Watt... Unnamable) trò chơi nghiệt ngã để khỏi rơi vào niềm im lặng.

3

More Pricks than Kichs (1934) là tiểu thuyết đầu tay của Beckett tuy ảnh hưởng của Joyce còn thấp thoáng nhưng đã thấy những dấu hiệu tách rời khỏi giòng văn chương hiện đại trong sử dụng ngôn ngữ, cấu thức tác phẩm, và trên hết là vai trò của người kể chuyện không tin cậy (unreliable narrator) Truyện mở đầu của MPTK, "Dante và con tôm hùm" có chủ đề đời sống/cái chết/thời gian: Belacqua, sinh viên ở Dublin sống cuộc đời đều đặn tầm thường nhàm chán với những sinh hoạt hàng ngày vô nghĩa vô tận. Như hôm nay thức dậy Belacqua sửa soạn món ăn sáng, đến lớp học tiếng Ý, trên đường về ghé người bán cá lấy con tôm hùm về cho bà cô làm bữa ăn chiều. Cùng với những sinh hoạt tầm thường đó là những chuyện lạp nhạp khác đập vào ý thức của hắn: đặc biệt hôm nay Belacqua được tin ngày mai một tên sát nhân mang án tử hình sẽ bị đem ra treo cổ. Trên đường về, những cảnh tượng đớn đau, những nỗi khốn khổ trên phố phường và những suy tư nội tâm về Dante, đặc biệt nhất là một giòng trong quyển *Địa Ngục* "qui vive la pietè quando è ben mortá" (Nơi đây lòng thương người có đấy nhưng

thực sự thì đã chết) khiến Belecqua thắc mắc tự hỏi về trò chơi chữ pity/piety của Dante: "Ngay cả ở dưới đó mà sao không thể có cả hai, lòng sùng mộ và lòng nhân ái" và Belacqua thấy thương tâm cho tên tử tội ngày mai sẽ bị treo cổ: "Tên McCabe tội nghiệp, rạng đông ngày mai là hắn sẽ hứng cái đó vào cổ. Giờ này hắn đang làm gì, đang cảm thấy gì nhỉ? Hắn sẽ thưởng thức thêm một bữa ăn nữa, thêm một đêm nữa thôi." Nhưng ý thức về nỗi đớn đau và về sự chết chỉ thực sự xảy ra khi Belacqua biết được con tôm hùm hãy còn sống tươi này sẽ bị luộc đi để làm bữa cơm tối. Hắn nói với bà cô "Nó còn sống nguyên mà!" nhưng bị bà cô tức giận về sự lẩm cẩm của hắn và

"Bà nhấc bổng con tôm hùm khỏi mặt bàn. Nó chỉ còn sống ba mươi giấy đồng hồ nữa thôi.

Ôi, Belacqua thầm nghĩ, thật là một cái chết lẹ làng, Thượng đế cứu giúp tất cả chúng ta.

Không phải.

Câu chuyện xảy ra trong căn bếp nhà bà cô gợi ẩn dụ Địa ngục của Dante. Câu kết luận "*It is not*" như một sự xụp đổ hoàn toàn. Sự đồng hóa con tôm hùm với Chúa, Kẻ Cứu Chuộc, nỗi ám ảnh và những hành vi kỳ cục của nhân vật không nhằm giảng giải câu chuyện nhưng nhằm nói lên điều chủ yếu là: không đâu, trên cõi đời này có một trật tự, một dạng thức hữu lý hay một ý nghĩa nào cả.

Murphy (1938) tiểu thuyết kế tiếp MPTP lấy khung cảnh London và chủ đề có hình tượng tương tự những tiểu thuyết của Joyce, Isherwood, Orwell cùng thời là trạng huống vong thân của Murphy nhưng ngôn ngữ đã khác hẳn văn tiểu thuyết của những nhà văn hiện đại. Mở đầu sách Beckett viết:

"The sun shone, having no alternative, on the nothing new. Murphy sat out of it, as though he were free, in a mew in West Brompton.... He sat naked in his rocking-chair of undressed teak guaranteed not to crack, warp, corrode or creak at night. It was his own, it never left him. The corner in which he sat was curtained off from the sun, the poor old sun in the Virgin again for the billionth time..."

Dưới đây là một mẩu tả Celia:

Tuổi... Không quan trọng
Đầu... Nhỏ và tròn
Mắt... Xanh lá cây
Nước da... Trắng
Tóc... Vàng
Nét... Linh động
Cổ... 13 3/4 *inch*

Đọc kỹ ta thấy rõ ràng Beckett riễu cợt lối tả cảnh ước lệ của tiểu thuyết thời trước, đưa ra một người kể truyện lạnh lùng luôn luôn nhắc người đọc là hắn đang tham dự vào hành động phản chống lối đọc cũ, cũng có nghĩa là chống lại lối viết cũ (cả hai đã thành ước lệ) và điều này chỉ ra rằng thế giới, cõi sống không còn thỏa thuận với quan điểm giảng giải, thái độ tìm hiểu (tri thức luận) của văn chương thời trước. Nghĩa là điểm tới của văn chương không phải là hiện thực, cũng không phải là cái phi thực. Cả thực lẫn phi thực đều ở ngoài văn chương. Sự thực của văn chương là một cái gì khác, ở một cấp độ khác với sự thực của cả khoa học lẫn đời sống. Beckett dùng ngôn ngữ để nói lên tính bất định, bất xác của thế giới. Viết, đọc chính là nói lên trạng huống con người bị bó buộc phải thử thách trong kiếm tìm một giải thích, một ý nghĩa cho thế giới, đặc biệt nhất bằng cách tổ chức ký ức trong thể tiểu thuyết, trong hành vi *kể*.

Sự bất xác, bất định của thế giới trở thành rõ rệt hơn với tiểu thuyết *Watt* (viết từ 1942-43, xuất bản 1953). Watt là một kẻ luôn luôn khốn khổ vì bản chất hắn luôn thôi thúc hắn tìm xem các biến cố trên đời này có chỉ ra cho ta một ý nghĩa gì. Ý nghĩa của thế giới, của cuộc đời đối với Watt chả có gì là quan trọng nhưng cái việc đeo đuổi xem xét trò chơi đuổi bắt giữa thời gian và không gian thì hắn chẳng thể làm ngơ được. Lạnh nhạt, bất cần cái ý nghĩa nhưng lại nặng nợ đa mang với cái trò chơi ảo hoặc của không gian/thời gian đó đã biến Watt thành một kẻ tức cười. Cũng có thể là Watt chẳng là kẻ đáng tức cười, mà chính cái trò chơi kia mới là. Hoặc chính những kẻ cứ khăng khăng đòi minh giải, giải thích thế giới, cuộc đời mới thực đáng tức cười. Chẳng thể nào mà biết được đâu là sự thực nữa vì mọi sự đều bất định, bất xác, hỗn độn, ở trong bóng tối.

* Phải chờ đến bộ tiểu thuyết ba tập "Molloy," "Malone meurt," và "L'Innommable" (1951-3) (nguyên viết bằng Pháp văn, sau tác giả dịch sang Anh văn) mới thấy rõ sự đóng góp to lớn của Samuel Beckett vào nền văn chương cận đại. Trong những tiểu thuyết viết trước bộ ba này, người kể chuyện đều biểu lộ những đặc tính vô ngã, lẩn khuất lang thang, bất trắc. Từ "Molloy" Beckett dùng một loạt những người kể ở ngôi thứ nhất số ít, cô lập xa cách, lạnh lùng thờ ơ vì giác quan không còn đón nhận một kích thích nào từ thế giới bên ngoài, cố gắng một cách tuyệt vọng trong việc xem xét kinh nghiệm đời sống của mình có chăng một ý nghĩa nào đó bằng cách hồi ức lại tất cả đời mình. Đó là một trạng huống tuyệt vọng dẫn đến sự im lặng. Vì có sự nghịch lý giữa sự vô hiệu của nỗ lực đi tìm ý nghĩa và sự thôi thúc phải đi tìm:

... if only there were a thing, but there it is, there is not, they too away things when they departed, they took away nature, the was never anyone, anyone but me, anything but me, talking to me of me,

impossible to stop, impossible to go on but I must go on, I'll go on, without anyone, without anything, but me, but my voice, that is to say I'll stay, I'll end, it's the end already, shortlived, what is it, a little hole, you go down into it, into the silence, it's worse the noise, you listen, it's worse than talking, no, not worse, no worse, you wait, in anguish, have they forgotten me, no, yes, no, someone calls me, I crawl out again, what is it, a little hole, in the wilderness. It's the end that is the worst, no, it's the beginning that is the worst, then the middle, then the end, in the end it's the end that is the worst, this voice, that, I don't know, it's very second that is the worst... (The Unnamalble, bản anh văn trang 394-95).

Trong "Molloy" Beckett xếp hai nhân vật tự thuật ở ngôi thứ nhất bên nhau là Molloy và Moran, cả hai cùng đối diện với một thế giới. Người đọc dù cố gắng cách mấy cũng khó mà biết chắc ai là ai dù sự khác biệt đầy ắp, nhưng lại là những khác biệt nhiều khi rất mâu thuẫn trái nghịch. Trong trường hợp này luận lý học với luật triệt tam trở thành vô dụng. Có thể nói Moran vừa là vừa không là Molloy.

Sang tới quyển thứ hai "Malone meurt" ta lại biết được là Malone đã tiết lộ rằng chính hắn là người đã dựng nên Molloy. Malone kể những chuyện về Macmann (đôi khi cũng còn có tên là Saposcat). Người đọc đi từ thế giới của Malone xuống thế giới của Macmann rồi kẹt lại đấy, không trở lên được nữa. Ta cũng chẳng còn biết thế giới nào mới là hiện thực, thế giới của Malone hay cái thế giới Malone phóng tưởng ra. Ta ngần ngại chần chờ. Cái ngần ngại chần chờ giữa "biết" (tri thức luận) và "sống" (hữu thể học).

Quyển cuối cùng của bộ truyện ba tập, "Kẻ Bất Khả Danh" (L'Innomable) chính là lời tự thuật của một người kể truyện bất khả danh. Hắn thố lộ rằng hắn chính là tác giả của "Molloy," "Malone meurt," cả của "Murphy và Watt nữa không chừng. Tay này thì hơn hẳn Malone về quyền ra tay sinh sát các nhân vật cũng như các thế giới. Hắn có một tự do rộng lớn *gần như* vô biên, muốn lúc nào là tùy thích bày ra các nhân vật các thế giới, dựng lên, sửa sang lại, tháo gỡ ra, triệt hủy đi rồi lại tái tạo (Basil/Mahood, Con Sâu), dẫn người đọc vượt từ cõi này sang cõi kia, lên xuống tự do. Kẻ Bất Khả Danh đã không chỉ tương tượng ra các nhân vật các thế giới, *hắn còn cố gắng tưởng tượng chính mình cũng chỉ là một nhân vật tưởng tượng của một kẻ nào đó.* Ai vào đấy nữa. Samuel Beckett, Kẻ Bất Khả Danh vẫn gọi ông ta là *sư phụ.* Nhưng ta cũng còn có thể đẩy câu hỏi xa hơn một bước nữa: Thế ai sinh ra sư phụ? Thượng đế chăng. Câu hỏi được nêu ra "Trong khi chờ Godot." Có thể sẽ chẳng bao giờ có câu trả lời. Nhưng vẫn cứ hỏi, vẫn phải hỏi. Có một điều chắc chắn là dù kẻ Bất Khả Danh, dù Beckett, hay dù bất kỳ ai cũng không thể *nhảy ra ngoài tâm trí mình,* nhảy ra ngoài những điều tưởng tượng của mình để với tới thực tại được, nghĩa là đụng tới, chạm mặt được kẻ sáng tạo tối thượng. Nhiều lắm chỉ có thể gặp Samuel Beckett nhà tiểu thuyết, kẻ đã chia xẻ với chúng ta thế giới và đời sống hôm nay chứ không thể nào vượt qua ngưỡng cửa phân cách Beckett, chúng ta, với thế giới tiểu thuyết Beckett. Giữa hai thế giới có một sự đứt đoạn, tách rời, bất liên tục và không có một nhịp cầu nối liền. Vậy không thể nói đến hiện thực trong tiểu thuyết. *Cho rằng tiểu thuyết có chức năng phơi bày cái hiện thực là một sự thơ ngây giả dối.*

Với bộ truyện ba tập nói trên Samuel Beckett được coi là người tiên phong của tiểu thuyết cận đại. Tiên phong trên nhiều mặt: quan niệm về tiểu thuyết, ngôn từ tiểu thuyết và kỹ thuật tiểu thuyết.

4

Ngoài bộ tiểu thuyết ba tập "Molloy," "Malone meurt" và "L'Innomable" có vị trí quan trọng lớn lao đối với sự phát triển tiểu thuyết cận đại Samuel Beckett còn viết hai tập văn xuôi chủ yếu khác là "Nouvelles et textes pour rien" (1955) và "Comment c'est" (1961). Nếu văn Beckett trong những tác phẩm viết trước đây vốn đã tinh lọc, cô đọng, thì từ NTPR rồi đến CE Beckett đã sử dụng một loại ngôn ngữ giảm trừ, rút gọn đến cùng độ. Trong cả hai tác phẩm ngắn này Beckett đã đưa ra cái hình ảnh vô cùng đớn đau của cuộc tìm kiếm quay quắt không ngưng nghỉ để tỏ bày cái tính chất không thể diễn đạt (inexpressibilité) của thế giới. Từ sau hai tập sách nhỏ này năm 1969 Beckett còn cho xuất bản tập "Sans" và một số truyện viết từ sau thế chiến hai. Và sau khi nhận giải thưởng Văn chương Nobel (1969) Beckett có cho xuất bản vài tập sách nhỏ đánh dấu những khoảng cách thời gian Beckett đừng chân nghỉ mệt bên một gốc cây trơ trọi trên đường vắng.

Trong "Nouvelles et textes pour rien" Beckett tuy với ngôn ngữ giảm trừ cụt ngủn lạnh lùng nhưng vẫn tỏ ra tha thiết với việc viết lách:

"Không đâu, ngôi mộ, mộ phần mà. Tôi sẽ là mộ phần, tôi sẽ bịt tai lại, bịt miệng lại và thành một mộ phần. Và khi tai miệng lại mở ra có lẽ sẽ để nghe một câu truyện, kể một câu truyện, theo đúng nghĩa của các chữ, chữ nghe, chữ kể, chữ truyện, tôi có rất nhiều hy vọng,

có một câu truyện nho nhỏ, với những sinh vật đang sống đang đi và đang đến trên một trái đất có thể trú ngụ được đầy ắp nhồi nhét với người đã chết, một câu truyện thật gọn, với đêm và ngày tới và đi ở trên cao, nếu đêm ngày trải xa được đến như vậy, chữ nghĩa ở lại được như vậy, và tôi có rất nhiều hy vọng, tôi hứa đấy."

Tựu chung chúng ta được đọc câu chuyện về một nhà tiểu thuyết đã bị cách ly khỏi thể văn tiểu thuyết. Nghe những giọng nói của Beckett khi thì kể lể rồi bỗng im bặt ngừng kể, lẩm bẩm về những nỗi bận tâm thường tình, rồi lại đột nhiên như trong nỗi đớn đau bạo tàn, kể tiếp câu chuyện nhưng lại thay đổi hết cảnh thổ và nhân vật, nhưng vọt nhảy khỏi các khúc chuyển tiếp, gặp chỗ nghịch lý dây vò chính mình, và bỗng cảm thấy chán ngấy muốn bỏ cuộc, muốn la hét vùng chạy... Đó không gì khác hơn câu là câu truyện về diễn trình sáng tạo với điểm tới kết thúc là "hết thảy rồi ra cũng chỉ để dẫn tới cái không-có-gì (nothing): "*Nhưng những ghi chú của tôi có một khuynh hướng thật kỳ lạ, cuối cùng tôi biết được như vậy, là nhằm hủy diệt hết mọi thứ chúng nhằm ghi lại.*"

5

Những ghi chú rời của tôi về Beckett đã không nhắc tới một phần khác rất giá trị trong toàn bộ văn nghiệp của ông là những vở kịch. Và một số thơ. Một truyện phim. Kịch của ông khá thành công, nhưng cuốn truyện phim duy nhất là một thất bại. Điện ảnh đã không thể truyền đạt ngôn ngữ Beckett.

Nhà văn Mỹ Robert Coover cho rằng: có lẽ, trong tất cả nhiều điều đáng nói nơi Beckett có một điều gây được ấn tượng mạnh mẽ lâu dài nhất: đó là *ý thức vĩ đại của ông về mệnh nghiệp nhà văn* trong một thời đại tuyệt vọng vì quanh ta không thấy có một nỗ lực nào giúp chúng ta tiếp tục sống tới. Với đời, với chính đời sống. Ai muốn bảo nghệ thuật của Beckett là gì đi nữa thì trên hết thảy mọi điều có thể nói được về Beckett, có một điều rõ ràng hiển nhiên nhất: *nghệ thuật đó chính là một ẩn ngữ, một dụ ngôn trải dài một đời người về toàn thể ý nghĩa của "viết" (writing).*

ĐÀO TRUNG ĐẠO

Kịch tác gia Samuel Beckett qua đời

PARIS (AP)- Nhà viết kịch Samuel Beckett, giải thưởng Nobel Văn Chương 1969, nhà thơ, nhà văn, kịch tác gia, người đã tạo ra một thế giới của niềm tuyệt vọng vô tận, đã tạ thế, hưởng thọ 83 tuổi.

Tác phẩm của Samuel Beckett miêu tả sự chết, và sự mục rã như là số phận duy nhất và không thể lẩn tránh được.

Dưới đây là danh sách một số tác phẩm chính của Samuel Beckett.

Kịch sân khấu

Waiting for Godot, 1952
Endgame, 1957
Krapp's Last Tape, 1959
Happy Days, 1960
Play, 1963
Not I, 1973
Rockaby, 1981

Kịch truyền thanh

All that Fall, 1957
Embers, 1959

Thơ

Whoroscope, 1930
Echo's Bones, 1935

Tiểu thuyết

Murphy, 1938
Watt, 1944
Mercier et Camier, 1946 (Bản tiếng Anh, 1974)
Molloy, 1951 (Bản tiếng Anh, 1956)
Imagination Dead Imagine, 1966
Ill Seen, Ill Said, 1982
Stirrings Still, 1989
...

Thomas O Connor, nhà bình bút văn học của Nhật báo *Register* ở Orange County, trong một bài phân tích, đã viết về Samuel Beckett như sau:

"Beckett từng được người ta biết tới như là một thi sĩ của niềm tuyệt vọng, nhưng quan niệm đó xem ra không đúng. Mô tả như thế là đánh mất đi cái chất hài kịch vừa đen vừa lẩn khuất đâu đó từng nối kết thành các tác phẩm của ông cũng như những bấu víu, kêu gào tuyệt vọng vào hư vô đã làm nguồn cảm hứng cho tác giả.

"Thế hệ mà Beckett đã sống là một thế hệ bơ vơ, một thời đại của những phung phí mạng sống con người không tiền khoáng hậu và của những hủy diệt tinh thần nhân loại. Trong Đệ nhị Thế chiến, Beckett đã chiến đấu bên cạnh Phong trào Kháng chiến của người Pháp không phải để biểu lộ lòng trung tín với các nước Đồng Minh nhưng, như ông đã có lần giải thích, chỉ vì cuộc chiếm đóng của Đức quốc Xã (tại Pháp) đã "làm cho cuộc đời các bạn hữu tôi biến thành địa ngục."

"Đó là một thái độ sống của một cá nhân, chẳng nhân danh bất cứ lý tưởng trừu tượng nào, nhưng là nhân danh những con người khác..."

VÕ PHIẾN GIỚI THIỆU GIÓ ĐÊM CỦA TRẦN THỊ KIM LAN

Tập truyện do Văn Nghệ xuất bản

Khi gặp chị Kim Lan lần đầu vào dịp chị về Cali, trong câu chuyện chị bảo:

– Hôm tôi vừa về đến nhà một cô bạn Mỹ ở Huntington Beach cả nhà mừng rỡ, bà mẹ của bạn tôi la lên: "Có con Lan về, mình có trầu ăn rồi!"

Tôi kinh ngạc:

– Ủa? Họ là Mỹ trắng mà. Chị bày họ ăn trầu hồi nào vậy?

Chị cười:

– Đâu có! Gia đình đó là Mỹ nhưng sinh sống ở các đảo nhỏ vùng Thái bình dương, họ cũng ăn trầu như mình vậy, mỗi lần xa nhà cả già lẫn trẻ đều thèm trầu cau lắm. Biết chợ Việt nam ở đây có bán, bạn tôi tìm mua, tả đủ kiểu nhưng chẳng ai hiểu gì cả. Chừng nghe tôi kể, cô bán hàng dặn tôi về nói lại với bạn chỉ cần hỏi "big leave" cô ấy sẽ biết ngay là lá trầu!

Chúng tôi cười vui về chuyện Mỹ ăn trầu. Và tôi thầm nghĩ: Chị Kim Lan có người bạn ngộ thật.

Sau này đọc **Gió đêm**, thấy trong đó nhiều bạn bè; so với họ cô bạn ở Huntington Beach ít ngộ nghĩnh nhất. Nhân vật **Gió đêm** phần lớn là người Mỹ, nam có nữ có, già có trẻ có, không người nào thiếu vẻ độc đáo. Này là Edna, gái da đen, lái xe buýt, với lối ăn nói, với cái nhân sinh quan, luyến ái quan, đặc biệt của cô ta. Thoạt gặp nhau, cô tài xế bảo cô giáo:

– Ớ... ớ... ớ... Xin lỗi. Từ nãy giờ cứ ngáp hoài. Tôi mệt.

Cô giáo đáp:

– Không sao. Tôi sẽ ngáp với chị. Tôi cũng đang mệt. Thiếu ngủ.

Thời gian trôi qua, ngày ngày trên các chuyến xe cô tài xế thuyết cho cô giáo nghe về cách sống, cách yêu, gọi cô giáo bằng cưng, bằng bạn yêu dấu, bằng... con, sweetheart, honey, baby v.v... Đến cuối niên khóa, chia tay nhau, ôm nhau, hôn nhau, họ mới trao đổi tính danh. Cô giáo cúi đầu vừa bước đi vừa lẩm bẩm cái tên: Edna. "Edna, chị là người bạn, một mối thân tình quí báu trong đời tôi, trên đất nước mà tôi vẫn nghĩ muôn đời xa lạ." (Edna)

Này là bà Katz, láng diềng da trắng, già khú đế, rút từ kinh nghiệm một đời ra một nhận định bày tỏ bằng cách chỉ thẳng tay xuống đất tuyên bố: "Những người đàn ông tốt xuống dưới đó hết rồi." Tất nhiên như thế thì cô giáo không nên lấy chồng làm chi, hãy ở vậy nuôi con và... giúp đỡ láng diềng. Bà có thể gọi cô giáo vào lúc một giờ sáng để nói mấy câu vớ vẩn. Giúp đỡ thì được bà khen: "Con là một thiên thần". Lâu không đến viếng thăm bà, bà dữ dằn: "Mày là con đĩ!", hay mỉa mai: "Ê, người lạ, còn ở đây hả?"

Này là ông Hoàng tử Phi châu trong vườn Arnold Arboritum của đại học Harvard, đang vung tay hùng hồn thóa mạ toàn thể giống dân da trắng cùng nền văn minh da trắng, đang cao hứng lôi cả ông Khổng tử vào cuộc tán tỉnh đầy hào hứng, chợt nháng thấy bóng một tên ăn cắp đồng hồ liền bỏ cô giáo nhào về công việc làm ăn thậm thụt của

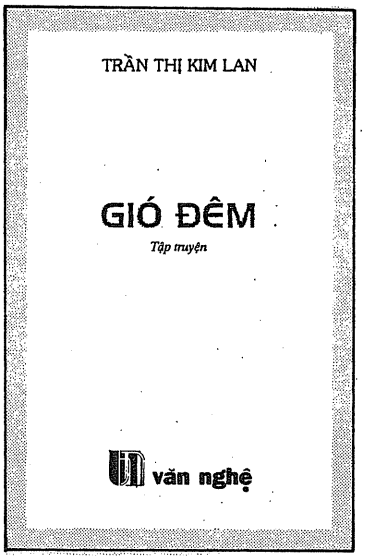

mình.

Này là cô tiến sĩ tâm hồn tràn ngập lý tưởng cao đẹp, say sưa đấm đuối viết những lá thư và những bài thơ hằng ngày rồi hàng giờ, gửi một vị linh mục già sắp chết vì ung thư, cô đấm đuối bám sát một hình ảnh thánh thiện cho đến lúc ngửi thấy mùi tử khí liền dội ra mang ba-lô sang Phi châu tìm một mục tiêu hi sinh cao cả khác. Vân vân...

Những nhân vật như thế – bạn bè, học trò, láng giềng – chật ních cả **Gió Đêm**. Họ đi lại, nói cười, cãi cọ, gây gổ..., mỗi người một kiểu độc đáo. Mẹ con cô bạn Mỹ ăn trầu ở Huntington Beach đã thấm gì? làm sao theo kịp?

*
* *

– Vậy **Gió đêm** vui thật. Một

tập hợp dị nhân nhốn nháo, quấn quít nhau, hẳn là vui nhộn và đầm ấm biết chừng nào.

– Ối trời! Không có gì xa nỗi vui vẻ và nhất là sự đầm ấm hơn là cảnh quấn quít ở Boston.

Ở đây quả có quấn quít. Học trò quấn quít cô giáo: Mỗi lớp đều có vài ba trò không thấy cô giáo là cô giáo mà là má; gọi cô là má ngay trong giờ học; sổ mũi, nhức răng, đêm ngủ thấy chiêm bao cũng kể với má; thậm chí bỏ học đi bụi đời rồi tình cờ gặp cô giáo lại trách má thiếu trông nom! (Gió đêm) Láng giềng thì vắng nhau ít lâu đã đâm giận đâm hờn (Kẻ lạ người thân). Bạn bè thì "Nó không có con, nhận con tôi làm con nó. Tôi bị quê hương đày đọa, nhận xứ nó làm xứ tôi." (Ánh mặt trời bất tận); bạn bè thì mỗi lần rời nhau đi đâu về lại điện thoại gọi nhau ơi ới, ríu ra ríu rít (Hành trình vào đời)...

Quấn quít thì có, nhưng ấm áp tuyệt không. Trái lại, ở đây chỉ có cô đơn. Ở đây là cái ríu rít của những cảnh đời cô đơn, là những mảnh cô đơn cố bám víu lấy nhau. Cô đơn và lạnh lẽo. Ôi, cái lạnh Boston: lạnh ngoài trời đêm, lạnh trong gió ("Ngày rời Việt nam trở qua đây, nhớ đến gió Boston má rùng mình" – Gió đêm); nhưng cái lạnh khủng khiếp nhất là cái lạnh đã thấm vào tâm hồn cậu Hoàng Trí Nhân, vô phương chữa trị (Cảm lạnh).

Trong những đêm đông gió rú khắp trời, giữa cảnh cô quạnh, một cậu bé mười ba mười bốn tuổi cùng với độc một người mẹ lẻ chiếc, họ đã triền miên trong những suy tưởng thắc mắc mông lung, những thắc mắc mà trên hai nghìn năm triết học chưa tìm ra lời giải đáp: "Ta là ai? Tại sao có sự sống, sự chết?" (Gió đêm). Rốt cuộc người mẹ nhận ra: "Ta không là ai cả khi không còn một liên hệ với người khác".

Cô đơn làm bật nảy ra cái tầm quan trọng cốt yếu của người khác, cái chân lý về người khác. Mặc cho ai đó kêu "địa ngục là tha nhân", kẻ cô đơn lấy tha nhân làm điều kiện thiết yếu cho sự có mặt của mình trên đời! Có người khác, vậy ta hiện hữu. Không có người khác thì... không có ta!

Người khác là cực quí, là tối cần, dù người khác là một cô tài xế cùng ta có sự cách biệt vời vợi về tâm lý, là một Hoàng tử Phi châu lếu láo, là một bà lão láng giềng lú lẫn v.v... Tác giả theo dõi những nhân vật ngộ nghĩnh nọ – bè bạn cũng như học trò – với một ánh mắt tinh nghịch mà khoan dung, cái tinh nghịch nhuốm một trắc ẩn dịu dàng. Độc giả theo dõi những câu chuyện "vui vẻ" hứng thú nọ cho đến cuối cùng, và chợt đối diện với một ấn tượng chua chát: "Chao ôi là... người khác!"

Thấm thía chua chát, chúng ta nghĩ đến thân phận những cây mắm cây tràm mọc trên các bãi phù sa mới bồi ở miền cực nam của đất nước, đến cảnh đời cô quạnh của lớp người tiền phong "phá sơn lâm đầm hà bá", đến tâm trạng chơi vơi của những thằng Cộc lo không tìm được vợ để cưới vì e không cô gái nào thèm đến đất Ô Heo ... Mai kia, khi bà con ta đã đến Boston đông đảo, cũng như đã sinh cơ lập nghiệp khắp các đô thị Hoa kỳ, đã thành đạt, thích ứng với cuộc sống nơi xã hội mới, sống thoải mái hồ hởi v.v..., lúc bấy giờ may mà còn có **Gió đêm** để nhắc nhở các thế hệ sau về tình cảnh của một lớp tiền hiền khai phá...

– Khai phá Boston? Những nơi chốn lấy lừng với các cơ sở văn hóa, doanh nghiệp, đại học đồ sộ như thế mà chờ di dân đến khai phá?

– Di dân không khai phá cho người bản xứ, mà cho di dân. Con vật lưỡng thê tiền hiền khai phá chỗ đặt chân cho các loài sinh vật trên mặt đất cũ rích. Người da đen Martin Luther King khai phá chỗ trời đầu cho người da đen trên đất Mỹ thời nguyên tử. Những phu phen từ Trung hoa sang đắp đường hỏa xa không dựng nên San Francisco, nhưng đã khai phá một chỗ đặt chân tin cậy cho Tôn Dật Tiên ngày trước đi đi về về, cho bao nhiêu trí thức, sinh viên nạn nhân vụ Thiên an môn vừa qua, cho đám dân Hương cảng đang lo sắp mất tự do trong một tương lai gần. Thế hệ tiền hiền của mẹ con cô giáo đang góp tay khai phá Boston để nó trở thành một nơi mà các lớp người Việt sau này có thể ngủ những đêm an lành không sợ gió, sống những ngày hạnh phúc giữa khối "người khác" thân thiện...

Ở Cali (và những vùng tương tự), nơi bà con ta tụ hội đông đảo sum vầy, chúng ta cùng nhau nhắc chuyện quê hương, nhớ về đất cũ người thân. Ở Boston (và những vùng tương tự), vắng bóng đồng hương, kẻ lạc lõng than thở về cảnh tứ cố vô thân. Cái đau của chia lìa cùng với cái đau của hội nhập làm nặng trĩu nền văn chương hải ngoại. Hai dòng lệ chưa khô, chưa ngừng trên khuôn mặt văn chương hải ngoại.

*
* *

Vừa rồi câu chuyện khai phá đất phù sa làm chúng ta liên tưởng đến vài nhận xét phổ biến gần đây: Có người thấy các cây bút miền Nam càng ngày càng đông, có người để ý các cây bút nữ giới mỗi lúc mỗi nhiều. Trần thị Kim Lan là một nữ sĩ quê ở Cà mau.

Nam Bắc, thôi! không phân biệt làm chi: đều là chúng ta với nhau cả. Nhưng nguyên một điểm thuộc về nữ giới, chị đã tự đóng góp vào một hiện tượng hay ho của thời đại. Quả thực, bây giờ các bà các cô phong phú quá, như muốn bù lại sự ra mắt muộn màng trong văn học ta. Ở Nhật chẳng hạn – cũng là một nước Á đông – nữ giới giữ thế chủ động ngay từ buổi đầu. Xa tít tận thế kỷ thứ VIII, vào thời kỳ Nara, một phần lớn thi ca đã là do các nữ thi sĩ. Đến thời kỳ Heian (từ thế kỷ thứ IX đến đầu

thế kỷ XII), phần văn học sáng tác quan trọng nhất bằng Nhật ngữ cũng lại của các bà các cô: Hai tác phẩm nổi bật của thời đại văn học cổ điển Nhật (**Genji Monogatari** và **Makura Zoshi**) là bút ký của nữ giới. Những bàn tay phụ nữ thời ấy đã từng cầm bút viết cả bộ sách 54 cuốn dài trên bốn nghìn trang để đời, đâu phải qua loa, ỡm ờ! Phụ nữ ta ngày trước khiêm tốn, khép nép lắm. Những Ỷ Lan, Điểm Bích lưu lại dăm ba câu. Mãi đến thế kỷ XVIII mới có tên tuổi lớn, tuy vậy cái phần đóng góp về lượng của mỗi vị cũng không được mấy; của bà Huyện Thanh Quan chẳng hạn còn lại không tới mười bài thơ.

Thế nhưng đến thời chúng ta, thình lình nữ giới đứng lên ào ào. Đã đành ở đâu cũng vậy, ở ngành nào cũng vậy: càng ngày càng phát triển. Nhất là ở thành phần trước bị áp chế sau được bình quyền thì sự phát triển phải mạnh. Nhưng gần đây chúng ta quả có làm chuyện lạ: Linh Bảo – Minh Đức Hoài Trinh; Trọng Tuyến – Ngọc Nhung; Trần thị NgH – Trần thị Kim Lan. Cứ từng cặp từng cặp chị em từ một mái gia đình tung ra. Đều đều. Rụp rụp. (Kim Lan là chị ruột của Nguyệt Hồng). Liệu ở Nhật ngày nay có một khí thế đầy thách thức như vậy chăng?

Sự đóng góp của họ về phẩm chất thật quí giá. Trần thị Kim Lan đơn giản, vắn tắt, nhanh gọn, nhưng cái gì cũng đến nơi đến chốn. Với vài nét phác họa, chị đã vẽ nên một chị tài xế da đen, một Hoàng tử Phi châu, một lớp học của trẻ di dân... vừa thực vừa linh động. Cốt cách hạng nào ra hạng ấy, lời ăn tiếng nói giới nào ra giới ấy. Và chị tinh nhạy sắc bén lạ thường: mọi diễn biến tâm lý cỏn con nơi cô bạn Diane (Hành trình vào đời), mọi thay đổi vô ý thức nơi giọng nói và cử chỉ của nhà hùng biện Juan Santiago (Ánh mặt trời bất tận) đều không thoát nổi mắt chị. Chị trông thấy cả, chị bắt gặp đúng lúc cả; chị mỉm cười chút xíu, nhưng không ác ý. Và các đối thoại trong truyện lúc nào cũng thông minh, ý vị.

Nhớ lại trước đây Trần thị NgH chưa kịp xuất bản cuốn sách nào mà truyện đã được chọn in vào tuyển tập **Những truyện ngắn hay nhất của quê hương chúng ta**. Bây giờ giả sử nếu có ai soạn **Những truyện ngắn hay nhất ngoài quê hương chúng ta** thì khi duyệt qua thành tích sáng tác mười lăm năm của văn học hải ngoại liệu ban tuyển trạch có cầm lòng được trước sức cám dỗ của một thiên truyện ngắn như "Hành trình vào đời" chăng?

Chị em như thế, mỗi người một vẻ. Mười phân cả.

Võ Phiến
10-1989

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. U.S.A.
Phone: (714) 527-5761
Ngân. chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

□ *SÁCH IN NĂM 1989:*

– TỐI THÁNG NĂM TẠI QUÁN ĂN DƯỠNG FIFTH *Tập truyện Nguyễn Ý Thuần*	10MK
– CHIẾC CẦU TRÊN SÔNG DRINA *Ivo Andritch, Nguyễn Hiến Lê dịch*	14MK
– DƯỠNG MỘT CHIỀU *Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác*	7MK
– Ý CAO TÌNH ĐẸP *Nguyễn Hiến Lê tuyển dịch*	8MK
– TRUYỆN NGẮN II *Võ Phiến*	14MK
– YOGA CĂN BẢN *Võ Đình Mai*	8MK
– THA HƯƠNG (MBDS) *Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác*	21MK
– THẦN, NGƯỜI VÀ ĐẤT VIỆT *Khảo luận Tạ Chí Đại Trường*	16MK
– CĂN NHÀ NGÓI ĐỎ *Nguyễn Xuân Hoàng*	8MK
– CỎ VÀ TUYẾT *Thơ Đỗ Quý Toàn*	8MK
– BÀI HỌC CỦA LỊCH SỬ *Will và Ariel Durant* *Nguyễn Hiến Lê và Trần Lương Ngọc dịch*	8MK
– QUÊ HƯƠNG *Thơ tình Định Nguyên*	8MK
– THIỀM HOANG *Truyện dài Nhật Tiến*	8MK
– MỘT THUỞ LÀM "TRÙM" *của Nguyễn Tấn Hưng*	8MK
– LỚP LỚP PHỦ SA *Truyện dài Kiệt Tấn*	13MK
– HỒI KÍ TẬP I *của Nguyễn Hiến Lê*	14MK
– MỘT QUẢ CƯỚI MÙA XUÂN *của Kiều Phong*	7MK
– GIÓ ĐÊM *Tập truyện Trần thị Kim Lan*	7MK
– TẠP BÚT *của Võ Phiến*	16MK
– NGHĨ VỀ THƠ *Biên khảo của Nguyễn Hưng Quốc*	9MK

Ngoài Hoa kỳ thêm 1MK cước phí cho mỗi cuốn
Muốn có thư mục đầy đủ, xin liên lạc nhà xuất bản.

NGUYÊN NGHĨA

CHỜ CHẾT

XUÂN THU

Giá 7 mỹ-kim — 8.50 gia-kim
HỎI TẠI CÁC NHÀ SÁCH
HOẶC GỬI CHI-PHIẾU VỀ:
Nhà xuất bản XUÂN THU
P.O. Box 97
Los Alamitos CA 90720

Đi xem triển lãm tranh của năm người họ Nguyễn ở Burbank, California

"NHỮNG NGƯỜI BƯỚC RA TỪ CẦU VỒNG"

LÊ TAM CA

Một cuộc bày tranh của các nhà thơ. Vâng, rất thơ. Phòng tranh nhỏ thôi, vừa đủ để tạo một bầu không khí ấm cúng, thân mật. Những vỉa tường cuồn cuộn mầu sắc -- cuồn cuộn như *New York 1990* của Nguyễn Việt, như *Ngựa* của Nguyên Khai...

Phòng tranh được giới thiệu một cách trìu mến bởi một thi sĩ -- Trần Dạ Từ. Từ ở Thụy Điển qua Mỹ chơi ít lâu, viết cho năm người họ Nguyễn những lời giới thiệu dặt dìu, những lời giới thiệu được dịch ra Anh ngữ và in trang nhã trên một *brochure* "nhà nghề," với tựa đề "*Those who walk out of the rainbow.*" Từ gọi những họa sĩ là "những người bước ra từ cầu vồng."

Năm người họ Nguyễn, năm người cầu vồng, là những ai?

Là Nguyên Khai (dòng Nguyễn Phúc hoàng gia) với những bức sơn dầu, sơn mài cỡ lớn, chiếm hết vỉa tường tay mặt của phòng tranh, không kể một bức lửng lơ ngay cạnh lối vào.

Trần Dạ Từ nói về Nguyên Khai: *Nhận ra nhau ngay, vẫn cô công chúa phương đông tóc bay, tay múa. Những tàu lá chuối. Những con chim thần thoại. Bạn cũ lâu năm gặp lại, thấy bên cái quen, có kèm cái lạ.*

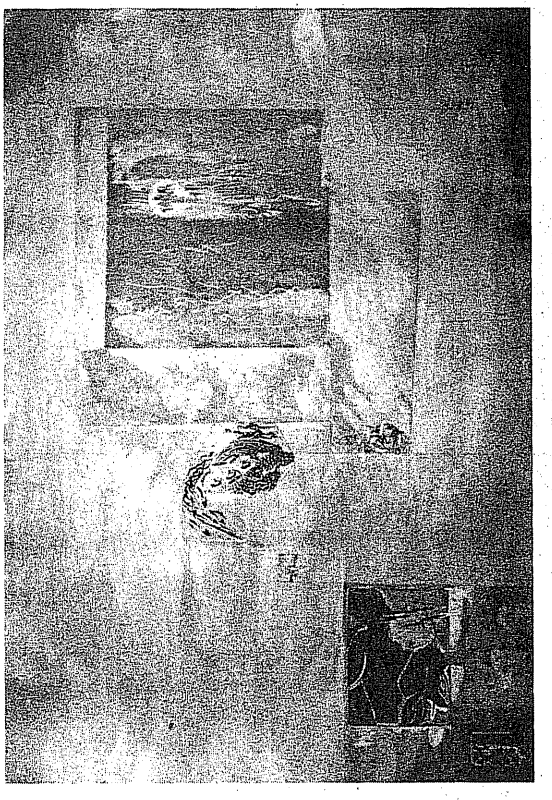

NGUYỄN VIỆT
Tranh Khắc

Thứ ánh sáng lấp lánh trong chất sơn kia, sao có gì khác trước? Tìm hoài không ra. Bèn bắt chước cô gái trong tranh: nhắm mắt. Những chấm màu sắc li ti cuộn chảy. Chồng chất. Nhòa nhạt. Đích thị Nguyên Khai: thứ ánh sáng đầy tính thơ và mộng của siêu thực.

Siêu thực? Phải dừng lại ngay chỗ cửa vào,

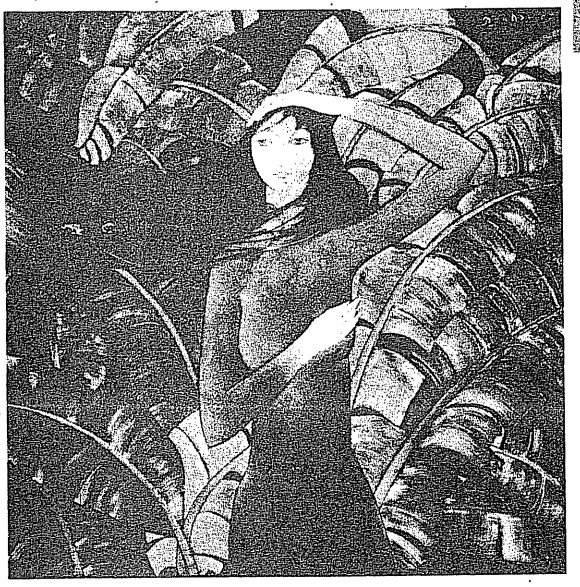

NGUYÊN KHAI
ĐÊM II
Sơn dầu, 40"X40", 1989

trước cái bàn để cuốn sổ vàng cho khách thưởng ngoạn ký tên, để nhìn cho kỹ, hai khung lộng kính những hình kỷ hà và những nét bút chì li chất Nguyễn Quỳnh. Nguyễn Quỳnh thực. Người nghệ-sĩ-khoa-bảng ** muốn tìm cho mình một phong thái độc đáo.

Trần Dạ Từ phân vân: *Nicolas Shoffer, rời bỏ nước Hung cũ kỹ, mang máy móc tây âu vào tranh. Serge Poliakoff, sau cách mạng tháng Mười 1917, bỏ nước Nga đi sống lưu đầy, xé rách mọi đường nét, mầu sắc, sang siêu thực, trừu tượng. Nguyễn Quỳnh có phải vậy không nhỉ?*

NGUYỄN ĐỒNG
Trâu nước
Màu nước

Đi theo Trần Dạ Từ tạt về bên trái, nơi căn phòng thụt vào một góc riêng, nhưng không u tối -- vì đèn rọi dàn dụa ánh sáng trắng, vì cửa kính nhìn ra đường Magnolia thênh thang, vì mầu trong tranh Nguyễn Việt chói lọi, nóng rẫy. Việt đưa ra những "chiêu thức" mới, kết hợp hội họa và đồ họa *(graphic)*, kết hợp nhiều thứ chất liệu trên một khung tranh. Từ bảo "mới mẻ quá," nhưng vẫn thấy: *Một vầng trăng trên biển dậy sóng hay trong mây cuộn gió? Sẽ không mất đâu, tâm hồn Việt Nam trong chất liệu và trong hành trình về phía trước.*

Suốt dãy tường trái từ cửa nhìn vào, là "tổ ấm," của đôi uyên ương Hợp-Đồng (ôi, hai cái tên tiền định đáng yêu!)

Nguyễn thị Hợp và Nguyễn Đồng, mỗi người mỗi vẻ trong đường nét và mầu sắc, nhưng có chung hai đặc điểm: những khuôn tranh nhỏ nhắn, xinh xắn -- dù đề tài có "nẩy nở" như gò ngực hay cặp đùi của một cô gái đang tắm, *(Tắm,* lụa của Nguyễn thị Hợp), hoặc "sần sùi" như con trâu già nằm kềnh trên cỏ sắc *(Trâu,* mầu nước của Nguyễn Đồng).

Một đặc điểm nữa trong tranh của cặp vợ chồng họ Nguyễn này là hơi thở Việt Nam -- cổ truyền, bình dị, biểu tượng và lãng đãng.

Từ dẫn chúng ta vào thế giới Hợp-Đồng: *Hãy xem người: Cô gái rửa chân. Lưng rồi ngực bà mẹ trong các tranh mẹ con. Tất cả đều đầy tính dân gian.*

NGUYỄN THỊ HỢP
Mẹ và con
Màu nước trên lụa

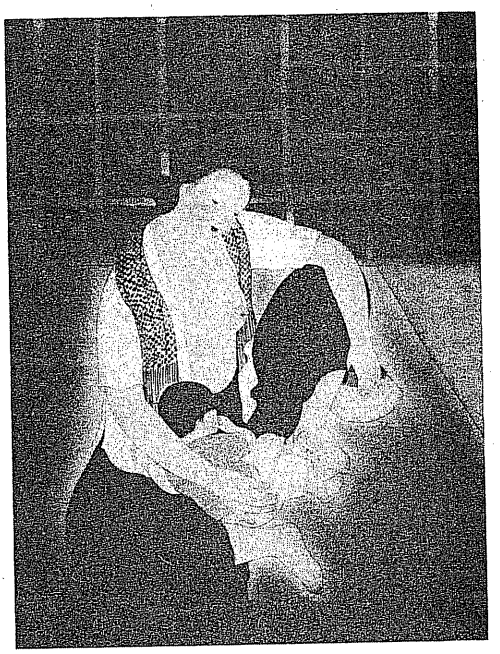

Rồi nhìn tới cảnh: cây lá, mảnh phên tre, tấm khăn rằn, cái chậu gỗ... những vật dụng thân quen, xưa vốn mờ nhạt trong tranh, nay, với Nguyễn thị Hợp, bỗng sinh động, tỉ mỉ.

(...)

Cây cỏ, Mặt trời, cánh đồng của Van Gogh vùng vẫy. Của Nguyễn Đồng, lặng lẽ. Con trâu trong tranh Lão Đam thơ thới hân hoan bước đi. Con trâu của Nguyễn Đồng quị gối, đường nét xù xì như rễ cây, mầu sắc vần vũ như trời đất.

Phòng tranh của năm người họ Nguyễn đẹp như thế, thơ như thế, nên chẳng ai lạ khi người bạn thơ họ Trần của chúng ta đòi: *Xin phép. Cho tôi chia vội tí phần ánh sáng từ các bạn.*

Phòng tranh mở cửa từ 2 tháng Mười Hai, đến 31 tháng Giêng, 1990, tại Studio Gallery & Framing, 3803 West Magnolia Blvd., Burbank, California.

* Tựa của Trần Dạ Từ.

** Nguyễn Quỳnh đậu Ph. D., dạy lịch sử nghệ thuật tạo hình tại đại học Columbia, New York.

Sách Báo Trong Tháng

NGUYỄN NAM ANH

CHỜ CHẾT, Tập truyện của Nguyên Nghĩa, Xuân Thu xuất bản. Sách dày 166 trang. Đề giá 7.00MK.

Chờ Chết là tác phẩm đầu tay của Nguyên Nghĩa gồm mười truyện ngắn, đã đăng rải rác trên các tạp chí Làng Văn, Độc Lập, Tân Văn, Sóng, Công Luận, Măng Non, Văn... Truyện của Nguyên Nghĩa là tiếng nói dấn thân mạnh mẽ, góp phần vào nền văn chương đấu tranh tại hải ngoại.

Trước năm 1975, Nguyên Nghĩa là sĩ quan pháo binh sư đoàn 21 của QLVNCH. Khi Saigon thất thủ, cũng như mọi sĩ quan khác, Nguyên Nghĩa bị đi học tập cải tạo trong nhiều năm tháng. Năm 1979, anh vượt biển và đến định cư tại Tây Đức. Gần 10 năm sống tại Tây Đức, năm 1988 Nguyên Nghĩa di chuyển qua Canada, cư ngụ tại Toronto.

Trẻ trung và năng động, Nguyên Nghĩa là một trong những nhà văn mà sức sáng tác còn đầy triển vọng.

KẺ SỐNG SÓT, Tiểu thuyết của Xuân Vũ, Bạt của Hoàng Khởi Phong, Tựa của Nguyễn Mạnh Trinh, Văn Khoa xuất bản. Sách dày 340 trang. Đề giá 14 MK.

Đây là câu truyện của một phi công Mỹ bị bắt nhốt trong cũi lợn được QLVNCH giải thoát trên đường mòn Hồ Chí Minh.

Trong lời bạt của cuốn tiểu thuyết này, Hoàng Khởi Phong gọi Xuân Vũ là một nhà văn có một đời sống đặc biệt. Đặc biệt bởi vì ông đã đi một chuyến đi dài gần 30 năm trời trên con đường ngược chiều để rồi sau

cùng lại quay về cứ điểm. Tác giả *Đường Đi Không Đến* đã đến được bến bờ mà trước đây ông đã bỏ đi. Ông là nhà văn của hai miền. Tác phẩm của ông là vũ khí chống lại cái guồng máy phi nhân bản của chế độ miền Bắc. Nếu Thế Giang qua *Thằng Người Có Đuôi* diễn tả Hà Nội dưới mắt một người sinh trưởng tại chỗ thì tác phẩm của Xuân Vũ cho thấy xã hội ấy dưới mắt con người "tập kết" từ miền Nam nhận ra được sự lừa dối của một lý tưởng.

NGẮN CỔ KHÓ KÊU, Chuyện dài của Nguyễn Đức Lập, Bạt của Hoàng Khởi Phong. Hoa Gấm xuất bản. Sách dày 300 trang. Đề giá 12 MK.

Cái đặc điểm đầu tiên về chữ nghĩa của Nguyễn Đức Lập đó là ông không dùng chữ TRUYỆN để nói về các sáng tác của mình mà chỉ dùng chữ CHUYỆN, như một chuyện kể. Rất già dặn trong suy nghĩ, rất nhân sinh trong nghệ thuật, rất Nam bộ trong truyện kể, Nguyễn Đức Lập là một trong số những nhà văn xem văn chương như là một chiếc xe chở *cái đạo* của mình. Đọc Nguyễn Đức Lập, người ta dễ liên tưởng đến nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu, tác giả Lục Vân Tiên. Hai câu thơ sau đây của cụ Đồ Chiểu có thể vẽ cho ta hành trình của nhà văn Nguyễn Đức Lập:

Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà

MƯỜI TRUYỆN TÂN LIÊU TRAI, truyện Liêu Trai của Thăng Long Văn Sĩ, Tân Thư xuất bản, sách dày 142 trang. Đề giá 8 MK.

Cuốn sách mỏng của tác giả Thăng Long Văn Sĩ được sự đóng góp của nhiều nhà văn và họa sĩ. Với lời tựa của Nghiêm Xuân Hồng và lời bạt của Nguyễn Xuân Hoàng, cuốn

sách còn được lời bàn của Võ Phiến, Nhật Tiến, Xuân Vũ, Đỗ Kh., Phạm Văn Hải, Nguyễn Bá Trạc, Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Mộng Giác, Viên Linh, Bùi Ngọc Tô. Đó là chưa kể tranh của các họa sĩ Ruth Talovich, Thái Tuấn, Nguyễn Thị Hợp, Nguyên Khai, Ngọc Dũng, Nguyễn Quỳnh, Nguyễn Trọng Khôi, Nguyễn Đồng, Khánh Trường, Đỗ Năng An càng làm cho tập sách trở nên phong phú hơn.

Phải là người yêu Bồ Tùng Linh lắm mới viết ra được những truyện như 10 truyện trong Tân Liêu Trai này.

THẾ GIỚI ÂM THANH VIỆT NAM, 12 Nhạc Luận Về Những Vấn Đề Hôm Nay, của Nguyễn Thuyết Phong. Bìa của họa sĩ Nguyễn Thị Hợp, Hoa Lan xuất bản sách dày trên 200 trang. Đề giá 12 MK.

Ra đời tại biên giới của ba

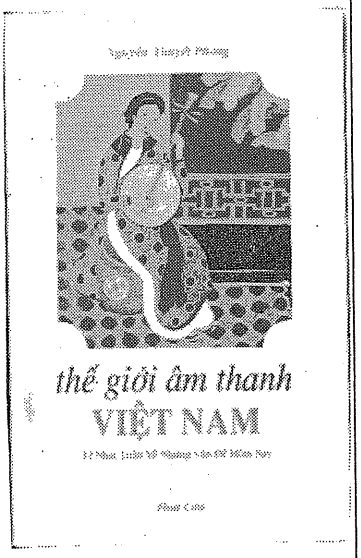

tỉnh Cần Thơ, Trà Vinh và Vĩnh Long, Nguyễn Thuyết Phong từ nhỏ đã được thụ huấn nhạc lễ, nhạc cải lương và hát bội với các nhạc sư danh tiếng thuộc những lãnh vực này.

Tốt nghiệp Tiến sĩ Âm nhạc Học đại học Sorbonne, Nguyễn Thuyết Phong đã đóng góp công trình nghiên cứu và giảng dạy Dân Tộc Nhạc Học đáng kể cho Trung Tâm Quốc Gia Nghiên Cứu Khoa Học (Pháp), Thư Viện Quốc Hội (Library of Congress) và 16 viện Đại Học Hoa Kỳ.

Trong phần dẫn nhập tập san, tác giả Nguyễn Thuyết Phong cho rằng ông lấy *cái nôi Việt Nam là điểm tựa để đối chiếu ít nhiều với cái vũ trụ âm nhạc bên ngoài... Do đó, vài vấn đề chính tập sách này nêu ra có tính cách thực tiễn: âm nhạc Việt có thực hay chăng? Nếu có, đâu là sự sống và nền tảng lý thuyết của nó?... Học thuật âm nhạc Tây Phương có giúp gì trong việc giải quyết những vấn đề bảo tồn, phát huy nhạc ta hay chăng?*

KIẾN TRÚC PHẬT GIÁO VIỆT NAM, kiến trúc sư NGUYỄN BÁ LĂNG, Hoa Cau xuất bản. Sách dày 160 trang, khổ 8 x 10 3/4. Đề giá 14.00 MK.

Sinh năm 1921 tại Mỹ Hào, Hưng Yên, Bắc Việt. Ông Nguyễn Bá Lăng tốt nghiệp Cao Đẳng Mỹ Thuật Hà Nội, đại học kiến trúc Dalat và Saigon. Từ 1950 đến 1955, kiến trúc sư Nguyễn Bá Lăng làm việc ở Sở Quốc Gia Bảo Tồn Cổ Tích. Từ 1956 đến 1975, tòng sự tại Viện Khảo Cổ Miền Nam, ông Nguyễn Bá Lăng là chuyên viên nghiên cứu Kiến Trúc và Mỹ Thuật cổ truyền, bảo trì và trùng tu các di tích lịch sử như Tháp Chàm và những cung điện lăng tẩm ở Huế v.v...

Trong lời tựa viết cho tập biên khảo hồi tháng Mười 1971, ông Thích Đức Nhuận viết "một mái chùa cong, một ngôi tháp cổ đủ nói lên trọn vẹn cái ý nghĩa hồn tính của một dân tộc, và hơn nữa, nó còn là suối nguồn, để tồn tại, triển khai... Việt Nam không có những đại kiến trúc Phật giáo khổng lồ, như Đế Thiên Đế Thích của Kampuchia, Ajantâ của Ấn Độ, và các đại tháp hùng vĩ tráng lệ như Chiêm Thành, thế nhưng nhân dân Việt Nam vẫn có những ngôi chùa tuy không đồ sộ to lớn lắm nhưng, ở khắp nơi trong nước, làng nào cũng có ít nhất một ngôi chùa thờ Phật, đồng thời cũng là giảng đường để khai đạo, nhằm phục vụ hữu hiệu công cuộc ích nước, lợi dân."

Một tập biên khảo rất giá trị.

THƠ ĐỖ KH. Của Đỗ Kh. Tân Thư xuất bản. Sách dày 92 trang, gồm 37 bài thơ. Giá 7 MK. Đỗ Kh. viết truyện ngắn, ký sự (đi Tây), chụp ảnh, làm thơ... thứ nào cũng hay, cũng sôi nổi, cũng tuyệt vời. Trong bài mở đầu như một lời tựa, Đỗ Kh. ghi "lời xin lỗi" rằng "*Những bài thơ trong tập này, những chữ trắc bằng sau đây dòng một dòng hai, những cái vần ít ỏi, những cái vần kém cỏi, những cái vần mệt mỏi (làm dáng vừa thôi), đều có thừa nên tôi cần xin lỗi.*"

Vào tựa như thế này quả là quá lạ lùng. Trước đây là Ngu Yên, bây giờ là Đỗ Kh., mỗi ngày chúng ta có thêm những *tay thơ* (không có dấu nặng) kỳ

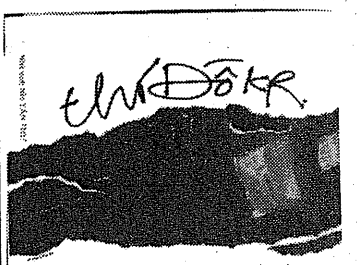

lạ, làm mới ngôn ngữ trong một khám phá vô cùng hấp dẫn. Thơ Đỗ Kh. rất Đỗ Kh., không giống bất cứ nhà thơ nào khác trước đó và càng sẽ không giống bất cứ nhà thơ nào sau đó.

(NNA)

Nhã văn Nguyễn Ngọc Ngạn lên tiếng...

TK21 vừa nhận được thư của nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn, chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, địa chỉ ở Toronto, Canada. Đính kèm thư là một bài viết trình bày diễn tiến của Đại Hội Văn Bút ở Canada hồi cuối tháng Chín 1990 và những bài viết của báo Lửa Việt trước và sau khi Văn Bút họp.

Trước khi Văn Bút họp, theo nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn, "báo Lửa Việt chụp cho Văn Bút cái mũ hòa hợp hòa giải dân tộc, nại cớ có LS Trần Thanh Hiệp làm chủ tịch." Sau khi Văn Bút họp, "tờ báo xoay qua tấn công tôi (Nguyễn Ngọc Ngạn) và mạ lỵ ban chấp hành mới." Về phần cá nhân mình, nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn cho biết: "báo Lửa Việt số 27, trang 30, ông Hải Triều viết: "*Ông* (NNN) *đưa ra thí dụ các loại tác phẩm dưới dạng hồi ký cải tạo không thể coi là tác phẩm văn học, vì nó chỉ là kết quả của những dồn nén, ấm ức của những năm tháng tù được viết ra.*"

Nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn nói câu trên đây là của ông Hải Triều, không phải của ông.

Ông cho biết trong khi đề cập tới hồi ký cải tạo qua bài thuyết trình "Sơ Kết 14 Năm Văn Học Hải Ngoại" trước Đại Hội Văn Bút, ông có viết: "*Hồi ký cải tạo có thể coi là những tuyên ngôn chính trị, những cáo trạng nhân quyền. Người viết hồi ký cải tạo nhằm mục tiêu cao hơn là làm văn học thuần túy: họ muốn tố cáo với thế giới tội ác của chế độ Cộng sản.*"

Bài lên tiếng minh xác của nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn đã được công bố trên nhiều báo chí Việt ngữ tại hải ngoại.

NHÀ XUẤT BẢN NGƯỜI VIỆT

Sắp phát hành

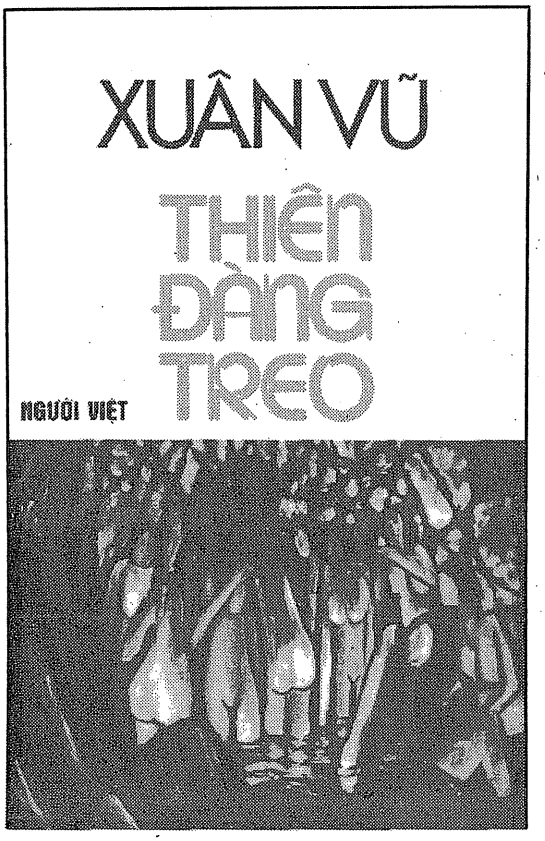

Tác phẩm đang được nhiều người mong đợi

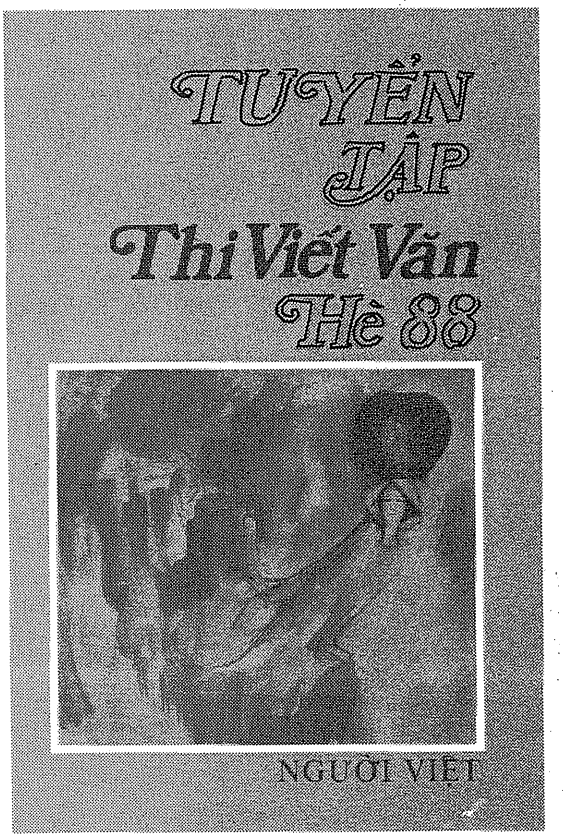

Tác phẩm đầy ắp tâm tình và ước vọng của tuổi trẻ Việt Nam hải ngoại

Mục lục chỉ dẫn

THẾ KỶ 21

Từ số 7 đến số 9

Tên bài theo thứ tự ABC

Số đứng là số báo

Số nghiêng là số trang

A

Ảo giác du hành không gian,
Khi mùa lạnh tới,
Trần Văn Nam, 7. *44*

Ăn chuối,
Nguyễn Hữu Chung, 9. *78*

B

Ba Lan và Việt Nam,
Nguyễn Hữu Chung, 7. *45-46*

C

Cảm và tưởng lúc nhổ răng,
Ngu Yên, 7. *22*

Cỏ và Tuyết của Đỗ Quý Toàn,
Nguyễn Tất Nhiên đọc, 7. *50-51*

Carlos Fuentes:
Tiềm năng của tiểu thuyết,
Đào Trung Đạo, 7. *72-75*

Cô gái Sàigòn tại Hí Viện
Hoàng Gia Luân Đôn,
Vann Phan, 7. *76-77*

Camilo Jose Cela,
Nobel Văn Chương 89,
Tin, 7.*81*

Cảm tưởng về biến cố
Bức Tường Bá Linh,
LTC, 8. *16-18*

Cape Collinson? Ở Cuối đường,
Lê Đại Lãng, 8. *52-54*

Camilo Jose Cela
Kristina Bonella phỏng vấn,
8. *70-71*

Chuyện của người đọc truyện,
Trần Diệu Hằng, 9. *20-25*

Có lẽ chẳng bao giờ,
Hải Vân, 9. *26-24*

D-Đ

Đảo chánh và thay đổi đất nước,
Nguyễn Văn Khanh phỏng vấn
Trần Văn Đôn, 7. *18-22*

Đảng Cộng Sản Hung lột xác,
Tin, 7. *25*

Đổi mới kinh tế Cộng Sản
kẹt ở đâu,
Vương Hữu Bột, 7. *33-44*

Đường Portobello,
Muriel Spark
Trần Diệu Hằng dịch, 7. *54-65*

Đức Đại Lại Lạt Ma,
Nobel Hòa Bình,
Tin 89, 7. *71*

Đại Hội Văn Bút Việt Nam
Hải Ngoại 89 tại Canada,
Tin, 7. *82*

Đông Đức và Việt Nam,
Nguyễn Hữu Chung 8. *14-15*

1989: "Động đất
tám chấm sau bức tường đỏ,
Lê Đình Điểu, 9. *9-13*

Đào và Chó,
Xuân Vũ, 9. *14-19*

Đóa hôn giữa lá,
Trân Sa, 9. *39-43*

G

Ghi vội về một cuộc trực diện
với Cộng Sản,
Trần Thanh Hiệp, 8. *37-40*

Giáng sinh của Grand Pa,
Nguyễn Văn Ba, 8. *46-51*

Gang tấc quan san,
Vũ Huy Quang 2. *55-57*

Giải thưởng sách 1989,
Vann Phan, 8. *77-78*

Giả thuyết về một thế trận mới
của Mạc Tư Khoa,
Lưu Văn Vịnh, 9. *4-6*

Gặp gỡ Bác sĩ Zhivago,
Phạm Xuân Đài, 9. *65-69*

Gúc, Biếm Họa,
Kampuchia (7. *16),*
Chó Đông Đức (8. *18),*
Ho Ho Ho (9. *6)*

H

Hà Nội rút quân,
vấn đề Căm Bốt vẫn lằng nhằng,
Lê Tam Ca, 7. *17*

Hà Nội hốt hoảng
trước các biến cố ở Đông Âu,
Phạm Vĩnh Long, 8. *7-8*

Hỏi Chút,
Nguyễn Tất Nhiên, 8. *51*

Huyết Hoa,
Mai Thảo, 9. *28*

K

Khoa học của sự hỗn loạn,
Nguyên Phong, 7. *78-81*

L

Lời thống trách
của Lê Thị Vân Nga,
Cao Đông Khánh, 7. *52-52*

M

Máu nhiễm trùng
ta có thể thay chăng?,
Chân Văn, 8. *4-6*

Một,
Trần Trúc Giang, 8. *66-69*

Một thi sĩ Việt Nam đoạt
hai giải thưởng về thi ca tại Mỹ,
Phạm Việt Cường, 8. *79-80*

Một kỹ thuật mới trong
ngành điện toán ngày nay,
NVT sưu tập, 8. *86-87*

Mười hai câu lục bát,
Nguyễn Mạnh Trinh, 9. *43*

Mười lăm năm Văn Học
Cộng Sản,
Nguyễn Hưng Quốc, 9. *73-83*

Mười dự báo cho đời sống,
LTC, 9. *84-85*

N

Nhân quyền và Hiến pháp
CHXHCNVN,
Trần Danh San, 8. *32-36*

Những người vượt biên giới,
Rolf Schneider,
Phạm Việt Cường dịch, 8. *41-45*

Ngàn vàng ca dao,
Định Nguyên, 8. *54*

Nhân vật tiểu thuyết
Pascual Duarte
của Camilo Jose Cela,
Phạm Công Thiện, 8. *72-76*

Ngọn cỏ trong mùa xuân,
Nguyễn Thiếu Nhẫn, 9. *30-34*
Nắng những mùa xuân cũ,
Phạm Việt Cường, 9. *57*
Nhân Chứng,
Ngô Nguyên Dũng, 9. *58-64*

P

Phong trào giải thể Cộng Sản
ở Âu Châu,
Lê Thiện Tùng, 8. *9-13*
Phải chăng mặt đất rạn nứt
dưới chân Mỹ,
Hoàng Linh, 8. *81-85*
Phở Hách,
Hà Thúc Sinh, 9. *44-50*
Phố Hàng Dầu,
Phạm Duy, 9. *70-72*

S

Sự thật về
cuộc cách mạng Nga 1905,
Trịnh Y Thư, 7. *26-32*
Sách báo trong tháng
(Buổi Sáng Một Mình,
Mẹ, Quê Hương và Nước Mắt,
Đổi Mới Kinh Tế, Gọi Bình Minh)
Lê Tam Ca, 9. *86-87*

T

Tổng thống Ngô Đình Diệm
và ngày 1-11-1963,
Cao Văn Viên, 7. *23-25*
The Le Code,, Luật đời nhà Lê,
Lê Tam Ca, 7. *84*
Tính chất ma túy
của chủ nghĩa Mác xít,
Vương Hữu Bột, 8. *19-31*
Thi sĩ và Thơ,
Ngu Yên, 8. *61-65*
Trái tim, Trí nhớ và Giòng sông,
Nguyên Sa, 9. *28*
Tình bậu muốn thôi,
Nguyễn Thị Hoàng Bắc, 9. *35-38*
Tình Yêu,
Khánh Trường, 9. *51-55*
Trích dẫn chính mình,
Chân Phương, 9. *57*
Tôi,
Tam Trương, 9. *68*
Trung tâm Văn Bút Quebec
bầu Ban Chấp Hành
nhiệm kỳ 89-91,
Tin, 9. *87*

V

Vấn đề Cam Bốt và
cuộc tranh chấp
giữa hai dân tộc Thái Việt,
Thế Uyên 7. *6-16*
Việt Nam, Tổ Quốc và Em,
Diễm Châu, 7. *47-49*
Vu Miệt,
Tam Trương, 7. *53*
Vaclav Havel: Hy vọng rất gần,
Mark Frankland,
Nguyễn Đăng Thường dịch,
7. *66-71*
Vạn lý độc hành,
Văn Lang Thi Sĩ, 8. *58-60*
Về bài viết của ông Thế Uyên,
Trần Văn Nam, 8. *87*
Vài chuyện vặt mùa xuân,
Nguyễn Hoàng Nam, 9. *29*

X

Xuôi Nam,
Nguyễn Văn Ngọc, 9. *85*

* * *

Trong ba số báo 7, 8 và 9 có sự đóng góp minh họa của các họa sĩ Nguyễn Thị Hợp, Ruth Talovich, Khánh Trường, Hạ Quốc Huy, Bé Ký. Đặc biệt trong số 8 có sử dụng rất nhiều biếm họa được trích từ các báo ngoại quốc.

Toà Soạn & Bạn Đọc

Ô. Phan Khắc Anh, *OK* -- Đã nhận đủ các sáng tác của ông. Từ Cạn Giòng đến Đôi Bờ có một bước tiến rõ rệt. Nếu sau hai số báo bài không đăng, xin ông có thể gửi cho các báo khác. Thành thật cám ơn sự đóng góp quý báu của ông. Chúc ông sáng tác mạnh.

Ô. Xuân Tước, *Aurora* -- Về Thăm Quê Ngoại đã đến! Rất sung sướng được sự cộng tác của ông. Bài đang đọc. Thân kính.

Ô. Đoàn Tam, *Torrance* -- Nhớ Ma đang đọc sẽ có thư riêng đến ông. Thân.

Ô. TT. Mây T. Ngàn, *Rosemead* -- Đề nghị TK 21 nên đổi thành bán nguyệt san, mỗi tháng ra hai kỳ của ông làm anh em trong tòa soạn vui ra mặt. Nhưng... lúc này thì chưa được. Các bài thơ của ông đã đến nơi an toàn. Nếu sau hai số báo (kể từ số này) mà cái bài trên không xuất hiện trên TK21, xin ông tùy nghi. Thân mến.

Hải Yến, *Annandale, VA* -- Đang đọc Hồi Trống Lệnh. Mong nhận được các sáng tác cho TK21.

Nhắn tin chung:

Xin được phép lưu ý bạn đọc viết bài cho TK21:

- bài viết trên một mặt giấy.
- bài gửi cho TK21 xin đừng gửi cùng lúc cho báo khác.
- trừ trường hợp có thư riêng, nếu sau hai số báo không thấy bài các bạn trên TK21, xin các bạn tùy nghi.
- tòa soạn không có lệ trả lại bản thảo.

Rất cám ơn.

Nhắn tin

HXS, *Montreal, Canada* -- Không ngờ ông đã về Canada. Chưa qua sông sao đã lên bờ? Bắt đầu số này gửi theo địa chỉ ông dặn. Viết một truyện ngắn xứ tuyết chăng?

N.T, *Newtown, Australia* -- Ông cứ nhìn cảnh tôi nhắn tin trên đây thì biết. Tha lỗi cho tôi nhé. Bài đã nhận đủ.

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ
VƯƠNG ĐỨC HẬU
M.D., F.A.C.O.G., INC.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN

14536 Brookhusrt St., Phòng 101 (góc Hazard)
Westminster, CA 92683

Điện Thoại: (714) 531-5505

* Cựu thường trú và tốt nghiệp hậu Đại học Sản Phụ Khoa tại Hollywood Presbyterian Hospital và University of Southern California, Women Hospital Los Angeles
* Bác sĩ chuyên môn Sản Phụ Khoa Việt Nam Board Certified và hành nghề đầu tiên tại California
* Giáo sư Đại học U.C. Irvine, OB-GYN Department.
* Assistant Clinical Professor tại U.C.I Medical Center; khu sản phụ khoa

Với sự cộng tác của

NỮ BÁC SĨ

HỒ THỊ ÁNH NGUYỆT, M.D.

American Board of OB — GYN

Tốt nghiệp Y Khoa Đại Học U.C.L.A.
Tốt nghiệp chuyên môn Sản Phụ Khoa tại University of Texas, Medical Branch — Galveston, Texas.

❊ CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ

SẢN KHOA

* Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ.
* Không nhận phá thai.
* Nhận sanh bình thường nếu lần trước bị mổ đẻ (Cesarean Section).
* Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh.
* Chỉ dẫn phương pháp sinh trai hay gái theo ý muốn.
* Văn phòng có trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound tối tân để theo dõi thai kỳ.
* Đẻ không đau theo ý muốn

PHỤ KHOA

* Bệnh đàn bà, Huyết trắng
* Khám bệnh tổng quát phụ nữ
* Kế hoạch hóa gia đình; Cột hoặc đốt ống dẫn trứng.
* Sexual Dysfunction. Nhiễm trùng đường tiểu. Đau khi có kinh nguyệt.
* Kinh nguyệt bất thường; chảy máu bất thường.
* Bệnh hiếm muộn và giải phẫu bằng tia Laser tối tân.
* Giải phẫu bướu tử cung; Sa tử cung; Bướu buồng trứng.
* Truy tầm và chữa trị Ung thư cổ tử cung, Tử cung và Buồng trứng. Truy tầm Ung thư vú
* Giải phẫu sửa nhỏ âm đạo theo ý muốn

ĐẶC BIỆT: Cộng tác với Subspecialists, Giáo sư tại các đại học U.C.I, U.S.C, U.C.L.A. Dùng phương pháp tối tân nhất:
— Cấy trứng - Cấy tinh trùng - Thụ thai ống nghiệm v.v..
— Nối ống dẫn trứng bằng phẫu thuật kính hiển vi để có bầu trở lại (sau khi cột)

XIN VUI LÒNG LẤY HẸN

NGÀY GIỜ KHÁM BỆNH: Thứ Hai — Thứ Sáu: 9:30 AM — 6:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM — 2:00 PM
Nghỉ Chủ Nhật

MISSION GRAPHICS

Quality Commercial Printers

11562 Trask Avenue • Garden Grove, • California 92643

IN NHANH
GIÁ HẠ
PHẨM CHẤT TỐT

Nhận in
Kinh Sách - Quảng Cáo
Menu - Giấy Tờ Văn Phòng
Bìa Băng Nhạc
Poster - Video

President:
HOÀI BẢO
(714) 534-0253

Bác Sĩ
NGUYỄN DUY CUNG
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

PHÒNG MẠCH:
14441 Brookhurst St. #2
Garden Grove, CA 92643
(góc đường Hazard)
Liên lạc cô Xuân Uyên (714) 775-3718

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
Nguyễn Thị
Ngọc Sương
14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 531-2773

THẾ KỶ 21
14841 Moran St.,
Westminster, CA 92683
(714) 892-9414

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ Tên: _____

Địa Chỉ: _____

City: _____ State _____ Zip _____

Điện thoại: _____

Xin đặt mua dài hạn báo **Thế Kỷ 21:**

☐ 6 số báo ☐ 12 số báo ☐ 24 số báo ☐ 36 số báo

Kèm theo đây là check/money order Ngày _____

mang số tiền: $US _____ Ký tên: _____

Gia mua dài hạn:	Bulk Rate (Mỹ)	First Class (Mỹ)	Canada	Các nước khác
6 số báo	$ 12	$ 18	US$ 20	US$ 21
12 số báo	$ 24	$ 36	US$ 40	US$ 42
24 số báo	$ 48	$ 72	US$ 80	US$ 84
36 số báo	$ 72	$ 120	US$ 120	US$ 126

TRUNG TÂM TRUY TẦM
UNG THƯ NGỰC (VÚ)

BÁC SĨ NGUYỄN MẠNH
CHUYÊN KHOA QUANG TUYẾN

9513 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683
Tel: (714) 531-8833

- Dùng kỹ thuật tối tân để khám phá ung thư thật sớm
- Chỉ dẫn kỹ càng cách thức tự khám ngực để khám phá ung thư ngực thật sớm
- Có nữ chuyên viên nhiều kinh nghiệm khám và chụp hình ngực

Đường nào cũng tới La Mã
Xa lộ nào cũng dẫn bạn tới nhà hàng

BÒ 7 MÓN PAGODE SAIGON
Gourmet Restaurant

710 W. Las Tunas Dr #7 San Gabriel
(Góc Las Tunas và Mission)
(818) 282-6327

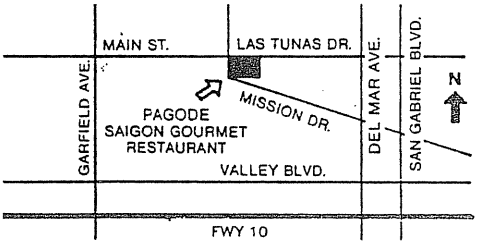

* BÒ NƯỚNG VỈ
* TÔM MỰC NƯỚNG VỈ
* TÔM MỰC NHÚNG DẤM
* TÔM NƯỚNG VỈ

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng người Việt
khắp năm châu với các món ăn thuần tuý miền Bắc:

1. *Bún chả "Chợ Đồng Xuân"*
2. *Chả cá Thăng Long*
3. *Bún vịt xáo măng*
4. *Bánh Tôm "Cổ Ngư"*
5. *Bún Bung*
6. *Bún Riêu*
7. *Bún giả cầy*
8. *Bún Thang*
9. *Bún Mộc*
10. *Bánh cuốn "Thanh Trì"*
11. *Bún ốc*
13. *Bánh đúc đậu rán*
14. *Đu đủ bò khô "Viễn Đông"*
15. *Miến gà*
16. *Miến lươn*
17. *Chả giò*

ĐẶC BIỆT: CHẢ CÁ THĂNG LONG
BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG I.
8966 E. Garvey #C-D
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9 AM - 9 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ
Nghỉ ngày Thứ Ba

BROOKHURST FOOT CLINIC
Bác Sĩ
ĐẶNG BỈNH CHÚC
Bác Sĩ Việt Nam duy nhất
Chữa Bệnh về Chân tại Nam Cali

Member
California Podiatric
Medical Association

Member
Academy of Ambulatory
Foot Surgeons

Palm Court Plaza
15444 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
(Góc Brookhurst/McFadden - đối diện chợ RALPH'S)

Chuyên Trị Và Giải Phẫu
Tất Cả Những Bệnh Tật
Và Chấn Thương Nơi Chân

Nhận Medical, Medicare và Bảo Hiểm
Nhận đến thăm bệnh tại nhà
Xin gọi điện thoại để lấy hẹn trước
Trường hợp khẩn cấp, xin gọi
(714) 775-5373
GIỜ LÀM VIỆC
Thứ Hai đến thứ Bảy: từ 10 giờ sáng
đến 7 giờ tối
Chủ Nhật: Làm theo hẹn

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ VỚI TẦM VÓC QUỐC TẾ
PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM

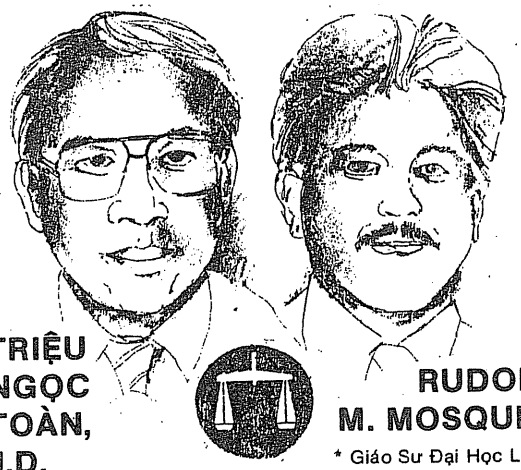

TRIỆU NGỌC TOÀN, J.D.
* Tốt nghiệp Tiến Sĩ Luật Khoa Hoa Kỳ (W.S.U.)
* Giáo Sư 11 Năm Hành Chánh Hoa Kỳ
* Điều Hành Văn Phòng

L.S. RUDOLPH M. MOSQUEDA
* Giáo Sư Đại Học Luật Khoa W.S.U.
* 6 Văn Phòng Đại Diện tại Đông Nam Á
* 5 Văn Phòng tại Orange County, Los Angeles
* Một tổ hợp Luật Sư Chuyên Nghiệp Tai Nạn (P.I.)
* Uy Tín Nhiều Năm Với Các Cộng Đồng Á Châu

- **ĐÒI BỒI THƯỜNG TAI NẠN, THƯƠNG TÍCH**
  - **Vì Xe Cộ:**
    - Văn phòng đảm nhận kéo xe, thuê xe, báo cáo DMV
    - Đòi bồi thường tối đa, nhanh chóng
    - Tham khảo miễn phí
  - **Trượt Ngã Siêu Thị**
  - **Sơ Xuất Y Tế**
- **HÌNH LUẬT**
  - Lái xe say rượu, Trộm cắp siêu thị
  - Các tội Tiểu hình, Đại hình
  - Thiếu nhi phạm pháp
- **LUẬT ĐỊA ỐC:**
- **DI TRÚ, ĐOÀN TỤ:**
- **LUẬT THƯƠNG MẠI:**
- **KHAI KHÁNH TẬN, PHÁ SẢN:**
- **LUẬT GIA ĐÌNH:**
  - Ly dị, cấp dưỡng, chia tài sản
- **DI CHÚC THỪA KẾ**

(714) 892-2154
Giờ làm việc
Thứ **2-7: 10AM-7PM**
Chủ Nhật: Theo hẹn.

XIN GỌI ĐỂ QUYỀN LỢI PHÁP LÝ CỦA QUÝ ĐỘC GIẢ ĐƯỢC BẢO VỆ TỐI ĐA

Los Angeles Office
3807 Wilshire Blvd., Suite 500
Los Angeles, CA 90010
Toll Free: **1-800-331-4725**

Westminster Office:
9211 Bolsa Ave., suite 222
Westminster, CA 92683
(Cạnh Siêu Thị 99)

Bộ chữ Việt Nam trên IBM PC & PS2

do VN Labs, nơi đầu tiên chế tạo Computer tiếng Việt (1984) và Bộ Chữ Quốc Tế (1985)

Hệ thống Computer tiếng Việt tối tân nhất thị trường. VN Labs hiện là nơi duy nhất chế tạo Bộ Chữ Việt Nam có thể in các loại phototypesetters và Posteript printers, ngoài dot matrix và laser printers.

عربي

עִבְרִית

- Đầy đủ mọi áp dụng: viết văn, ấn loát, kế toán, thống kê, truyền tin, giáo dục, vv..
- Dùng trên hầu hết các loại IBM PC & PS2 với MDA, CGA, EGA, MCGA, VGA, PGA, Hercules, Taxan, Genius, vv..
- In tiếng Việt đủ cỡ, đủ kiểu trên các loại dot matrix printers, laser printers, postcript printers, và phototypesetters.
- Dùng tiếng Việt với các software thông dụng trên thị trường: WordPerfect, WordStar, Volkswriter, PC-Write, Microsoft Word, Personal Editor, PFS Professional Write, Dbase, Foxbase, Rbase, Quattro, VP-Planner, Ventura Publisher version 1.1 và 2.0, vv..
- Viết tiếng Việt 'chữ trước, dấu sau', hoặc 'dấu trước, chữ sau' (có thể thay đổi bất cứ lúc nào trong khi dùng software thị trường).

Khả năng của Postcript printers:

Từ một font chính, Postcript printers có thể in ra các cỡ khác nhau từ 2 pts. cho đến 254 pts., tăng từng .1 pts.

Một số Loại Postcript printers (Linotype) có thể in đến 1720 dots/in., trong khi HP Laserjet chỉ có thể in 300 dots/in.

Bộ Chữ Việt Nam căn bản	$95
Bộ Chữ Việt Nam và Ventura option (Laserjet)	$195
Bộ Chữ Việt Nam và Ventura option (Postcript)	$295

VISA

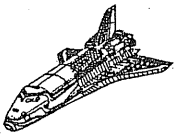

Mastercard

VN Labs

4320 Campus Drive, Suite 290
Newport Beach, CA 92660
Phone (714) 474-6968
FAX (714) 250-8117

Giám Đốc: Việt Nguyễn
Trưởng Ban Marketing: Alan Runfeldt
Trưởng Ban Software: Susan Nguyễn
Cố Vấn Kỹ Thuật: Hiếu Phạm

Đại Diện VN Labs:

LOS ANGELES: BMC (213) 422-4444
ORANGE COUNTY: SIGMA Computers (714) 893-0609
HOUSTON: Computrex (713) 524-5065
DALLAS: Zen Computer (214) 484-8008
UTAH: Altech Computer (801) 282-4252
OREGON: Lake Oswego Computer (503) 636-1541
NEW YORK: Kays International (914) 425-6469
CANADA: Speed Copy (604) 278-8518
AUSTRALIA: Graphics Applications Center 03-347-0548
ISRAEL: Technical Communication 303379
NETHERLANDS: Roth International 18371687
UNITED ARAB EMIRATES: TCS 237241

Tử Vi Computer (Postcript)

Lá Số Tử Vi trọn đời tính bằng Computer. Dầy đủ lời giải trên 12 trang, kèm theo bản An Sao in tuyệt đẹp bằng Bộ Chữ VN Labs trên Postcript printer, do Cosmos Systems thực hiện.

Vui lòng gửi chi tiết tên họ, ngày giờ năm sinh (Âm Lịch hoặc Dương lịch), Nam hoặc Nữ, và kèm theo $20 ngân phiếu hoặc Money Order về địa chỉ:

Cosmos Systems
P.O.box 2482
Mission Viejo, CA 92692
(714) 582-8233

Nhà Xuất Bản NGƯỜI VIỆT

14841 Moran Street, Westminster, CA 92683
Tel. (714) 892-9414 & 892-9316 Fax: (714) 894-1381

ĐÃ XUẤT BẢN

PHẠM QUỐC BẢO
Cùm Đỏ
Truyện Ký, 7.25 MK
Cõi Mộng Du
Truyện dài, 7.00 MK
Đời Từng Mảnh
Cõi Mộng Du tập II, 8.00 MK
Dâu Bể
Tập truyện, 8.00 MK

NGUYỄN MỘNG GIÁC
Mùa Biển Động
Truyện dài, (hết)
Bão Nổi
Truyện dài (hết)
Ngựa Nản Chân Bon
Tập truyện (hết)

NGUYỄN BÁ TRẠC
Ngọn Cỏ Bồng
Tập Thơ Văn (Hết)

NGUYỄN MẠNH TRINH
Thơ Nguyễn Mạnh Trinh
Thi tuyển (Hết)

NGUYỄN XUÂN QUANG
Người Căm Thù Ruồi
Tập truyện, 6.00 MK

NGUYỄN XUÂN HOÀNG
Người Đi Trên Mây
Truyện dài, 10.00 MK

VÕ NGÃ
Gối Gốc Mai
Thi tuyển (Hết)

THẾ GIANG
Thằng Người Có Đuôi
Tập truyện (tái bản), 10.00 MK

NGUYÊN PHONG
Hành Trình Về Phương Đông
(tái bản), 10.00 MK

LÊ THÁI BẰNG và LÊ ĐÌNH ĐIỂU
Nguyên tác John Hohenberg
Ký Giả Chuyên Nghiệp
Biên khảo, 19.50 MK

TỪ NGUYÊN
Kỹ Thuật Săn Tin Viết Tin
Biên khảo, 12.00 MK

LƯU ĐÌNH VONG
Thơ Giập Mật
Thơ, 9.00 MK

NGUYỄN TẤT NHIÊN
Tâm Dung
Thơ, 7.00 MK

KIỆT TẤN
Thương Nàng Bấy Nhiêu
Tập truyện, 12.00 MK

NHIỀU TÁC GIẢ
Mùa Hè 1999
Tập truyện, 6.50 MK

NGUYỄN HỮU BÀO
Thơ Tuổi Thơ
Thơ cho thiếu nhi, 8.00 MK

BÙI BÍCH HÀ
Buổi Sáng Một Mình
Tập truyện, 12.00 MK

ĐANG IN

XUÂN VŨ
Thiên Đàng Treo
Tập truyện XHCN

SẼ XUẤT BẢN

NGUYỄN XUÂN HOÀNG
Bụi và Rác
(Người Đi Trên Mây, tập II)
Truyện dài

NHIỀU TÁC GIẢ
Tuyển tập truyện ngắn
trúng giải kỳ thi viết văn Hè 88
do nhật báo Người Việt tổ chức

HẸN NHAU Ở

BI/DA sàigòn

44, Avenue d'Ivry 75013 Paris
Centre Commercial Les Olympiades
Tel 45.84.04.85
(Sát nách Las Vegas, cùng từng lầu với Nam Á, Thúy Nga, Phượng Hoàng)

* NHƯ MỘT CHỖ DỪNG CHÂN

để hong ấm hiện tại lưu vong, để thắp sáng kỷ niệm Sàigòn, để hồi tưởng quê hương Việt Nam bằng hương vị đícn thực của Mỹ Tho, Bến Tre, Biên Hòa, Lái Thiêu, Tân An...

* NHƯ MỘT CHỖ TÌM LẠI

để thưởng thức tất cả những gì đã thưởng thức sáng tới, trưa qua, chiều về ở vỉa hè, góc phố, quán chợ Sàigòn, Đa Kao, Tân Định, Thị Nghè, Phú Nhuận...

* NHƯ MỘT CHỖ NGỒI LÂU

để uống cà phê đá, nghe nhạc thính phòng và chiêm ngưỡng những đường bay của CƠ trên môi BI...

SAU HẾT VỚI TUỔI TRẺ VÀ
NHỮNG NGƯỜI TÌNH CỦA BI DA

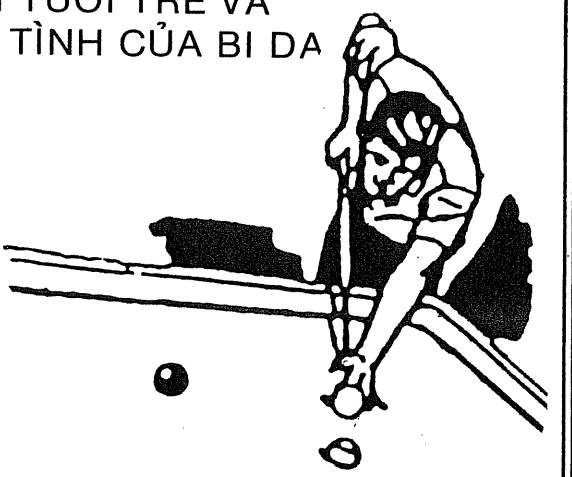

Như một
chỗ thụt bi-da
lý tưởng
của Sàigòn thu nhỏ

BULK RATE
U.S. POSTAGE
PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT NO. 23

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

EDWARD C. REID

2120 MAIN ST. SUITE 150 HUNTINGTON BEACH, CA 92648

(714) 536-4014

KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN VỀ

TAI NẠN

Xin liên lạc
Văn Phòng chính

CÔ NHƯ LAN

(714) 536-4014

* Bất cứ tai nạn gây thương tích nào
* Hồ sơ được theo dõi thường xuyên và giải quyết nhanh chóng
* Chỉ nhận thù lao sau khi được bồi thường

LAW OFFICE OF
EDWARD C. REID

Specializing In Insurance Law With Emphasis On:

PERSONAL INJURY

ACCIDENT • ALL TYPES

* AUTO ACCIDENTS
* MOTORCYCLE ACCIDENTS
* SPORTS INJURIES
* INSURANCE CLAIMS
* UNINSURED MOTORIST CLAIMS
* SLIP AND FALL
* WRONGFUL DEATH
* PRODUCTS LIABILITY

FREE CONSULTATION NO RECOVERY – NO FEE

Giá $2.50 MK Ngoài Hoa Kỳ thêm $1.00